

PHÁP SƯ ĐẠO CHỨNG GIẢNG



LIÊN HOA HÓA SANH

Trần Tuấn Mẫn

biên dịch



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

LIÊN HOA HÓA SANH

Pháp sư Đạo Chứng
Dịch Giả: Trần Tuấn Mẫn

Mục Lục:

CẢM TẠ

PHẦN 1 - KÍNH DÂNG LỜI CẢM ƠN VÀ SỰ SÁM HỐI ĐẾN BẬC TỬ PHỤ

PHẦN 2 - CÁC KHẢO ĐỀ ĐỂ TU HÀNH

PHẦN 3 - "UÔNG TỬ" BIẾN THÀNH "VẮNG SANH"

PHẦN 4 - SỰ KHIÊM KHUYẾT BIẾN THÀNH HOA SEN QUÝ

XUI LỚN BIẾN THÀNH PHƯỚC LỚN.

TÌNH YÊU BIẾN THÀNH TÌNH ĐẠO

SÓNG LỚN BIẾN THÀNH CHIẾC NÔI

TÁN LOẠN BIẾN THÀNH CHUYÊN CHÚ

NGUYỆN LỰC BIẾN THÀNH SỰ THẬT BẢO MỘNG CỦA NGƯỜI ĐƯỢC VẮNG SANH

CẢ TÍNH BIẾN THÀNH GIÁC TÍNH.

THÓI QUEN TỐT GIÚP CHÚNG TA LÚC LÂM CHUNG VẮNG SANH THUẬN LỢI.

OAN ỨC BIẾN THÀNH TỰ TẠI HOÀN CẢNH GIỐNG NHAU

TẠP ÂM BIẾN THÀNH PHẬT THANH

ĐẠI NẠN BIẾN THÀNH ĐẠI NGUYỆN

ĐỒ TÊ BIẾN THÀNH BỒ TÁT

NGƯỜI BỆNH BIẾN THÀNH PHẬT TỬ

PHẦN 5 - TẾ BÀO UNG ĐỘC BIẾN THÀNH TẾ BÀO PHẬT AN LẠC

VIỆC ĂN UỐNG - "TÂM NIỆM" VÀ "HIỆU QUẢ TRỊ LIỆU"

CƯ SĨ LÝ MỘC NGUYÊN

PHÓNG SANH LÀ PHÓNG SANH CÁI TÂM TỬ BI

SỨC MẠNH CỦA CÁI TÂM HOAN Hỷ

BÀI HỌC TỪ HAI VỊ UNG THƯ VÚ ĐỒNG CẢNH GẶP NHAU

KHÔNG THỌ NHẬN CÁI KHỔ CỦA MŨI TÊN THỨ HAI

ANH DỪNG VƯỢT KHỎI BỆNH UNG THƯ GAN

XÃ HỘI ĐEN TRỞ THÀNH HỘI LIÊN TRÌ

PHẦN 6 - ĐẠN SÚNG BIẾN THÀNH HẠT CHÂU - CÒNG CHÂN BIẾN THÀNH HOA SEN

TRẺ THỎ BIẾN THÀNH DI ĐÀ

NGƯỜI PHỤ NỮ BÌNH THƯỜNG TRỞ THÀNH ĐỨC QUÁN THẾ ÂM

TẠO SÁT BIẾN THÀNH TẠO SINH

CỰC KHỔ TRỞ THÀNH CỰC LẠC

QUÍ VỊ CÓ BIẾT ĐÓ LÀ THỊT CỦA AI KHÔNG?

HUNG THỦ BIẾN THÀNH BỒ TÁT

HIỂM NẠN BIẾN THÀNH BÌNH AN

MA QUỶ BIẾN THÀNH PHẬT QUANG

BẠN THÍCH TƯƠNG ỨNG VỚI AI?

LỬA RỰC HÓA THÀNH SEN HỒNG

Hồi còn nhỏ cha tôi dạy tôi vẽ. Tôi bắt chước theo những bức vẽ mà ông đã vẽ ngoài việc học nghề y để làm cơ sở cho việc học tập vẽ Phật của tôi. Bây giờ ông nói với tôi: “Một tờ giấy giá hai hào, có thể được vẽ thành thứ bỏ đi, cũng có thể vẽ thành bức tranh vô giá. Con dụng tâm như thế nào? Sinh mạng con người cũng như thế...” Lời dạy này đã khiến cho tôi quyết định... giấy phải dùng vẽ Phật! Thân mạng này phải để tu hành thành Phật, cứu độ chúng sinh. Bất kể có thành công hay không, tôi cũng phải cứ thế mà thực hành.

Tuy ngồi bút ầu trĩ vụng về của tôi vẽ không ra được sự từ bi trang nghiêm của Đức Phật A Di Đà, tôi cũng nguyện hết sức nỗ lực, để hiến dâng cho hết thầy chúng sinh khổ nạn, cầu cho họ được tắm ánh sáng của Phật, thân tâm an lạc; đồng thời hồi hướng cho cha tôi đồng thành Phật đạo!

Nguyện đem công đức kính vẽ tượng Phật này, hồi hướng từ phụ. Nương sức từ bi của Đức Phật vãng sinh Tây Phương, hoa khai niệ Phật. Phật là người giác ngộ, là nhà giáo dục vĩ đại. Vì Ngài khai phát triệt để tiềm năng, cho nên Ngài có sức mạnh siêu phàm.

Phật giáo không phải là một tôn giáo mê tín mà là một”sự giáo dục” dẫn đạo cho tâm linh giác ngộ. Mọi người cần có sự giáo dục. Đức Phật A Di Đà là”giáo dục diệu ngộ”. Ngài không phải là vị thần ở bên ngoài cũng không phải là một danh từ mà tôn giáo chuyên dùng.

A Di Đà nghĩa là”vô lượng” (diệu dụng vô cùng). Phật là”giác ngộ” là một từ phiên âm của phạn văn Ấn Độ.

A Di Đà Phật – Vô Lượng Quang là sự giáo dục không ngừng giác tỉnh, là sự giác tỉnh vi diệu nhất, sự khai thị thâm sâu nhất! Điều này dạy cho chúng ta: Mọi người vốn có tiềm năng vô hạn, giác tỉnh, vào mọi lúc ở mọi nơi đều có thể giác ngộ chân lí.

Vô lượng – bao hàm các đức tính tốt, các công năng (quang minh) không thể hạn lượng được, đầy khắp không gian, thời gian vô hạn, vô số, tức là bao trùm cả thời gian, không gian vô tận, là mọi sự trang nghiêm tốt đẹp; vắn tắt lấy”Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ” làm tiêu biểu.

Vô Lượng Quang, bao quát từ bi vô hạn, sự kiện khang, năng lực, sự vui vẻ hạnh phúc, sự giàu có, tự tại mà mọi người đều cần đến, đồng thời rọi sáng cái trí tuệ vô cùng của chân tướng về vũ trụ nhân sinh (Năng lượng quang minh vô hạn đầy khắp không gian).

Vô Lượng Thọ – sinh mệnh vô hạn vượt lên cái huyễn tượng của sự sợ hãi sanh tử. (Sinh mạng vô hạn, quán triệt thời gian).

Cho nên biết rằng từ”A Di Đà Phật”, mang ý nghĩa nội dung giáo dục thâm sâu, mục tiêu giáo dục rộng lớn, có diệu dụng vô cùng!

Ngoài ra, Đức Phật A Di Đà cũng là tên của vị giác ngộ viên mãn. Ngài là”vị hiệu trưởng vi diệu”, từ bi, trí tuệ.

Ngài đã xây dựng ngôi trường”siêu thời không”, đó là mảnh đất học tập hạnh phúc nhất trong vũ trụ – thế giới Cực Lạc – là nơi thực hiện 48 đại nguyện hóa độ chúng sanh, an lạc thành Phật. Ngài cứu khổ ban vui, gió xuân mưa móc, mãi mãi không hề mệt mỏi. Con đường giáo dục của Ngài là vô biên, năng lượng của Ngài vô biên. Ngài chào đón tất cả mọi tâm linh cùng để chúng quả vi diệu! Chỉ cần bạn có một niệ giác tỉnh, tin nhận đại lực từ bi của đấng giác ngộ, chuyên niệ”A Di Đà Phật”, cứ như thế thì tâm điện cảm ứng, đại nguyện cứu trợ của Ngài sẽ thể hiện cho bạn. Thế giới trang nghiêm, năng lượng vĩ đại của Ngài sẽ mở ra cho bạn.

Ngài có thể giáo dục người học trò xấu xa nhất trở nên tốt nhất. Dù bạn có phản nghịch hung ác thế nào chẳng nữa, Ngài cũng tin rằng bạn có thể thành Phật. Ngài như từ phụ mẫu, thương yêu giúp đỡ chúng sinh như con, chỉ mong chúng ta sống ở cõi an lạc quang minh. Bất luận nam nữ già trẻ, ai ai cũng học tinh thần của Đức Phật A Di Đà.

Con sâu róm có thể biến thành bướm, tự do bay lượn trên không trung rộng lớn. Chúng ta có thể "Vô lượng giác", không ngừng thăng tiến, biến thành Đức Phật A Di Đà, phát huy tiềm năng vô lượng, bay vượt thời gian không gian vô hạn.

PHẦN 1 - KÍNH DÂNG LỜI CẢM ƠN VÀ SỰ SÁM HỐI ĐẾN BẬC TỪ PHỤ

Khi tôi nhận được tin cha tôi đột nhiên lia đời, chính đó là lúc tôi vừa tụng xong buổi kinh chiều "Tán Phật kệ", cho nên lòng tôi rất thanh thản, chỉ việc nhất tâm niệm Phật, mong cầu Phật A Di Đà tiếp dẫn cha tôi đến thế giới Cực Lạc ở Tây Phương. Hai vợ chồng họ Quảng ở trên núi rất từ bi, giống như người thân của chính họ mất, họ vội vàng đưa chúng tôi về hộ niệm, lại còn suốt dọc đường niệm Phật. Cả nhà chúng tôi suốt đêm niệm Phật, niệm cho đến sáng thì mở tấm vải kính Đà La Ni phủ trên người của cha tôi, thấy được vẻ rạng rỡ bình tĩnh khắp khuôn mặt của ông, lòng chúng tôi cũng nhân vẻ tươi tắn ấy mà rạng rỡ lên. Đến khi việc tang đã xong, tôi trở về núi lặng lẽ bái Phật thì bây giờ nước mắt mới trào ra. Đấy chẳng phải là... nỗi bi ai của đứa con cô, mà là nước mắt sám hối và biết ơn.

Nhân có vị Pháp sư hỏi tôi: "Lệnh tôn đã dạy ngài những gì?" , tôi nhân cơ hội này mà nói ra sự sám hối và biết ơn trong lòng tôi.

Sâu làm sao biến thành bướm? Có một vị lão Bồ Tát¹ nói với tôi rằng: hồi hai tuổi bà đã biết lấy giày cho cha mang, bỗng dung tôi sực nghĩ suốt quãng đời đã qua tôi chưa từng trực tiếp làm điều gì cho cha tôi, ông đã cho tôi quá nhiều, quá nhiều, thế mà tôi quả thực chẳng từng báo đáp cho ông thứ gì. Đức Phật dạy "Một người phải dùng vai trái để vác cha, vai phải để vác mẹ, cho dù họ có tiểu tiện, đại tiện trên vai, bất luận đi đường xa bao nhiêu cũng không cách gì báo đáp công ơn của cha mẹ". Huống chi tôi chưa từng làm điều gì, thật là cần phải sám hối biết bao nhiêu. Từ khi xuất gia đến nay, cha tôi và tôi đã từng mười năm chưa gặp mặt, đấy không phải cố ý như thế, vì tôi tuy nhỏ tuổi hơn cha tôi, nhưng tôi tiếp nhận giấy báo của Diêm Vương sớm hơn cha tôi. Sau khi tự mình mắc bệnh ung bướu, vì sợ cha mẹ không kham nỗi lo lắng nên tôi không dám nói. Tóc bạc phải đưa tiền tóc xanh quả là điều đau khổ, tôi chỉ một lòng niệm Phật cầu được vãng sinh Tây Phương. Tôi nghĩ rằng dù không thể tự mình lo cho cha mẹ thì ít nhất cũng không thể để họ phải chịu đau buồn, cho nên cần phải niệm Phật, hoan hỉ tự tại tại đến thế giới cực lạc mới có thể an ủi họ được, giúp cho họ niệm Phật.

Do vì cha tôi được người ta báo là tôi bị bệnh, ông gửi cho tôi một tấm thiệp, trên đó ông chỉ viết vắn vắn mấy câu, đấy là những câu vô cùng quan trọng và rất có ý nghĩa đối với tôi, đồng thời cũng là những câu khiến tôi cảm ân sâu nặng. Ông bảo tôi: "Sâu róm làm sao biến thành bướm được? Ai giúp nó trang điểm? Ai dạy nó bay lượn? Tại sao nó có thể từ một con sâu róm vừa xấu xí, vừa bò chậm chạp lại trở thành một con bướm vừa đẹp đẽ, vừa biết bay?" Tấm thiệp ấy chỉ hỏi tôi bằng ấy câu thôi. Trong lúc tôi bị bệnh rất nặng, đi đứng khó khăn, quả thực tôi thấy mình y như một con sâu róm đang bò trên mặt đất. Nhưng tôi thoát nghĩ đến tấm

thiếp của cha tôi, nghĩ đến tình cảnh của một con sâu róm không ai giúp đỡ mà tự nó biến thành con bướm, bay được, tại sao tôi lại không thể đứng lên chứ?

Trong 48 nguyện của Đức Phật Di Đà có một nguyện: “Phật sẽ khiến cho tất cả nhân dân thế giới Cực Lạc có được thần túc thông để tự do bay lượn.” Vì sao tôi không mở lòng tiếp nhận đại nguyện của Đức Phật và phát khởi nguyện lực này, nếu không như vậy thì tôi chẳng bằng con sâu róm sao?

Lời dạy của cha tôi khiến cho tôi từ thống khổ mà đứng dậy, cho nên khi tôi trở về hộ niệm cha tôi, đứng trước cha tôi đang nằm thanh thản ở đây, tôi bỗng nói: “Thưa cha, cha đã khuyến khích con sâu róm là con đây biến thành bướm thì đây chính là lúc biến thành, chúng ta cùng nhau niệm Phật, dụng tâm biến thành, lấy cái thân thể phàm phu biến thành giống như Phật có thân thể gồm 32 tướng sắc vàng rực rỡ, tự do bay lượn, và dù kim cương cũng không làm hư hại, như thế so với việc sâu róm biến thành bướm thì càng vượt trội, càng tốt hơn nhiều, biến một cái thành Phật.”

Lời dạy dỗ của cha tôi đã giúp ích tôi rất nhiều trong khi tôi bệnh hoạn. Trong lúc tôi mệt mỏi, niệm Phật mà niệm không ra tiếng, nghe tiếng ve kêu ở trên cây bên ngoài, nghĩ đến ý nghĩa mà cha tôi giảng, tôi bèn tự bảo: “Một con ve nhỏ như thế kia, thế mà tiếng kêu lại lớn như vậy, thân thể con lớn thế này, buồng phổi cũng không biết lớn hơn con ve bao nhiêu vậy mà con lại bảo không có tiếng để niệm Phật, không có sức để cúng dường Phật, há có thể như thế sao! Thật không bằng con ve. Như thế thì làm sao có thể làm vị Bồ Tát thế giới Cực Lạc được?” Nghĩ như thế, tôi liền đem hết sức, hết lòng, hết tiếng mà gọi Đức Phật! Tôi phát hiện ra rằng mỗi điểm cuối cùng của đau khổ, lại nêu lên dũng khí có thể làm một điểm khởi đầu khác, có thể là điểm khởi đầu của hạnh phúc.

Cha tôi suốt một đời chỉ có dạy dỗ tôi, chưa bao giờ ông đòi hỏi tôi làm gì cho ông cả. Trong thời buổi cầu học, hầu hết thời gian tôi phải xa nhà, không có dịp hiếu kính ông; sau khi tốt nghiệp làm bác sĩ, ngày đêm rất bận rộn làm công việc, tôi cũng chưa từng cung phụng ông. Hằng ngày tôi khám bệnh nhân, thấy cha mẹ người ta nằm bệnh trên giường vô cùng thống khổ, lòng tôi hi vọng cố sức giúp bệnh nhân cúng dường Đức Phật, và hồi hướng cho cha mẹ được an vui khỏe mạnh, không phải mang bệnh mà chịu khổ đau. May thay, cha tôi vẫn rất khỏe mạnh, cho nên có thể nói tôi chưa từng trực tiếp chăm lo cho ông, tôi chỉ có thể xem từng người bệnh mà tôi đã từng gặp trong lúc hành nghề y là cha mẹ, người thân của chính tôi để chăm sóc cho họ. Tôi đã lấy tấm lòng này để báo đáp công đức của cha mẹ.

Mỗi công sức mà tôi có thể bỏ ra đều là do từ tâm huyết của cha mẹ và các bậc thầy. Mẹ tôi từng bảo: “Chúng ta hết lòng vun bồi cho con đem con mà hiến dâng cho những bệnh nhân ấy, những người rất cần đến con ấy”. Sau này tôi xuất gia, cha mẹ tôi đem tôi ra mà bỏ thí, hiến dâng cho Tam Bảo, hiến dâng cho chúng sinh. Có bao nhiêu người xuất gia đã gặp phải trở ngại rất lớn, còn cha tôi thì chỉ gửi cho tôi mấy câu: “Sâu róm làm sao biến thành bướm” để làm lời chúc phúc cho tôi, khuyến khích con sâu róm là tôi biến thành bướm. Trong khi tôi chân thành cảm ân sâu đậm lại chỉ biết rơi lệ niệm Phật, cũng không biết phải bày tỏ thế nào.

Vào thời cha tôi còn trẻ, phổi kết hạch cũng như ung thư phổi ngày nay, là một chứng bệnh nhà giàu mà y học rất khó chữa trị, rất nhiều người đã chết vì bệnh này. Cha tôi bèn phát tâm nghiên cứu bệnh này, ông cũng rất dũng cảm không hề sợ bị truyền nhiễm, chuyên môn khám những bệnh nhân bị nổi hạch. Khi ông sắp hành nghề, những người láng giềng sợ bị truyền

nhằm cho nên đều không bằng lòng. Nhưng thật là kì diệu, cha tôi suốt một đời chẳng những không bị truyền nhiễm mà thậm chí còn có thể nói ông chưa từng bị một chút cảm mạo ho hen. Ông đã dạy tôi một điều rất quan trọng là cái sức mạnh của nguyên lực nội tâm rất lớn, không phải cái sâu bệnh nho nhỏ mà có thể đánh ngã được. Mẹ tôi, thuở trẻ là một cô y tá làm việc trực tiếp với bệnh nhân cũng chưa từng bị cảm nhiễm như thế. Tôi còn nhớ hồi ấy cha tôi bị cả hơn trăm bệnh nhân phổi kết hạch bao vây, vậy mà ông cũng không mang khẩu trang, bệnh nhân thường ho ra máu, thậm chí khạc máu đầy đất. Tôi còn nhớ rất rõ rằng, mẹ tôi không dám nhờ người khác lau dọn máu trên đất, mà chính bà đều phải tự làm lấy, chậu đựng đàm do bệnh nhân khạc nhổ cũng do bà lo liệu. Lúc bấy giờ cũng có mấy y tá hăng hái phát tâm cùng làm việc, suốt mười mấy hai mươi năm bà không nề hà khổ nhọc, cũng chưa bị truyền nhiễm.

Cha tôi rất bận rộn công việc, bận đến đôi rất ít có dịp trò chuyện cùng tôi. Vì bệnh nhân quá đông cha tôi luôn bận rộn đến nỗi cho tới hai ba giờ chiều mà cũng chưa có thể dùng cơm trưa, hơn chín giờ tối cũng chưa có thể dùng cơm tối. Khi chúng tôi còn đôi chút công việc vặt, vì tôn trọng cha tôi, mẹ tôi đều yêu cầu chúng tôi chờ cha tôi cùng ăn một thể, thực ra cha mẹ tôi rất ít khi có thời gian rảnh rỗi để dùng cơm cho ra bữa. Những người láng giềng thường bảo họ ăn no rồi lại đói, còn chúng tôi lại không rảnh để ăn. Lắm người thường chê bác sĩ là không tốt và cũng rất ít người thông cảm nỗi khổ của bác sĩ. Miền Nam rất có nhiều bác sĩ mong muốn con cái thừa kế sự nghiệp của họ, nhưng cha tôi lại chưa từng yêu cầu chúng tôi như thế. Ông luôn bảo: “Con cháu tự có phước của con cháu”. Thậm chí khi tôi thi vào trường y khoa ông còn thở dài nói: “Vì sao con lại muốn chọn con đường gian khổ như thế này?” Nhưng từ nhỏ tôi đã thấy cha tôi chăm sóc bệnh nhân, tuy tự tôi không giúp được gì nhưng trong lòng thì rất cảm động, rất hi vọng có thể làm một người cứu người. Thực ra, lúc cha tôi còn trẻ, công việc cụ thể của cha tôi đã ảnh hưởng đến tôi rất nhiều. Ngoài việc khám bệnh cha tôi thường vẽ tranh, hầu hết những bức tranh phong cảnh bằng sơn dầu. Ông là người rất chịu khó, một đời họa hơn trăm bức tranh sơn dầu.

Sau này tôi nghĩ đến hàng ngày ông phải lăn lộn với bao nhiêu bệnh nhân thống khổ, trong đàm máu, nước mũi, nước miếng, nhưng lòng lại có thể có những phong cảnh tuyệt đẹp thế này thì quả là không đơn giản chút nào.

Sự giáo dục của cha tôi khá đặc biệt, suốt đời ông không có nhiều dịp để dạy chúng tôi, nhưng lời nói của ông khiến cho người ta phải suy nghĩ nhiều, có những lời dạy khiến tôi dùng cả đời cũng không hết. Thuở tôi còn bé, vì không hiểu được ý sâu xa của những lời dạy ấy, nên có lúc nghe lời ông dạy tôi không mấy vui, điều này cần phải sám hối. Tại sao bấy giờ tôi lại không vui? Bởi vì ông không dùng phương pháp khen ngợi, khích lệ để dạy dỗ tôi. Về sau tôi học Phật mới biết rằng phương pháp giáo dục vốn gồm có chiết pháp và nhiếp pháp. “Chiết pháp” nghĩa là phương pháp giáo dục chiết phục người học, giúp cho người ấy hàng phục căn bệnh phiền não. “Nhiếp pháp” là phương pháp giáo dục thân thiết khích lệ khiến người ta thích gần gũi, lại còn giúp thiện tâm của người ta tăng trưởng. Có thể cha tôi thấy tôi thuộc loại người nghiệp chướng phiền não nặng nề, bệnh tật lại nhiều, cho nên ông chọn chiết pháp để dạy dỗ tôi. Ví như: khóa thi đầu tiên của bậc tiểu học, rùi thay, mỗi môn tôi đều được điểm tối đa, đứng đầu khóa. Tại sao tôi bảo rằng “rùi thay”? Vì từ đó trở đi nếu không làm bài được điểm tối đa tức là bị thụt lùi. Cái thứ vận mệnh của việc đứng đầu lần thứ nhất quả là quá trở ngại, cho nên các bạn mới thi đã được hoàn hảo thì tuyệt đối đừng vui mừng; nếu thi không tốt thì cũng đừng buồn khổ, điều đó chứng tỏ tương lai của bạn ắt sẽ rất tiến bộ. Khi lần đầu tiên tôi

phần khởi mang thành tích biểu về nhà, cha tôi nghiêm nghị nói với tôi: “Con đừng cho rằng việc con đứng đầu khóa là ghê gớm, theo ta thấy, con chẳng ra gì!” Nói xong ông đứng dậy đi khám cho bệnh nhân, cũng chẳng có một nụ cười. Câu nói ấy đối với tôi quả là như sét đánh bên tai, đã vào tai thì ở mãi, và vẫn thường vang lên, loại câu nói như vậy hẳn khiến cho trẻ con rất khó hiểu để mà vui. Lúc ấy tôi cũng không vui, không hiểu, chỉ có ấn tượng sâu sắc mà thôi. Về sau mỗi khi cầm thành tích biểu, câu nói này lại tự động vang lên bên tai tôi. Từ đó về sau, ngay khi làm bài hoàn hảo tôi cũng không dám mang về cho cha tôi kí tên, phần lớn tôi đều giao cho mẹ tôi kí. Mẹ tôi thì khen ngợi tôi, còn cha tôi thì khi xem nhất định lại bảo: “Con đừng cho rằng con làm bài hoàn hảo là ghê gớm lắm, loại đề bài đơn giản như vậy làm sao có thể không hiểu được? Các con suốt ngày chẳng làm việc gì, chỉ lo việc học mà thôi, làm bài hoàn hảo là phải rồi, có gì là ghê gớm đâu!” Sau này học Phật tôi mới biết, cha tôi nói như thế là ngăn ngừa tôi sinh lòng kiêu ngạo, tự cao. Ngạo mạn mà khởi sinh, thì sẽ ngăn chặn sự tiến bộ của mình, làm trở ngại cho sự phát triển trí tuệ, cho nên ông mới cố ý nói như thế. Mãi đến ngày nay, khi có người khen ngợi tôi, tôi lại nghe âm thanh ấy của cha tôi.

Vì ông nội là thầy thuốc dân tộc, cho nên thuở nhỏ cha luôn muốn phụ giúp vào việc bào chế thuốc. Chân ông thì đạp vào bánh xe đá để nghiền thuốc, tay thì xắt thuốc, mắt thì xem sách của mình, miệng lại luyện tập ca hát. Ông bảo, có thể nói ông rất bận rộn trong việc phụ giúp vào nghề của gia đình, lại còn theo học tại viện y học Đài Loan. Vả lại, bây giờ bà nội lại muốn ông trở về giúp việc gia đình, không muốn để cho ông học tại viện y học, một bức thư cũng bảo ông thôi học, hai bức thư cũng bảo ông thôi học. Ông chẳng có cách nào khác, chỉ còn cách là nhận học bổng vừa học, vừa làm, thậm chí còn đến ca hát ở đài phát thanh. Có thể nói là ông rất cực khổ mới hoàn thành việc học. Nghe cha tôi nói về việc cầu học của ông, quả thật tôi thấy việc học của mình thật quá dễ dàng. Vì cha mẹ tôi đã tạo cho chúng tôi hoàn cảnh học tập rất tốt, cho nên nếu tôi chỉ chuyên đọc một vài cuốn sách mà đọc không xong thì quá sơ suất, quá đáng hổ thẹn.

“Ngay cả việc này mà cũng không làm được, thì con còn có thể làm được việc gì chứ?” Cha tôi vẫn thường có một câu nói, anh em chúng tôi thường cười mà bảo đây là câu nói đầu tiên của cha tôi, đó là: “Ngay cả việc này mà con cũng không thể làm được thì con còn có thể làm được việc gì chứ?” Nếu chúng tôi làm không tốt một việc gì, thì ông bèn hỏi: “ngay cả việc này mà con cũng không làm được thì con còn có thể làm được việc gì chứ?” Ông cứ hỏi mãi như thế lâu ngày chúng tôi biết cách tự hỏi, không dám nói việc gì là khó mà không làm được.

Có một lần vào buổi trưa, trên đường tan học về nhà, đi đường mồ hôi nhễ nhãi, bước vào cửa tôi nói trời nóng quá, cha tôi liền bảo: “Nắng có một chút mà không chịu đựng nổi thì con còn làm gì được?” Cha tôi là người vào mùa đông vẫn tắm nước lạnh, nếu chúng tôi bảo trời lạnh thì ông nói: “Trời lạnh thì sợ lạnh, trời nóng thì sợ nóng, một chút nóng lạnh cũng không chịu được, con còn có thể làm được việc gì chứ?” Một số bậc cha mẹ, phần lớn khi trời lạnh thì vội vàng bảo các con mặc quần áo để khỏi bị lạnh, còn cha tôi thì không hề nói như thế, ông bảo cần phải tôi luyện mới có thể có sức chịu đựng và sức đề kháng. Ví như nói: Ngày mai nhà trường sắp có kì thi, lúc này miếu thần gần nhà, có diễn tuồng đánh chiêng, đánh trống, nếu như tôi bực mình vì ồn ào quá không học được, thì ông nói: “Ngay như vậy mà con không thể chuyên tâm thì con còn làm gì được?” Ông lại bảo tôi đến chỗ ồn ào hơn để luyện tập, tập trung tinh thần, không vì ngoại giới ảnh hưởng mà không chuyên tâm.

Câu nói ấy của cha tôi rất có ích. Khi tôi gặp những trở ngại trong công việc thì câu nói này lại vang bên tai, khiến tôi khắc phục được khó khăn, khiến tôi phát triển được năng lực mà từ trước tôi không có.

Từ nhỏ tôi vốn không thích xem truyền hình, nhưng cha tôi buộc tôi phải xem hát dân gian "Lục hợp tam hiệp", mặt khác còn bảo tôi học tiếng Đài Loan, vì nhà trường qui định giảng dạy bằng quốc ngữ, mà tôi lại không thông thạo tiếng Đài Loan. Lại nữa, ông nói trong tuồng dân gian có triết học nhân sinh nên bảo tôi nhất định phải xem. Một hôm tôi xem xong, ông hỏi tôi: "Trong tuồng Lục hợp tam hiệp, Sử Diễn Văn là người tốt nhưng gặp vận lao đao, bị kẻ xấu hãm hại, bị truy sát, té xuống vực sâu vạn trượng, Tăng Kính Nhân cùng mấy tên xấu lại nhảy múa dương oai. Nếu như làm người tốt mà gặp vận xấu thì con có muốn làm người tốt không?" Những vấn đề mà cha tôi nêu lên đều khiến người ta phải suy gẫm. Bây giờ tôi cũng không trả lời ngay được mà phải suy nghĩ rất lâu, thậm chí trong đời sống sau này tôi thường gặp những vấn đề như thế mới hiểu ra rằng làm người rất khó, thường phải rơi vào vực sâu vạn trượng! Nhưng cái kết quả mà tôi nghĩ: Rơi vào vực sâu vạn trượng chẳng hề là người bất hạnh, nhân vì "xin xem hồi sau sẽ rõ" thì có thể biết, rơi xuống vực sâu vạn trượng là thời cơ tốt cho sự chuyển biến của nhân duyên, cũng chính là lúc võ công của Sử Chính Văn phải tiến bộ lên nhiều! Một người tốt nếu không phải rơi vào hang sâu vạn trượng thì cũng không thể chứng tỏ được cái tốt của người ấy. Cần nói thêm nếu người tốt bị rơi vào vực sâu vạn trượng thì người ấy cũng phải tự kiểm thảo "Vì sao mà bị rơi xuống?" Rớt lại là bước chân ấy đạp không vững mới bị té xuống chăng? Phải thừa nhận rằng cái sức quán chiếu tự mình có điều thiếu sót thì mới bị rơi. Cho nên về sau tôi có được lời giải đáp, đó là: "Rớt lại không phải là không thể làm được người tốt". Điều căn bản là không cần phải lo lắng bị rơi vào vực sâu vạn trượng là nơi thuận tiện để luyện võ công, bồi dưỡng khinh công. Cứ mỗi hòn đá vướng cản chân đều có thể dùng làm hòn đá kê chân, để cho chúng tôi trèo lên cao hơn, thấy được xa hơn. Trên thế giới cũng không ai qui định là bị người ta đẩy xuống vực sâu vạn trượng là phải chết! Trong phẩm Phổ Môn, Quán Thế Âm Bồ Tát há chẳng bảo chúng ta rằng: "Khi bị kẻ ác truy đuổi mà bị rơi xuống núi Kim Cương, mà nghĩ đến sức mạnh từ bi vĩ đại của Quán Thế Âm Bồ Tát thì ngay cả một sợi lông cũng không bị thương tổn". Thực ra nếu lòng chúng ta tràn sự đại từ đại bi của Bồ Tát Quán Thế Âm, ngay cả quan niệm "Tự ngã" cũng không có thì một sợi lông há có thể bị thương tổn ư? Thật ra nếu rớt ráo là người tốt thì Phật đạo đã viên mãn, nên ngay cả một sợi lông cũng không hề bị tổn thất. Chỉ e rằng không làm người tốt một cách rớt ráo, nên cứ thương tiếc mình, đấu tranh cho mình. Hồi cha tôi còn tại thế, tôi chưa có dịp đề thảo luận về điểm này với ông, nhưng tôi nghĩ hẳn ông cũng đồng ý!

Anh chị em chúng tôi bàn đến một chuyện mà mỉm cười với nhau. Các bậc cha mẹ thường mỗi khi nguy biến thì ôm chặt lấy con cái, còn cha tôi lại khác. Hồi tôi còn nhỏ, cha chúng tôi dẫn chúng tôi băng qua ngã tư đường, tại chỗ đèn xanh, đèn đỏ xe cộ qua lại nhiều, ông thường đột xuất buông tay để chúng tôi tự qua. Lần thứ nhất gặp tình huống như vậy thật là phải giật mình hoảng sợ! Thế mà cha tôi vẫn không quay đầu nhìn chúng tôi, chúng tôi chỉ có cách là phải tự mình hết sức cẩn thận đi qua mà theo kịp ông. Ấn tượng này thật sâu đậm. Bây giờ cha tôi chẳng giải thích gì cả, sau đó rất lâu ông mới nói: "Cha đâu có thể dẫn dắt các con suốt đời được, các con phải tự mình vượt qua bất cứ con đường nào!" Thật thế, đường đời rất gian khổ, cha tôi đã vượt qua đèn xanh, đèn đỏ rất phức tạp, đã vãng sanh tại Tây phương để lại chúng tôi một mình phải cẩn thận đến bờ bên kia. Cho dù không có người dẫn dắt cũng phải tự mình đi

cho vững, luôn luôn phải nêu cao giác tính, tiến đến bàn tay Đức Phật A Di Đà! Cha tôi rất thanh thoát, ông vẫn thường nói: “Cha tự lo liệu được không phải làm phiền các con, các con tự lo liệu được không phải làm phiền cha. Thân tình không nên ràng buộc nhau!” Lời nói này mới nghe qua tưởng như vô tình, thật ra đây là mối thân tình rất trí tuệ có sức dẫn dắt lại không chút ngăn ngại. Mối thân tình không ràng buộc này qua bao ngày tháng lại càng thấy nó có ý vị. Xem ra vô tình mà lại có từ bi, ích lợi thâm sâu, thật là một tình cảm sâu đậm nhất.

Cứ bề ngoài mà xét, có vẻ cha tôi rất phản đối việc học Phật, thật ra ông chính là người dẫn đạo tôi học Phật. Có điều ông không trực tiếp chỉ dẫn khuyến khích, ông dùng cách giáo dục phản diện. Vì ông rất bận bịu công việc, nên ông rất ít trò chuyện với chúng tôi, chỉ vào lúc dùng cơm ông mới có thể giảng vài điều. Khi tôi còn đi học, có lần tôi cùng cha tôi dùng cơm, ông bèn chỉ vào bàn tay cầm chén của tôi mà hỏi: “Bàn tay này có phải là của con chăng? Nếu như chặt bàn tay trái của con đi, con có còn là con nữa không?” Câu hỏi này khiến tôi ngạc nhiên, quả là tôi chưa bao giờ nghĩ tới tình huống mình bị chặt mất bàn tay trái, cho nên tôi không dám gật đầu mà cũng không dám lắc đầu. Ông lại hỏi: “Nếu như chặt luôn bàn tay phải của con thì con có còn là con nữa không? Nếu như chặt luôn bàn chân con nữa thì sao?” Ông tỏ ra rất nghiêm túc, tôi nghe như thế mà bàng hoàng. Ông lại hỏi: “Rốt lại phải chặt con đến chừng nào thì con mới không phải còn là con? Rốt cuộc con là cái gì?” Hỏi như thế xong ông bèn đứng lên đi khám bệnh. Bấy giờ tôi bị ông hỏi như thế, ngày nào cũng nghĩ đến những câu hỏi ấy, cứ suy nghĩ mãi mà vẫn không thông. Sau này xem kinh Phật tôi mới biết đây là vấn đề nghiên cứu trong Phật pháp. Chúng ta mỗi ngày mở miệng, ngậm miệng là nói”tôi”, đâu cũng đều vì cái”tôi” mà hành động, mà tranh chấp. Rốt cuộc cái gì là”tôi”, tự mình cũng không biết. Từ nhỏ đến lớn, thân thể và tư tưởng đều thay đổi, rốt cuộc cái nào là”tôi”? Sau khi chết rữa nát, bị thiêu đốt mất thì tôi còn ở chỗ nào? Chỉ vì cái quan niệm về một cái”tôi” vô cùng vi diệu mà phải chịu bao nhiêu luân hồi, bao nhiêu là khổ não, đồng thời cũng tạo bao nhiêu là nghiệp. Tôi rất cảm ơn những câu hỏi của cha tôi đã hướng dẫn tôi từ trong cái quan niệm bị ràng buộc về”tôi” (ngã) mà dần giải thoát, tìm đến con đường giải thoát của Phật giáo.

Cách thức giáo dục của cha tôi tuy thường là hỏi vặn, lại không trực tiếp cho lời giải đáp; nhưng ông cũng xem tình huống, trong trường hợp đứa trẻ không thể tự hiểu được, ông sẽ rất từ bi mà giảng giải. Tôi còn nhớ môn khoa học tự nhiên ở cấp lớp bốn bậc tiểu học, giảng giải đề tài thiên văn về các hành tinh. Vì tôi tự xem các đồ hình trong sách mà so sánh với các vì sao trên trời nhưng so sánh không được nên rất buồn phiền, lại không dám hỏi cha tôi, sợ ông hỏi vặn: “Cái này mà con cũng không hiểu ư?” Nhưng lần này quả thật tôi không hiểu, cũng chỉ đánh liều mà nhờ ông chỉ dạy. Thật bất ngờ, lần ấy ông rất thân mật, mang ra rất nhiều sách thiên văn và những bút kỳ đồ họa về thiên văn do ông tự vẽ, tôi mới biết cha tôi đã từng bỏ nhiều công sức về môn thiên văn. Tối hôm đó, bầu trời rất trong, cha tôi dẫn tôi đến đài Ngũ lâu để xem các vì sao. Ông chỉ vào một vì sao mà nói với tôi: “Vì sao này có quỹ đạo của trái đất quay quanh mặt trời, nó lớn như thế, nhưng chúng ta lại thấy nó nhỏ hơn cái bóng đèn, thế đủ biết con mắt chúng ta khi quan sát có vấn đề”. Cha tôi đã cho tôi những đề tình rất tốt: Cái mà chúng ta thấy, không hẳn là đúng, lại còn khác với thực tế rất xa. Cha tôi tìm sao bắc cực, sao bắc đầu mà chỉ cho tôi thấy, và nói với tôi: “Những vì sao mà con đang thấy đây hoàn toàn không phải là những vì sao của hiện tại mà là những ánh sáng của vì sao quá khứ. Ánh sáng xuất phát từ những vì sao hiện tại thì chúng ta không thấy được”. Mới đầu tôi nghe như không

hiểu. Cha tôi nói: “Vì những vì sao này ở cách xa chúng ta quá, xa quá nên phải dùng” năm ánh sáng” làm đơn vị để tính toán. Thế nào là”năm ánh sáng”? đó là khoảng cách ánh sáng đi được trong một năm. Chúng ta biết rằng tốc độ của ánh sáng là rất nhanh, một giây có thể đi được 300 ngàn cây số, có thể đi quanh trái đất rất nhiều vòng. Với tốc độ nhanh như thế, phải đi trong vòng một năm mới đạt được một khoảng cách gọi là một năm ánh sáng. Những vì sao này ở cách xa chúng ta, xa đến nỗi ánh sáng xuất phát từ nó phải đi hàng chục năm, hàng trăm năm, thậm chí cả hàng trăm ngàn năm mới có thể đến được trái đất. Con đủ hiểu rằng vũ trụ lớn biết dường nào!” Nghe lời giải đáp của cha tôi, tôi nhìn thẳng lên bầu trời thăm. Tối hôm ấy cha tôi bỗng nhiên đem cái tâm của tôi mà kéo đến không gian xa thăm. Thật ra chính ông là người dạy tôi về ý nghĩa Đức Phật A Di Đà: “Vô Lượng Quang Minh Vô Lượng Thọ Mệnh”. Ông dạy tôi hiểu được không gian vô hạn, thời gian vô hạn. Ông khiến tôi nghĩ rằng: Chúng tôi không đi thường ngoạn cái vũ trụ rộng lớn như thế mà lại phóng tầm mắt vào một số chuyện nhỏ chẳng quan trọng chút nào, thật đáng nực cười. Nhưng nói đi nói lại, cái không gian rộng lớn như thế lại đi xuyên vào con người để được nhìn thấy, cái thời gian lâu dài như thế mà có thể được cái tâm niệm trong một sát na nhận hiểu. Nói như thế thì tâm của chúng ta có phải lớn nhất chẳng?

Kinh Hoa Nghiêm nói: Lớn và nhỏ có thể bao dung nhau, ý nghĩa này không phải là dễ hiểu. Ngày hôm ấy cha tôi dạy tôi nhìn các vì sao, chính là hướng dẫn cho tôi thể hội ý nghĩa của kinh Phật. Con người của chúng ta có thể thấu nạp cái hư không rộng lớn; một hiện tượng trong một sát na có thể bao hàm thời gian vạn cổ. Điều này thật là kì diệu mà cũng rất bình thường vậy. Trong những sự việc bình thường vốn vẫn có ý nghĩa kì diệu nhất. Nhiều người thường luôn miệng nói: “không hiểu nổi”, thực ra tâm chúng ta có thể bao hàm dung nạp được cả cái hư không rộng lớn như thế này, sao lại có gì mà không hiểu nổi chứ! Người thường nói”không hiểu nổi”, quả là người xem cái tâm của ta quá nhỏ. Nếu biết được sự vô cùng rộng lớn của tâm thì sẽ không cảm thấy không hiểu nổi.

Cha tôi cũng bảo với tôi rằng, Đức Phật có thể nhìn thấy quá khứ, vị lai, điều này thật có ý nghĩa. Năm ấy cha tôi 43 tuổi, ông nêu ra một ví dụ để giảng cho tôi: “Giả sử có một vì sao cách trái đất 43 năm ánh sáng, ánh sáng của vì sao mà chúng ta đang thấy là ánh sáng được phát từ năm cha được sinh ra, ánh sáng ấy đã đi 43 năm mới đến trái đất để chúng ta nhìn thấy. Ánh sáng hiện nay của nó phải đến 43 năm sau mới có thể đến trái đất, cho nên một sát na hiện tại thực ra bao hàm cả quá khứ và vị lai... Nếu như trên vì sao ấy có người cư ngụ thì cái mà họ đang nhìn thấy chính là trái đất của 43 năm trước. Giá như con mắt của họ có công năng của một kính viễn vọng thì những gì mà họ đang nhìn thấy là cái trạng huống mà cha ra đời năm ấy. Điều này hoàn toàn không phải là cái ảo tưởng trong tiểu thuyết, mà là sự thật. Cha tôi lại nói, nếu chúng tôi làm xong một việc gì theo thời gian của trái đất mà nói thì có thể nói là quá khứ, nhưng nhìn từ một vì sao khác thì có thể nói là chưa khởi đầu; nếu từ một tinh cầu khác mà nhìn, có lẽ có thể nhìn thấy được cái quá trình mà con đang làm. Cho nên, bất cứ việc gì cũng không tùy tiện mà làm. Tuy có thể nói tất cả các sự việc đều biến hóa vô thường theo từng sát na, nhưng cũng có thể nói là chúng tồn tại mãi mãi, thường trụ, không thay đổi. Cái quan niệm về thời gian cũng không phải là cố định bất biến, tùy theo không gian, địa điểm, tùy theo tâm niệm người ta mà thay đổi. Nếu như con đang vui vẻ thì cảm thấy thời gian qua rất nhanh; nếu con đang buồn khổ thì thấy thời gian qua rất chậm”. Hồi còn học lớp bốn, nghe cha tôi

nói những câu như thế, tuy tôi không hiểu rõ lắm, nhưng cũng rất thích thú, bỗng nhiên tôi có cảm giác lòng đang mở rộng đến hư không rộng lớn.

Sau này đọc kinh Phật, tôi mới biết kinh không ghi năm nào, tháng nào, ngày nào, mà chỉ dùng hai chữ "một thời", như thế là vì Kinh Phật thông dụng cả toàn vũ trụ, mà thời gian ở các nơi lại không như nhau, cho nên dùng thời gian cho một nơi nào đó thì hoàn toàn không thỏa đáng. Tâm trí của bạn phải mở rộng ra mới có thể hiểu được ý nghĩa của lời Phật dạy vào lúc ấy, được gọi là "một thời". Ý nghĩa của kinh Phật cũng vĩnh hằng, cho nên gọi là "một thời".

Phật còn dạy rằng nhân dân của thế giới Cực Lạc có thể nhìn thấy quá khứ vị lai, cũng có thể tự do đến mọi thế giới khác. Nội tâm của họ không bị không gian, thời gian ngăn ngại. Tôi đọc xong liền hiểu được sự thật và ý nghĩa ấy. Quả là cần phải cảm tạ sự chỉ đạo của cha tôi, đó là lời dạy cho tôi khi ông bảo tôi nhìn các vì sao.

Có một loại từ bi, vị rất ngon ngọt, rất dịu dàng lại âm áp, loại từ bi này dễ được người ta cảm nhận, rất dễ được người ta ưa thích cảm ân. Nhưng có một loại từ bi khác nữa, rất sâu xa có thể phải rất lâu sau người ta mới có thể hiểu được. Chất vị của nó khi người ta mới đưa vào miệng có thể nói là rất đắng, rất cứng, rất xơ lại rất thô, tưởng chừng khiến người ta không nuốt được. Nhưng loại từ bi này có thể tôi luyện cho chúng ta phát triển một loại sức mạnh khác, đó là khiến cho chúng ta sau này ăn thứ gì cũng đều cảm thấy rất ngọt, rất mềm, lại rất dễ nuốt. Từ bi của cha tôi vẫn thường như loại ấy, cũng có thể nó giống như tiêm chích mỡ xê, nó được dùng trị bệnh cứu mạng. Có lúc tôi cũng nghĩ nó là từ bi "giẻ chùi nồi". Vì trên cái mặt nồi tôi đây có rất nhiều vết rỉ đen phiền não, người mong cho tôi được thanh sạch bèn đem giẻ chùi nồi mà lau chùi cho tôi. Khi vừa mới được lau chùi có thể tôi rất đau đớn khổ sở, nhưng phải chịu một phen lau tẩy mới thanh sạch lại được. Nói thật ra người lau nồi cho chúng ta cũng rất đau khổ.

Có người nghe tới đây thì nhắc nhở tôi rằng: "Ngày nay có rất nhiều nồi tuyệt đối không thể dùng giẻ chùi nồi để lau chùi", khiến cho tôi hiểu được từ bi giẻ chùi nồi. Cái nồi cũng phải kiên trì sự chịu đựng, sự lau chùi, đồng thời phải có chất liệu không độc hại thì mới có thể tỏ ra có hiệu năng, cũng giống như phẫu thuật cũng cần có người đủ sức chịu đựng thì mới có thể khai được, nếu không thì chỉ cách ném bỏ. Vì sao ngày nay không thể dùng giẻ chùi nồi lau chùi cho rất nhiều nồi? Vì những loại nồi này đã trải qua những xử lý mặt ngoài nên không còn bị dính bẩn, giống như cái công năng "không chấp được". Nhưng chất liệu mặt trong lại có độc, nếu như một ngày nào đó, lau chùi mà gây ra vết trầy xước, do những vết trầy xước này mà nồi càng ngày càng bị nhiễm bẩn, càng dễ dính mắc, đồng thời chất độc cũng tiết ra ngoài. Dùng nồi này để nấu thức ăn thì rất dễ trúng độc. Tôi nghĩ vậy nên gọi nồi ấy là nồi "trong ngoài không giống nhau". Ngày nay rất nhiều người thích dùng loại nồi ấy, cũng rất nhiều người thích nắm giữ giống như tính chất của loại nồi ấy. Loại nồi ấy xem bên ngoài rất cao cấp, lại không bị dính mắc, chỉ cần dùng bọt biển lau chùi. Mới đầu chỉ cần lau nhẹ, nhưng phải cẩn thận, không thể để một chút trầy xước. Một hôm, bạn nào gây ra một chút trầy xước, từ đó về sau tất cả những phẩm chất tốt đẹp của mặt ngoài đều mất hết. Nồi bắt đầu tiết ra chất độc và bắt đầu bị dính bẩn. Một hôm nào, bạn gây ra một vết trầy thì cái nồi ấy kể như bỏ đi. Nói thật ra tôi rất mong mình không phải là cái nồi loại ấy, bình thường dễ chùi rửa, không nhiễm bẩn là tốt, nhưng bên trong có độc thì rất nguy hiểm, nếu như vô ý làm trầy xước thì như thế là không được, nồi như thế thì quả là không ổn. Dĩ nhiên nồi tốt nhất là nồi không có chất độc, vừa không bám nhiễm vừa không rỉ sét. Như thế, có thể không dùng đến giẻ chùi nồi". Nhưng

cái nồi tôi đây lại không có đức tính tốt đẹp như thế, cho nên cũng phải làm phiền đến giẻ chùi nồi chịu khó lau chùi giúp.

Tôi học tập dần để thể hiện lòng từ bi”giẻ chùi nồi”, nhưng tự mình không hề dám đóng vai trò này, vì tôi không phân được phẩm chất của nồi. Rửa mà lau nồi không sạch và lau mà để chất độc tiết thì phiền lắm vậy. Trong đời, sau khi tôi gặp nhiều đau khổ thì mới cảm tạ sâu sắc cái quá trình lau chùi nồi và rèn luyện vào lúc ấy. Ne u như cha tôi cứ để cho tôi làm một đóa hoa mảnh mai trong căn nhà ấm áp thì khi gió thổi qua, mưa đổ tới tôi không bị tan tác, hư nát, ngã xuống đất mà khóc. Cũng may mà cha tôi đã trao cho tôi một số nghịch cảnh, đã cho tôi một ít kim dự phòng. Trong lúc châm kim tuy có thể đau nhưng lại có thể đạt được sự khỏe mạnh và sức miễn dịch rất lâu dài.

Tuy sự giáo dục của cha tôi có lúc như khai đạo, đả châm, nhưng cũng có lúc thật thú vị: Có lần tôi nói với ông là tôi muốn đi học bơi lội ông cũng chẳng thèm cười, liền nói với tôi: “Con muốn đi học bơi lội thì phải mang theo một cái chày sắt!” Tôi ngạc nhiên hỏi: “Vì sao bơi lội mà phải mang theo chày sắt?” , cha tôi bảo: “Trước hết con bỏ chày sắt xuống dưới nước, nếu chày sắt nổi được thì con nổi được.” Tôi nghe xong, hiểu rằng ý nói tôi nhất định phải chìm. Quả thực tôi không phục, cho nên tôi hôm đi học bơi lội, tôi vừa mới học đã nổi được, đập nước mà tiến lên. Con bé ngây ngô đã trúng kế của cha mình mà không biết.

Khi trở về tôi báo với cha tôi: “Tuy chày sắt đã chìm nhưng con đã học nổi được rồi”. Cha tôi nghe thế bèn mỉm cười mà nói với tôi: “Ta biết rằng khi ta nói như thế con mới nổi được và bơi được.” Sau đó ông mới nói với tôi rất quan trọng: “Cho nên con phải biết: hoàn toàn không phải do người khác nói rằng con nhất định phải chìm thì con nhất định phải theo câu nói của người ấy mà không chìm thì không được. Con cũng có thể nổi được, đồng thời bơi được nữa!” Từ lần cha tôi giảng như thế về sau tôi mới lờ mờ hiểu được ý nghĩa của sự giáo dục phản diện. Hồi nhỏ ngơ ngơ ngác ngác, trúng kế của cha tôi mà không biết, nhưng tôi rất cảm ơn mưu kế hảo ý của ông, giúp cho tôi phát triển tiềm lực. Nếu ông không nói như thế tôi phải ba ngày mới học được, cũng có thể phải cả đời mà không học được. Ông đã nói như thế thì tôi không học là không được. Có điều, từ khi biết rằng mình đã trúng kế tôi phản tỉnh kiểm thảo. Tôi không thể như thứ bụi nhùi, hễ gặp lửa là bốc cháy. Tôi nhất định phải hiểu rõ mục tiêu vốn có của mình, quyết không để xảy ra tình trạng người ta nói châm kích, mình đã phản ứng rồi. Nếu đó là sự châm kích vô ý nghĩa thì đâu có thể trúng kế mà phản ứng. Có lúc cha tôi tạo cho chúng tôi một loại hoàn cảnh, để cho chúng tôi tự mình thể hiện.

Cái mùi vị mà chính mình thể hội và cái mùi vị mà người ta nói cho mình nghe quả là không giống nhau. Ví như nói, nhiều đứa trẻ sống trong gia đình giàu sang không biết mùi vị nghèo khó, đương nhiên nó nghĩ rằng: nếu như hôm nay trong nhà không có cơm ăn thì đi ăn cơm tiệm. Nhưng cha tôi để cho tôi tự mình thể hội thực tế. Khi tôi đang học đại học ông mượn một duyên cớ để cho tôi thể hội được thế nào là nghèo khó. Đã mấy tháng ông không gửi tiền sinh hoạt cho tôi, tiền chi phí bài vở sách đọc của y học viện lại rất đắt, cha tôi lại là người rất có tiền cho nên tôi không có cách nào xin chứng nhận là mình nghèo khó, không cách gì lãnh học bổng cho sinh viên nghèo. Cả học viện chỉ có hai loại học bổng, mà không cần chứng minh gia cảnh nghèo. Một loại là dành cho người đứng đầu lớp, loại kia dành cho người xuất sắc về thuộc dân tộc. Bấy giờ tôi chỉ còn cách là nỗ lực nhận cho được hai loại học bổng này để có tiền trang trải trong sinh hoạt. Lại nữa, tôi phải đảm nhận việc dạy tư gia, làm người giữ trẻ. Tan học xong tôi đi dạy kèm, kiêm nghề giữ trẻ, mang ba bé gái mà mẹ vừa mới mất (một đứa học trung

học, hai đứa học tiểu học). Nhà chúng tôi ở Phong Nguyên, chúng đến Đài Trung để học. Sau khi tan học tôi phải đến trường rước chúng, sau đó cùng chúng lên xe về Phong Nguyên, đến trạm xe Phong Nguyên thì chở đứa nhỏ nhất về nhà bằng xe đạp, giúp chúng làm bài hoặc dạy chúng đánh đàn dương cầm. Sáng sớm giúp chúng chuẩn bị ăn sáng, chuẩn bị đi học v.v.. sau đó, lại cùng chúng nó lên xe đến trường, cuối cùng tôi mới tự đến y học viện để học. Trong ba đứa có một đứa bị bệnh tim bẩm sinh, có lúc nửa đêm phải thở dốc, tôi cũng phải dậy chăm sóc nó. Bây giờ, vì không có tiền mua sách, cho nên tôi phải đến thư viện hoặc đến những người học cấp trên để mượn sách mà đọc. Cũng chính vì sách mượn phải trả đúng kì hạn cho nên tôi không đọc nhanh là không được. Tôi đi chiếc xe đạp cũ với giá một trăm năm mươi đồng, sau xe chở một cái kính hiển vi xưa cũ, ấy là cái kính cha tôi đang dùng bây giờ. Ông cũng không chịu để tôi mua cái mới. Những kính người ta dùng đều thuộc loại cắm điện lại có thể điều chỉnh tự động. Còn kính của tôi thì các bạn đều cười mà nói là: Cái kính ấy là cái kính của ông Hôke dùng năm 1852, là cái kính hình ống màu đen phải dùng tay mà lắc. Tôi cũng không dám xin cha tôi mua cái mới. Ông bảo dùng kính này đã nhìn thấy được rất rõ. Chúng tôi đều biết là nếu nói với cha tôi là đồ dùng không đủ tốt thì thế nào ông cũng bảo: “Con thật không biết câu: Ngồi thuyền mà sợ khe vịnh”. Ông bảo: “Nhà vĩ cầm nổi tiếng của thế giới Paganini, cũng không cần dùng cây vĩ cầm nổi danh và đắt tiền, mà cũng có thể đàn rất hay.

Nếu là người không biết đàn, thì cho dù có dùng đàn đắt tiền nổi tiếng cũng không thể tấu lên được âm thanh hay”. Cha tôi dạy chúng tôi phải hướng về nội tâm của chính mình mà đòi hỏi, phải đòi hỏi chính mình đề cao năng lực, chứ không nên chỉ ngại ngùng về hoàn cảnh bên ngoài và đồ dùng không được tốt. Tôi có thể tiếp thu được ý nghĩa của lời cha tôi dạy, nhưng khi cỡi chiếc xe đạp với giá một trăm năm mươi đồng, có khi dọc đường gặp tình trạng dây xích bị bung, nếu như không có việc gì quan trọng thì tôi cứ việc từ từ máng nó lại, rồi lại tiếp tục đạp xe đi, kể ra cũng thú vị. Nhưng có một lần, gặp lúc thi cử, xe tôi bị bung xích dọc đường; lúc ấy quả là phiền phức, không biết nên vớt xe bên đường, và vác cái kính hiển vi đến trường, hay là vác cả chiếc xe đi luôn! Bây giờ tôi không có tiền đi taxi. Lần ấy tôi phải chạy bộ, mang kính hiển vi đến trường, chuông thì đã đổ tôi không có cách gì chạy đến phòng thi cho kịp. Sau đó thầy giáo thấy tôi chạy mà thương, nên miễn cưỡng cho tôi vào thi. Đó là lần thi môn hóa học hữu cơ. Bây giờ tôi chỉ một lòng muốn chạy đến thi, chỉ không có thì giờ để suy nghĩ gì khác, nhưng cũng quả thật tôi cũng tự mình đã ném mùi bần cùng khốn khổ. Cưỡi chiếc xe thường bung xích ấy mà lên dốc trong lúc gió bắc mùa đông lạnh lẽo thổi phàn phật mà không hát khúc ca chủ đề: “Mộng ảo kì sĩ Đông Ki Sốt”² để khích lệ mình thì có thể nói không làm sao đến nơi được. Ấy là một khúc ca chủ đề bằng tiếng Anh mà cái anh chàng kĩ sĩ khờ khạo cưỡi một con ngựa khập khiễng đã hát. Tôi không dịch hết, nhưng trong đó có mấy câu quan trọng: “Hãy chịu đựng cái khổ đau vốn không thể chịu đựng được. Hãy tiến đến nơi mà một dũng sĩ không dám đến. Hãy tình nguyện vào địa ngục vì mục tiêu thiên đường cao cả. Hãy dùng cho hết cái hơi sức cuối cùng, đạt cho tới một vì sao không với tới được. Chỉ cần một sát na bạn ngã xuống thì cả thế giới này sẽ tốt hơn trước một chút. Thế là tốt rồi...”. Bây giờ tôi chỉ hát bài ca này để tự khích lệ mình, lòng từ bi mạnh mẽ và cứng cỏi ấy của cha tôi đã khiến cho tôi thể hiện được mùi vị của bần cùng khốn khổ. Bây giờ bà chủ nhà họ Nghiêm biết được nỗi khó khăn của tôi nên không thu tiền phòng. Cái chỗ tôi ăn cơm tháng người ta cũng không lấy tiền cơm.

Họ dùng tấm lòng từ bi mà giúp tôi vượt qua con đường thử thách ấy khiến tôi mãi mãi nhớ ơn. Mẹ tôi thấy vậy, tìm cách giúp đỡ tôi, nhưng tôi quả thực đã thể nghiệm được thực tế là do bởi hồi đó tôi chưa từng để dành tiền. Quả thực tôi đã hiểu được nỗi khổ của người nghèo khó, và hiểu rõ sự khó khăn trong lúc cấp bách mà không có năm mươi đồng để đi xe. Nếu như nói việc bố thí giúp đỡ người nghèo có công đức và phước báo nào thì quả thực phải nói rằng cái mà cha tôi cho tôi, cái mà cha tôi giáo dục tôi là sự thể nghiệm mà tôi khắc ghi trong lòng. Một đứa trẻ con nhà giàu, mỗi tháng có thể đều nhận tiền của cha mẹ gửi cho thì cảm thấy đó là điều đương nhiên. Rất ít đứa hiểu rõ được máu, mồ hôi và sự cay đắng trong đó. Cha tôi vẫn tạo cho chúng tôi cái hoàn cảnh rất giàu sang, nhưng ông không muốn khiến cho chúng tôi vì giàu sang mà mất đi năng lực, vì giàu sang khiến cho chúng tôi không hiểu được nỗi khốn khổ của người khác. Tôi thường cảm thấy cha tôi dùng quá trình học tập cam khổ của chính ông mà che chở cho chúng tôi được sống sung túc, đó là lòng từ bi tầng thứ nhất của ông. Còn việc khiến cho chúng tôi trong cảnh sung túc mà tự mình hiểu rõ mùi vị nghèo khổ, khốn cùng, thì đó là lòng từ bi ở tầng thứ hai sâu hơn của ông. Đó cũng chính là lí do mà sau khi ông mất, mỗi khi tôi nghĩ tới công lao giáo dục của ông thì nước mắt lại tuôn chảy.

Câu thứ 62 của bài chú Đại Bi là "Ma la na la", ý nghĩa của câu này là Bồ Tát Quán Thế Âm cầm một cây búa vàng mà khảo nghiệm tâm của chúng sinh. Bồ Tát Quán Thế Âm không phải khi nào cũng có con mắt từ bi hiền thiện. Ngài cũng cầm cây búa vàng để khảo tâm của chúng ta. Ví như nói, bạn bố thí tiền tài hoặc bạn là người bố trí sức lực giúp người ta, rốt lại là bạn vì cái gì mà làm như thế? Vì để cho người ta xưng tán khen ngợi, mà tỏ ra bạn là một người tốt, hay quả thực là do lòng từ bi xuất phát từ nội tâm? Động cơ này rất khó mà hiểu được. Có khi tự chúng ta cũng không hiểu rõ được thì phải thế nào mới có thể biết được? Khi chúng ta bố thí thì cần có cây búa vàng mới biết được. Nếu như bạn phát tâm tốt và nỗ lực làm tốt công việc, thậm chí hi sinh thân mình cũng không tiếc, kết quả là không những người khác không xưng tán bạn mà lại còn trách cứ bạn, trách cứ bạn ưa nổi bật, dùng tiền mua tiếng tăm, mua danh câu dự, là đứa ngốc có tiền mà không biết sử dụng đồng tiền, là từ bi giả tạo... đủ mọi thứ lời trách cứ bạn. Đó là Bồ Tát Quán thế Âm đưa búa vàng ra mà thử nghiệm bạn. Thế thì phải chăng rốt lại bạn bị Ngài chém mà khóc rồi quay về nhà, ủ rũ ba ngày không ăn được cơm? Hay bị Ngài chém, bạn chẳng coi ra gì mà vẫn tiếp tục làm?

Vì chúng ta vốn làm như thế không phải để người ta khen ngợi, thậm chí còn chê trách, như thế thì có dính dáng gì đến mục tiêu bố thí, tu hành của chúng ta, vốn là để xả bỏ niệm tham trừ khử phiền não của chính mình, để đến Tây Phương. Làm sao mà chỉ vì người ta đưa búa vàng ra mà chúng ta không đến Tây Phương và phiền não vì người ta chứ? Thực ra nếu người khác cầm búa vàng đưa ra, hoặc lấy cây kẹo đưa ra và nói: "Ông rất sai, ông rất tốt, thì như thế đều là chuyện của người ta, chẳng có chút gì dính dáng đến chúng ta cả. Cha tôi là "Ma la na la" của tôi, là Bồ Tát Quán Thế Âm cầm búa vàng.

Khi tôi còn học tiểu học, lần đầu tiên tôi gom tiền lẻ để dành cho cô nhi viện, cha tôi nói với tôi: "Các cô nhi viện đều chuyên gian lận tiền của những đứa ngốc như con". Tôi nghe xong rất lấy làm lạ mà hỏi ông: "Thưa cha hay là con lấy tiền này đi xem phim nhé?" Ông bảo: "Con lấy tiền ấy đi xem phim là tốt đấy!" Bây giờ tôi còn chưa hiểu, cảm thấy rất nghi ngờ, rất kì lạ. Các bạn dứt khoát đừng cho rằng cha tôi không chịu bố thí. Thực ra mỗi lần có việc công ích, như việc xây dựng trường học ông đều rất khăng khái giúp tiền. Có lần ông biết được một cô nhi viện ở trên núi thiếu quần áo, ông rất vui vẻ gửi cho, thế mà vì sao ông lại la rầy tôi như

thế? Bấy giờ tôi không hiểu, về sau tôi mới biết, ông cầm búa để thử lòng cái con bé là tôi đây. Tôi thường trúng mưu kế của ông mà không tự biết. Cha tôi thử xem con bé này có thích người ta khen ngợi là người tốt, làm người tốt thì mới chịu mất tiền hay đó là do tấm lòng của nó. Đó là do lúc tôi niệm chú đại bi”Ma la na la” mới hiểu được.

Thì ra tất cả búa vàng là những thứ mà Bồ Tát Quan Thế Âm ban cho. Loại từ bi cứng cõi này”từ bi giẻ chùi nồi” thật vô cùng sâu xa không phải trong một lúc mà thể hội được. Đây là sự khảo nghiệm và huấn luyện ắt hẳn phải trải qua trên con đường tu hành. Nếu không dùng búa mà chém thử xem thì làm sao biết được cái tâm chân thật của chính chúng ta? Nếu chúng ta phát tâm làm một việc tốt, thế rồi bị người ta trách cứ vài câu mà cảm thấy rã rời không còn dũng khí để làm nữa, tức là thối tâm vậy. Nếu Bồ Tát Quan Thế Âm nhìn thấy cái tâm”Bồ Đề” như thế của bạn thì Ngài cũng chỉ biết lắc đầu mà chảy nước mắt, chỉ còn cách thu hồi búa lại và lấy cây kẹo mà gạt bạn vì bạn chỉ là đứa trẻ con ăn kẹo cho đến già, ăn hư cả răng vẫn là đứa trẻ thích ăn kẹo như trước. Thật là đứa trẻ con vào nhà trẻ học đã bốn năm chục năm mà vẫn chưa tốt nghiệp, như thế thật đáng thương.

Lão Hòa thượng Quảng Khâm có một lời dạy mà chúng ta cần phải hiểu rõ. Ngài nói: “Làm đến chết lại bị người ta ghét gọi là lục độ đều tu”. Khi mới nghe câu nói này tôi chưa hiểu rõ lắm. Về sau suy nghĩ kỹ, tôi mới biết câu này rất có ý nghĩa. Người học Phật cần phải biết Lục độ là sáu cách tu hành để vượt qua biển khổ sinh tử. Đó là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ bát nhã. Tại sao bảo rằng”làm đến chết”. Đó là vì người làm việc hết sức mình. Điều này thể hiện có bố thí, bố thí tinh thần, thể lực, hết lòng mà làm, làm đến hơi thở cuối cùng cũng không tiếc, đó mới gọi là”làm đến chết”. Loại bố thí”làm đến chết” hoàn toàn không đơn giản, phải”hết sức tinh tấn” thì mới có thể làm đến chết mà không sợ. Loại bố thí tinh tấn này gồ m có hai loại độ là”bố thí” và”tinh tấn”.

Rốt cuộc lại bị người ta hiềm khích. Bị người ta hiềm khích thì phải làm sao? Phải cần”nhẫn nhục” vậy. Nếu chúng ta không có một năng lực”thiền định” thì khi người ta mới mở lời hiềm ghét, tâm chúng ta đã động rồi. Nếu tâm động thì trở ngại, cho nên người ta hiềm khích chúng ta cũng là giúp đỡ chúng ta tu”thiền định”. Nếu không có”trí tuệ” khai mở ra thì dù có muốn đè nén, sự nóng giận kia cũng không thể đè nén được. Nếu không có”trì giới” thì động tâm, động khẩu mà đáp lại người ta; nếu người ta hiềm khích ta thì ta mắng họ. Cho nên một người quả thực làm việc hết mình mà bị người ta hiềm khích thì đó quả là lục độ đều tu. Nhưng chúng ta thử nghĩ xem, bình thường chúng ta không biết nắm bắt cơ hội, không thể”lục độ đều tu”. Chữ”tu” trong tu hành cải biến thành chữ”ngưng” trong ngưng dứt, biến thành lục độ đều dứt bỏ, phá bỏ công sức, bỗng nhiên”lục độ đều ngưng”. Nếu chúng ta làm một chút việc chứ chưa đến mức phải chết, hề bị người ta hiềm khích thì lục độ đều ngưng, thì hòa thiêu rừng công đức, cái gì cũng thiêu sạch hết, chỉ biết khóc đến rã rời. Trong lòng cứ một mực trách người kia là không có khẩu đức, không hiểu được nỗi khổ của người khác, lại còn hiềm khích người ta, thật là chẳng tu hành gì. Thật ra đó là Bồ tát Quan Thế Âm cầm búa vàng đưa ra để khảo nghiệm”Ma la na la”. Nhưng chúng ta và vị”Ma la na la” kia tựa hồ như không biết nhau, chỉ là niệm niệm trong miệng mà thôi,”Ma la na la” đến thì không ai nhận ra được. Đó chính là câu nói của lão Hòa thượng: “Người ta đem tiền Tây Phương để cho bạn được lợi, bạn không chịu nhận lợi, lại ở đó mà khóc”. Nói thật ra loại tiền Tây Phương này cũng không phải là dễ có, tôi cũng từng là kẻ ngốc nghếch, khóc xong rồi mới cúi đầu suy nghĩ, rốt

lại mình khóc vì cái gì? Cái gì mà thương tâm chứ? Té ra vì một cái”ngã” mà phải khổ lụy, té ra không chịu lực độ đều tu!

Người muốn lực độ đều tu thì hiểu được mà nắm lấy cơ hội và mỉm cười, nghĩ tới Đức Phật đã cho mình tiền Tây Phương. Người không muốn tu thì cứ chăm chăm tự mình mà khóc suốt suốt. Hồi tôi còn bé cha tôi từng hỏi tôi: “đem tay con ra mà chặt mắt, cũng đem chân con ra mà chặt mắt, vậy con ở đâu?” Thật đáng tiếc, trí tuệ lại không biết dùng mà chỉ biết dùng phiền não. Đây là lúc đem”câu nói đầu tiên” của cha tôi ra mà dùng; đó là”ngay cả hoàn cảnh này mà con cũng không thể tự tại được, không thể nắm chặt mục tiêu từ bi căn bản được thì con có thể làm gì được chứ?” Lão hòa thượng Quảng Khâm cũng nói: “Không có chủ trương như thế này thì làm sao đến Tây phương được?”

Hồi tôi còn học lớp một, lớp hai bậc tiểu học, có một lần thầy giáo bảo vẽ một bức tranh. Tôi không biết vẽ nên không vẽ được. Mẹ tôi bảo cha tôi hướng dẫn tôi. Cha tôi lại nói: “ngay cả cái này mà con cũng không vẽ được à?” Ông lại cứ hỏi như thế hai ba lần. Tôi phát khóc lên, vì vẽ tranh đối với tôi là một việc rất khó khăn, mẹ tôi không biết nhiều về hội họa nên cũng hiểu được khó khăn của tôi, nhờ cha tôi chỉ bảo cho tôi. Cha tôi không biết trình độ thực sự của tôi nên mới nóng nảy nói với tôi: “một tờ giấy vẽ mà con vẽ bậy trên đó tự con xem con cũng không biết nó phải ném vào đâu, kết quả là khiến cho người ta cho nó là đồ rác mà vứt bỏ đi. Nếu như con dụng tâm để vẽ thì một tờ giấy vẽ đáng giá hai hào có thể biến thành vô giá. Con thấy đây nhiều bức danh họa của thế giới biến thành báu vật của quốc gia. Dù con có trả tiền nhiều bao nhiêu người ta cũng không bán. Những bức họa của thế giới cũng do người ta dụng tâm mà vẽ nên. Vẽ tranh cũng là khéo dụng tâm mà thôi”.

Ông nói xong liền vẽ vài nét cho tôi xem. Tôi thấy ông họa rất đơn giản, vài nét bút đã trở thành một bình hoa, vài nét bút là một đóa hoa. Từ sau lần nhìn thấy cha tôi vẽ tranh ấy, tôi không còn thấy vẽ tranh là một sự việc rất khó khăn như lúc đầu nữa. Ông lại dạy tôi một ý nghĩa rất trọng yếu khiến tôi suốt đời thọ dụng không hết. Ông nói: “Mỗi người là một dạng sinh mạng, giống như một tờ giấy vẽ, nếu đáng giá hai hào nhưng phải vẽ như thế nào thì mỗi người lại khác nhau rất nhiều. Sinh mạng của con được vẽ thành một bức chẳng ra gì hay thành một bức vô gia chính là do dụng tâm của con”. Do lời dạy này của cha tôi, tôi quyết định dùng tờ giấy để vẽ Đức Phật, sẽ dùng sinh mạng này để tu hành để thành Phật.

Bất luận tu thành hay không thành, tôi cũng quyết định sẽ làm vậy. Tôi vốn có tánh nóng vội, vẽ tranh cũng nóng vội, mới vẽ một chút đã gọi là xong, vội trình bức vẽ. Một hôm cha tôi thấy tôi vẽ vội vàng như thế liền bảo tôi: “Con đã vẽ vội vàng một bức tranh, giả như trong nửa giờ, nhưng con lại không chịu khó bỏ ra nửa giờ để xem lại giá trị của nó. Giả như con có thể chịu khó treo nó lên, tự mình nhìn kỹ nó, xem chỗ nào cần sửa lại thì sửa. Nếu con chịu khó sửa trong nửa năm thì bức tranh này ít ra cũng được nhìn kỹ trong nửa năm. Con biết không? Bức họa danh tiếng nhất thế giới”Nụ cười của Mona Lisa” được vẽ rất lâu mới xong, trong đó phải nhọc tâm rất nhiều! Vẽ tranh hoàn toàn không nhất định là cứ việc vẽ suông, vẽ tranh là nhằm luyện tập lòng nhẫn nại của chúng ta nữa”. Nhiều lúc tôi quả thực cảm thấy mình vô cùng may mắn, Đức Phật A Di Đà đã an bài vị thân phụ này cho tôi. Rõ ràng đó là sự tuyển chọn người tốt nhất để giúp tôi đến Tây Phương.

Có những sự việc mà hai mươi năm trước tôi hoàn toàn không phát hiện ra mình đã có lỗi làm gì. Hai mươi năm sau, càng suy nghĩ tôi lại càng hổ thẹn, càng sám hối. Một hôm cha tôi rất cực nhọc vì phải khám bệnh nhiều bệnh nhân, bỗng nhiên ông rất bức bối nói với chúng tôi:

“Tại sao ngày nào cũng không có ai nói với tôi một câu vui vẻ?” Bấy giờ tôi tưởng rằng trong lòng cha tôi không vui nên có phần nóng giận, do đó, tôi chỉ biết im lặng không dám nói gì. Cha tôi thấy chúng tôi không phản ứng gì nên ông tự lảng đi. Sau này chính tôi làm bác sĩ mới hiểu được cái mùi vị của sự việc ngày đêm cứ phải nghe người ta kêu oán khổ. Quả thực, có thể nói trên đời không có ai vui vẻ khỏe mạnh lại đi tới bác sĩ để nói với ông một lời hoan hỉ. Cha tôi đã trải qua mấy mươi năm tâm khổ để nói ra tiếng lòng mình, nhưng khi tôi hiểu được ông thì đã quá muộn. Hồi tôi còn học tiểu học, nghe thầy giảng nhị thập tứ hiếu, có ông Lão Lai tuy đã già rồi mà mỗi ngày vẫn làm trò cười cho cha mẹ vui. Tuy tôi đã nghe được câu chuyện đời xưa và ý nghĩa ấy, tôi vẫn không chịu thực hành. Hèn chi cha tôi bảo tôi là chẳng ra gì! Tự tôi, tôi không quan sát, không hiểu được sự sinh hoạt hàng ngày của cha tôi, cũng không tự mình chủ động phát tâm khiến cho ông vui vẻ. Đó là sự bất hiếu tầng thứ nhất của tôi. Khi cha tôi đã nói ra tiếng lòng của ông, tôi nghe xong chỉ nghĩ là ông đang nóng giận chứ chưa từng có ý để tìm hiểu sự buồn khổ khiến ông kích động, cũng chưa từng biểu lộ những gì để an ủi ông. Đây là sự bất hiếu tầng thứ hai, càng nghiêm trọng hơn. Sau đó rất lâu rồi cũng chưa từng phát hiện mình có sai quấy gì không hay biết rằng cần phải sám hối cải lỗi. Thật là quá ngu si! Nên biết rằng người ta khi lòng không vui thì không chịu phát tâm làm cho người khác vui, đó là không từ bi. Trong lúc người khác đang đau khổ không biết làm sao để giúp đỡ họ, thậm chí một câu nói thông cảm cũng không biết nói, đó là không trí tuệ. Học Phật mà không có từ bi lại không có trí tuệ!

Quả thực là không biết học cái gì, một chút công năng cũng chẳng có! Phật là đáng vạn đức, vạn năng; tôi học mà vô năng, vô đức, thậm chí một câu nói thân thiết thích đáng để cúng dường cha tôi mà cũng không nói được thì tôi quả là một đứa chẳng ra gì trong đạo hiếu. Trước kia tôi nghĩ rằng đối với người nhà, người quen có lẽ không cần phải nói lời thân thiết quan hoài, vui vẻ khen ngợi, kì thực đó là một quan niệm hoàn toàn sai lầm. Giới Bồ Tát có qui định rằng: mỗi ngày ít nhất cũng nên dùng một lời kệ để tán thán công đức Tam Bảo; nếu có hôm nào không tán thán tức là phạm giới. Đây không phải là Tam Bảo rất muốn được khen thưởng mà chính là chúng ta học tập đạo Bồ Tát thì phải luôn đề tỉnh, luôn luyện tập để khéo làm cho thân khẩu ý của chúng ta ứng hợp với Phật tính. Đi giúp đỡ chúng sinh tu công đức thì đương nhiên phải luyện tập ngôn ngữ mà làm công đức, nếu không thì té ra miệng của chúng ta chỉ biết có ăn cơm và nói những lời vô bổ sao? Có người đang cần lời an ủi, chúng ta lại nói tôi không biết, tôi không có “công năng ấy” sao? Thực ra không biết thì phải luyện tập cho biết chứ! Nếu không thì cũng như câu nói của cha tôi: “Ngay cả một chút công năng bố thí hoan hỉ mà con cũng không có thì làm sao mà tu hành đạo Bồ Tát được?” Sự bất hiếu trong quá khứ đã không có cách gì bù đắp được, chỉ có cách là hiện tại mong sám hối cải tiến thật lòng mà thực hành.

Những người quen biết cha tôi, có thể nghĩ rằng cha tôi rất phản đối Phật giáo vì mọi người thường nghe cha tôi chê Phật giáo là không tốt. Nhưng tôi rất hiểu rõ điều mà ông trách cứ chỉ là những vấn đề mà người ta nêu lên hoàn toàn không phải ý nghĩa và giáo pháp của Đức Phật. Ông dùng sự phản đối và phê bình rất kịch liệt để gây cho tôi cái ấn tượng và sự giáo huấn sâu sắc. Đó là khi dạy tôi điều gì thì ông phải đặc biệt chú ý. Làm một người đệ tử Phật mà hành vi không tốt thì khiến người ta phỉ báng Tam Bảo, làm dấy tâm và thiện căn của người ta. Nhân vì ông phê bình và phản đối kịch liệt cho nên ông đã đưa toàn bộ gia đình chúng tôi vào cửa Phật. Sự việc này có vẻ rất kì quái, những điều mà ông chê bai lại là những

điều mà chúng tôi đều ghi nhớ kỹ trong lòng, làm thành khuôn mẫu để chúng tôi cải tiến. Có lẽ ông đã sớm hiểu con ông, nên ông phải nói với nó: “Nếu chày sắt nổi được thì con nổi được”. Nghe câu nói ấy đứa con mới phát tâm, phải học để biết bơi lội cho bằng được. Nói thật ra nếu không có sự kích thích của cha tôi có thể phải ba ngày tôi mới nổi được trên nước, cũng có thể suốt đời không học được như thế. Nhưng vì cha tôi đã kích thích tôi thì tôi phải học ngay liền cho biết. Chính vì ông cực lực phê bình phản đối cho nên tất cả chúng tôi học Phật đều có quyết tâm “không học tốt thì không được”. Cha tôi, vị Bồ Tát Quán Thế Âm cầm búa vàng là người rất khả ái và rất hữu hiệu!

Người bạn học đàn anh của tôi, anh Tăng Kính Hữu bảo với tôi rằng quá trình học Phật của anh thật quá khó khăn, lại không có người khích lệ nên càng khó khăn. Nói thật ra tôi từ nhỏ học Phật, trong mười năm đầu không có ai khuyến khích, tất cả đều phản đối, cười nhạo. Nhưng sự phản đối và cười nhạo ấy chỉ giúp cho tôi hiểu rõ rằng rốt cục lý do phản đối và cười nhạo ấy là gì, chỗ mà họ không hiểu rõ là gì. Tôi phải cải tiến chỗ này thì mới khiến cho người ta không phản đối việc học Phật. Tôi nhận thấy như thế là họ đã giúp khá nhiều cho việc học Phật của tôi, cho nên có thể nói họ đều là ma la na la, Quán Thế Âm cầm búa vàng. Người được người ta khích lệ mới học Phật là người rất có phước báo, được học Phật trong hoàn cảnh thuận lợi. Nhưng hoàn cảnh này có khi cũng nguy hiểm, vì giả như không có người liên tục để khích lệ bạn thì liệu bạn có tiếp tục học không? Có khi tôi nhận thấy do bị phản đối mạnh mẽ mà học Phật lại càng có phước báo nhiều hơn, thứ nhất là vì có thể kiên định tín tâm của chính mình, thứ hai là có thể hiểu được nguyên nhân phản đối của mọi người.

Cha tôi thường nói: “Không nên lấy tình thân mà trói buộc nhau” cho nên ông cũng không đòi hỏi chúng tôi thường xuyên đến thăm ông. Vài ngày trước khi ông qua đời, ông ôn tồn nói về những đồ vật mà trước kia ông thích: “những thứ ấy nên bỏ đi”. Ông và em trai của tôi cùng sinh một ngày, đã nhiều năm hai người đều gửi thiệp sinh nhật cho nhau, nhưng năm nay khi em trai tôi đang ở bên Mỹ, nhận được tấm thiệp mừng sinh nhật bỗng giật mình, vì không như trước, cha tôi không viết một chữ nào trên tấm thiệp, ông đã gửi một tấm thiệp trống không. Về phần ông, ông cũng không nhận được tấm thiệp của em trai tôi, ông đã mất hai ngày trước ngày sinh của ông. Tấm thiệp trống không mà cha tôi đã gửi có thể là “những gì ta cần dạy các con ta đã dạy rồi, những gì cần nói ra đều đã nói, cần triển khai ta đều đã triển khai. Còn việc vận dụng những thứ ấy như thế nào đó là việc của các con”. “Trống không” là sự triển khai vô hạn, trống không là vô thanh thắng vượt hữu thanh vậy...

Lúc chúng tôi còn trẻ thơ, cha tôi thường hát khúc ru cho chúng tôi nghe. Không những ông hát nhiều bài đồng dao khác nhau của nhiều tác giả, thậm chí ông còn tự mình sáng tác lấy. Giọng ca của cha tôi rất hay và mạnh. Tại các lễ đường, ông hát mà không cần dùng mi- crô. Có lúc ông lấy lời ca cải đối thành tên chúng tôi, hoặc cải đối nội dung cho thích hợp với chúng tôi. Cho nên trong lúc cha tôi qua đời thanh thản nằm đấy, anh chị em chúng tôi niệm Phật cho ông, đồng thời nghĩ đến hình ảnh chúng tôi hồi còn nhỏ nằm trên giường, cha tôi thường hát ru cho chúng tôi nghe. Về sau chúng tôi cùng dùng một bài hát ru của Brahma để niệm A Di Đà Phật cho ông. Vì cha tôi luôn thích các bài nhạc cổ điển nổi danh của thế giới, ông không hề quen các bản điệu niệm Phật ở chùa, cho nên chúng tôi dùng loại âm nhạc mà ông ưa thích để niệm Phật cho ông. Và chúng tôi tin rằng như thế lại càng thân thiết, lại càng có thể đẩy đưa âm thanh tham gia của ông mà niệm Phật.

Lúc sắp liệt cha tôi, chúng tôi phát hiện thân thể ông còn mềm mại. Khi bọc bàn chân ông, chúng tôi phát hiện vết thẹo khá lớn ở bàn chân ông. Đó là hồi ông còn nhỏ, vào một đêm no anh của ông bị sốt. Bấy giờ ông chỉ là một đứa trẻ nhỏ, tự mình ông đang đêm phải vượt con đường rất xa để lấy thuốc cho anh mình. Vì trời tối, mà đường cũng tối không thấy được một đoạn rãnh nước không có nắp đậy nên ông bị té xuống rãnh. Khi bị té ông không để ý gì đến việc bị thương và chảy máu của mình, chỉ một lòng giờ cao bình thuốc nước sợ bình vỡ. Sau khi bò ra khỏi rãnh nước, mang bình thuốc về nhà thì ông mới phát hiện mình bị một vết thương rất nặng và máu chảy rất nhiều. Nhưng bấy giờ ông chỉ lo cho bình thuốc của ông anh, mà không cảm thấy đau đớn. Hồi còn nhỏ được nghe ông kể lại chuyện ấy, tôi cảm động mà phát khóc. Trong lúc nhập liệt nhìn bàn chân ông lần cuối cùng, tôi hy vọng ông dùng đôi chân đã từng quen mình vì người mà lên thế giới Cực Lạc ở Tây Phương, tham gia đại hội Liên Trì, thành Phật, độ chúng sinh.

Mong sao lúc kết thúc phần sinh mạng này của cha tôi cũng là lúc khởi đầu của Hải Hội liên Trì an lạc. Bốn anh chị em chúng tôi lấy bài”Tống biệt” của Đại sư Hoàng Nhất mà tiễn biệt cha tôi, nhưng hai câu cuối cải biến thành niềm hy vọng trong lòng chúng tôi.

“Cát tiếng niệm Phật rất chân thành, ngay liền tới bờ kia. Hải hội Liên Trì sắp đến kỳ, đi đi có chân chờ”.

“A Di Đà Phật Đại Từ phụ, Nam Mô A Di Đà Phật...”, đó là lời xướng”Từ Phụ Y Vương” của bốn đứa trẻ xướng lên cho cha mình. Đức Phật A Di Đà là bậc cha lành vĩ đại, vị vua vĩ đại của chúng tôi, hy vọng cha tôi, bậc từ phụ có thể về đến thế giới an lạc của bậc cha lành vĩ đại, là Đức Phật A Di Đà.”Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ, Hoan Hỷ Quang, Thanh Tĩnh Quang, Trí Tuệ Quang, Giải Thoát Quang, An Ổn Quang” trong lời ca là biệt danh của Đức Phật A Di Đà, cũng là ánh sáng rực rỡ của A Di Đà . Hy vọng tất cả chúng ta xướng lên được Phật Quang trong lòng!!!

PHẦN 2 - CÁC KHẢO ĐỀ ĐỀ TU HÀNH

Những đề tài mà thầy giáo đã khảo hạch học sinh lớp trên, được học sinh đang học gọi đùa là”đề khảo cổ”. Học sinh nghiên cứu đề khảo cổ để có thể hiểu trọng điểm của cuộc thi, để thành tích trong cuộc thi này và trong cuộc thi tới được tốt đẹp. Việc tu hành cũng như vậy.

Trên bước đường tu hành, ngày ngày đều có khảo đề, thời thời đều có khảo đề. Hành giả nghiên cứu các khảo cổ đề của các bậc Đại Đức, có thể biết được trọng điểm của việc tu hành, đề cao cảnh giác. Trong những khảo nghiệm sinh mệnh hiện tại và vị lai không có khảo nghiệm nào là không có ích lợi!

“Khảo cổ” đề nay dùng. Lão Hòa thượng Quảng Khâm – Các khảo đề đề tu hành (khảo cổ đề). Chúng tôi học tại y học viện, học làm cách nào để cấp cứu bệnh nhân, bước thứ nhất là gì, bước thứ hai là gì, bước thứ ba là gì. Trong kỳ thi viết chỉ cần theo sách mà nêu cho rõ ràng là được. Nhưng khi lâm sàng thực tế khám bệnh nhân thì tình hình lại không phải như thế!

Ví dụ, nửa đêm trực ban đưa tới một bệnh nhân bị thương vì xe đụng. Mới nhìn qua thấy đùi người ấy bị xe cán máu thịt bầy nhầy, bàn chân bị rất nhiều mảnh kính vỡ đâm vào. Người này lại là người nhạy đau, dễ chảy máu và hay kêu la. Trong lúc xử lý anh ta cứ một mực rên la dùng”Tam tự kinh” mà mắng chửi bác sĩ. chúng tôi quyết lòng cứu anh ta, đã không được nương tay, lại không được giận, càng không được phiền hà, và phải nhất nhất tuân theo những

điều nói trong sách, làm theo bước một, bước hai. Thi viết, viết ra đáp án thì dễ, nhất nhất theo đó mà làm thì không đơn giản. Phải lấy ra hết sạch từng mảnh kiếng vỡ, phải tiếp nối lại các đầu xương cho khéo, lại phải khâu những miệng vết thương cho khéo, có khi phải đứng suốt đêm, đứng cho đến sáng cũng chưa xử lý xong, phải chịu đói, chịu mệt, thậm chí không đi vệ sinh được. Quá trình nhẫn nại ấy so với việc thi viết ở trường rất khác nhau!

Quá trình tu hành trong đời của chúng ta cũng giống như thế. Đọc kinh Phật, làm công quả sáng tối lại khổ cực trăm bề. Theo kinh mà thực hành lại càng khó hơn, thường là không đúng hợp, té chảy máu đầu cũng cứ tiếp tục theo đó mà làm. Nói chung, các loại quá khứ ví như đã chết hôm qua, các thứ sau này ví như mới sinh hôm nay. Ngay khi tà tri tà kiến trong lòng "chết" thì chánh tri chánh kiến "sanh". Phiền não vọng tưởng tiêu mất rồi thì pháp thân tuệ mạng bùng phát.

May mắn thay, trong quá trình, tôi gặp được bậc thầy tốt, giống như khi lâm sàng gặp được vị giáo sư giỏi. Chư vị ấy thường biết vận dụng cơ duyên để đưa ra các khảo đề, giúp chúng ta bồi dưỡng thực lực. Khi gặp cơ duyên thuận tiện, chư vị cũng vận dụng kinh nghiệm tu hành của chính mình, dùng những lời chỉ dạy thích đáng mà giúp chúng ta qua cửa khó khăn.

Hai vị ân sư tu sĩ của tôi là hai Tỳ kheo ni theo lão Hòa thượng Quảng Khâm tu hành gần hai mươi năm. Hai vị thường nêu ra những lời khai thị và khảo đề của lão Hòa thượng Quảng Khâm. Lão Hòa thượng không những có công phu tu chứng rất cao, mà còn là thiên tài về giáo dục. Ngài đưa ra các khảo đề mà học sinh chưa sẵn sàng giải đáp. Người bình thường không để tâm đến đạo Phật, khi gặp phải khảo đề này, nhất định phải khóc hu hu. Nếu như Ngài báo trước rằng bạn sẽ bị khảo hạch thì đương nhiên bạn sẽ đề cao cảnh giác, nhưng vấn đề là Ngài không chịu báo trước cho bạn biết mà cứ vào lúc ấy là Ngài đem hoàn cảnh ngay đấy ra mà sát hạch, để xem thực lực của bạn như thế nào khi bạn không chuẩn bị.

Tôi thường nghe hai vị ân sư nói về quá trình tu hành của chính mình. Tôi thường rất cảm động, so với hoàn cảnh và khảo đề của hai vị thì khảo đề của tôi thật quá đơn giản.

Nêu như ở nhà trường chúng ta bị sát hạch bằng đề đúng sai, thầy giáo đưa ra đề rằng: Qua ngã tư đường, thấy đèn đỏ thì hãy qua luôn, thấy đèn xanh thì hãy dừng lại. Đương nhiên bạn sẽ hiểu phải đánh dấu X và biết rằng thầy giáo đang sát hạch bạn có biết luật lệ giao thông không. Nhưng nếu trong đời sống thực tế, có người cố ý bóp méo sự thật hoặc làm cho sự việc sai khác đi thì liệu chúng ta có phát hiện được rằng mình đang bị sát hạch bằng đề đúng sai không? Và liệu chúng ta có đủ sáng suốt bình tĩnh mà trả lời như trước chăng? Nếu như trong đời sống chúng ta không phát hiện được chúng ta đang bị sát hạch bằng đề đúng sai, thì có thể chúng ta rất buồn khổ, có cảm giác đầu đầu cũng không có đạo lý, và rất đáng giận, không thể chịu đựng nổi. Như thế là không đáp ứng được cuộc sát hạch.

Trong cuộc khảo hạch ở đời, mọi người chúng ta đều giao nộp bản thành tích của mình. Cùng một đề của thầy, đáp án của mỗi học sinh đều không giống nhau. Thành tích của mỗi người đều không giống nhau. Ví như một bà cụ quở trách bọn con dâu, mỗi người dâu nghe xong đều có cách suy nghĩ không giống nhau. Cách suy nghĩ của mọi người khác nhau nên đáp án của mỗi người đưa ra không giống nhau, thành tích mỗi người đạt được không giống nhau. Bà cụ có thành tích của bà cụ, các người dâu có thành tích của người dâu. Đề khảo hạch tự nó không có chỗ tốt xấu có thể nêu ra được nhưng tâm tình của mỗi người được khảo hạch không giống nhau, đáp án của mỗi người cũng có trình độ khác nhau. Thế gian này là một nơi tuyển

chọn Phật, các việc lớn nhỏ trong sinh hoạt bình thường là những cuộc khảo thí lớn nhỏ. Do đó, trong cuộc thi tuyển, người được trúng tuyển thì được vãng sinh Tây Phương thành Phật.

Ân sư bảo tôi: lão Hòa thượng Quảng Khâm thường cứ vào sáu giờ sáng, thì đi kinh hành trong chùa để xem xét. Ngài thường lặng lẽ quan sát xem người nào chuyên chú lạy Phật, niệm Phật, người nào dụng công ít ỏi. Ngài tìm vị đệ tử nào dụng công nhiều nhất, bất kể như thế nào, Ngài mắng cho một trận, thậm chí nói những điều oan ức. Lão Hòa thượng thực hiện kỷ xảo lại rất cương áp. Nếu người đệ tử ấy động tâm, thậm chí giận dữ, thì Hòa thượng mỉm cười lắc đầu mà nói: “Ta tưởng đâu ông dụng công nhiều, ta mới nói có mấy câu như thế mà đã không chịu được. Ôi, công phu còn cạn ợt!”

Nếu lão Hòa thượng không nói câu cuối cùng này, có thể người đệ tử bị quở trách không thể nghĩ sao cho được. Đây là một đề khảo hạch. Vì không phát hiện đây là đề khảo nên không biết Hòa thượng làm như thế là muốn xem đáp án chúng ta giao nộp như thế nào; không biết Lão Hòa thượng muốn xem chúng ta hiểu và hành Phật pháp như thế nào nên Ngài mới bày ra hoàn cảnh như thế. Vì cứ một mực không biết cho nên gọi là “bất giác”. Không có tâm luôn giác tỉnh tức là vô minh, hồ đồ. Phật là bậc giác ngộ, chúng ta không luôn giác tỉnh, chính vì chúng ta không học Phật. Đức Phật A Di Đà là “Vô Lượng Giác”, chúng ta thường bất giác vì không niệm Phật. Tuy sáng sớm thức dậy làm công quả, làm đến nửa ngày thì lại “bất giác”. Đó là uổng phí công phu, dù cho có đọc sách lắm công phu, thì cũng không được trúng tuyển?

Có một vị cư sĩ nghe tới đây thì rất vui mừng nói với tôi: “Như thế thì tôi biết rồi! Thầy tôi cũng thường dậy rất sớm mà quở trách tôi, quở đông quở tây, quở rất oan uổng, tôi rất oán giận. Không biết đời trước tôi nợ ông bao nhiêu lời trách mắng? Nay tôi biết rồi, tôi xem ông như Lão Hòa thượng Quảng Khâm, sáng sớm đi xem xét, ra đề khảo hạch cho tôi, như thế thì tôi rất sung sướng. Tôi lấy đề đó mà nghiên cứu, rất vui mừng mà đến Tây Phương!”

Vị nữ cư sĩ này quả thực có giác tính, nghe xong công án của chuyện xưa, liền có thể lấy đó mà tự dụng, quay thẳng về tự tính. Người mà tôi kể chuyện (Lão Hòa thượng Quảng Khâm) không giống như người mà bà đã nghe (vị thầy của cô ta). Người có thể áp dụng khảo cổ để một cách linh hoạt, tất nhiên có thành tích ưu tú!

Có thể chúng ta vào buổi sáng sớm đọc kinh Kim Cang - “phàm những gì có tướng thì đều là hư vọng”, “không nắm giữ tướng thì như như bất động”. Đọc kinh như thế cũng chỉ như có người mắng quở chúng ta rất dữ, lại mắng quở một số điều oan uổng. Thế rồi chúng ta liền gạt bỏ kinh Kim Cương ra một bên mà cho rằng cảnh giới này là thực, rồi bắt đầu đau lòng ám ức, chẳng nhớ chút gì là hề có tướng đều là hư vọng, bắt đầu theo với tướng hư vọng mà quay chuyên; không những nắm giữ tướng mà còn dao động tâm, không những dao động tâm, lại còn làm thương tổn tâm, chẳng hiểu chút gì là “như như bất động”. Cho nên đọc kinh hằng mấy chục năm, khi gặp khảo hạch mà ứng dụng đề thì đành chịu thua. Nếu như người ta bảo, chúng ta học Phật đều là kẻ dối gạt người, không thật lòng mà học; chúng ta nghe xong liền không chịu chấp nhận; cũng như khi mới bị sát hạch, người ta không đánh mà mình đã tự thú. Quả thực chúng ta chẳng học được chút gì về việc hiển lộ những lời Đức Phật đã dạy chúng ta. Nhẫn nhục Ba la mật gì thì hãy gác một bên, nay hãy biện luận trước một chút, khóc một cái rồi hãy nói.

Có một cư sĩ rất dễ thương, nói với tôi anh đã từng ăn trái Ba la mật (tức trái mít) lần đầu tiên trong đời. Câu chuyện khiến cho tôi rất cảm khái. Anh kể: Anh đi làm việc ở trên núi, nghe người ta nói Ba la mật rất tốt, một trái một ngàn đồng, anh liền mua một trái thử xem sao. Anh

lại nghe nói Ba la mật có mũ rất dính, cần phải bôi dầu. Anh không biết là phải bôi dầu vào dao, rồi dùng dao có bôi dầu mà cắt thì dao không dính mũ. Anh dùng dao cắt thẳng vào trái ba la mật, cắt tới đâu bị dính tới đó, dính cả tay, cả người rửa không sạch. Anh bèn nói: “Dính tay, dính chân tức muốn chết! Nếu không nghĩ đến đã mua quá đắt tiền thì tôi đã ném nó vô thùng rác cho khỏi mất công!” Anh còn tưởng rằng khi ăn trái ba la mật thì nhúng dầu vào mà ăn. Kết quả là ăn phải dầu rất khó ăn.

Anh bạn cư sĩ ấy kể lại cho nghe chuyện ăn trái mít (Ba la mật), đây quả thực là giống như quá trình tu hành của chúng ta. Ý của việc bôi dầu lên dao chính là để dầu không dính dao. Chúng ta không biết dao cần phải bôi dầu tức là không biết trí tuệ cần phải không chấp trước. Kết quả là chỗ nào cũng chấp trước, quả là ”dính tay, dính chân, tức muốn chết”. Ba la mật gì cũng bị bỏ đi! Thứ dầu không dính dao này là cái trí tuệ dạy chúng ta không chấp trước. Cái mà mỗi con dao đều cần hoàn toàn không phải là để cho người ta nhúng dầu vào mà ăn. Trí tuệ ở trong kinh Phật là thứ mà hàng ngày mọi nơi đều cần dùng, hoàn toàn không phải là thứ trang sức bên ngoài.

“Quý vị hãy xem! Đây là người cô làm mặt bên ngoài giỏi nhất!” Khảo đề mà lão Hòa Thượng đưa ra thì thiên biến vạn hóa. Ân sư của tôi kể cho tôi nghe rằng, hồi đó chùa Thừa Thiên được xây trong núi sâu, việc xây cất rất khó khăn. Mọi người đều phải tự gánh đất, khiêng gạch thậm chí làm việc đến to àn thân phải ngâm trong bùn.

Lão Hòa Thượng khuyến khích mọi người nên một mặt thì làm việc, một mặt thì niệm Phật, huân luyện công phu niệm Phật trong sự xao động. Một hôm có nhiều vị pháp sư, Đại Đức đến bái kiến Lão Hòa Thượng. Lão Hòa Thượng sai người đến chỗ làm việc gọi ân sư về để phiên dịch. Khi ân sư tôi vừa mới bước đến phương trượng, Lão Hòa Thượng liền nói với các Pháp sư đang ngồi đó: “Quý vị hãy xem! Trong toàn thể chùa Thừa Thiên chúng tôi, đây là người cô làm mặt bên ngoài giỏi nhất! Quý vị xem kia, cô ta làm cho toàn thân đều dính bùn, chính là nhằm để người ta nói rằng, cô ta làm việc rất khổ nhọc!” Mọi người nghe Lão Hòa Thượng nói như thế, hẳn không có ai là không tin. Các vị Pháp sư đang ngồi đây có người nghe xong liền nói với ân sư tôi: “Hả? Lão Hòa Thượng bảo rằng cô cố làm mặt bên ngoài, như thế là không tốt đâu!” Ân sư tôi nghe xong liền quì xuống hướng về phía mọi người mà nói: “Đúng thế, đệ tử cố làm mặt bên ngoài, đệ tử xin sám hối, cải lỗi”. Bấy giờ tôi nghe ân sư nói thế thì nước mắt tôi tuôn trào, trong lòng rất cảm động. Tôi tự phản tỉnh: Nếu lão Hòa Thượng nói tôi như thế, lại nói với mấy vị Pháp sư như thế, tôi nghe xong thì nhất định cho đó là thật, lại cảm thấy rất khó chịu. nhưng ân sư tôi lại có giác tính, lúc nào cũng hiểu rõ, đây là một cuộc khảo hạch, giống như đang thi với loại đề đúng sai, bà rất bình tĩnh, nếu rõ những gì cần phải đáp, rồi giao trình bài giải đáp của bà.

Chúng ta không biết đây là người đang khảo hạch, nên cứ theo khi tình thông tục của mình mà giao nộp một bài giải đáp tệ hại. Như thế này thì tại nơi tuyển Phật chúng ta chuẩn bị được mấy phần chứ?

Chúng ta thử nghĩ xem, nếu có người mắng trách chúng ta trước mặt mọi người rằng chúng ta làm ra vẻ bề ngoài thì nghe xong chúng ta liền tỏ vẻ không phục. Như thế chính là không bị đánh mà tự thú. Vì một khi giận dữ là tỏ ra trong lòng chưa được quán chiếu. Người ta chỉ nói một câu mà chúng ta đã sinh phiền não, điều này chứng minh rằng công phu tu hành nội tâm của chúng ta hoàn toàn chẳng có gì, có chăng chỉ có bề mặt bên ngoài mà thôi. Mọi thứ công việc là đều nhằm giúp chúng ta cơ hội mượn cảnh để luyện tâm. Nếu chúng ta không hiểu rõ

được ý nghĩa này mà khéo lợi dụng hoàn cảnh trong công việc để hàng phục cái phiền não tham, sân, si, mạn của tự mình thì mọi công việc được làm như thế quả thực chỉ là mặt ngoài, chẳng có công phu thực tế gì.

Nếu người ta phê bình chúng ta không đúng mà chúng ta tỏ ra không vui thì điều này biểu lộ rằng động cơ khiến chúng ta làm việc còn có cái tâm mong người khác khen ngợi đang tiềm ẩn bên trong. Như thế là nội tâm chẳng có chút gì là thanh tịnh. Nếu nội tâm không thanh tịnh được thì dù có làm những công việc lớn lao bao nhiêu cũng chỉ đều có mặt ngoài mà thôi. Lời dạy của Lão Hòa Thượng chính là sự đề tỉnh rất tốt khiến cho chúng ta tự phản tỉnh, xem chúng ta có thực hiện công phu nội tâm chân thực hay không. Nếu như chân tâm tu hành, nội tâm được quán chiếu thì sẽ không bị người khác bảo mình làm mặt ngoài mà sanh phiền não. Nếu nội tâm nóng giận thì quả là chỉ có làm mặt ngoài mà thôi. Lời phê bình của người khác quả là vô cùng chính xác.

Ân sư kể rằng, vào lúc đang xây dựng chùa Thừa thiên, mọi người đều hợp sức làm việc không ngừng. Một hôm, trong lúc mọi người rất mệt mỏi vì cả ngày phải làm việc hì hục trong đất bùn, Lão Hòa Thượng bỗng đưa ra một cái hộp lớn đựng đủ các loại đinh sắt đã trộn lẫn với nhau và bảo mọi người đem hộp đinh này mà lựa riêng ra từng loại lớn nhỏ, theo kích cỡ khác nhau.

Ân sư tôi kể rằng, bấy giờ bà chợt nghĩ: “Chà! Lão Hòa Thượng, sao mà Ngài lại chọn trong lúc mọi người quá mệt mỏi như thế này mà bảo người ta đi lựa đinh chứ?” Thế nhưng Lão Hòa Thượng vẫn tỉnh bơ sắc mặt, nói: “không lẽ đến khi chết còn để cho cô chọn thời gian sao?” Bấy giờ ân sư tôi vội quì xuống, hiểu ra được ý tứ của Lão Hòa Thượng mà đáp lại: “Đệ tử xin đi lựa đinh đây”. Sau đó bà mới cố sức, phấn chấn tinh thần, lựa đinh phân ra từng cái, theo lớn nhỏ mà xếp thành loại. Lựa đến nửa đêm thì xong, bà đến báo cáo với Lão Hòa Thượng: “Đệ tử đã phân loại đinh xong xuôi rồi”. Lão Hòa Thượng nói: “Lựa cũng là việc của cô, không lựa cũng là việc của cô!”

Chúng ta không có cách gì để chọn cho được lúc sắp chết nhằm vào lúc chúng ta thông thả. Bất kể ba mươi tuổi thì chết, hoặc tám mươi tuổi mới chết, nói chung đó là một ngày già nhất, mệt nhất trong cuộc đời. Cho nên bình thường chúng ta nên luyện tập không kể lúc đau khổ mệt nhọc nào, chúng ta đều phải chánh niệm rõ ràng.

Chúng ta đều biết, Lão Hòa Thượng vốn là người suốt đêm có thể ngồi ngoài trời. Ngài vốn không cần phải xây chùa miếu gì. Có thể nói Ngài xem việc xây chùa miếu là công cụ giáo dục và dùng công cụ ấy để đào luyện đệ tử.

Phụ chú:

Cần đặc biệt chú ý, việc tổ chức xây dựng chùa là do Lão Hòa Thượng đại Bồ Tát bày biện, là một sự giáo dục đặc thù dung cho những căn cơ đặc thù, không thể xem như lệ thường. Vì người ta thường nói: Theo giới của Phật và Kinh Di Giáo thì không được vì tư lợi mà khiến người xuất gia tham gia việc nhà đất, cuộc đất khai hoang, đôn chặt cây cỏ và thực hiện việc buôn bán. Thiền sư Đạo Xước đời Đường từng phạm vào chuyện dưới đây nên bị chướng ngại về việc vãng sinh.

1) Đặt tượng Phật dưới cửa sổ thềm nhà, dành cho mình chỗ tốt ở phòng sâu bên trong (phải cầu sám hối mười phương Phật) (do vì coi trọng mình, xem nhẹ Phật).

2) Sai khiến người xuất gia (phải cầu sám hối chư tăng bốn phương) (do vì không tôn kính Tăng Bảo).

3) Xây dựng nhà cửa, làm tổn thương sanh mạng côn trùng (phải cầu sám hối mười phương chúng sanh) (coi trọng lợi riêng, xem nhẹ tính mạng chúng sanh).

Vì ba tội trên làm tổn hại tâm Bồ Đề, lại tạo thành chướng ngại cho việc vãng sinh Tây Phương. May nhờ Đại sư Thiện Đạo do nhập định mà biết được chuyện ấy của Thiện sư Đạo Xước, khuyên Thiện sư theo đúng pháp mà sám hối tội lỗi. Thiện sư Đạo Xước tuân kính nghe theo, tự xét mình có lỗi như thế, nên nhất nhất rửa tâm mà phát lộ sám hối. (Bấy giờ Thiện sư Đạo Xước đã tám mươi tuổi). Sau khi sám hối xong, Thiện sư Đạo Xước thấy có ánh sáng trắng chiếu rọi, và chư vị Hóa Phật, Bồ Tát hiện ra tướng lành, diệt tội giữa không trung, bấy giờ mới thuận cho việc vãng sinh. Cho nên phải biết rằng, sai khiến người xuất gia xây chùa, chẳng những người phạm phu như chúng ta sơ suất mà bậc hiền như Thiện sư Đạo Xước cũng bất cẩn mà phạm lỗi, phải chịu chướng ngại và chân thành sám hối hướng chi là phạm nhân chúng ta?

Chúng ta nghe chuyện xưa, hoặc xem khảo cổ đề thi nên nắm lấy những trọng điểm mà học tập, chớ nên học sai phương hướng. Ví như một con dao mà ta không biết cách dùng, tay nắm lưỡi dao, cắt đồ vật bằng cán dao, tất nhiên tự hại mình mà không lợi cho ai. Các trọng điểm của khảo cổ đề nêu ra dạy cho chúng ta rằng, bất luận làm việc gì cũng nên mượn sự việc mà luyện tâm, từ bỏ tham, sân, si, mạn, nghi là năm loại phiền não lớn đáng bỏ đi, và đề khởi chánh niệm, vứt bỏ ngã chấp, chứ hoàn toàn chẳng hề dạy chúng ta xây chùa miếu, hoặc mưu tính làm việc này việc nọ, lại càng không phải là khích lệ mọi người nên dùng cách xây dựng chùa miếu để huấn luyện đệ tử. Chúng ta quyết không nên nhầm lẫn. Vì điều khiến chúng ta thành hay đọa lạc đều là do vấn đề "dụng tâm", chứ không phải vấn đề làm nên "sự nghiệp" gì, cho nên trọng điểm của tu hành cũng chính là ở sự luyện tâm, làm cho tâm trong lặng. Do khéo dùng tâm, khéo điều phục tâm, xả bỏ cái tâm chấp trước vọng tưởng, chạy theo chân tâm của Phật, khai mở Phật tính thì mới có thể phát huy diệu dụng "tịch lặng mà thường chiếu sáng, chiếu sáng mà thường tịch lặng", thành tựu mọi sự hóa độ chúng sanh. Nếu như tu hành mà sai, đặt tiêu điểm ở sự thành tựu "sự việc", hoặc đặt ở "cảm nhận thành tựu" của chính mình (gia tăng ngã chấp), mà không chịu đặt tại sự trong lặng của tâm xả bỏ vọng qui về chân, thì như thế việc tu hành sẽ trở thành pháp thế tục hữu vi, làm nô lệ cho sự tương ảo hóa, tối đa cũng chỉ được phước báo hữu lậu ở thế gian, chứ không được cái lợi ích thâm diệu siêu thế gian. Nếu làm việc mà trong lòng còn chứa năm loại phiền não lớn thì phước báo do tu hành chỉ được hưởng trong ba đường ác. Cho nên phải chú ý dụng tâm thì mới không bận bịu suốt cuộc đời, mà chỉ hưởng được phước báo ở ba đường ác.

Thường thường khi chúng ta đang quá mệt mỏi mà có người bảo chúng ta làm việc gì đó thì có thể chúng ta có cảm giác rằng người ấy rất là vô lý, rất là không tế nhị. Nếu chúng ta đang ngủ ngon mà bị người ta gọi dậy làm việc thì có thể chúng ta bực bội, cau có với người ấy. Nhưng Lão Hòa Thượng thường đào luyện đệ tử lại không như thế! Đương nhiên có người không thích, không vui, không hiểu việc đào luyện của Lão Hòa Thượng, nên tự mình đi ngủ trước cho rồi. Nhưng lại có người hiểu rõ tu hành chính là đào luyện tự mình, thường luôn giác tỉnh. Người ấy không cần biết sự việc là hữu lý hay vô lý, cứ việc nêu cao chánh niệm, thực hiện việc đào

luyện mà mình phải thực hiện, giao nộp bài đáp mà mình phải giao nộp. Lão Hòa Thượng nói: tu hành không phải là ở chỗ thảo luận xem sự việc là vô lý hay hữu lý, mà chính là xem khi bạn gặp hoàn cảnh, bạn có thể nhẫn nại hay không nhẫn nại!

Chúng ta cần chú ý lời nói của Lão Hòa thượng: Lựa cũng là việc của cô, không lựa cũng là việc của cô. Quả thực đến Tây Phương cũng là việc của bạn! Bạn phải thường đề khởi tinh thần, chánh niệm rõ ràng, đó cũng là việc của bạn. Bạn muốn hồ đồ trong mập mờ, vọng tưởng phiền não cũng là việc của bạn.

Trong khi tôi bệnh rất thống khổ, ân sư tôi đến bên giường, kể cho nghe sự khai thị của lão Hòa Thượng và quá trình tu hành của chính ân sư. Tôi nghe xong thì rất cảm động, bèn trở nên hăng hái mà niệm Phật, bởi vì niệm cũng là việc của tôi, không niệm cũng là việc của tôi. Cần niệm Phật để vãng sanh Tây Phương là niềm hạnh phúc giải thoát của tôi. Không niệm Phật để phải thống khổ luân hồi đó cũng là việc của tôi, cũng là chính tôi phải chịu khổ.

Chúng ta đều là kẻ phàm phu chưa thành tựu được sức nhẫn nại, trong lúc thân tâm chịu bao nhiêu thứ khổ nhọc, tuy biết rằng đây chỉ là nghiệp báo mà ta phải chịu nhận, cũng không thể an nhiên mỉm cười. Khi chúng ta không chịu đựng được, chúng ta chỉ cần đề khởi tín nguyện. Cũng giống như nửa đêm canh ba phẫn chấn tinh thần, đem đỉnh ra mà lựa, nêu cao tín tâm nguyện lực mà niệm Phật, nhất định chúng ta về đến Cực Lạc Tây Phương. Con đường này là con đường không ngừng đề khởi tín tâm nguyện lực, đó chính là con đường lấy thống khổ chuyển thành hoa sen rực rỡ.

Có người đến chùa miếu yêu cầu sư phụ đánh hương bản để tiêu trừ nghiệp chướng. Ân sư tôi bèn nói, nếu chính mình yêu cầu người khác đánh hương bản thì trong lòng đã có chuẩn bị, đương nhiên khi bị đánh, trong lòng không sinh phiền não. Nếu không có chuẩn bị mà bất ngờ bị người ta đánh một cách vô lý thì đây mới là sự khảo nghiệm, mới có thể hiểu rõ được trình độ và sự phiền não của chính mình. Cho nên ân sư tôi mới quì xuống khẩn cầu Lão Hòa Thượng từ bi, giúp bà phá bỏ cái phiền não "ngã tướng". Lão Hòa Thượng nghe xong liền nói "Tốt, tốt, tốt!", nhưng ân sư tôi cũng chẳng hề phải biết phải làm sao. Mỗi ngày bà đều quì khẩn cầu Lão Hòa Thượng, Lão Hòa Thượng vẫn cứ nói: "Tốt, tốt, tốt", nhưng chẳng có động tịnh gì. Ngày tháng trôi qua, ân sư tôi lại bận nhiều việc nên dần dần quên đi.

Một hôm, rất nhiều quan viên chính phủ, giáo sư đại học Đài Loan, nữ giáo viên Bắc Nhất đến chùa Thừa Thiên bái kiến Lão Hòa Thượng. Lão Hòa Thượng bèn gọi ân sư tôi đến phiên dịch. Khi ân sư tôi bước vào, theo thường lệ cùng mọi người niệm A Di Đà Phật, khi chấp tay chào hỏi, bỗng nhiên Lão Hòa Thượng dùng động tác rất khoa trương cổ quái, và chấp tay nói: A Di Đà Phật! Ân sư tôi chợt thấy hôm nay khác mọi khi, vội vàng chạy tới quì trước Lão Hòa Thượng. Lão Hòa Thượng nói: "Ở đây có đông đảo tại gia cư sĩ, cô quì như thế và muốn làm mất phước của người ta à?"

Ân sư tôi không dám quì nữa, liền vội vàng đứng lên. Lão Hòa thượng lại nói: "Cô gan quá! Dám đứng cao hơn thầy ư!" Đến nước này, quì cũng không được, đứng cũng không được, muốn đứng ngang thầy, ngồi ngang thầy lại càng không được, thật là khiến người ta không biết phải làm sao cho đúng. Hôm ấy, có rất nhiều người đến xin qui y. theo lệ thường, các chứng điệp qui y đều do ân sư tôi đảm trách, hoặc do các vị khác thay Lão Hòa Thượng điền tả chọn pháp danh. Nhưng hôm ấy, Hòa Thượng lại nói với mọi người: "Các vị xem kia! Cô ta tự đứng ra chủ trương, các chứng điệp qui y đều do cô ta viết, chẳng kể gì tới ai, trong lòng có

chút gì tôn trọng sư trưởng đâu. Các vị muốn thỉnh tôi tác chứng qui y hay là muốn thỉnh cô ta?”

Ân sư tôi nghe xong không dám tiếp tục viết nữa, vội vàng lấy các chứng điệp qui y sửa lại, rồi đưa đến trước mặt Lão Hòa Thượng. Lão Hòa Thượng lại nói: “Hả? Ta mới nói có hai câu mà đã sinh phiền não, không chịu ghi chép nữa! Lại một mực đòi ta phải ghi chép!?”

Cả chông lớn thế này làm sao ta viết nổi, làm sao ta chọn pháp danh cho được! Hay chọn pháp danh là Truyền Viên (tròn)? Truyền Biển(đẹp)? Truyền Hàn (mặn)? Truyền cam (ngọt)? Đột (lời)? Truyền Ao (lõm)?” Nói ra cũng thật là thú vị, Lão Hòa Thượng quả là có công phu tu hành. Mọi người được Ngài đặt pháp danh là Truyền Hàm, Truyền Cam..ai cũng rất vui mừng.

Bây giờ ân sư tôi không biết phải làm sao. Thế này cũng không được, thế kia cũng không được, bà chịu không được, nước mắt tuôn trào.

Lão Hòa Thượng lại nói với mọi người: “Quý vị xem kia! Nói với cô ta hai câu mà cô ta đã trào nước mắt, chắc là muốn làm cho mọi người thương hại đó!” trào nước mắt cũng không được, ân sư chỉ còn cách nhắm mắt lại, hít vào một hơi dài, niệm Phật, bắt đầu tư duy quán tưởng – không có một”người” đang mắng trách ta, cũng không có một cái”ta” đang bị người mắng trách. Cũng không có”Câu mắng trách của người” Tam luân thể không).

Lão Hòa Thượng lại nói: “Các vị xem! Cô ta đang ở đó, mắt quán mũi, mũi quán tâm, làm bộ như có tu dữ lắm!” Mọi người đang có mặt tại đó đều chung hứng, tất cả đều đổ vào nhìn bà. Ân sư tôi kể, lúc đó bà muốn tìm một cái hang để chui vào, và cũng muốn chạy trốn cho xong.

Nhưng Lão Hòa Thượng lại nói: “Chạy đi đâu? Đứng lại nào!” Quả là khởi tâm tức là sai, động niệm tức là bậy, không biết phải làm sao cho đúng, cũng phải chịu đựng thôi.

Nhưng đến khi thời tiếp khách đã qua,Lão Hòa thượng lại điềm nhiên như không có chuyện gì, bình tĩnh cười hì hì, mang sữa đến cho ân sư tôi và nói: “Cho cô uống đó”.

Đến giờ tiếp khách chiều, thì Lão Hòa Thượng lại làm như hồi sáng, mở đầu thế này cũng không đúng, chê thế này, chê thế nọ, chê đến nỗi người ta phải làm sao cho đúng. Nhưng đến khi xong thời tiếp khách thì Ngài lại coi như không có chuyện gì.

Ân sư tôi còn nhớ: “Suốt cả ngày hôm nay, quả thực không biết mình đã phạm lỗi gì mà cái gì cũng bị Lão Hòa Thượng quở mắng?” Trong lòng ân sư tôi khởi ý: “Ta phải đi hỏi xem, xem rốt lại có cái gì không đúng!” Bà nghĩ như thế bèn đi đến phòng phương trượng gõ cửa và bước vào. Lão Hòa Thượng thấy bà đến, làm bộ như giật mình, lấy tay vỗ vào ngực mà nói: “Ai đó, hãy xóa bỏ cái phiền não”ngã tướng” cho cô ta đi. Vừa mới nói với cô ta có hai câu, cô ta đã đòi đi hỏi xem sao! Nếu đánh cô ta bằng hương bản há cô ta không đi gọi cảnh sát sao!?” Mới vừa khởi lên một niệm tâm bất mãn, muốn “hỏi xem sao!” đã bị Lão Hòa Thượng thu mất làn sóng điện, chư Phật mười phương, chúng ta có niệm tâm nào che mắt được Thánh hiền chăng?

Ân sư tôi nghe Lão Hòa Thượng nói thế thì trong lòng liền hiểu rõ.Thì ra Lão Hòa Thượng từ bi đáp ứng lời thỉnh cầu của mình mà đưa ra khảo đề! Nghĩ thế ân sư tôi bèn qui xuống sám hối, cảm ơn. Lão Hòa Thượng lại nói: “Ta hỏi cô! Pháp danh của cô có phải do ta chọn chăng? Ta đặt pháp danh của cô là Truyền Tịnh, thì cô chính là Truyền Tịnh. Ta gọi cô là Truyền Duyên thì chính cô là Truyền Duyên. Nếu một hôm nào cô chết đi, ta gọi cô là Truyền Tịnh, cô hồi đáp được chăng? Lốp da trên mặt này nếu bị lột đi, thì phần dưới là cái gì chứ? Cái mặt dễ thương như thế này! Cái gì là ngã? Cái gì là mặt mày?”

Chúng ta thường phân biệt rõ ”mặt mũi” là cái gì, ”ngã” là cái gì, mà cứ mãi bảo vệ, một mực nắm giữ. Khi bình tĩnh tự hỏi mình ”ngã” là cái gì thì lại không biết rõ chân tướng. Suốt cả đời làm việc hồ đồ không phải vì chân lý mà chỉ vì mặt mũi, chẳng biết suy nghĩ được cái gì?

Chúng ta thường đọc kinh Kim Cương ”Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng” (không có tướng về tôi, không có tướng về người, không có tướng về chúng sanh, không có tướng về người thọ mạng), và ”nếu Bồ Tát mà có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, thì đó không phải là Bồ Tát”. Đọc kinh là đọc như thế, nghe kinh là nghe như thế. Khi nghe thì giống như là giải thoát tự tại, nhưng khi khảo đề được đưa ra, có người ghét chúng ta, y trách mắng chúng ta, thì chúng ta liền bảo vệ ý nghĩ của mình, thậm chí rất bực bội. Trong lòng có cái quan niệm về ”ngã”, cảm thấy cái ”ngã” bị người ta trách mắng, đó chính là ngã tướng, nhân tướng đều bị ều lộ ra. Ngoài việc chứng minh chính mình là kẻ phạm phu đáng thương, chẳng hề là Bồ Tát, thật là vô ích vậy.

Đâu đâu người ta cũng bảo vệ một cái ”ngã”. Ta mới bị người ta hiềm ghét đã cảm thấy không còn mặt mũi nào, không thoải mái, hy vọng người khác quan tâm ta, tôn trọng ta, công nhận ta tốt. Như thế là bồi dưỡng ngã tướng và ngã chấp. Đức Phật dạy chúng ta phải phá bỏ những thứ ấy, mà hàng ngày chúng ta phải bồi dưỡng chúng, lại cho rằng mình đang học Phật. Kỳ thực hằng ngày chúng ta xướng ngược điều, cãi lại với Phật; có điều chúng ta rất ít khi tự mình phát hiện được điều này, mà chỉ nghĩ đến mặt mũi của chính mình. Điều này chẳng cần ai dạy bảo, ngay đứa trẻ con cũng biết. Chúng ta có thể hiểu rằng, nếu cha mẹ chúng ta la mắng anh em chúng ta mà không phải là la mắng chính chúng ta, thì chúng ta không cảm thấy bực bội lắm. Giả như đó là la mắng chính chúng ta thì chúng ta lại bực bội. Nếu sáng nay ông chủ của bạn la mắng các đồng sự của bạn mà không la mắng bạn thì nghe xong bạn cảm thấy mát mặt. Như thế đủ biết khi la mắng đến cái ”ngã” của ta thì vấn đề ”ngã” không phải là vấn đề của nội dung của sự la mắng. Lão Hòa Thượng dùng phương pháp thiện xảo đưa ”bệnh” ra, để chúng ta cảnh giác mà sửa đổi.

Nếu chúng ta không tự phát hiện ra chính mình đang chấp trước một cái ”ngã”, không phát hiện ra bệnh của chính mình thì không có cách gì để trừ loại nó. Lòng từ bi, sự khéo léo và việc dạy dỗ của Lão Hòa thượng chính là nêu rõ ra cái bệnh của chúng ta, khiến chúng ta đối mặt với cái bệnh chấp trước của chính mình để chúng ta cải tiến và phá trừ nó.

Người ta mắng riêng chúng ta, chúng ta còn cảm thấy bực bội thay, huống chi Lão Hòa thượng lại chọn nơi rộng rãi, có đông người lại có cả quan chức, học giả thì mới cố ý trách mắng này nọ, trách mắng để cho bạn hiểu ra rằng, khởi tâm là sai, động niệm là bậy, ngay đó thì ngoài việc niệm Phật, không phân biệt, không chấp trước, không ngã tướng, không nhân tướng, quả thực không còn cách gì khác. Người ”hiểu” thì ngay đó liền xả bỏ vọng, Qui về chân thông đạt đạo lớn, bỏ ta bà, chứng Cực Lạc. Người ”không hiểu” thì ngay nơi cái giả tướng hư vọng lại tăng thêm cái phân biệt hư vọng, kết quả là một con ác mộng hư vọng. Như thế thì ngoài cái lao khổ vì sinh tử, chẳng biết được cái gì thêm!

Mỗi lần ân sư tôi kể cho tôi nghe về việc Lão Hòa Thượng đã khảo nghiệm, chỉ dạy bà, tôi thường phải cười, lại phải khóc, phải cảm động, phải hổ thẹn, sám hối. Cười là vì rất vui mừng có nhân duyên gặp được sự khai thị như thế, có cơ hội thấy rõ bệnh của chính mình. Khóc là vì tự mình cũng không giác tỉnh, vẫn bị ngã tướng xoay chuyển; tôi cảm động vì ân sư tôi đã ở dưới tòa của Lão Hòa thượng, được Ngài đào luyện gần hai mươi năm. Cách đào luyện bằng các khảo đề như thế, cứ mỗi ngày đổi hình thức, đổi hoàn cảnh mà khảo lui, khảo tới. Cái khí

vị ấy chỉ có việc tự thân trải qua hoàn cảnh thì mới có thể hiểu đầy đủ, hổ thẹn là vì, nếu tôi bị khảo hạch bằng các khảo đề ấy thì tôi không thể đáp ứng được. Nếu một người không hiểu rõ mục tiêu tu hành là "vứt cái phiền não của chính mình, buông sự chấp trước đối với tự ngã, khôi phục Phật tính xưa nay vốn thanh tịnh" thì hàng ngày gặp những khảo đề do hoàn cảnh ắt phải cứ tranh cãi: tôi không có gì sai, vì sao anh lại mắng tôi? Như thế đều là tranh "anh vô lý, tôi có lý", tranh qua tranh lại, bất quá cũng chỉ là anh và tôi, là vấn đề ai đúng, ai sai, đó gọi là "nhân, ngã, thị phi". Có khi chúng ta tưởng rằng mình tu pháp môn Tịnh Độ Niệm Phật, nhưng kỳ thực hầu hết đều là pháp môn "nhân, ngã, thị, phi": Nếu nói phải niệm Phật thì bảo là khí lực không đủ, dễ bị buồn ngủ; nếu nói phải tranh luận thì rất hăng say, không bị buồn ngủ. Nếu đọc kinh A Di Đà tức là bảo rằng niệm Phật thì phải nhất tâm không động loạn, đến khi sắp mất tâm không điên đảo. Không cần chi phải nói đến hoàn cảnh nghiêm trọng của lúc sắp chết, của cửa sinh tử; ngay lúc bình thường, người ta hiềm khích chúng ta một câu, hoặc trách mắng oan uổng chúng ta giữa đông người, chúng ta liền để cho người ta thấy mình bị "loạn"! Một hôm nào nhận lầm rằng những chuyện nhỏ nhặt của cõi Ta Bà này là rất trọng yếu mà quên Phật đi thì không những chỉ bảo cho người ta thấy mình bị loạn, thậm chí còn tỏ ra cho người ta thấy mình bị "chết". Đức Phật dạy chúng ta nên thu thập ba thức ăn tín, nguyện, hạnh, nhất tâm niệm Phật, thế mà chúng ta thường tu ba thứ độc tham, sân, si, nhất tâm niệm tự. Như thế chẳng phải là chúng ta cứ chuyên xướng ngược điều, cãi ngược với lời đức Phật hay sao? Đây chính là chúng ta nuôi lớn chí khí của người khác mà dẹt cái uy phong của chư Phật, chư Tổ! Người ta mới mắng trách chúng ta có hai câu mà chúng ta đã xem nặng như thế; còn Đức Phật giảng kinh bốn mươi chín năm, mong chúng ta tu tập từ bi, nhưng chúng ta lại chẳng xem ra gì. Phải chăng điều ấy biểu lộ ra rằng người trách mắng bạn lại có uy lực hơn Đức Phật? Điều ấy cũng chứng minh rằng người trách mắng bạn là quan trọng, là có sức ảnh hưởng đối với bạn, cho nên một câu trách mắng của người ấy còn vượt hơn cả một bộ Đại Tạng Kinh mà Đức Phật đã giảng dạy. Cứ so sánh sức hấp dẫn ấy mà xem thì phải chăng bạn đã bị người ta kéo vào sáu đường luân hồi? Phải chăng bạn không chịu cho Đức Phật đưa bạn đến thế giới Cực Lạc ở Tây Phương? Hai câu nói của người ta có sức hấp dẫn đến thế nào mà khiến cho bạn quên cả Đức Phật, tâm bạn rối bời!

Bình thường còn như thế, đến khi sắp chết e rằng cũng bị người ta làm cho loạn động. Người ta nói có hai câu đã vượt quá sức hấp dẫn của chư Phật và chư Bồ Tát đến đưa chúng ta đến Hải hội Liên trì! Như thế chính là bạn chọn người ta chứ không chọn Hải hội Liên trì. Như thế thì chớ lấy làm lạ là Đức Phật không từ bi mà chính là bạn không tương ứng với từ bi. Chúng ta cần chú ý, bình thường, khi người hiềm khích chúng ta, trách mắng chúng ta, đó chính là khảo đề được đưa ra để sát hạch cái tín nguyện vãng sanh Tây Phương của chúng ta, xem chúng ta coi Phật là trọng, hay coi nhân ngã thị phi là trọng?

Có người nêu nghi vấn: Lão Hòa thượng trách mắng đệ tử trước mọi người có thể gây hại, tạo nghiệp cho mọi người chăng? Vì có người không biết rằng Lão Hòa thượng muốn đáp ứng khẩu cầu của đệ tử và "vứt bỏ ngã tướng" nên Ngài mới bày ra cách giáo dục phản ngược", cho nên rất có thể sinh ra bao thứ hiểu nhầm. Có thể có người cho rằng Lão Hòa thượng trách mắng bừa bãi, không có tu dưỡng, thậm chí cho rằng lão Hòa thượng tạo khẩu nghiệp mà sinh lòng khinh mạn. Có thể có người cho rằng vị đệ tử bị la mắng là không tốt, rồi cứ theo khẩu khí của Lão Hòa Thượng mà đồn khắp rằng người đệ tử ấy không tốt, mà tự tạo tội phi báng tăng. Đương nhiên cũng có người hiểu rõ dụng tâm của Lão Hòa thượng mà tán thán. Cũng có người

thấy vị đệ tử nhẫn nhục tại đây mà tự sinh lòng hổ thẹn. Cũng có người nhất tâm niệm Phật, không vì cái thị phi của người khác mà sinh tâm vọng động. Cũng có người nhân đó mà đạt được yếu chỉ bí mật của khảo cổ đề, lấy đó làm chỉ tiêu tu học cho chính mình...

Trước đây chúng ta đã nói: Thầy giáo ra một đề thi, các học sinh có những đáp án không giống nhau, mỗi người khởi tâm động niệm không giống nhau, các đáp án giao nộp không giống nhau, đương nhiên thành tích của mỗi người cũng không giống nhau! Bề ngoài thì Lão Hòa thượng khảo hạch một đệ tử, nhưng sự thật là "đưa ra một đề để mọi người khảo sát!"

Lão Hòa thượng từ bên trong quan sát trình độ của mỗi người, rồi theo đó mà bỏ khuyết chỉ vẽ cho thích hợp. Đó là lòng từ bi rất thâm sâu của Lão Hòa thượng. Nếu ngay đó mà Ngài thấy mọi người không hiểu mà tự khởi tâm tạo nghiệp thì đó hoàn toàn là tự chọn giao nộp những đáp án ngu si, ác nghiệp, chứ có ai ép buộc chúng ta phải khởi niệm bất thiện đâu? Đó là khuynh hướng tự tâm của mình vậy!

Mỗi một niệm đều không phải ngẫu nhiên cùng một hoàn cảnh mà dễ sinh lòng khinh mạn, đó chính là người xem trọng tâm kiêu ngạo. Còn xem mà không hiểu cách giáo dục thì đó chính là người không rõ sự lý. Người nhìn mà không hiểu rồi đôn đại, hủy báng loạn cả lên, là người ưa thị phi, ưa tạo khẩu nghiệp. Người nhiếp tâm chánh niệm nghiêm túc là người cung kính cầu pháp. Người có thể lấy thiện làm vị thầy chính diện, lấy ác làm vị thầy phản diện, chính là người có trí tuệ khéo học.

Phật dạy: "Ta trong một niệm nhìn thấy ba đời". Thực ra, cứ nhìn một niệm sinh ra ngay đó, là biết việc tu hành trong quá khứ tích lũy thế nào; cũng có thể niệm này có ảnh hưởng đối với vị lai. Nay chúng ta gặp hoàn cảnh mà sinh ra tâm niệm như thế nào, cũng đều không phải do người khác ép buộc mà chính là do tâm mình lựa chọn. Cho nên, không nên nói "ai hại chúng ta như thế nào...". Nếu chúng ta tự nhiếp tâm, kiểm soát tâm mình cho tốt thì ai có thể hại chúng ta được?

Vị thầy vốn có tự do nêu đề ra, nêu các đề thị phi. Học sinh cũng tự do đáp đề, dùng trí tuệ của mình để quyết định thành tích của mình. Như thế đâu có ai hại ai? Lão Hòa thượng mượn hoàn cảnh để giáo dục, bạn muốn thọ giáo thì chính bạn được lợi ích. Bạn không hiểu, lại không chịu khiêm tốn cầu học, không muốn đến Tây Phương, lại muốn tự tạo nghiệp mà bị đọa, thì đó cũng là sự tự do của bạn. Đức Phật đã sớm nhọc tâm khuyên dạy chúng ta chớ có tạo nghiệp như thế. Nhưng chúng ta không hẳn đã nghe lời, thường mơ mơ hồ hồ, nhìn bậy, nghe bậy, đồn bậy theo người ta. Lão Hòa thượng đã từng cảnh cáo "Không có chuyên chú gì, làm sao đến Tây Phương!" là đúng vậy. Kiểm soát tâm mình không được, buông trôi mặc kệ, gặp cảnh thì khởi tâm loạn cả lên, tạo nghiệp loạn cả lên, thì phải suốt đời chùng nào mới thật có cái nguyện đến Tây Phương?

Chúng ta đến đạo trường, vốn là để khiêm tốn thọ giáo, do "cách giáo dục" mà hiểu được của chính mình, tự tu sửa cho tốt thì mới gọi là "tu hành". Nếu không biết rõ mục tiêu chính đáng, mà lại đặt tiêu điểm ở nhân ngã thị phi, tạo nghiệp đọa lạc, há chẳng oan uổng sao! Làm cho trường thành ra "đạo trường" (là nơi rác rến, đọa lạc) thiệt là đáng thương!

Khi công trình xây dựng chùa Thừa Thiên hoàn tất, rất nhiều người vô cùng khen ngợi, thậm chí một số chùa miếu sắp xây dựng muốn mời ân sư tôi đến tham khảo. Lão Hòa thượng thấy tình hình như vậy thì nói với ân sư tôi: "ta rất rất lo rằng cô sẽ là một tu sĩ ứng phó với người đời. Việc xây dựng chùa Thừa Thiên hoàn thành tốt đẹp, thanh danh và lợi dưỡng đến, e rằng sẽ làm tổn hại đến pháp thân tuệ mạng của cô. Ta muốn vứt bỏ thanh danh, lợi dưỡng của cô,

cứu tuệ mạng pháp thân của cô!” Ân sư tôi nghe Lão Hòa Thượng nói thế, thì cho rằng rất phải, bèn nói rằng”phải lắm”, vì bình thường Lão Hòa thượng làm gì cũng đều như thế.

Sau khi Lão Hòa thượng nói như thế, có người lên núi thỉnh giáo Ng ài, hỏi rằng;”Niệm Phật nên niệm thế nào mới được nhất tâm, không động loạn?” Lão Hòa thượng dùng tiếng Đài loan mà nói: “Có người bị”Thần cuồng cảm” nhập mà phát tác, không chịu lui, cho rằng chùa Thừa Thiên là do người ấy xây, chúng sinh được người ấy độ!” Rồi Ngài gọi ân sư tôi đến phiên dịch. Câu này rất khó dịch ra quốc ngữ. Ân sư tôi dịch tạm rằng: có người cuồng vọng, ngu si phát tác, như bị quỷ thần cuồng cảm nhập vào thân, đã phát tác rồi thì không chịu thoái lui, không để cho bị bắt, người ấy cho rằng chùa Thừa Thiên là do người ấy xây, chúng sinh là do người ấy độ. Người đến thỉnh vấn nghe xong liền giật mình, vội vàng giải thích: “Lão Hòa thượng, tôi mới đến chùa Thừa thiên lần đầu. Tôi chưa hề nói chùa Thừa Thiên là do tôi xây, cũng không hề nói chúng sinh là do tôi độ!” Thế nhưng Ân sư tôi hiểu dụng ý của Lão Hòa thượng nên cứ bình tĩnh mà phiên dịch.

Từ đó về sau, bất kể có ai hỏi vấn đề gì, Lão hòa thượng cũng cứ một mực đáp lại;”Có người bị Thần Cuồng Cảm nhập vào mà phát tác, không chịu lui, cho rằng chùa Thừa Thiên là do người ấy xây, chúng sinh là do người ấy độ”. Và Ngài gọi ân sư tôi đến phiên dịch. Tình trạng này liên tục đến một hai tháng. Có người nghe được thì cảm thấy bức bối. Nhưng ân sư tôi vẫn thường nén bức bối, vẫn thường nhẫn nại mà bình tĩnh phiên dịch. Rồi một hôm bà rất cẩn trọng, đáp y để lạy tạ Lão Hòa thượng đề tỉnh, xin Lão Hòa thượng hãy yên tâm, và tự nhận bà không còn nhầm lẫn, chấp trước trong lòng. Lão Hòa thượng nghe xong liền lắc đầu mà nói: “Còn sớm đấy!” Hôm sau, Lão Hòa thượng lại tiếp tục nói: “Có người bị Thần Cuồng Cảm nhập mà phát tác mà không chịu lui...”. sau đó một thời gian, ân sư tôi tự mình kiểm thảo, lại đến bái tạ Lão hòa thượng, xin Ngài yên tâm. Bây giờ Lão hòa thượng mới thôi không nói lời khai thị ấy nữa.

Có người lấy làm lạ tại sao Lão Hòa thượng muốn giúp một đệ tử phá trừ chấp trước mà lại nói cùng một điều như nhau với bất cứ người khách nào đến hỏi. Thực ra, Lão Hòa thượng chỉ dạy như thế là có lợi ích cho mỗi người chúng ta. ví như trước đây đã nói có người hỏi: “niệm Phật thì nên niệm như thế nào mới được nhất tâm không bị động loạn?” Chúng ta thử nghĩ xem, vì sao chúng ta không thể nhất tâm, không bị động loạn? Đó là vì chúng ta đều bị bệnh cuồng vọng phát tác, đã phát tác mà không thoái lui! Có người không hiểu tiếng Đài Loan, không biết Lão Hòa thượng nói Thần Cuồng Cảm là gì, chúng ta miễn cưỡng vừa theo ân nghĩa mà giải thích, thông thường tiếng Đài Loan dùng chữ”Đài” để miêu tả bệnh tật phát tác, hoặc đồng cốt bị quỷ thần nhập vào thân mà khởi lên trạng thái vừa nhảy, vừa nói. Thần Cuồng Cảm”Đài” là Lão Hòa thượng hình dung chúng ta dường như bị quỷ thần”Cuồng Cảm nhập vào thân mà phát bệnh cuồng loạn.”Cuồng” là phát cuồng, (chữ cuồng của cuồng vọng),”Cảm” ý là ngu si, ngốc nghếch. Sự chấp trước, vọng tưởng của chúng ta suốt ngày không dứt, giống như phát cuồng, tự mình không khống chế được. Sự chấp trước vào tự ngã, cái tâm ngạo mạn rất nặng, đó phải chăng là rất ngu si?đó là bệnh cuồng vọng, ngu si phát tác, mà đã phát tác rồi thì rất nghiêm trọng, không muốn nó phát tác nó vẫn cứ phát tác! Lão Hòa thượng nói”Thần Cuồng Cảm” phải chăng là một sự hình dung rất sát hợp? Chúng ta niệm Phật mà không chuyên tâm đó là sự chấp trước, vọng tưởng nhiều, bệnh cuồng vọng, ngu si không ngưng, kinh Lăng Nghiêm cũng nói cho chúng ta biết, nếu cuồng tâm dứt là Bồ Đề. Chỗ ngưng nghỉ của cái cuồng tâm ngưng nghỉ chính là sự giác ngộ của Bồ Đề.

Dưới đây phải nói lại, vì sao có người chưa từng đến chùa Thừa Thiên mà Lão Hòa thượng cũng nói với người ấy”ông cho rằng chùa Thừa Thiên là do ông xây dựng, chúng sinh là ông cứu độ”. Vì trong lòng mỗi người chúng ta đều có”chùa Thừa Thiên” của sự chấp trước tự kỷ.

Nếu người phụ nữ chính trong gia đình, mỗi ngày chăm sóc gia đình mình, xây dựng gia đình thì lâu ngày bà ta sẽ chấp trước, cho rằng gia đình này là do”ta” xây dựng,”ta” bỏ nhiều công sức, điều này cũng giống như cho rằng chùa Thừa Thiên là do”ta” xây dựng, và lại còn chấp trước rằng”Chồng con ta đều do ta chăm sóc”. Chồng và con cái của người phụ nữ chính trong gia đình, chính là chúng sanh trong mắt tâm của bà. Bà sẽ cho rằng các chúng sanh này là do bà cứu độ.

Nếu một người kinh doanh một công ty nào đó, hoặc phục vụ tại một cơ quan nào đó, lâu ngày người ấy cũng sẽ cho rằng, công ty là do”ta” kinh doanh, các viên chức là do”ta” chăm sóc, công ty này, cơ quan này là chùa Thừa Thiên trong mắt tâm của người ấy. Người xuất gia cũng như thế, mỗi người có đạo trường riêng của mình. Nếu mỗi ngày vị ấy lo toan thực hiện các công việc trong đạo trường thì cũng có thể vị ấy cho rằng các sự việc kia đều do”ta” làm. Bao nhiêu người vì”ta” mới học tập, thì đó cũng là chùa Thừa Thiên trong mắt tâm của họ.

Hễ khi nào có suy nghĩ như thế nào và lại cứ cho rằng như thế ấy thì đó chính là điều Lão Hòa thượng đã nói: “Có người bị bệnh cuồng vọng ngu si phát tác, phát tác mà không dứt, cho rằng chùa Thừa Thiên là do người ấy xây dựng, chúng sinh là do người ấy cứu độ”.

Có vị đệ tử phản ứng Lão Hòa thượng rằng: “Công việc quá bề bộn, con không có thời gian niệm Phật”. Lão Hòa thượng hỏi ngược lại: “Các người không biết dụng công trong cái động ư?” Ví như khi cắt thức ăn, cắt một nhát niệm một câu A Di Đà Phật, khi khiêng gạch, khiêng một viên niệm một câu A Di Đà Phật; khi đi đường bước một bước niệm một tiếng A Di Đà Phật; khi nói chuyện với người ta, mỗi khi ngưng nói lại niệm Phật. Khi làm một việc gì thì giữ tâm bình khí hòa mà làm, luyện tập trong sinh hoạt, mỗi động tác đều niệm Phật. Đó chính là dụng công trong cái động.

Một hôm đang lúc bận công vì công trình xây dựng, các công nhân đều chuẩn bị làm việc, Lão Hòa thượng biết ân sư tôi đang chuẩn bị làm việc, xử lý nhiều vấn đề, Ngài cố ý gọi bà mà nói: “Bây giờ cô hãy đi mài dao, mài cho thật kỹ”. Lúc này ân sư tôi cảm thấy rất khó khăn: công việc đang nhiều lại rất bận rộn, công nhân đang chờ thế mà Lão Hòa thượng lại bảo đi mài dao cạo đầu! Thế nhưng lệnh của thầy thì không được cưỡng, chỉ còn cách là mau mau đi mài dao. Mài xong, bà vội đến báo với Lão Hòa thượng. Lão Hòa thượng chẳng màng để ý đến bao nhiêu xe chuyên chở đang chờ đợi ở đây, làm như chẳng có việc gì cứ thanh thản, rồi bảo muốn kiểm tra lại viên đá mài dao của bà. Ân sư tôi liền đem viên đá mài dao cho Lão Hòa thượng kiểm tra. Lão Hòa thượng xem qua rồi nói: “Viên đá mài dao này chỉ được mài ở khoảng giữa này, hai đầu không được mài, đủ thấy tâm không được bình tĩnh, dùng sức không đồng đều, chúng tỏ mài dao trong khi gấp rút bận rộn”. Sau đó ngài lại bảo ân sư tôi quay về mài lại! Ân sư tôi tuy biết, đây là sự giáo huấn từ bi của Lão Hòa thượng, nhưng dù công việc quá nhiều, do áp lực bà vẫn phải vội vàng quay về mà mài lại.

Lần này bà lại mài ở hai đầu viên đá mài, khiến viên đá mài phẳng ra, sau đó lại đưa viên đá cho Lão Hòa thượng kiểm tra. Lão Hòa thượng xem xong bèn nói: “Đây là làm cho người ta xem, mài cho người khác kiểm tra nên mới mài thêm hai đầu viên đá, chứ thật ra không chân chính dụng tâm, nên mài bình thường!” Ân sư nghe xong liền quì xuống, sám hối với Hòa thượng, xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy: Mài dao thì nên mài như thế nào?

Lão Hòa thượng liền nói: “Hai bàn tay cầm dao, trong lòng niệm Phật, an định bình tĩnh, mài từ đầu đến cuối viên đá mài, dùng sức đồng đều, mài một nhát, niệm một câu A Di Đà Phật, bất kể việc nhiều bao nhiêu, bận rộn bao nhiêu, tâm không động loạn, mỗi nhát mài đều không sai chạy, không gấp gáp cũng không chậm chạp. Vì tu hành là tu cho chính mình, là mượn cảnh mà luyện tâm, mượn công trình xây dựng mà đào luyện tâm của chính mình, hoàn toàn không phải là muốn làm cho người ta xem, hoặc để cho người ta kiểm tra.” Lão Hòa thượng bèn đưa viên đá mài của Ngài ra, ân sư tôi nhìn thấy, quả là tâm phục khẩu phục. Viên đá mài dao của Lão Hòa thượng bằng phẳng, phẳng đến sáng ngời, đó chính là quá trình dụng công chân thực của nội tâm.

Lão Hòa thượng cố ý trong lúc người ta bận rộn, hoàn cảnh rối loạn và tâm cấp thiết mà huấn luyện đệ tử an định tâm, đi mài dao. Thực ra, sự vật ở thế gian này đều là ảo hóa, công trình cho dù có đồ sộ, chùa miếu xây dựng có to lớn bao nhiêu thì một ngày kia cũng sẽ biến thành bụi bặm, chỉ có một niệm thanh tịnh, an định của nội tâm, công tác chỉ là đề mục để chúng ta dụng công luyện tâm mà thôi.

Một hôm, ân sư tôi cùng đại chúng xuống núi, đến dã ngoại làm việc. Bà để chiếc nón dưới đất. Một con rết bồng bò núp trong nón mà ân sư tôi không biết. Trước khi đội bà vỗ nón mấy cái, vừa mới đội lên bị con rết cắn, làm cho đầu bà vừa đỏ vừa đau, lại sưng lên! Nhưng vì ai cũng lo làm việc, dù vết thương của bà rất đau, bà cũng cố chịu đựng mà làm việc. Sau đó, đau quá đứng không yên bà mới đi báo cáo với Lão Hòa thượng. Lão Hòa thượng chẳng hề hỏi bà vết thương như thế nào, có nặng lắm không, mà chỉ hỏi: “Con rết ấy thế nào?” Ân sư tôi đáp: “Lúc bị cắn đau quá, con không thấy rõ, ném cái nón đi!” Lão Hòa thượng nói: “Con rết ấy bị cô ném đi, không biết có bị thương không?”

Có thể có người lấy làm lạ, vì sao vị đệ tử bị thương như thế mà Lão Hòa thượng lại không quan hoài tới? Thực ra, đối với vị đệ tử muốn chân chính tu hành, Lão Hòa thượng lo cho sự khởi tâm động niệm và tuệ mạng pháp thân của vị đệ tử hơn là lo cho thân thể của bà.

Do chúng ta trong sáu đường luân hồi, chắc chắn theo đó mà đều có thân thể, có điều mỗi thân thể thay đổi theo mỗi đời sống thì không giống nhau mà thôi. Có khi thì dùng thân thể của “người”, có khi thì đổi thành thân thể của “loài vật”, biến thành heo, trâu, thậm chí biến thành thân thể của ngựa quý. Thân thể hẳn là phải tồn tại, phải có, có điều tốt xấu, lớn nhỏ thì không giống nhau. Thân thể của chúng ta sẽ như thế nào, chủ yếu là do nội tâm của chúng ta quyết định. Lúc sắp chết mà có một niệm nóng giận thì sẽ có thân thể đau khổ ở địa ngục; một niệm niệm Phật thì có thể chuyển thành thân sắc vàng của Đức Phật.

Chúng ta thường chỉ chăm lo đến thân thể, chấp trước thân thể mà không biết rằng phải lưu tâm đến sự khởi tâm động niệm của chúng ta! Lão Hòa thượng rất từ bi, đề tỉnh đệ tử, tức là khiến cho người đệ tử trong lúc bị con rết cắn rất đau đớn cũng phải giữ gìn tâm từ bi, lo cho con rết chứ không lo cho mình, không thương tiếc mình.

Khi chúng ta có thể phát triển đủ lòng từ bi đối với chúng sanh thì dù một niệm cũng không cảm thấy mình đau khổ, tức là thoát ra khỏi sự chấp trước “thân kiến” của chúng ta, đạt được giải thoát tự tại. Lại nữa nếu suốt đời mà phát được ra làn sóng điện của tâm niệm từ bi của chư Phật, Bồ Tát như thế thì nhất định chúng ta sẽ có tướng của chư Phật, Bồ Tát, chuyển thành thân thể của chư Phật, Bồ Tát.

Một hôm, ân sư tôi theo Lão Hòa thượng đến ngọn núi phía sau để kinh hành, bỗng nhiên thấy một số cỏ hoa rất đẹp. Ân sư tôi bèn nói: “Xin chờ một chút! Con lấy kéo cắt hoa để cắm vô

bình cúng Phật”. Lão Hòa thượng nói: “Cỏ hoa này lớn lên tại đây vốn là để cúng dường chư Phật mười phương, đâu cần”cô” phải cắt cắm vào bình mới gọi là”cô” cúng Phật! Nên biết, ở thế giới Ta Bà, chỉ cần tham luyến một cọng cỏ thì sẽ rơi vào luân hồi!”

Đối với Lão Hòa thượng, một cọng cỏ, một đóa hoa trên thế gian, Ngài đều phát tâm cúng dường rộng lớn, cúng dường chư Phật ở mười phương. Trong mắt của Lão Hòa thượng, mỗi cọng cỏ đều là sự đề tỉnh của Đức Phật, đề tỉnh Ngài buông bỏ cái tham, sân, si của nội tâm, không nên trở lại luân hồi.

Đối với Lão Hòa thượng, mỗi hoàn cảnh đều khiến cho Ngài giác tỉnh. Cho nên nói: “Người biết dụng công thì mọi hoàn cảnh tốt xấu đều có thể sinh trí tuệ. Người không biết dụng công thì nơi nơi đều sinh khởi tham, sân, si”.

Lão Hòa thượng tu hành trong động núi khoảng tám năm, thường có con vượn đem những trái đào thủy mật đến cúng dường Ngài. Tay con vượn mỗi lần chỉ mang được một trái cây, nếu mang mười trái thì hẳn rất là khổ nhọc, vượn phải chạy tới chạy lui mười bận. Cho nên Lão Hòa Thượng rất có lòng cảm ơn con vượn.

Một hôm, có người đem đến cúng dường Lão Hòa thượng một trái đào thủy mật rất lớn. Lão Hòa thượng thấy thế bèn bảo mang cho con vượn ăn. Một đệ tử thấy trái đào thủy mật lớn thế mà đem cho con vượn ăn, bèn hỏi Lão Hòa thượng: “Trái này mà đem cho con vượn ăn há chẳng tiếc lắm sao?” Lão Hòa thượng liền hỏi vị ấy: “Nếu cho ông ăn thì có đáng tiếc hay không?”

Thật vậy!”Cho con vượn ăn há chẳng tiếc lắm sao”, câu này nêu ra có ý rằng, tâm của chúng ta đối với chúng sinh chẳng có chút từ bi, bình đẳng gì. Những thứ gì tốt mà mình dùng thì không thấy tiếc, nếu đem cho người khác hay cho động vật nhỏ bé thì cảm thấy rất tiếc. Một cái bánh ngon mà cho lũ kiến ăn cũng thấy rất đáng tiếc, xả bỏ không được. Thực ra, chúng ta há chẳng phải không bằng sự kính thành của con vượn sao? Sự kính thành cúng dường Lão Hòa thượng của con vượn chắc gì chúng ta đã bị được nó! Còn việc phản tỉnh khởi công động niệm thì chúng ta thường tự tự, vì mình bố thí mà không xả bỏ được, không chịu xả mình vì người. Đấy quả thực là đáng hổ thẹn, không đáng được cúng dường vậy!

Lúc Lão Hòa thượng còn tại thế, có thể nói chùa Thừa Thiên có nhiều người đến đông như núi, như biển. Rất nhiều người đến tham bái Lão Hòa thượng. Xét cho cùng vì sao mà người ta đến? Một hôm, Lão Hòa thượng cười mà nói với các đệ tử: “Người ta đông như thế này, chúng ta nghĩ cách để họ về bớt đi”. Các đệ tử thưa: “Người ta đã đến đây rồi làm sao bảo họ về được chứ?” Lão Hòa thượng cười mà nói: “Ta có cách”. Rốt lại đó là cách gì?

Chúng ta biết rằng Lão Hòa thượng tuổi đã già, không còn răng nữa, phải mang răng giả. Khi khách đến thăm quá nhiều, ngài cố ý ngồi ởng bụng gù lưng, đầu vẹo, lại lấy răng giả để ra ngoài, mồn chảy nước dãi, giống như đang ngủ gật. Mọi người thấy tình trạng như thế đều cảm thấy lạ lùng rất nghi ngại: “Lão Hòa thượng Quảng Khâm danh cao vời vọi là đây ư? Sao lại thế này?” Nhìn thấy Lão Hòa thượng không tươi khỏe, lại không giống một vị cao tăng, mọi người đều thất vọng, không còn vui thú nên quay về!

Lão Hòa thượng thấy nhiều người bỏ đi như thế thì cười mà nói: “Những người này đều là đến để nhìn bề ngoài, bị mê đắm vào sự tướng, cũng không phải thực sự muốn đến để cầu Phật pháp, quả nhiên họ đều quay về”.

Phần đông chúng ta hẳn có người đến thì tỏ vẻ trang nghiêm để cho người ta thấy, sự rằng người ta không sinh lòng kính trọng, phê bình chúng ta là không trang nghiêm. Nhưng Lão Hòa

thượng quả là không có ngã tướng, không có nhân tướng. Nếu bạn thấy tướng mạo Ngài không tươi khỏa mà không vui thì Ngài cũng chẳng màng tới, Ngài rất tự tại, vốn chẳng cần người ta cung kính Ngài, cho nên Ngài du hí khắp nơi, dùng các biện pháp để khảo nghiệm xem rốt lại bạn có đến vì bề ngoài, hay là bạn đến để cầu Phật pháp.

Xin chú ý, chúng ta nói đến khảo cổ đề này, mục đích là để kiểm thảo động cơ, thái độ tham vấn của mình. Nên biết đâu đâu cũng là khảo đề. Hoàn toàn không phải là khuyên mọi người học theo Lão Hòa thượng mà cố ý ồng bụng, gù lưng, chảy nước dãi. Lại càng không phải nói bề ngoài là không tốt, mà chính là cần có công phu cao thâm. Xin mọi người chớ hiểu lầm.

Có người đến báo cáo, khóc mà nói với Lão Hòa thượng, có người nào đó hể nói ra là khích bác anh ta. Lão Hòa thượng nghe xong bèn dạy anh ta: “Đó là tục khí, là chưa thoát tục, người tục thì mới cảm thấy người khác khích bác mình. Nếu là người tu hành để tâm vào việc tu đạo, mục đích chính là muốn tu chính tâm niệm, hành vi của mình. Nếu người ta bảo chúng ta không tốt, thì đó là giúp người ta cải tiến tu hành, là cho chúng ta tiền Tây Phương để chúng ta sinh lợi, lại ngồi đó mà khóc, khóc mà nói người ta khích bác bạn.”

Có người, khi được người khác khuyên phải như thế nào thì vội phản đối: “Tự ông còn không ra gì! Tự ông không làm tốt thì kể gì tôi!” Người ấy vì muốn được thắng một lời nên cứ giữ chặt khuyết điểm của mình, kết quả là mười năm, hai mươi năm trôi qua, tính khí vẫn như thế. Loại người như thế thì không sợ mình không được vãng sinh, không sợ mình không tiến bộ, chỉ sợ người khác không biết tính khí mình ngang bướng, phản ứng chậm lẹ; chỉ sợ người khác không biết mình “ngã chấp” rất nặng, lúc nào cũng muốn vội vàng tỏ lộ ra. Lão Hòa thượng gọi là “cảm mạn” và “hậu tính” (tiếng Đài Loan), nghĩa là năng lực kém cỏi, tính khí ngang bướng (tham, sân, si, mạn đều đủ).

Chúng ta thường làm một việc gì đó không được tốt, năng lực kém cỏi, lại có phần ngờ nghếch thì đó không phải là điều quá quan trọng, nhưng nếu tính khí chúng ta lại ngang bướng không chịu nghe khuyên thì thật là tệ hại. Loại “cảm mạn và hậu tính” này, năng lực kém cỏi, chẳng có ưu điểm nào coi được.

Người khác giúp chúng ta tu hành cải tiến, chúng ta có lòng biết ơn, lại nóng giận muốn chống đối. Nghĩa là nếu người khác không tốt, thì rốt lại bạn tu là tu cho người khác hay là tu cho chính bạn?

Nếu người khác không tu hành thì bạn có lí do để theo đó mà không tu hành. Nếu người khác tu hành nghiêm chỉnh thì tại sao bạn không bắt chước người ta mà tu hành nghiêm chỉnh? Đức Phật A Di Đà đã tu trì như thế mà bạn không học tập theo Ngài để tu thân mình, lại chỉ vịn vào “Người khác không đủ tốt” để làm cái cớ mà không chịu tu. Như thế thì có ích lợi gì đâu?

Lão Hòa thượng đã từng khảo hạch nhiều đệ tử về mục đề này. Ngài không hề tuyên bố trước rằng đây là cuộc khảo hạch, cứ đưa ra vấn đề đáp, rồi sau đó chờ bạn suy nghĩ tìm lời đáp. Ngài rất nghiêm khắc, thậm chí có phần cường bức như là ra lệnh cho đệ tử phải mang ngược dầy vậy! Nếu lấy hoàn cảnh ấy ra mà khảo nghiệm thì bạn phải làm sao? Đây mới là sự khảo hạch về thực lực.

Gọi là “mang ngược giày” hoàn toàn không đơn thuần trở vào việc mang ngược giày, mà trở cho mọi sự việc điên đảo, thực hiện không thuận hợp, trở cho sự không hợp lý, sự không như pháp. Có thể Ngài bảo bạn làm một việc không nên làm, có thể bạn muốn làm một việc đáng làm nhưng Ngài lại không chịu cho bạn làm đúng theo pháp. Điều ấy cũng mang ngược dầy (mang từ sau ra trước).

Nay, nếu trong cuộc sát hạch bằng bút, chúng ta được hỏi ”tam học” của Phật pháp là gì, có thể mọi người đều viết ”giới, định, tuệ”, sau đó đều hí hửng vui mừng: “Thi đề này thì tôi làm được!” Thực ra, nếu dùng một hoàn cảnh để khảo nghiệm chúng ta, gặp nghịch cảnh thì liệu chúng ta có giữ được giới, có được định, có được tuệ hay không? Có thể chúng ta làm bài không được, thậm chí chẳng ra gì.

Ân sư cũng thường sát hạch chúng tôi đề này: loại giống như khảo cổ đề. Bà cũng không báo trước đây là cuộc sát hạch, và sau khi thi xong, nếu chúng ta không bỏ cái hư tâm để mong cầu chỉ dạy, không hiểu thành tích của mình như thế nào, có sai sót gì không thì bà không chịu chủ động nêu ra thành tích của bà mà cứ nêu ra chỗ sai, để bạn sửa chữa. Vì sao như thế, đệ tử đã không có lòng muốn tìm hiểu cái sai lầm để cải đổi thì có thể nói rằng, như thế là chưa phát tâm học Phật, tu hành (tu cái cái tâm cái hành vi sai quấy), tức là không còn nghĩ đến việc học (chuẩn bị trốn học, rong ruổi sinh tử!). Đệ tử đã không muốn học, không muốn tu, thì nếu sư phụ muốn dạy anh ta, tận tâm chỉ dạy anh ta thì anh ta thế nào cũng cảm thấy đâu đâu sư phụ cũng kiếm anh ta để gây phiền hà, la mắng anh ta, thậm chí anh ta còn sinh ác cảm, nhận thấy sư phụ không tu dưỡng chỉ tạo khẩu nghiệp. Dạy loại đệ tử như thế này chỉ khiến anh ta thêm đọa lạc. Loại đệ tử này là loại căn cơ không thành thực, căn cơ không thành thực thì không có cách nào cưỡng ép tu học, chỉ có cách là âm thầm nhẫn nại chờ đợi, vì ngay cả mầm cò chưa nảy ra, mong chờ gốc, cành, lá, quả thì quá sớm. Loại đệ tử này có lẽ ngà đời vạn kiếp sau mới phát tâm cầu học, sư phụ cũng chỉ cách đến Tây Phương trước mà chờ thời cơ vậy.

Lão Hòa thượng nói: ”Có một loại đệ tử ngu đần, sư phụ bảo mang ngược dày thì anh ta cứ thế mà mang ngược, chẳng kể mang ngược dày có đi được hay không”. Lão Hòa thượng lắc đầu mà than!

Sao gọi là ngu đần:

1/ Dựa vào người, không dựa vào pháp, không biết là khảo hạch.

Loại đệ tử ”cứ thế mà mang ngược giày” cũng có những tâm thái không giống nhau. Có người cho rằng: Dù sư phụ dạy thế nào, nếu sai thì sư phụ sẽ chịu nhân quả, ta cứ làm theo! Người ấy không hiểu học Phật, là phải ”dựa vào pháp không dựa vào người”, ”dựa vào nghĩa không dựa vào lợi.” Nếu sư phụ dạy sai thì đương nhiên sư phụ chịu nhân quả không tốt. Nhưng chính mình chọn sai lầm mà theo thì không phải có trí tuệ. Sự lựa chọn này là do tự tâm chọn lựa. Cái nhân quả tự chọn lựa phải tự mình chịu nhận. Lại nữa, người ấy không biết rằng đây không phải là sự giảng dạy, mà đây là sự khảo hạch. Khảo hạch xem bạn phải làm thế nào, khảo hạch cái thực tiễn của giới, định, tuệ. Vì người ấy không hiểu, cứ bắt giặc, bắt tri, cho nên Lão Hòa thượng nói đây là đệ tử ngu đần (hồ đồ). Trông cái ”nhân” hồ đồ như thế, thì mong được cái ”quả” gì chứ? Dùng cái tâm hồ đồ như thế, há không đầu thai bậy ư?

2/ Không học cũng không hỏi (ngã đầu rồi trách sư phụ).

Ngoài ra còn có người cứ theo thế mà ”mang ngược giày” nhưng có có loại tâm thái khác, anh ta là người ”ngoan ngoan”, ngoan ngoan theo đó mà làm. Anh ta cho rằng nếu sư phụ mà sai lầm thì anh ta theo sư phụ mà sai lầm, gọi là ”y giáo phụng hành”, gọi là tôn trọng hiếu phụng”. Anh ta không biết rằng ngay cả nhà Nho Không Tử từng trách vấn đệ tử: “Khiến cha mẹ bất nghĩa đó là hiếu ư?”, hướng chi Phật giáo là trí tín chứ không phải mê tín, cầu trí tuệ chứ không phải tin theo mù quáng. Người ấy không thể hiểu chính mình mù quáng tuân theo mê tín, mà cho mình là ngoan, thì được khen là hiếu thuận, là thật thà. Anh ta lại không hiểu rõ

đây là cuộc khảo hạch, cho nên giao nộp một bài làm”ngốc nghếch” mù quáng. Cứ giao nộp bài là xong, anh ta không mong cầu hiểu rõ đạo lý. Tuy hoàn toàn không hiểu anh ta cũng không biết cần khiêm tốn cầu mong chỉ dạy (tiếc không học cũng không hỏi), không biết rằng cầu Phật pháp là cầu trong cung kính, lại cứ cố mang ngược dầy mà bước đi, đi rất khổ sở. Nếu không đi được, bị té ngã đau, thì lúc ấy không biết có nên trách sư phụ dạy sai không? Ôi thật đáng thương, không biết mình đã học sai, lại lấy đề mục”phi” trong”khảo đồ thị phi” mà nỗ lực thực hành. Sư phụ vốn có ý bảo đệ tử vượt đèn đỏ để xét xem đệ tử có thật thà tuân thủ qui tắc giao thông hay không, người đệ tử cứ ngốc nghếch vượt đèn đỏ lại cho rằng mình thật thà nghe lời! Vì có sự không hiểu mơ hồ, liên tục như thế cho nên Lão Hòa thượng mới nói đây là đệ tử đần độn. Khi mang ngược giày mà ngã đau rồi trách sư phụ đã dạy sai thì rất dễ nhưng rất ít đệ tử chịu phản tỉnh nhìn lại thái độ học tập của mình, kỳ thực là mình hoàn toàn không có lòng cầu pháp, muốn học cũng không có thái độ sẵn lòng khiêm kính cầu học, tất cả đều tự cho là đúng, là hiểu; tất cả đều là bảo vệ cái bộ mặt”tự ngã”, coi nhẹ pháp, khinh mạn giáo, khiến cho thầy hoàn toàn không có chỗ thực hiện giáo đạo.

Một người không chịu thừa nhận mình có sai lầm, có chỗ để có thể sửa đổi, thì đến khi người ấy tự cho mình đã viên mãn thành Phật, thì loại tâm kiêu mạn như thế quả là rất nghiêm trọng. Đúng như lời Lão Hòa thượng dạy, bị Thần cuồng Cảm nhập, nhập rồi không rút lui!

Đại sư Ấn quang nói: “Cầu Phật pháp trong sự cung kính là một phần lợi ích; mười phần cung kính là mười phần lợi ích”. Mọi người đều rất quen với câu nói này, nhưng rất ít người thực sự hiểu được ý nghĩa của”cung kính” và”cầu” pháp.”Cung” là”công tâm”, cùng với Phật cộng thành một tâm: hiểu rõ ý nghĩa của sự dạy dỗ của Đức Phật.”Cầu” là hàng phục”ngã mạn” (sự chướng ngại của tự ngã kiêu ngạo, hỗn xược), khai phát cái đức tốt đẹp của Phật tính, cũng là chủ động phát tâm cúi đầu, khiêm tốn thỉnh giáo, chứ không phải bắt bực làm cao, chờ Đức Phật tới năn nỉ bạn học, thực ra Đức Phật đã hết miệng hết lòng năn nỉ chúng ta giác ngộ, năn nỉ đã rất lâu, Phật vẫn từ bi năn nỉ chúng ta học Phật, chớ dùng tâm mê vọng. Nhưng chúng ta bắt bực làm cao, không hàng phục được sự ngu si, kiêu mạn của chính mình, không chịu cúi đầu nơi giác tính, cho nên không biết làm sao cho được.

Đức Phật là người khai ngộ chúng quả, Ngài rất từ bi, lại rất tự tại. Thực ra Ngài hoàn toàn không phải yêu cầu chúng ta cung kính Ngài, cho dù chúng ta không cung kính thậm chí còn thối nhục Ngài, thì đối với Ngài chẳng có chút ảnh hưởng gì, nhưng đối với bản thân chúng ta thì lại có ảnh hưởng vô cùng to lớn. Gọi là cầu Phật pháp trong sự cung kính, hoàn toàn không phải Đức Phật là quá lớn lao, khiến người ta phải cúi đầu, dập đầu mới chịu trao cho một ít Phật pháp. Cung kính cũng không phải đơn thuần là cung kính tượng Phật, kinh điển, mà là cung kính hết thấy chúng sanh, chân lý sự vật khi đối mặt với mọi hoàn cảnh thì có thể thể hiện Phật tâm sâu sắc, cùng với Phật chung một tâm – chung một tâm Bồ Đề giác ngộ, từ bi, đồng thời cùng với Phật một tâm nhu thuận khiêm cung, giống như Đức Phật xưa kia đã cung kính xả thân cầu pháp, tự Ngài ở trong”sự” có thể cầu được”lý” của nó.

Giữ lòng cung kính thì dù ngày thường trong các việc đối nhân xử thế nhỏ nhặt, cũng có thể ngộ được Phật pháp. Nếu không giữ lòng cung kính thì dù có trải qua ngàn”sự”, vẫn không thể ngộ được”lý” của Phật pháp trong đó, đời đời kiếp kiếp vẫn là người mê muội.

Có người cho rằng cầu trong sự cung kính là một loại phương pháp, thủ đoạn gián tiếp để cầu Phật pháp, chứ không biết”cầu trong cung kính” vốn là một phương pháp vi diệu để hàng phục phiền não ngã chấp một cách”trực tiếp” nhất, bản thân của nó là Phật pháp cao thâm, hoàn toàn

không phải xuyên qua sự”cung kính cầu pháp” mà được Phật pháp gì. Do vì điều gây trở ngại cho việc thành Phật của chúng ta không phải là người nào khác, sự việc nào khác, mà chính là sự vọng tưởng, chấp trước của nội tâm chúng ta.

Điều này Đức Phật đã nêu ra khi ngài mới thành đạo. Cái căn bản nhất trong sự “chấp trước” chính là ngã chấp, sự mê muội trong các kiến giải, tư tưởng của tự ngã. Từ sự chấp trước tự ngã sản sinh ra: tham (ham muốn), sân (nóng giận), si (ngu muội), mạn (kiêu mạn), nghi (nghi ngờ), mà tự ngã bảo hộ, tự tư. Cho nên cầu Pháp trong sự cung kính chính là vượt ra khỏi những chấp trước ấy một cách trực tiếp.

Nếu không cung kính, không khiêm tốn mà cầu Phật pháp thì tất nhiên vẫn còn đám mây đen ngăn ngại của sự kiêu mạn, tự đại, tự ngã bảo hộ các thứ ngã chấp. Những đám mây đen này không phải làm chướng ngại người khác, mà làm chướng ngại cho sự khai mở Phật quang của chính mình.

Lời dạy”bao nhiêu phần cung kính thì được bấy nhiêu phần lợi ích” của Tổ Ấn Quang hoàn toàn không phải nói thông qua cung kính mà cầu pháp cho thật lâu ngày thì mới được lợi ích, mà chính là nói rằng, cung kính tức là ngay đó xóa bỏ đám mây đen ngã chấp, tất nhiên đồng thời tỏa chiếu Phật quang. Nếu xả bỏ hết đám mây đen của mười phần ngạo mạn, ngã chấp thì tự nhiên ngay đó tỏa ra được mười phần Phật quang. Đó là Phật Quang vốn có của tự tính, không phải cầu tìm bên ngoài. Bảo rằng cầu pháp trong sự cung kính, đương nhiên là cầu ở tự tâm mình cái phần năng lực có thể hàng phục ngã mạn, ngu si. Có cầu tự mình xuất phát phần tâm lực này thì mới biểu hiện được sự cung kính và sự cầu pháp. Bồ Tát giới”chân thành ở bên trong, hình thức ở bên ngoài” dạy chúng ta đối với Phật pháp khó hiểu thì phải quán sát cho chân chính, thừa nhận mình mù, không có mặt trí tuệ, dùng thái độ chính xác mà ngưỡng tin vào Phật, cung kính cầu pháp, học tập. Không tinh tiến học tập cũng là vi phạm tinh thần giới luật.

Có vẻ như niệm Phật thì rất dễ, nhưng nếu thiếu phần tâm lực”cầu trong sự cung kính” thì có thể làn sóng điện tâm niệm của sự phát xạ sẽ sai lạc rất lớn, không thể tiến nhập Phật đạo. Cũng như bắn tên thì không khó ở chỗ bắn ra mà khó ở chỗ trúng đích, chỉ cần nắm cung giữ tên mà sai, sai một hào ly, mất một ngàn dặm.

Giống như khảo cổ đề này đã nói, khi sư phụ bảo mang ngược giày rõ ràng là mình không hiểu ý nghĩa lại cố lấy cái không biết mà cho là biết, tự cho là đúng mà mang ngược giày, một phen đi loạng quạng hoàn toàn không biết cái ý nghĩa cần cầu pháp trong sự khiêm cung. Như thế thì đâu có”cung kính pháp”, đâu có một phần tâm”cầu” pháp. Nếu ngay cả một phần tâm “cung kính cầu” pháp mà cũng không có thì đương nhiên một phần lợi ích cũng khó được. Nếu bỏ phí một đời ở cửa Phật không có một phần cung kính cầu pháp, không được một phần lợi ích thì như thế chẳng là oan uổng lắm sao? Hèn chi Lão Hòa thượng dùng hai chữ”ngu đàn” để nêu trỏ. Kẻ mặt học này kiể m thảo lại thực có quá nhiều”ngu đàn”, phí uổng quá nhiều ngày tháng ngu đàn, lại còn biết sự ngu đàn của mình, chỉ nguyện dùng khảo cổ đề này kêu gọi giác tính của mình, chớ nên đời đời kiếp kiếp chìm nổi trong ngu đàn – phản với giác tính, theo với bụi trần.

Ngoài ra còn có một loại đệ tử mà Lão Hòa thượng hình dung là “càng ngu đàn hơn”. Đó là khi sư phụ nêu ra loại khảo đề như thế anh ta không biết là khảo hạch, do đó tự cho mình là đúng, cho rằng sư phụ thật là quá vô lý, trình độ quá kém! Hoặc có thể bề ngoài anh ta không dám tỏ ra điều gì, nhưng trong lòng lại nghĩ: “Ồ! Sư phụ này ngay cả mang giày thì không

được mang ngược mà cũng không biết, lại bảo ta phải mang ngược giày, thì còn làm sự phụ gì được chứ, quả là còn kém ta, đâu cần loại sự phụ này, ta đây tài cao đâu thèm phải nghe ông ta. Ta từ nhỏ đã biết mang giày, mang thành thạo hơn ông, đâu cần ông phải dạy!”

Loại đệ tử như thế, không những không biết đây là khảo hạch mà còn không bị đánh cũng tự thú, tự tỏ ra mình có tâm kiêu mạn, là loại đệ tử giao nộp bài đáp án”ta đây chỉ giỏi khinh mạn không biết khiêm cung, không những cứng đầu khó dạy, khó điều, khó phục mà còn không biết bề ngoài mình tỏ ra không sai phạm, có vẻ như rất cung kính, nhưng bên trong thì vừa ngạo mạn, vừa hỗn láo”.

Loại đáp như thế, ở nơi tuyên Phật, đã chuẩn bị được mấy phần? Loại đáp án như thế, giới, định, tuệ, mỗi thứ đã được mấy phần? Kinh Vô Lượng Thọ bảo rằng, chỗ tu hành của Đức Phật A Di Đà là”biết trước rồi nhân đó mà hỏi”. Việc đòi nhân xử thế trước hết là phải khiêm tốn cúi đầu, nhân sự việc mà thỉnh vấn. Nhưng chúng ta thì miệng niệm Di Đà, mà lòng thì làm sai đạo – cò xây xi măng, đâu từng theo pháp Phật”biết ý trước rồi nhân đó mà hỏi”? Có khi sự phụ cúi đầu trước rồi thỉnh vấn đệ tử, đệ tử lại còn muốn đáp hay không đáp, thậm chí còn làm này làm nọ! Loại đáp án như vậy, ở nơi tuyên Phật, chuẩn bị được mấy phần chứ? Loại tu hành như thế và quả thành Phật vốn không đi đôi với nhau được. Loại tâm kiêu mạn, chỗ khởi tu như thế thì cho dù có nỗ lực niệm Phật, có tu các thứ phước cho thật nhiều, cũng chỉ được đến nước A Tu La mà làm vua, hoặc công chúa, hoặc vãng sinh”nước Lười Biếng” mà thôi! (Trong kinh từng dạy, nhiều người vốn muốn vãng sinh Tây Phương, lại sinh vào nước Lười Biếng, không được đến Tây Phương. Nhân nào, quả ấy vậy!) Muốn vãng sanh Phật quốc, thanh tịnh ở Tây Phương thì nhân và quả phải phù hợp nhau vậy.

Có người nghe đến đây quả là rất nghi ngờ. Ngoan ngoan y theo lời dạy mà làm, mang ngược giày thì cũng không được. Trách sự phụ dạy sai, mình đúng, mình tốt (gọi là kiêu mạn) cũng không được. Thế thì biết sao chứ? Có người có thể rất oán giận, trách sự phụ quá buồn, chánh pháp không dạy mà dạy người ta mang ngược giày!

Tại sao lại khảo sát loại đề mục mang ngược giày này?

(1) Huấn luyện vô lượng giác.

(2) Huấn luyện lấy giác tính đối mặt với nghịch cảnh, khéo dụng giới, định, tuệ.

Chúng ta cần hiểu rằng, các hoàn cảnh trên đời đâu có phải tất cả đều thuận tâm như ý, thuận lý không sai phạm. Trong đời nhất định chúng ta gặp rất nhiều điều vô lý, và hoàn cảnh không như ý, đồng thời cũng gặp những kẻ”ác tri thức” tà tri, tà kiến. Lão Hòa thượng nêu ra loại khảo đề này, mục đích là muốn dạy chúng ta lúc ấy phải làm thế nào; mục đích là muốn huấn luyện chúng ta dùng cái giác tính rõ ràng, minh bạch để đối mặt với hoàn cảnh, xử lý đúng theo pháp, huấn luyện chúng ta sử dụng giới, định, tuệ một cách thực tiễn, lấy viên đá cản chân làm viên đá kê chân, đâu đâu cũng giác ngộ, dùng cái ánh sáng của Phật thì đó mới là ý nghĩa của A Di Đà Phật,”Vô Lượng Giác”,”Vô Lượng Quang”. Nếu không như thế thì miệng niệm A Di Đà – Vô Lượng Quang mà gặp cảnh thì lại vô lượng”ám” (ngu tối không giác tính). Niệm Phật như thế vốn là không thích hợp, cũng chính là miệng niệm mà tâm không niệm.

3/ Niệm Phật tương ứng với giác tính”Vô Lượng Quang”.

Vãng Sanh Luận nói: “Thuận theo danh nghĩa mà xưng danh Như Lai”, xưng niệm Phật danh thì phải thuận theo các ý nghĩa hàm chứa của trí tuệ Vô lượng Quang Minh, Vô Lượng Giác Ngộ trong danh hiệu mà chân thực tu hành. Điều này vốn đã được Lão Hòa thượng từ bi mà có mỹ ý sâu sắc dùng sự khảo nghiệm phản diện mà giúp chúng ta phản tỉnh. Thế mà rất nhiều đệ

tử không hiểu được lòng từ bi của Lão Hòa thượng, lại còn "không chịu" hiểu ý chỉ của việc khảo hạch và dạy dỗ của Lão Hòa thượng, không nghĩ tới động cơ học "tri kiến của Phật", cứ một mực y theo quan niệm, tư tưởng cũ xưa của mình ngày này sang ngày khác. Mười năm trước khảo sát đề này mà không hiểu, mười năm sau khảo sát đề tương tự như thế cũng không hiểu, có thể vẫn sai lầm một chỗ như nhau, và cứ thế trăm năm ngàn năm vẫn không hiểu được, đời đời, kiếp kiếp, "những cuộc đại khảo hạch lúc lâm chung" cũng đều được dùng một thứ tâm "Vô Lượng ám" mà ứng khảo, tất nhiên phải theo đường mà luân hồi, không thể đột phá được! Bình thường trong các sinh hoạt lớn nhỏ, Lão Hòa thượng từ bi đào luyện chúng ta dùng cái giác tính Vô Lượng Quang giúp chúng ta đột phá những tư tưởng mê ám xưa cũ và tương hợp với cái chân tâm niệm Phật. Thực ra hoàn cảnh tự thân vốn không tốt xấu, khảo đề tự thân cũng không tốt xấu, nhưng sự dụng tâm của của mỗi người ứng khảo lại không giống nhau, trông "nhân" không giống nhau thì "quả" sẽ rất sai khác.

Kết quả là:

- Người giác thì đi đường sáng.
- Người mê thì đi đường tối.

4/ Phải "giác tri" điên đảo thì mới "tiêu trừ" được điên đảo (biết là mê thì mới ngộ được).

(Không "biết" điên đảo, thì làm sao "trừ" được cái tướng điên đảo từ ngàn vạn kiếp về ngã?)

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật dạy: Như Lai là "chánh biến tri", chúng sanh là "tính điên đảo", chẳng những tầng tầng lớp lớp điên đảo, mà còn từ sự không biết, không thừa nhận cái điên đảo của chính mình, đồng thời bỏ hết nước của biển lớn mà chỉ nhận một giọt nước và cho đó là toàn bộ nước biển (dụ cho: từ bỏ sự "Vô lượng quang minh của Phật tính rộng lớn", mà chỉ nhận lấy cái thân tâm mê vọng xác thịt này mà cho đó là "ngã" mê chấp vào nó mà không từ bỏ), đời đời kiếp kiếp chưa từng phát hiện cái điên đảo nghiêm trọng của chính mình, chỉ mê đắm vào ngã chấp, pháp chấp, không muốn chân tính, và cả cái việc phát hiện cũng không phát hiện ra được, thì làm sao mà "tiêu trừ cái tướng điên đảo từ muôn kiếp về ngã?"

Lão Hòa thượng dạy chúng ta quay đầu kiểm thảo để biết rõ cái "điên đảo" của chính mình, nếu không, ngay cả giác cũng không biết thì nói chi đến việc bắt giác! Ngay cả mê làm cũng không biết thì làm sao mà giác ngộ được? Ngày thường vẫn luôn điên đảo, đến khi lâm chung làm sao "tâm không điên đảo" cho được?

Từ vô thủy kiếp đến nay, chúng ta đều dùng "bất giác" (không giác tỉnh) mà đi đầu thai mới phải luân hồi. Đức Phật A Di Đà thành Phật đến nay đã "mười kiếp"! Trong mười kiếp Ngài luôn mong tiếp nhận chúng ta, còn chúng ta thì cứ một mực chấp trước trong cái tri kiến mê vọng của chính mình, bị vây hãm trong cái tập khí của chính mình, cứ ở trong cái "vô lượng ám" mà dương dương tự đắc, không chịu cúi đầu trước Vô Lượng Quang mà học tập.

Ân sư khai thị chúng tôi: trong lúc Lão Hòa thượng xuất kỳ bất ý, đột kích khảo hạch, bảo bà mang ngược giày hoặc làm ngược các việc, bà phải làm sao? Bà chấp tay chân thành quì xuống đánh lễ, trái lòng mà xin Lão Hòa thượng chỉ giáo: "Giày mà mang ngược thì phải mang làm sao, đi làm sao, đệ tử không hiểu xin sư phụ từ bi chỉ dạy, giày mà mang ngược thì phải mang làm sao? Xin sư phụ dạy cho biết tại sao phải mang ngược?" Lão Hòa thượng gật đầu.

Nghe ân sư kể như thế, chúng tôi hiểu rõ được cái ý vị trong đó, không phải do kính lễ cái tâm cung kính cầu pháp học Phật, đó không phải là "giới, định, tuệ", là ba cái học của Phật pháp mà trong đáp án của bài thi viết ghi, mà là ba cái học giới, định, tuệ trong cuộc khảo nghiệm lâm sàng.

1/ Vị thầy điên đảo thuyết pháp thậm chí”hăm dọa” dạy ngược, không như pháp, đệ tử vẫn tuân theo giới mà Đức Phật đã dạy, vẫn giữ tâm niệm, thái độ kính sư, kính pháp, không hề có chút lòng khinh sư mạn giáo. Đó chính là “giới”.

2/ Lúc bấy giờ, không phải vì khảo đề là kỳ lạ, hoàn cảnh ngược ngạo mà tâm loạn, đến nỗi phải mê muội mà mất đi cái bản ý và cái tâm sơ phát học Phật của chính mình. Đó là”định”.

3/ Gặp hoàn cảnh mà phán đoán được chánh tà, không mù quáng theo, không nương sống theo dòng, lại có thể ngay đó, dùng cái tâm trong sáng rõ ràng, cái thái độ cung kính để mong hiểu rõ lý lẽ. Đó là “tuệ”.

Như vậy, gặp cảnh khảo nghiệm, thì niệm đầu tiên, câu đầu tiên, động tác đầu tiên đã biểu lộ sự học tập và cái dụng tâm bình thời về giới, định, tuệ.

Cùng một vị thầy, cùng một khảo đề, thì đáp án làm sao khác được! Phật học và học Phật không phải cùng một thứ: khảo hạch vấn đáp về “Phật học”, hỏi tam học là gì, bèn viết ra”giới, định, tuệ”; như thế thì hoàn toàn chẳng khó gì. Nhưng dùng hoàn cảnh mà”học Phật” thì có thể”tam học đều ngưng” thậm chí đều”vứt bỏ hết”. Gặp hoàn cảnh thuận hay nghịch mà sử dụng được tam học giới, định, tuệ, thì mới là học Phật, nếu không thì đó chỉ là”bàn việc bình trên giấy”, không chịu vào chiến trường.

Có người trách rằng, khi anh ta phạm sai lầm vài ba lần, thì vạch rõ anh ta nói năng không lễ phép. Không phân tích rõ ràng, thì anh ta không hổ thẹn mà lớn tiếng nói: “Được rồi, tôi thường làm sai trái, sai trái thì sai trái! Sư phụ cũng nên nhẹ nhàng giữ lễ mà dạy bảo tôi làm sao để sửa chữa!” Điều ấy khiến kẻ mặt học này rất kinh ngạc: Vượt đèn đỏ cán chết người ta, mà lại còn trách mắng cảnh sát giao thông, thiếu lễ độ, thiếu phân tích mà không biết cái tâm vượt ẩu, cán ẩu, thiếu lễ độ, không phân tích rõ; loại”dũng sĩ” như thế, nếu phạm tội mà đọa địa ngục thì cũng đừng trách Diêm Vương và bọn đầu trâu mặt ngựa, không lễ độ, không ôn tồn phân tích đối với anh ta! Cái tâm thái như vậy thì luôn luôn có vấn đề, thiếu mất cái tâm hổ thẹn, học Phật làm sao mà được lợi ích?

Nếu một đứa trẻ đi học mà chỉ mang trái cây cho thầy ăn lại không chịu “cầu học” cho đàng hoàng, khi thầy giảng bài cũng không chịu nghe, nhìn đông ngó tây, thậm chí chỉ mong qua ngày cùng bạn bè; thầy giáo ra bài thi cũng không làm cho tốt, (*) thầy giáo ra bài làm cũng không làm, đã không xét xem mình không hiểu chỗ nào lại cũng không sẵn lòng xin thỉnh giáo, thậm chí không học mà cứ lo phê bình thầy, chỉ ưa đề ý đến những chuyện không đâu của bạn bè, ưa cùng các bạn đến vườn trường mà xem chơi, tìm sự khai tâm trong việc thảo luận ăn uống, bỏ phí ngày tháng. Đứa trẻ như thế, chẳng những bị người lớn trách mà còn có thể bị học lùi! Còn ngày nay, mục đích vào đạo trường của rất nhiều người lớn cũng chỉ là mang một ít đồ ăn, trái cây để cúng Phật cúng Tăng (cũng để cho thầy ăn) và cùng đạo hữu bàn chuyện tào lao, chứ căn bản không mong học Phật, không mong tu sửa chính mình. Tình huống này cùng với tình huống đứa bé đi học vừa nêu trên cũng chẳng khác nhau mấy, nhưng điều lạ là, nếu những người lớn mà thấy con mình đi học như thế thì hẳn là biết con mình đã hư, không chừng sẽ đau khổ mà gia tăng sự trách phạt nó. Nhưng chính người lớn đã dùng thái độ này để vào đạo trường (vào học), thì lại rất khó phát hiện rằng mình có vấn đề, rất khó quay đầu mà tu sửa, ngày thường, khi quả mặng thành tích con cái không tốt, rất ít người quay đầu kiểm tra thành tích biểu của mình. Điều này thật đáng tiếc. Nếu Phật pháp trăm ngàn vạn năm khó gặp mà bị làm sai như thế thì rốt lại ai có thể gánh vác phần sai quấy này? Kiếp này không lo độ thân này, thì kiếp nào mới độ thân này?

Lão Hòa thượng nói: Phật pháp không có mặt pháp, mà”người” thì có mặt pháp – Người không biết kính Phật, trọng pháp. Người già thì đặt Phật pháp tại chỗ mặt nhứt của các sinh hoạt – đặt sau tiền tài, sắc đẹp, danh tiếng, ăn uống, ngủ nghỉ, lại đặt sau”trà dư phạn hậu”, đặt sau”nhân tình thù tạc”. Người mà đem trọng yếu của việc học Phật đặt vào chỗ tối mặt là người của thời đại mặt pháp. Nếu là người kính Phật, trọng pháp thì mãi mãi là người của thời đại pháp! Còn như không theo được Phật pháp, thậm chí còn xướng ngược điều với Đức Phật thì đó là người của thời đại diệt pháp!

Xin lấy mấy lời trong Truyện”Hoàng Nhật Đại Sư” để cúng dường mọi người cùng gắng sức:

Thân người khó được, đó là nhân duyên muôn đời một chớp mắt,
Phật pháp khó nghe, đó là cơ hội trải bao kiếp không gặp,
Sai lầm rồi, chẳng ai có thể đảm trách phần sai sót này!

PHẦN 3 -”UÔNG TỬ” BIẾN THÀNH”VĂNG SANH”

Chúng ta thường nói muốn vãng sanh Cực Lạc, nhưng rất nhiều người lại không hiểu rõ ý nghĩa của”vãng sanh”, cho nên miệng tuy thường nói muốn vãng sanh Cực Lạc, mà thực tế thì thường phải uông tử (chết uông) tại cõi Ta Bà. Chú ý: chữ”uông” trong từ uông tử là chữ”uông” trong từ oan uông. Vãng sanh Cực Lạc vốn hoàn toàn không có ý là chết đi, cũng không phải là cái thân máu thịt này chết đi thì mới đến được thế giới Cực Lạc. Chúng ta theo mặt chữ để đơn giản mà hiểu ý nghĩa của vãng sanh Cực Lạc, đó là đã đến rồi thì không thoái lui, sống tại thế giới thanh tịnh, hạnh phúc của đức Phật, hoặc cũng có thể nói đó là tiến thẳng đến sự sống hạnh phúc nhất, không bị phiền não, đau khổ gây hại, không bị áp lực bức bách trói buộc. Cho nên vãng sanh là sống hạnh phúc trong hiện tại, hiện tại cùng với đức Phật tay nắm tay sống trong hoan hỉ từ bi, thẳng đến vĩnh viễn. Nếu cứ một mực bảo rằng”chết đi” thì phải bảo rằng phiền não, đau khổ đều chết đi, chứ không nhất định là cái thân thể máu thịt chết đi. Phiền não, thống khổ mà chết đi thì tâm hạnh phúc!

Cho nên vãng sanh hoàn toàn không phải là trải qua những ngày tháng phiền não bị thống khổ bức bách, mà một mặt thì niệm Phật, một mặt thì mang tâm lo lắng rằng khi ta chết rồi, không biết có thể đến thế giới Cực Lạc hay không? Quan niệm về vãng sanh và cách thức sống như vậy thì rất có thể bị chết oan uông ở thế giới Ta Bà này, đó gọi là uông tử tại Ta Bà, hoàn toàn không phải là vãng sanh Cực Lạc.

Nói như vậy hoàn toàn không phải là tôi đây tự đặt ra, mọi người đọc kinh A Di Đà đều thấy kinh nói rõ ràng”không có các thứ đau khổ, chỉ cảm thọ các thứ hạnh phúc, cho nên gọi là Cực Lạc”. Đó cũng chính là không có các thứ phiền não, đau khổ, mà chỉ có sự thọ nhận cái thế giới sống mà thân tâm thanh tịnh, hạnh phúc. Gọi là thế giới Cực Lạc, hoàn toàn không phải là cái thân thể máu thịt chết đi mà gọi là Cực Lạc, mọi người dứt khoát chớ hiểu lầm!

Trong kinh A Di Đà có một đoạn: “Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh vào nước Phật A Di Đà, thì trong quá khứ, hoặc trong hiện tại, hoặc trong tương lai, trong vị lai được A nậu đa la tam niệu tam bồ đề tại quốc độ ấy mà không bị thoái chuyển”. Đại sư Ngẫu Ích giải thích kinh văn cho chúng ta nói đến đã phát nguyện, đã sanh Cực Lạc, nay phát nguyện, nay sanh Cực Lạc; sẽ phát nguyện, sẽ sanh Cực Lạc, rõ ràng nói cho chúng ta rằng: “nay phát nguyện, nay sanh Cực Lạc”. Từ”nay” có thể giải thích là”đời sống

này”, cũng có thể giải thích là”ngay bây giờ”, ý nói người muốn vãng sanh Cực Lạc trong hiện tại thì có thể sống hạnh phúc trong hiện tại. Đó cũng là bảo rằng, người quả thật phát nguyện vãng sanh Cực Lạc, thì bây giờ phải tự nguyện bỏ đi mọi phiền não, áp lực, thì có thể ngay tức khắc được hạnh phúc, thanh tịnh. Bốn mươi tám đại nguyện của Đức Phật A Di Đà bảo, sanh vào nước Cực Lạc được mọi thứ phúc lợi xã hội của người dân của nước này. Kinh A Di Đà nói: nay nguyện, nay sanh. Hợp lại mà nói thì tức là hiện tại quả thực muốn sanh vào Cực Lạc thì hiện tại sanh vào Cực Lạc, đương nhiên là đại nguyện của Đức Phật A Di Đà, ngay bây giờ có thể đem đổi mà lãnh các phúc lợi trong cuộc sống của người dân Cực Lạc. Còn người không bỏ đi được cõi ưu phiền của cõi Ta Bà thì đương nhiên phải lãnh những khổ vị của cõi Ta Bà. Đó là do tự tâm lựa chọn vậy.

Gọi là “lâm chung” hoàn toàn không phải chuyên chỉ cái lúc sanh mạng sắp kết thúc. Nếu chúng ta hiểu rõ tâm niệm của chúng ta là sanh, diệt trong từng sát na, thì chúng ta mới có thể hiểu được từng sát na một điều là lâm chung, đều là trước đoạn kết thúc, đồng thời là sau đoạn sanh khởi. Nghiêm túc mà nói sự “tiếp dẫn lúc lâm chung” của Đức Phật A Di Đà, chính là sự tiếp dẫn trong từng sát na. Trong mỗi sát na, tâm của Đức Phật, tâm của chúng ta đều liên tiếp với nhau, chưa bao giờ bị đứt đoạn. Trong mỗi sát na, Đức Phật đều dẫn chúng ta đi qua cuộc sống hợp lý và tươi vui. Sự dẫn đạo liên tục không gián đoạn này chính là sự dẫn đạo trong lúc lâm chung, trong từng sát na! Người mà trong hiện tại nguyện ý quay mặt về Đức Phật mà nhận lấy sự tiếp dẫn là người trong hiện tại vãng sanh vào Cực Lạc, đến cuộc sống hạnh phúc của Đức Phật, thì không phải chết oan uổng tại thế giới Ta Bà!

Có một câu nói rất phổ biến là”Người trong chốn sông hồ thân mạng không do mình làm chủ”, câu này tương đương với”buông xuôi”. Hầu hết người ta đều rất buông xuôi, rất mù mịt, cứ theo dòng thế tục mà qua ngày, sống rất uổng phí ở cõi Ta Bà! Thực ra, rất ít người có trí tuệ, có dũng khí dám vãng sanh Cực Lạc tự do, tự tại. Phần lớn người ta đều cam tâm mà theo”Người trong chốn sông hồ thân mạng không do mình làm chủ”.

Trong lúc đêm khuya vắng vẻ, nếu chịu phản tỉnh, tin rằng phần lớn người ta sẽ biết được: Chạy theo danh lợi càng nhiều thì hoàn toàn không khiến cho mình hoặc khiến cho người khác thêm hạnh phúc. Nhưng dù cho có được như thế thì thân mình cũng không do mình làm chủ được; dùng tuổi thanh xuân một cách uổng phí để bôn ba về danh lợi, rồi đến một ngày sẽ ngã xuống vì bệnh; một ngày ngã xuống vì bệnh rồi, thì mới phát hiện rằng danh lợi vốn không thể làm giảm nhẹ đau khổ. Đến khi chết thì danh lợi cũng không có chỗ dùng.

Một số người bình tĩnh mà suy nghĩ, cũng biết được rằng, có được cảm tình thì không hề thêm được hạnh phúc. Thế mà thường thường không kiểm soát được thân, cứ chạy theo danh lợi, cảm tình mà chết, chết thật oan uổng!

Rõ ràng mọi người đều biết rằng lối sống quá bận rộn và không có qui luật thì không tốt cho sức khỏe mà lại với không kiểm soát được thân, bận rộn đến mệt mỏi mà thân sanh bệnh. Rồi lại không có cách gì chữa bệnh, lại không ai có thể thay thế, chỉ còn cách là chết oan uổng.

Vì sao nói đây là chết uổng? Vì vốn có thể thấy rõ chân tướng của đời người để sống cho tốt đẹp; nhưng lại không thấy rõ như thế, nên cứ mù mù mịt mịt cùng với người ta sống bừa chết bừa; đó chính là oan uổng! Vốn có thể sống thanh tịnh, tự tại và chết hạnh phúc trang nghiêm, nhưng vì một niệm u tối mà phải sống rất khổ, sống mà không làm chủ thân mạng, lại chết không rõ ràng, sợ hãi kinh hoàng, đó chính là oan uổng! Vốn có thể khai phát Phật tính mà tiến đến thành Phật hạnh phúc vô ưu, thế mà lại bận rộn suốt một đời, khổ cực suốt một đời, lại tạo

ra đau khổ, luân hồi cho đời sau, đó chính là oan uổng! Khổ mà chẳng có chút giá trị gì, bỏ mất cái hạnh phúc thanh tịnh đáng có. Rốt lại, bạn muốn vãng sanh tại thế giới Cực Lạc, hay là muốn uổng tử tại cõi Ta Bà?

Hỏi như thế, tôi nghĩ rằng người có lý trí là người không chọn uổng tử nơi cõi Ta Bà. Vấn đề là tuy không muốn uổng tử tại cõi Ta Bà, nhưng nếu mỗi ngày thân không do mình kiểm soát, cứ tạo ra điều kiện cho việc chết oan uổng, thì đương nhiên khi nhân duyên đã đầy đủ, dù không muốn chết oan uổng, cũng không kiểm soát được thân. Thế thì phải làm sao? Thế thì, nếu không hạ quyết tâm, không có dũng khí, không có trí tuệ thì không thể vãng sanh Cực Lạc!

Muốn vãng sanh Cực Lạc thì cần phải hiểu rõ những điều kiện chân chính tất yếu là gì. Lại nữa, phải luôn luôn kiểm tra mình có phù hợp với điều kiện hay không, mới không phải là ngoài miệng nói muốn vãng sanh Cực Lạc, mà suốt đời cứ bận bịu khổ đau, kết quả là vẫn chết uổng ở cõi Ta Bà. Ví như có người ngày nào cũng nói anh ta sắp đi Mỹ, ngày nào cũng thấy anh ta chuẩn bị hành lý, sắp xếp bao lớn, bao nhỏ, mọi người thấy anh ta ra dáng là người sắp xuất ngoại. Kết quả là sau đó một thời gian anh vẫn không lên máy bay.

Lại có người xem ra ngày ngày không hề sắp xếp hành lý, đi đâu cũng không nói mình sắp đi Mỹ, nhưng rốt cuộc sau đó, anh đã đáp máy bay sang Mỹ. Bạn có thấy chuyện này có kỳ lạ lắm không? Thực ra chẳng có chút gì kỳ lạ cả, vì đâu có ai quy định rằng, đi Mỹ thì phải chuẩn bị cho thật nhiều hành lý! Ngày ngày chuẩn bị hành lý hoàn toàn không phải là điều kiện để có thể đi Mỹ. Những điều kiện đi Mỹ là phải làm hộ chiếu cho được, thị thực nhập cảnh, mua vé máy bay cho được. Một người bề ngoài hoàn toàn không có vẻ chuẩn bị hành lý, nhưng lại có thể đi Mỹ được là vì những gì cần anh ta đều đã hoàn tất, thì đương nhiên anh có thể đi được. Còn người kia ngày nào ngoài miệng cũng nói sắp đi Mỹ, nhưng vì không thực hiện đầy đủ các điều kiện để đi Mỹ- không làm hộ chiếu, không thị thực nhập cảnh, cũng không có vé máy bay mà ngày ngày cứ lo sắp xếp hành lý, lấy kem đánh răng, bàn chải, quần áo, khăn lông mà gói lại bỏ vô vali, khiến người ta nhận thấy anh ta ra vẻ sắp xuất ngoại. Kết quả ư? Lẽ đương nhiên là không đi được. Điều này chẳng có chút gì là kỳ lạ, đó là vì anh ta đã không làm những gì cần phải làm!

Vãng sanh vào thế giới Cực Lạc cũng như vậy, phải hiểu rõ các điều kiện. Đại sư Ngẫu Ích bảo, những điều kiện quyết định để vãng sanh Cực Lạc là tín và nguyện, phải có lòng tin và nghị lực. Nếu điều kiện phải thực hiện này mà không được thực hiện thì dù có thực hiện thật nhiều hình thức bên ngoài thì cũng chẳng dính dáng gì với nội dung. Nếu có được các điều kiện cần phải có thì nhất định có thể vãng sanh Cực Lạc. Tín và nguyện đều không phải điều kiện bên ngoài, không cần phải cầu xin người khác, đó chỉ là vấn đề nội tâm của chính mình mà thôi, chỉ là vấn đề quan niệm, khoảnh khắc của một niệm mà thôi. Rốt lại vãng sanh Cực Lạc là dễ hay khó?

Thường thường các vị lão Bồ Tát (các cư sĩ đã lớn tuổi) đã học Phật hai ba mươi năm hỏi tôi câu hỏi ấy. Họ thắc mắc: tại sao có người bề ngoài thường có vẻ không dụng công niệm Phật, đến lúc lâm chung lại bình thản cười hi hi mà đi. Nhìn thấy những người như thế, ta có cảm giác vãng sanh Cực Lạc rất dễ. Mặt khác, có một số người xem ra suốt ngày dụng công lần hạt niệm Phật, sớm tối đều ra sức lạy Phật, vẫn thường đến các hội nghe kinh, thế mà bình thường lại âu sầu phiền não, đến khi lâm chung thì lại điên đảo, không thích niệm Phật, thậm chí còn xuất hiện những hiện tượng không tốt, lại có người nghe niệm Phật thì tức giận. Nhìn thấy

những người như thế, ta có cảm giác vãng sanh Cực Lạc là rất khó. Rốt lại vãng sanh Cực Lạc là dễ hay khó?

Thật ra, người mà trong lòng đã có đầy đủ lòng tin, thật sự mong muốn vãng sanh thì vãng sanh Cực Lạc rất dễ, chỉ trong khoảnh khắc một niệm mà thôi, so với uổng tử tại Ta Bà quả là đơn giản hơn, lại hạnh phúc hơn. Nhưng đối với người không hiểu rõ được điều kiện hoặc trong lòng không chân thật tin tưởng, mong muốn thì vãng sanh Cực Lạc rất khó.

Người như thế rất có thể chỉ thường thường hoạt động ở trong khuôn khổ Phật giáo, hùa theo người khác mua tràng hạt, mua pháp khí (chuông, mõ, tượng...) mua áo tràng, giống như ví dụ đã nêu trên, miệng thì nói sắp đi Mỹ, mà ngày ngày cứ sửa soạn hành lý, mua vali, mà không chịu thực hiện các điều kiện cần thiết như hộ chiếu, thị thực nhập cảnh vv...Anh ta bề ngoài xem ra rất giống người sắp xuất ngoại, nhưng lại không thực hiện các điều kiện cần thiết, cho nên không xuất ngoại được. Anh ta có hình thức bên ngoài là cầm tràng hạt niệm Phật, nhưng lại không thật sự dùng tín tâm mà niệm Phật, đồng thời thiếu lòng mong muốn bỏ đi những thứ tạp nhạp trong tâm, thiếu cái quyết tâm, cái nguyện lực, chân chính”mong muốn hạnh phúc”. Thiếu phần chân tín, chân nguyện này thì đương nhiên không tránh khỏi Uổng tử tại Ta Bà. Suốt một đời này khổ nhọc chuẩn bị hành lý, cũng chỉ để dùng trong sự luân hồi của cõi Ta Bà mà thôi.

Chúng ta đã quyết định muốn vãng sanh thì những sự việc lớn nhỏ trong sanh hoạt thường ngày, sự việc nào cũng là một khảo đề, cũng đều khảo nguyện lòng tin và sức nguyện của chúng ta đã đủ hay không đủ. Mỗi một cuộc khảo hạch đều là một then chốt trọng yếu, đều quyết định chúng ta được vãng sanh vào Cực Lạc hay bị Uổng tử ở Ta Bà. Ví như: Một hôm, một ký giả của một tờ báo đến tổng tiền Lão Hòa thượng Quảng Khâm, anh ta chìa tay về phía Lão Hòa thượng, nói: “Đưa tiền đây, nếu không đưa tiền thì cây bút của tôi lợi hại lắm đó. Ngày mai tôi sẽ viết một bài về ngài để đăng báo, bảo đảm rằng không có ai sẽ đến sơn môn của ngài nữa!” Nhưng lão Hòa Thượng Quảng Khâm là người quyết tâm nguyện ý vãng sanh Cực Lạc, là người có đầy đủ tín nguyện, có lòng tin thì không có sợ hãi, ưu phiền; có lòng tin thì không sợ! (Hễ sợ thì không có lòng tin!) Lão Hòa thượng một lòng mong muốn vãng sanh Cực Lạc vốn chẳng cần biết ngày mai trên báo viết tốt hay xấu về ngài. Ngài vốn chẳng cần biết tới có người hay không có người đến chùa miếu của ngài. Cho nên ngài chỉ nói với kẻ tổng tiền ấy rằng: “Xin ông viết báo về tôi, càng xấu càng tốt, vì mọi người cung kính tôi, cầu xin tôi gia trì, tôi phải ngày ngày niệm chú Đại bi, trì nước Đại bi. Nếu mọi người đều bảo tôi là xấu mà không cung kính tôi, không ai tìm đến tôi, thì tôi mới được yên tịnh mà niệm A Di Đà Phật”.

Mấy câu nói ấy của Lão Hòa thượng chính là lời khẳng định tín, nguyện đầy đủ, nhất tâm niệm Phật. Anh ký giả kia nghe xong rất đỗi ngạc nhiên, quả là anh ta đi khắp đây đó không thấy ai như Lão Hòa thượng này, cho nên anh hết dám tổng tiền ngài nữa. Lão Hòa thượng đã y theo lòng tin và sức nguyện muốn vãng sanh Cực Lạc, nên ngay đó đã thoát khỏi nạn tổng tiền, đồng thời cũng hàng phục được cái tâm niệm xấu của đối phương, đó đây đều vãng sanh Cực Lạc. Đó chính là khảo đề về tín và nguyện trong sinh hoạt thường ngày. Nếu Lão Hòa thượng không nghĩ đến ước nguyện vãng sanh Cực Lạc, thì ngài đã không bỏ được thế giới này mà sẽ phải vướng mắc vào sự phê bình ngài trên báo, sẽ phải vướng mắc vào việc có hay không có người đến chùa miếu, sẽ phải sợ anh ký giả tổng tiền kia, sẽ phải sợ đưa tiền thì cứ bị tổng tiền hoài, mà không đưa tiền thì thanh danh bị bôi nhọ trên báo. Nếu trong lòng càng sợ anh ta, càng buông không được, càng vướng mắc, nhất định càng có nhiều phiền bức, thế là ngày ngày

mang sàu thọ khổ, không thể”không có các thứ khổ, chỉ có các thứ vui”. Như thế thì nhất định sẽ uông tử tại Ta Bà, không thể vãng sanh vào Cực Lạc.

Lão Hòa thượng tuy bề ngoài vừa gầy ốm vừa bé nhỏ, nhưng lòng tin vào Phật, lòng tin vào Phật tính của chính mình thì lại mạnh mẽ to lớn vô cùng! Ngài biết rằng, các tướng trạng của thế gian đều hư ảo như cảnh mộng. Cho nên ngài quyết bỏ cảnh mộng mà giác tỉnh! Ngài quyết bỏ thế giới Ta Bà! Ngài quyết ngay liền vãng sanh Cực Lạc tự do, tự tại! Nguyên lực như thế quả là mạnh mẽ, to lớn vô cùng!

Anh chàng tổng tiền kia dùng danh lợi làm bửu bối để uy hiếp, Lão Hòa thượng lại xem đó là thứ đồ rác rưởi phải bỏ đi. Lão Hòa thượng không bị danh, lợi, vinh làm trở ngại tâm; sở dĩ thế là do nguyên lực muốn vãng sanh Cực Lạc của ngài. Chúng ta thử xem”nguyên lực” muốn vãng sanh của Lão Hòa thượng.

Chúng ta thử xem xét cái”nguyên lực” chân chính muốn vãng sanh và sự”buông bỏ” không ngần ngại của Lão Hòa thượng để thấy rằng phước báo và trí tuệ của Lão Hòa thượng là hiếm có trên đời. Phần đông người ta không buông bỏ được, không dám buông bỏ, vì sợ rằng buông bỏ đi thì sẽ mất cái gì đó, sợ rằng buông bỏ xong thì không còn có gì. Như thế là không hiểu Phật pháp, không có tín tâm, cũng giống như sợ rằng đi đại tiện sẽ mất cái gì đó.

Câu nói đầu tiên khi thành đạo của đức Phật Thích Ca Mâu Ni của chúng ta là sự cảm thán và sự cảm khái vô cùng. Ngài liên tục dùng hai cảm thán từ”lạ thay!”,”lạ thay!”, thật là một sự cảm thán kỳ lạ! Thần kỳ! Vì sao lại thần kỳ? Vì tất cả chúng sanh cùng với Phật đều cùng có đức tướng trí tuệ giống nhau, do đó mà thần kỳ vậy! Nhưng cũng rất đáng tiếc, chỉ vì sự chướng ngại của vọng tưởng và chấp trước mà chúng sanh hoàn toàn mất đi trí tuệ Phật tính và phước báo vốn có của mình, không chứng được những thứ ấy; cũng là vì không có cách nào khai phát hiển lộ cái bảo tàng của chính mình. Câu nói: “Lạ thay! Lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà không chứng được đức tướng ấy”, chúng tôi nghĩ rằng, đa số Phật giáo đồ đã nghe câu này, nhưng những người tin và có thể thọ dụng thì rất ít.

Khi mới khai ngộ, Lục Tổ (Huệ Năng) cũng cảm thán rằng”Từ bao giờ, tự tính vốn đầy đủ”! Phật tính của chúng ta vốn viên mãn đầy đủ, cái gì cũng có. Tín tâm của Phật giáo đồ chúng ta là phải tin đức Phật, lại còn phải tin tự mình cũng có Phật tính, giống như đức Phật. Chúng ta tin rằng, phước báo và trí tuệ vốn có của chúng ta bình đẳng với đức Phật, chỉ vì chúng ta vọng tưởng, chấp trước quá nhiều chướng ngại, nên không hiển lộ ra được, giống như mây đen quá nhiều nên khiến ánh sáng mặt trời không thể xuyên qua mà hiển lộ được.

Do đó, chúng ta quyết không nên xem nhẹ ý nguyện”mong muốn vãng sanh Cực Lạc”, nhất quyết không nên xem nhẹ sự”buông bỏ”. Ý niệm này về sự”buông bỏ” ở thế giới Ta Bà này, cũng giống như sự tiêu tan của mây đen, khiến Phật tính vốn có có thể hiển lộ ra. Nên biết, buông bỏ mây đen, phá tan mây đen chẳng hề mất đi ánh sáng mặt trời, việc gì phải lo! Buông bỏ vọng tưởng và chấp trước thì phước báo và trí tuệ vốn có mới có thể hiện ra. Nguyên sanh Cực Lạc, niệm Phật chính là niệm Phật hiệu để phá tan mây đen của vọng tưởng chấp trước, khiến cho Phật quang hiển hiện ra, cũng khiến cho sự diệu dụng của Phật lực hiển hiện ra. Phải biết rõ những chướng ngại trong tâm chúng ta,”đính mắc cái này, lo toan cái kia” chính là mây đen. Chúng ta nhờ chuyện này của Lão Hòa thượng mà ít nhiều hiểu được cái sức mạnh của”tín”,”nguyện” và những khảo đề về tín trong sinh hoạt hàng ngày.

Đại sư Ngẫu Ích nói: Tín và nguyện là điều kiện quyết định vãng sanh. Nhưng chưa chắc người có tín tâm đã phát nguyện. Còn người đã phát nguyện thì nhất định đã có đủ tín tâm. Cho nên then chốt của vãng sanh quyết định ở "nguyện". Có người nói: "Có chứ! ngày nào tôi cũng niệm bài nguyện vãng nguyện sanh Tây Phương". Phải biết rằng, cứ theo từng chữ mà niệm bài nguyện vãng chưa chắc đã là chân thực có lòng. "Nguyện" là mong cầu chân chính, ước muốn chân chính trong lòng. Người thành tâm phát nguyện không chỉ là người niệm bài nguyện vãng trước đức Phật, mà còn lấy nguyện ước này là người dẫn đạo, cũng như khi Lão Hòa thượng bị tổng tiền, ngài lấy nguyện ước này làm chủ đề. Ngài chỉ có một đại nguyện này, hoàn toàn không hy vọng người đời cung kính cúng dường tấm lòng của ngài, thậm chí cũng không cố ý nguyện làm nên sự nghiệp gì cho Phật giáo.

Có lần một vị cư sĩ đưa một vị Hoa Kiều Thụy Sĩ đến bái kiến ngài. Vị cư sĩ này giới thiệu với Lão Hòa Thượng: "Vị Hoa Kiều này là một phú hào ở Thụy Sĩ, nếu ngài giúp ông ta học Phật thì sau này ngài muốn làm sự nghiệp gì của Phật giáo, ông ta đều giúp đỡ." Lão Hòa thượng chỉ nhắm mắt, nhẹ nhàng đáp: "Tôi không muốn làm gì cả". Lão Hòa thượng đang ở trong tâm trạng không muốn làm gì, chỉ làm sự việc vô lượng vô biên cứu độ chúng sanh. Ngài cứu độ chúng sanh là tự nhiên vậy, là vì đức hạnh của Phật tính tuôn chảy, tự nhiên vĩ đại, tự nhiên cảm được lòng người.

Có người thấy ngài ngày ngày bị rất nhiều người vây quanh hỏi han thắc mắc, thì cảm khái nói với ngài: "Lão Hòa thượng, quả thật ngài đang độ cho đông đảo chúng sanh!" Lão Hòa thượng chỉ bình tĩnh đáp: "Hàng ngày tôi ăn no, nhàn nhã không làm việc gì". Nếu dùng con mắt hữu vi của người bình thường chúng ta mà nhìn thì ngài phải rất bận rộn và rất mệt mỏi. Nhưng vì tâm của ngài không bị chấp trước ngăn ngại, cho nên ngài chỉ cảm thấy "ăn no, nhàn nhã, không làm việc gì". Vì trong lòng không có việc gì, việc gì cũng đều buông bỏ, nên tự nhiên thanh thản, an vui! Vì trong lòng không có việc gì, nên trí tuệ mới trong suốt không linh lẫn, mới có thể quán chiếu, mới có thể làm tốt mọi sự mà không mệt mỏi, chỉ cảm thấy rất nhàn nhã. Nếu có ai thấy đông đảo người mà trong lòng phiền bức, vội lo lắng mà mệt nhọc với được hay không được, trong lòng đã bị ngăn ngại thì sẽ quán sát không rõ ràng, việc gì cũng không làm tốt được. (Ai bảo chúng ta không tin Phật quang, tin mây đen!)

Phần lớn người trong chúng ta không có ước nguyện vãng sanh chân thực, việc gì ở cõi Ta Bà này cũng dính vào, chấp trước, lo được lo mất, đó cũng chính là mây đen gây nhiều trở ngại, ánh sáng mặt trời không xuyên qua được, còn Lão Hòa thượng thì có ước nguyện vãng sanh chân thực, không vướng mắc vào đâu, lại có trí tuệ thấu suốt, rọi sáng mọi sự vật rõ ràng minh bạch. Ai bảo chúng ta không tin Phật, không tin vào trí tuệ phước báo vốn có của chúng ta, mà tin vào vọng tưởng chấp trước, tạo nên nhiều mây đen như thế?! Mây đen càng nhiều thì càng không có phước báo, càng không có trí tuệ.

Nếu người tham gia khảo hạch đều có kinh nghiệm, hoàn toàn không càng lúc càng khẩn trương, dính mắc thì thành tích sẽ tốt. Trái lại, càng dính mắc thì càng lo được lo mất thì thành tích có thể càng kém. Vì áp lực lớn, quá khẩn trương, huyết quản sẽ co rút lại, máu đưa dưỡng khí cung cấp cho não không đủ, khiến cho người bình thường thông minh cũng sẽ biến thành ngốc nghếch. Lại nữa, khi áp lực lớn, thân và tâm đều trở cứng không linh hoạt, phản ứng sẽ trở nên kém đi. Đồng thời chúng ta có thể quan sát người khẩn trương thì thường không được an vui, cái ấn tượng gây cho người ta cũng không tốt. Cho nên nếu đâu đâu cũng không được tốt lành, thì đó là do phước báo vốn bị "dính mắc, chấp trước" làm mai một đi mà không hiển lộ

đầy đủ. Sự khấn trương lo được lo mất như thế thật là rất oan uổng, quả là phải”Uổng tử tại Ta Bà”, vì sao chứ? Vì thiếu cái nguyện lực chân thật muốn vãng sanh Cực Lạc, cho nên đối với những danh nhỏ lợi nhỏ đều bị dính mắc, bị trở ngại kết quả ư? Cũng là chẳng được gì cả! Chỉ một việc là biến thành tên quý quèn, nội tâm không bỏ được, chịu khổ, không thể cảm nhận hạnh phúc; ngoài ra quả thực không được gì cả.

Chúng tôi không hề khuyên mọi người tham qua khảo hạch không cần phải học cho tốt, mà khuyên họ hãy cởi bỏ cái áp lực bức bách về việc lo được lo mất, khiến cho trí tuệ, phước báo của Phật tính chúng ta có thể hiển lộ đầy đủ, từ đó mà có thể học hành giỏi, làm việc giỏi. Như thế, dù không cố ý mong muốn tham gia khảo hạch tốt cũng vẫn được tốt. Giống như Lão Hòa thượng Quảng Khâm, ngài không hề mong muốn mọi người cung kính ngài, mọi người cũng tự nhiên cung kính ngài. Nên biết rằng, mây đen một khi đã tan thì ánh mặt trời tự nhiên hiển lộ, muốn ngăn cản cũng không ngăn cản được. Nếu còn mây đen giăng kín thì có muốn thấy ánh mặt trời, có cố cầu như thế cũng không cầu được. Phước báo, trí tuệ của chúng ta cũng như thế. Nếu có tín, nguyện, chịu buông bỏ, phá tan mây đen trong tâm thì phước báo, trí tuệ tự nhiên hiển lộ, có ngăn cản cũng không ngăn cản được, chớ nên cưỡng cầu cái gì khác. Người mà chịu vén mở đám mây đen, thì có thể làm lộ ra ánh sáng và phước báo một vùng. Nếu chịu vén mở toàn bộ mây đen thì có thể làm lộ ra vô lượng ánh sáng trọn đầy, đó là điều tự nhiên vậy.

Vãng sanh thế giới Cực Lạc, hưởng thọ mọi an lạc chính là phước báo trí tuệ to lớn nhất của chúng ta. Người nguyện vãng sanh Cực Lạc, nhất định chịu vén mở mây đen, người không chịu vén mở mây đen thì không có ước nguyện chân chính. Khi định nghĩa chữ”nguyện”, Đại sư Ngẫu Ích giải thích là”chán bỏ Ta Bà, vui cầu Cực Lạc”. Ý nghĩa của chán bỏ không phải là bảo chúng ta thật ghét, thật chán, chán bỏ là hoàn toàn không có hứng thú, tự nhiên dứt bỏ đi, nội tâm không tương ứng, không mong cầu.

Đại sư Ngẫu Ích bảo, thế giới Ta Bà chính là thế giới do sự chiêu cảm ô uế của nội tâm chúng ta, đã thế thì nó là đồ rác rưởi của tự tâm, có gì đâu mà quý báu? Đương nhiên là không có gì là vui thú, không tương ứng cũng không đang mong cầu. Mong cầu Cực Lạc chính là rất vui vẻ mà hướng về thế giới Cực Lạc, rất vui vẻ mà tương ứng với thanh tịnh, an lạc. Gọi là thế giới Cực Lạc chính là cái thế giới được chiêu cảm bởi sự thanh tịnh, an lạc của nội tâm. Đã là sự an lạc, thanh tịnh của nội tâm thì đương nhiên là nên tương ứng mà mong cầu.

Nếu chúng ta quả thật mong nguyện vãng sanh Cực Lạc thì phải y theo định nghĩa của Tổ sư. Trong sinh hoạt hàng ngày chúng ta phải kiểm thảo cho đúng đắn xem nguyện chúng ta có chân thực hay không, kiểm thảo xem sự mong cầu chân chính của nội tâm chúng ta là gì. Ví dụ: Có một cô em dâu của một thiếu phụ nói xấu cô ta với mẹ chồng, khiến cho bà mẹ chồng hiểu lầm cô, đi đâu cô em dâu này đều bảo rằng cô không tốt. Cô hay chuyện liền bực bội, muốn giải thích rõ ràng cho cô em dâu, hy vọng mọi người sẽ không hiểu lầm cô. Đó là”nguyện” của cô ta. Sự cầu mong như thế, nguyện ước như thế là cái thường tình của người ta, đương nhiên không có gì không phải, và cũng không thể thực hiện được, có thể cầu mong được. Nhưng cần phải chú ý: Cái nguyện như thế hoàn toàn không phải là cái nguyện vãng sanh Cực Lạc! Vì cô ta bị dính mắc vào lời phê bình đánh giá cô của người mẹ chồng và người em dâu, sự phê bình của người khác khiến cô đau lòng tức giận. Trong lòng cô u ám vì tâm cô bị dính mắc vào sự việc này, bị dính mắc vào những lời phê bình kia. Nhưng cần chú ý: “chán ghét (thảo yếm) hoàn toàn không phải là chán bỏ (yếm ly)”, mà là”chán nhưng không bỏ”. Vì tâm niệm của cô cứ nghĩ tới nó, cứ không chịu thoát ra khỏi sự ràng buộc dầy vò của nó, đó là

chán mà không bỏ, đó là mong muốn uổng tử tại Ta Bà, không phải là mong muốn vãng sanh và Cực Lạc.

Phải hiểu rõ vãng sanh Cực Lạc là hoàn toàn không nên mong muốn “Cô em dâu hiền lành, bà mẹ chồng sáng suốt hiểu rõ chúng ta”. Những điều kiện này đều ở bên ngoài, mong cầu ở người khác. Vãng sanh Cực Lạc là phải giống như đã nói trước đây, như Lão Hòa thượng Quảng Khâm, cái sức nguyện vãng sanh Cực Lạc của chính mình rất kiên cường, ngay đó là buông bỏ được, ngay đó là an lạc tự tại! Quả thực mình có sức mạnh như thế thì có thể chuyển biến người khác, chuyển biến hoàn cảnh.

Năm ấy, Lão Hòa thượng Quảng Khâm tu tại một ngôi chùa ở Đại lục, vị sư trong chùa vì muốn khảo nghiệm công phu của ngài, nên đã cố ý lấy tiền trong thùng công đức, rồi sau đó trước mặt mọi người, bảo rằng ngài đã ăn cắp. Kết quả là mọi người trong chùa đều nhìn ngài với cặp mắt khinh khi, cho rằng ngài là kẻ cắp. Nếu gặp hoàn cảnh này thì nhất định chúng ta khổ mà chết, chết oan uổng! Nhưng vì tâm ngài vãng sanh Cực Lạc, cho nên vẫn không dính mắc vào những lời vu cáo và phê phán của cõi đời này, cho nên bị người ta “khinh khi nhìn”, ngài cũng “như tắm gió xuân”, hoàn toàn không ảnh hưởng đến sự tự tại an vui của ngài. Cuối cùng, khi nhà chùa tuyên bố sự thật, mọi người không những sám hối mà còn khẳng định công phu tu tập của ngài, càng tôn kính ngài nhưng ngài chỉ nguyện vãng sanh Cực Lạc nên cũng chẳng tham luyến gì. Nguyện lực của Lão Hòa thượng rất kiên định: mọi người bảo ta là kẻ cắp, khinh rẻ ta, ta cũng vãng sanh Cực lạc! Mọi người bỗng nhiên là vị cao tăng dày công phu, có tu có chứng, ta cũng nguyện vãng sanh Cực Lạc! Nguyện của ngài không dao, không động, không theo với hoàn cảnh, nhân sự bên ngoài mà lắc lắc lay lay, không bị người ta đưa đẩy cho nên khi lâm chung mới có thể “không đến không đi” (vô lai vô khứ), vì nguyện lực bình thường chính là không giao động. Mọi người có thể thấy rõ người có nguyện lực kiên định, không dao động đều có thể chuyển biến hoàn cảnh, cải biến nhân sự, khiến mọi người khâm phục. Như thế thì tốt hơn nhiều so với việc tự mình bị dao động mà dính mắc, mà giải thích, vì sự giải thích biện luận của chúng ta càng thêm rối rắm tối tăm, chắc gì mọi người muốn nghe? Thực ra, người có tâm dao động thì tâm lực không kiên cường, lời nói nhất định không có sức ảnh hưởng đến người khác. Trước khi vãng sanh, Lão Hòa thượng có nói: “Vô lai vô khứ, vô đãi chí”, “Vô đãi chí” trong tiếng Đài Loan nghĩa là “không việc gì”, theo cách phát âm từ này có hai nghĩa. Vì bình thường chỉ có một đại nguyện (nhứt tâm chí) là vãng sanh Tây Phương chứ không có chí nguyện không tốt nào khác (vô đãi chí), cho nên không có sự việc luân hồi (không có việc gì) có thể không đến không đi (vô lai vô khứ) không giống như chúng ta năm tâm bảy ý, lắc lắc, lay lay, đi đi, đến đến, hoàn toàn là cái “đãi chí” của sáu đường luân hồi, không có cái “chân nguyện” vãng sanh.

Một hôm có một bà cụ rất tức giận bảo với Lão Hòa thượng rằng cô dâu của bà rất tệ, thường không nghe lời bà. Lão Hòa thượng chỉ hỏi bà: “Nếu dạ dày bà đau thì bà có cách nào bảo mình không đau không?”

Bà cụ đáp: “Không thể được”. Lão Hòa thượng nói: “Bà tự bảo mình mà bảo không được, tự bản thân bà còn không nghe lời, làm sao có thể bảo người khác nghe lời bà được?”

Nếu chúng ta muốn chuyển đổi hoàn cảnh cho được như ý, chỉ cần nguyện lực của mình phải thành khẩn kiên cường. Chúng ta bình thường niệm Phật, lay Phật tại Phật đường, xưng niệm “nguyện vãng sanh Cực Lạc”, nhưng khi ra khỏi Phật đường, gặp phải khảo đề trong sinh hoạt thì liền lãng phí sinh mạng mà dính mắc, so đo. Lãng phí sinh mạng thì uổng tử tại Ta Bà!

Ví dụ: con bạn thi rớt đại học, nên lòng bạn bị dính mắc vào, cảm thấy mất thể diện không dám ra ngoài gặp bạn bè sợ người ta hỏi”con ông đi thi thế nào?” Nếu bạn có cái tâm như thế thì nên kiểm thảo lại cái nguyện muốn vãng sanh Cực Lạc của chính mình. Đương nhiên, hy vọng con mình đậu đại học là một hy vọng rất chính đáng, nhưng loại nguyện này một khi có vấn đề thể diện, lo được lo mất thì nó biến thành loại nguyện truy cầu danh lợi Ta Bà, sai khác với loại nguyện vãng sanh Cực Lạc của chính mình. Người nguyện vãng sanh Cực Lạc thì không dính mắc vào danh lợi ở Ta Bà, không mong cầu đứa con làm thỏa mãn cái tâm hư vinh của mình. Người ấy sẽ giúp đứa con cùng sanh vào nước Cực Lạc, khiến cho chân tâm của đứa con được an lạc, sẽ bồi dưỡng lòng tin, sức nguyện và lòng từ bi của đứa con. Điều này khiến cho người ấy vui vẻ giúp người, và giúp ông vĩnh viễn được hạnh phúc rốt ráo. Người ấy sẽ nhận thấy con có đậu vào đại học hay không cũng không quan trọng lắm. Vì trên thế giới này, những người giúp ích cho chúng sanh không nhất thiết phải học đại học! Thực ra tự mình không qua được kỳ khảo hạch về tín và nguyện của đại học Cực Lạc mới là trọng yếu, tự mình phải uổng tử tại Ta Bà, luân hồi trong sáu nẻo, so với việc thi rớt đại học thì nghiêm trọng hơn nhiều!

Tôi quen biết một người nông dân mà mọi người đều tôn xưng là”Bồ Tát hoan hỉ”. Một hôm, bà đánh mất năm ngàn đồng, câu nói đầu tiên của bà là: “Người nhặt được cũng có thể dùng, như thế thật là vui!” Tâm của bà quả thật đã nguyện vãng sanh Cực Lạc, cho nên gặp chuyện gì bà đều nghĩ đến chỗ hạnh phúc nhất, nghĩ đến cái góc độ từ bi nhất, bà liền buông bỏ, bố thí, khiến cho chính mình ngay đó mà hạnh phúc; tự mình được hạnh phúc thì tự nhiên tỏa ra mùi thơm và ánh sáng hạnh phúc, khiến mọi người đều hạnh phúc! Nếu tự mình không hạnh phúc, mặt sầu mày khổ, ngày ngày buồn bã, tỏa khí u ám, bảo rằng có thể tạo phước cho mọi người thì quả là không thể được, mà có lẽ còn khiến cho mọi người phiền khổ. Cho nên, quả thực muốn giúp mọi người thì tự mình ngay đó phải sống hạnh phúc, vãng sanh Cực Lạc. Tự mình ngay đó hạnh phúc thì giống như ngọn đèn được thắp sáng, làm cho cả thế giới được sáng sủa. Nếu trong tâm giống như một khối rác bốc mùi tanh, hoặc như một chiếc xe đầy khói đen, gây ảnh hưởng không tốt, làm cho cả thế giới bị ô nhiễm. Cho nên chớ xem thường một niệm của chính mình. Mỗi tâm niệm của chúng ta đều tỏa khắp vũ trụ, đều có ảnh hưởng đến cả thế giới. Không nên xem nhẹ một niệm vãng sanh Cực Lạc là niệm chân chính, buông bỏ mây đen rác rưởi, mới có thể mang lại cái hạnh phúc sáng sủa, mãnh mẽ, chiếu sáng chính mình và thế giới, cũng có thể ban cái công năng từ bi trừ khổ, mua vui. Cho nên bảo rằng”tín”,”nguyện” cũng là tâm Bồ Đề. Loại hạnh phúc sáng sủa và nhẹ nhàng này, một người mà ngày nào của lo được lo mất, không thể nào tượng tượng ra được.

Tại Yên sào có một vị sư bà, pháp danh Ngô Quang, bà từng đóng cửa hơn mười năm tu trì nghiêm túc. Bà có hai lời dạy nêu ra được tâm cảnh của bà, hết sức giản đơn mà sâu sắc, quả là một sự biểu lộ tín tâm, nguyện lực đầy đủ. Bà dùng âm thanh rất nhẹ nhàng, tự tại, rất ôn hòa nhu nhuyễn mà nói: “Không có việc nào gây ưu sầu, không có việc nào gây hối hận”, đây là hoàn cảnh sinh hoạt rất tốt đẹp, nghe được thì cảm thấy thân và tâm rất mát mẻ. Một người chân thành tin vào Phật lực, tin vào tự tính, tín tâm đầy đủ thì không có việc nào gây ưu sầu, mà đều vãng sanh Cực Lạc, ưu sầu mà làm gì? Đối mọi sự ở thế giới Ta Bà, không còn quái ngại chấp trước thì không bị áp lực bức bách, không bị chuyện gì gây hối hận, mà tất cả đều hết lòng hết sức để hoàn thành tốt đẹp thì tự nhiên công việc được hoàn thành tốt đẹp. Hối hận cũng không thể nhanh hơn, không hối hận cũng không thể chậm hơn. Không thể để cho tâm tư lãng

phí vì hồi hả thì mới có thể thực sự hết lòng hết sức mà làm việc, lại có thể nhanh nhất trọn vẹn nhất!

Có người hiểu nhầm rằng nguyện vãng sanh Cực Lạc không dính mắc gì với thế giới Ta Bà thì không cần phải làm việc gì cả. Thật ra thì trái ngược lại, không dính mắc là không dính mắc với danh lợi cá nhân, không dính mắc với lợi hại, được mất của chính mình, mà trái lại tâm tình vui sướng, tâm cảnh rộng rãi, làm cái gì thì toàn tâm toàn lực mà làm, không lãng phí tâm tư vì so đo, hoặc gấp rút âu lo, làm việc gì cũng đều vui vẻ hết lòng hết sức, lại cảm thấy trong lòng thanh thản không có việc gì, không mệt mỏi. Như thế cũng giống như Bồ Tát Quán Thế Âm do trong lòng vô vi mà khởi lên tâm từ bi thì mới có thể toàn tâm toàn lực giúp chúng sanh dứt khổ, ban vui.

Điều chủ yếu của nguyện sanh Cực Lạc là sự điều chỉnh phương hướng và tiêu điểm của nội tâm, hoàn toàn không phải có sự sinh hoạt hình thức nào đó, đầy đủ một biểu hiện bên ngoài nào đó, hoặc phải làm một số sự việc thì mới là nguyện vãng sanh Cực Lạc. Câu chuyện sau đây có thể giúp chúng ta hiểu rõ: Có một vị sư trông rất nhiều hoa lan. Một hôm khi ông có việc phải rời chùa, người đệ tử vô ý làm vỡ một chậu lan rất quý, rất đẹp, người đệ tử rất lo lắng sợ rằng khi sư phụ trở về sẽ quở mắng ông. Không ngờ, vị sư trở về chỉ mỉm cười, người đệ tử bèn hỏi: “Vì sao thầy không giận?” Vị sư đáp: “Ta vì muốn làm cho cảnh trí trở nên đẹp đẽ, khiến mọi người an vui mới trông hoa lan, chứ không hề muốn nóng giận mà trông hoa lan, cho nên chậu vỡ cũng không nóng giận!”

Câu chuyện trên gây cho chúng ta một ấn tượng thâm sâu. Một số người không những trông hoa lan, mà có thể làm bất cứ việc gì cũng không tự chủ, lại bị dính mắc vào sự thành bại, được mất của sự việc, cảm thấy thành quả bị hư hoại, những mất mát không kể là hoa cỏ bị chết, hoặc đồ vật bị hư hoại, hoặc thi không đậu, hoặc con cái không nghe lời thì họ buồn bã phiền bức, đây cũng là uổng tử tại Ta Bà! Vị sư ấy nói đúng, “Ta hoàn toàn không muốn nóng giận mà trông hoa lan”, ngài hiểu rất rõ động cơ mục đích của mình, có thể nói nguyện của ngài là an vui cùng với mọi người, và nguyện đồng sanh Cực Lạc, không hề nóng giận mà uổng tử tại Ta Bà.

Ta tự phản tỉnh, cảm thấy rất hổ thẹn không được như ngài! Vì có lúc làm việc, nguyện ban đầu là vãng sanh Cực Lạc, nhưng đến nửa chừng thì gặp trở ngại, mà bỗng nhiên uổng tử tại Ta Bà, lại tạo ra năm loại rác rưởi lớn là tham (tham lam), sân (nóng giận), si (ngu muội), mạn (kiêu ngạo), nghi (nghi ngờ). Thực ra thì phải giống như ngài mới là cái nguyện chân chính, trước sau như một, vẫn giữ gìn sự an vui thanh tịnh, gặp phải hoàn cảnh thuận hay nghịch, tâm cũng không thoái chuyển, không để cho đây đó rơi vào cái địa ngục thâm sâu của sự nóng giận, khổ đau.

Nếu trong sinh hoạt hàng ngày, con cái bạn phụ giúp việc mà lỡ đánh vỡ chén, làm hư đồ dùng, bạn cũng nguyện vãng sanh Cực Lạc, chỉ ôn tồn dạy bảo chúng, không giận dữ không la mắng. Khi về nhà, phát hiện bị trộm, bạn cũng nguyện vãng sanh Cực Lạc mà vui vẻ bố thí, không sợ hãi âu sầu.

Giả như chồng bạn có ngoại tình, bạn cũng nguyện vãng sanh Cực Lạc, mà không nóng giận lại đối với chồng càng tốt hơn. Trong công việc bếp núc, bạn vẫn nguyện vãng sanh Cực Lạc, vui vẻ lau chùi nội nêu sạch sẽ.

Bạn bè có hiểu lầm bạn, bạn cũng nguyện vãng sanh Cực Lạc mà không đau buồn, vì đức Phật A Di Đà hiểu bạn. Hôm nay ăn được món ăn ngon, bạn cũng nguyện vãng sanh Cực Lạc, không vì tham ăn mà uổng tử tại Ta Bà.

Bạn trai hay bạn gái có đối xử tốt với bạn, bạn cũng nguyện vãng sanh Cực Lạc, hiểu rằng Đức Phật A Di Đà đối với bạn tốt hơn, lại còn mãi mãi không thay lòng. Được như thế thì mới có thể ngay đây mà an lạc, nếu không thì khổ vẫn là khổ, giận vẫn là giận, ngoại trừ phải uổng tử ra thì không được gì cả. Sao bằng lấy uổng tử mà đổi thành vãng sanh!

Nếu trong sinh hoạt hàng ngày, chúng ta có thể luyện tập, nêu cao nguyện vãng sanh Cực Lạc mà niệm Phật, thì khi sắp chết, nguyện lực sẽ mạnh mẽ, không có chướng ngại. Mong rằng mọi người đều thuộc bài”kệ phát nguyện” mà trong các khóa tụng tại chùa thường được tụng:

Nguyện khi lâm chung không chướng ngại

Di Đà Thánh chúng đến tương nghinh

Xa rời ngũ trọc, sinh Tịnh độ

Trở lại Ta Bà độ hữu tình.

Trước đây chúng ta đã nói: Có thể nói tâm niệm, sinh mệnh của chúng ta đều sinh, đều diệt trong từng sát na, cho nên lúc nào cũng là lâm chung. Do đó:

Câu thứ nhất: “Nguyện khi lâm chung không chướng ngại” cũng có thể nói là”Nguyện tôi thời thời không chướng ngại”. Bảo rằng chướng ngại là chúng ta vọng tưởng, chấp trước mà tự mình sinh ra chướng ngại. Muốn”không chướng ngại” thì tự mình phải quyết tâm buông bỏ.

Câu thứ hai: “Di Đà Thánh chúng đến tương nghinh”. Để đề tỉnh chính mình, thông thường chúng ta niệm thành”Di Đà Thánh chúng thường tiếp dẫn”, cũng chính là hy vọng đức Phật A Di Đà và tất cả Thánh chúng, giờ nào phút nào cũng liên tiếp với tâm của ta, tương tiếp thông suốt, luôn luôn dẫn đạo ta.

Câu thứ ba: “Xa rời ngũ trọc, sinh Tịnh độ”. Chỉ nguyện tâm của ta mau mau buông bỏ những thứ”rác rưởi”, mau mau thoát rời mọi ô nhiễm của những ác niệm, khôi phục lại sự thanh tịnh của bốn tính mà luôn luôn sinh hoạt trong sự an lạc của Tịnh độ.

Được như thế thì mới”Trở lại Ta Bà độ hữu tình” và đồng thời mãi mãi vui mừng độ chúng sanh, mãi mãi không mệt mỏi, mãi mãi không chán nản.

Nguyện tôi thời thời không chướng ngại

Di Đà Thánh chúng thường tiếp dẫn

Xa rời ngũ trọc sinh Tịnh Độ

Mãi mãi vui mừng độ chúng sanh.

PHẦN 4 - SỰ KHIẾM KHUYẾT BIẾN THÀNH HOA SEN QUÝ

Khi đang bệnh, cha tôi gửi cho tôi một tấm thiệp. Trên thiệp chỉ viết mấy câu. Đó là lời dạy bảo vô cùng quan trọng đối với tôi, đồng thời khiến tôi nhớ ơn sâu sắc. Ông hỏi tôi:

“Sâu róm biến thành bướm bướm? Ai giúp nó trang điểm? Ai dạy nó bay lượn? Vì sao từ một con sâu xấu xí, bò chậm chạp lại biến thành một con bướm vừa đẹp vừa biết bay? Con sâu róm đã có thể biến thành con bướm bướm, thì thứ kém cỏi cũng có thể biến thành hoa sen quý, phàm phu cũng có thể biến thành Phật!”

Lần nọ, có người gửi cho tôi một chậu thạch liên thuộc loại màu lục đậm, lá rộng. Một hôm tôi phát hiện trong cây có một con sâu, cắn hết mấy ngọn lá. Một đóa hoa thạch liên trở

nên khiêm khuyết. Tuy có mất mấy ngọn lá nhưng vài ngày sau tại mỗi chỗ lá bị mất lại mọc ra một đóa thạch liên nho nhỏ mà lại hoàn chỉnh, biến thành hoa trong hoa, so với hoa vốn có lại càng xảo diệu, càng đẹp đẽ càng dễ thương hơn! Tôi trông thấy thế thì rất cảm động, cảm động đến nỗi ôm lấy cây thạch liên mà cảm tạ sự thuyết pháp của nó, vì nó đã dạy cho tôi một sự việc rất quan trọng, đó chính là bỏ đi một ngọn lá thì có thể lớn thành một đóa, chỗ bị hư hại có thể biến thành một đóa sen đẹp đẽ hơn, hoàn chỉnh hơn.

Cuộc sống của chúng ta cũng đâu khác gì, quá trình tu hành của chúng ta cũng như thế. "Tu hành" chính là tu sửa hành vi, đem sự sai lầm khiêm khuyết mà tu chỉnh đổi mới, biến thành một đóa "sen quý" hoàn chỉnh. Ta bỗng nhiên hiểu được, bài kệ đầu của chú Lăng Nghiêm vẫn được niệm hằng ngày trong khóa buổi sáng.

"Trong ánh sáng sen quý ngàn lá mọc ra
Có hóa thân Phật ngồi trong hoa quý"...

Có thể sen quý ngàn lá của đức Phật là do tu như thế! "Mất đi một lá, mọc ra một đóa", cứ mất đi một lá thì mọc ra một lá mới; bỏ đi lá nhỏ, có thể mọc ra đóa lớn, cứ như thế mà liên tục "sửa đổi lỗi lầm, sinh ra trí tuệ", thành tựu được sen quý ngàn lá sáng ngời. Như Lai ngồi trong hoa quý ấy. Cũng là bùn dơ mà dùng được thì nở ra hoa sen, không dùng được thì bị ô nhiễm. Cũng là lỗi lầm, có khiêm khuyết mà sẵn lòng tu sửa thì thành ra sen quý ngàn lá; không chịu sẵn lòng tu sửa thì thành thạch liên khô héo.

Trong đời chúng ta thường có nhiều khiêm khuyết gây đau khổ. Có người bị trặc trở hôn nhân, có người mất người thân, có người gặp thiên tai, bệnh tật, xe đụng, có người gặp điều oán ghét, khổ đau không nói được, có người thất bại sự nghiệp, cảnh ngộ éo le...đủ mọi thứ không như ý, đều cũng như thạch liên bị hư hại, mất lá. Tuy nhiên, chỉ cần chúng ta theo tinh thần thạch liên, mỗi khiêm khuyết đều có thể sửa đổi để trở thành hoa sen quý đẹp đẽ, trang nghiêm hơn.

Dưới đây là những ví dụ cụ thể...

XUI LỚN BIẾN THÀNH PHƯỚC LỚN. *CÂU CHUYỆN CỦA MỘT BÀ CỤ*

Xã hội ngày nay, sự đổ vỡ của hôn nhân rất phổ biến, rất nhiều người vì chồng hay vợ mình thương yêu người khác, thậm chí lìa bỏ gia đình nên cảm thấy rất thống khổ, lòng không chịu nổi.

Tôi có quen một vị Lão Bồ Tát, mọi người đều rất tôn kính bà, gọi bà là lão nương (bà cụ). Bà là người duy nhất mà tôi từng thấy, bị đổ vỡ về hôn nhân: chồng phản bội, đi lấy người khác mà bà vẫn không có lời oán trách. Sự độ lượng và lòng từ bi của bà, rốt cuộc đã cảm hóa chồng, khiến chồng bà phải sám hối. Còn bà thì vẫn một mực hàng ngày thanh tịnh, vui vẻ niệm Phật. Tôi vẫn thường kể chuyện bà cụ này cho các bà vợ rất oán hận vì bị chồng phản bội, để mong mọi người học tập theo bà cụ mà lòng mở rộng hơn, mắt nhìn xa hơn, để thấy rõ ý nghĩa thực sự của đời người, khiến cuộc sống mình an vui, tự tại.

Bà cụ là người rất hiếu thuận. Từ lúc mới hai tuổi, bà đã biết lấy dép cho cha thay. Vài năm sau khi bà kết hôn, chồng bà lại yêu một người khác, và thường cùng người này đi chơi các nơi, thậm chí không về nhà. Bà cụ không hề vì việc này mà gây gổ với chồng. Bà không hề oán than mà vẫn cố gắng chịu đựng. Bà rất có trí tuệ, biết rằng gây gổ cũng chẳng có ích gì. Vì

có trí tuệ mà bà có thể buông bỏ âu sầu và được tự tại. Bà rất bình tĩnh, an phận, giữ mình, làm các việc cần làm, chăm sóc con cái, trồng trọt, thậm chí còn tiết kiệm tiền bạc để duy trì cuộc sống. Chồng bà cùng người bạn gái mới kia (dưới đây gọi là vợ bé), lại sinh ra một đứa con trai. Chẳng những thế, ông lại còn mang đứa bé về nhà, rồi cùng người vợ bé lại đi rong chơi! Phần lớn người ta gặp phải chuyện này đều rất nóng giận không cách nào chịu đựng được. Nhưng bà cụ thấy đứa bé không người chăm sóc thì thương hại. Bà rất từ bi, cho nó uống sữa, công nó ra vào mà làm việc, thậm chí khi đi trồng trọt bà cũng dẫn nó theo, khi không công được thì bà lấy dù che cho nó, để nó tại nơi dễ săn sóc. Người trong làng thấy hành vi của bà thì chê cười mà bảo "bà là người ngu xuẩn nhất trên thế giới", cứ hết lòng săn sóc đứa con của kẻ thù! Nhưng bà cụ thì không hề nghĩ như thế. Tâm bà rất thanh tịnh từ bi. Bà chỉ biết rằng, đứa bé mà không người săn sóc thì không được, nên chính bà phát tâm săn sóc nó, không kể nó là con của ai. Bà cụ không phải là ngu xuẩn, mà là đại trí đại bi.

Đứa bé ấy khôn lớn thành người, nhận bà cụ chính là mẹ đẻ của nó. Thậm chí nó không dám tin rằng, bà vợ nhỏ kia là mẹ đẻ của nó. Về sau, chồng bà cụ đem người vợ bé về nhà ở, bà cụ cũng một mực đối xử tốt với họ, thậm chí còn giúp bà vợ bé đủ mọi bề, trước sau chẳng có một lời buồn trách hoặc giận hờn. Về sau, bà vợ bé ấy bị bệnh phải giải phẫu não và rồi trở thành người thực vật, phải nằm liệt giường, mê man suốt mất năm. Bà cụ vẫn đến thăm nắm tay bà ta. Tuy mê man chập chờn, bà vợ bé vẫn chảy nước mắt. Bà cụ còn rất từ bi niệm Phật cho bà ta, trong lòng không hề có chút oán hận.

Người con của người vợ bé là người rất ưu tú, có thiên căn lại rất hiếu thuận. Anh ta không những hết lòng chăm sóc người mẹ đang sống như thực vật, mà còn rất hiếu thuận giúp đỡ bà cụ đã nuôi nấng cho anh trưởng thành. Có lần chính mắt tôi trông thấy một cảnh tượng khiến tôi vô cùng cảm động. Người con ấy đã trở thành một giáo viên, được các đồng sự bầu chọn, lãnh được "huy chương thập đại hiếu hạnh" của tỉnh Đài Loan. Sau khi đã lãnh huy chương, anh ta trở về quê bên cạnh bà cụ, dâng huy chương cho bà cụ mà nói: "Tất cả mọi thứ đều do mẹ cho con, hôm nay con lãnh phần thưởng này, còn có cả tiền thưởng, nên quyết mang về cho mẹ". Huy chương này làm bằng đồng, khắc một con dê nhỏ quì bên thân dê mẹ mà bú sữa. Tôi đứng bên cạnh nhìn đứa con quì tại đó, quay về phía bà cụ mà cảm ân. Bà cụ cầm tràng hạt niệm Phật, mỉm cười rất từ ái, vẻ mặt bà giống như vẻ mặt của của vị Bồ Tát sống. Tôi thấy thế mà chảy nước mắt, nghĩ rằng, lòng từ bi và Phật tâm chân thật vô tư là xứng đáng nhất. Thật không có người niệm Phật nào mà niệm ra được tấm lòng thanh tịnh, vô tư như thế. Thực ra không có oán hận, nội tâm thanh tịnh, an lạc cũng qua hết một đời. Rất nóng giận, oán hờn cho đến chết cũng qua hết một đời. Cần lựa chọn lối sống nào để có được trí tuệ và phước báo của chúng ta.

Chồng bà cụ già dần và mang bệnh. Khi đang bệnh nặng, ông quay về với bà, nhận sự chăm sóc của bà và người con gái. Bà quả là từ bi, bà luôn lấy tâm bình thường, không oán không giận mà chăm sóc người "lãng tử" đã phản bội bà nhiều năm, không mong cầu bù đắp về tình cảm, cũng không đố kỵ mà vui sướng khi chồng bị khổ nạn, cũng không muốn phục hận. Bà nói: "Tôi với phiền não không tương hợp". Bà cười hiền hòa, thể hiện trí tuệ thanh tịnh của người niệm Phật. Kinh Bát Đại Nhân Giác nói: "Bồ Tát bố thí xem kẻ oán người thân như nhau, không nhớ việc ác cũ, không oán người". Bà cụ không từng đi học, không từng đọc kinh này, thế mà thực hiện theo kinh một cách tự nhiên.

Trước khi mất, vào lúc hơn bảy mươi mấy tuổi, chồng bà cụ tự phản tỉnh đời mình, đến sám hối với bà. Ông nói: “Tôi đã sai lầm suốt đời. Tôi thành thật xin lỗi bà.” Ông sám hối: “Mọi người có xúm lại đánh cũng chưa đáng tội của tôi!” Bà nghe xong chỉ bình tĩnh mỉm cười mà nói: “Ồ! Nói như thế để làm gì chứ?” Tấm lòng của bà thật là rộng lượng, hoàn toàn không có gì bất bình, không có gì khó chịu, không có lời oán trách. Bà rất bình tĩnh chấp nhận sự sám hối của chồng. Đây quả là một người niệm Phật hiếm có, có thể niệm ra được lòng từ bi, không có lòng oán trách! Chồng bà lại còn đến trước Đức Phật A Di Đà để thú tội, nói ra sự sai quấy của mình, thỉnh cầu Đức Phật A Di Đà từ bi tha thứ, tiếp dẫn ông đến thế giới Cực Lạc ở Tây Phương. Sau khi ông chân thành thú tội, niệm Phật chưa đến mấy phút, rõ ràng đã vãng sanh thế giới Cực Lạc ở Tây Phương. Những người đến trợ niệm cho ông bảo: “Chúng tôi tự mắt nhìn thấy ông tự đổi giường nằm thành một giường đẹp đẽ, chưa đầy mười lăm phút đã rõ ràng niệm Phật mà vãng sanh”.

Đức Phật A Di Đà đại từ bi nhìn thấy rất rõ những kẻ phạm phu chúng ta trăm thứ lỗi lầm, thường thường là “những kẻ không đáng quay về trần thế”: suốt đời lỗi lầm. Đức Phật cho chúng ta cơ hội tối hậu, lúc lâm chung chân thành hồi tâm sám hối. Lúc lâm chung nếu có thể sám hối, niệm mười tiếng A Di Đà Phật, chân chính phát tâm muốn đến thế giới Cực Lạc ở Tây Phương, thì Đức Phật A Di Đà cũng không bỏ chúng ta, nhất định sẽ tiếp dẫn chúng ta, chỉ sợ rằng chúng ta quá phóng túng cảm tình và cá tính của mình, mà cứ cho rằng mình đúng, không biết hồi đầu sám hối niệm Phật.

Đức Phật A Di Đà coi chừng mọi thứ cho chúng ta, nắm giữ không buông bỏ chúng ta. Có lần bà cụ bệnh nặng, đi đứng khó khăn, tôi đến thăm bà. Bà cười rất dễ thương, lại đầy đủ lòng tin mà nói với tôi: “Đức Phật A Di Đà đang ở trên miệng tôi, Đức Phật A Di Đà đang ở trong tâm tôi”. Bà dùng tiếng Đài Loan mà nói: “Đức Phật A Di Đà giúp tôi cố điều điều”. “Cố điều điều” nguyên nghĩa “là chăm lo rất cẩn thận”. Tôi theo âm mà hiểu nghĩa, riêng hiểu “cố điều điều” có nghĩa điều gì cũng chăm lo tới, không kể việc lớn hay việc nhỏ, không có thứ gì mà không chăm lo tới. Đó là sự chăm lo của Đức Phật A Di Đà đối với chúng ta. Chỉ riêng người nào chân thực tha thiết niệm Phật thì mới có thể hiểu được Đức Phật “chăm lo điều điều đối với chúng ta”. Bà cụ biết rõ nghĩa kinh của kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật: “Mỗi mỗi ánh sáng Phật chiếu khắp các chúng sanh niệm Phật,” nắm giữ không buông bỏ”.

Bà cụ ngày ngày vào buổi sáng sớm đều muốn dùng hoa mình trồng để cúng dường Phật. Bà bảo dùng hoa mình trồng mà cúng dường Phật thì ngẩng đầu lên nhìn, thấy Phật cười.

Người con gái của bà cụ là ủy viên của hội Từ Tế Công Đức. Có lần cô đi dự hội Hoa Liên, để bà cụ và một người bạn gái Cơ Đốc giáo ở nhà. Bỗng nhiên bà nhận được một cuộc điện thoại do người con gái gọi từ Hoa Liên về, yêu cầu bà mau lên Phật đường ở trên lầu xem thử có gì xảy ra không. Bà rất đỗi ngạc nhiên, không biết là chuyện gì, nhưng cứ lên lầu xem thử. Vừa trông thấy, bà bỗng giật mình. Chân bàn Phật và một phần của mặt bàn đang bị cháy, xem ra ngọn lửa cũng khá lớn, vì nếu không thì chất gỗ ấy không dễ gì cháy được. Nhìn kỹ lại, thì ra lửa cháy từ trong sọt giấy dưới bàn Phật. Thế mà, thật không thể nghĩ bàn được, ngọn lửa cháy đến chỗ tượng Phật thì tự dung tắt hẳn. Trước cảnh tượng ấy, không những bà cụ rất xúc động mà phải khóc, đánh lễ tạ ơn đức Phật, mà cả người bạn gái Cơ Đốc giáo cũng rất kinh dị, bất giác quỳ xuống lạy Phật, nước mắt tuôn trào. Bà cụ kể lại chuyện này cho tôi nghe và cảm thán: “Đức Phật A Di Đà quả là chiếu cố điều điều cho tôi!” Nếu không thì gặp phải hỏa tai ở

nhà như thế, không biết là phải làm sao. Bà nói: “Niệm Phật thật là tốt! Đức Phật A Di Đà tốt quá!”

Người con gái của bà cũng không biết vì sao đang lạy Phật tại pháp hội Hoa Liên lại bỗng nhiên khẩn cấp gọi điện thoại về nhà. Cô chỉ có thể nói”cảm ứng do Phật đạo thì khó nghĩ bàn!”

Trong tâm chúng ta quả thật đã đặt ở việc hóa độ chúng sanh, ở việc niệm Phật, thì các sự việc của mình quả thực không cần phải quan tâm lo lắng, đức Phật A Di Đà sẽ chăm lo mọi thứ (cố điều điều) cho chúng ta!

Bà cụ đã tám mươi hai tuổi, hằng ngày bà vẫn có thể nấu nướng những thức ăn rất ngon, cúng dường những người có duyên đến nhà bà. Bà rất nhiệt tâm chu toàn mọi công việc. Bà đã tám mươi hai tuổi mà vẫn không tiếc khổ nhọc, tự mình lo liệu, và bảo mọi người làm các phần việc lật vật. Con gái bà nói với bà: “Mẹ cứu núi cứu biển, bảo hộ trái đất, công đức thật là to lớn”. Bà cụ tươi cười nói: “Các người cứ một mực khen ta khiến ta cứ phải làm việc mãi không biết mệt”.

Một số người vẻ bề ngoài rất bình thường, mà trong lòng thì có sự tu dưỡng và công phu khác thường. Một số người buông bỏ không được, nên cần phải so đo tính toán. Bà cụ thì buông bỏ được, nên có thể nhường người khác. Một số người cảm thấy khổ sở, bà cụ thì rất bình tĩnh tự tại. Một số người ưa tranh giành, hy vọng tranh giành được phần thắng lợi. Thật ra, xét kỹ lại, người tranh lợi chẳng hề được cái gì ngoài việc gặp nhân quả không tốt và sự khổ đau trong tương lai. Quả là không được gì cả! Xem ra, người khù khờ nhường nhịn kẻ khác, thua thiệt kẻ khác, thì quả thật không mất mát gì. Ngược lại, người ấy với cái tâm tự tại, rộng rãi, cùng an vui với từ bi của Phật tính.

Tôi thường nhận thấy rằng, dùng thủ đoạn không tốt để tranh thủ thắng lợi nhất thời thì thường phải chịu thua thiệt lớn trên Phật đạo. Con người có thể chịu thua thiệt lớn thì thường chiếm được sự thuận tiện lớn trên Phật đạo. Vì người ấy đã thấy rõ được cái trí tuệ buông bỏ, mở rộng tâm lượng của mình. Phước báo của người ấy là vô hạn.

Thực ra, hàng phàm phu có tâm hay biến đổi thì không dễ gì bỏ được phần hận, không bằng lấy tinh thần ấy mà niệm Phật, niệm đức Phật vĩnh viễn có tâm không biến đổi. Nếu đem cái sức tương tranh cùng phàm phu mà cúng dường đức Phật, vĩnh viễn có tâm không biến đổi thì so với kết quả cả một đời cách xa như một trời một vực. Không chỉ là một trời một vực mà khác biệt giữa địa ngục và thế giới Cực Lạc. Thế thì phải chọn cái gì? Thử xem trí tuệ của chúng ta!

Có lần, một bà nọ nhân vì chồng có bạn gái mới, bà cảm thấy mất chồng rất bi ai, thương tâm. Mỗi ngày bà đều khóc than, kể lể, hy vọng chồng có thể trở về với mình. Bà cảm thấy chồng bà đóng một vai trò”không có thì không được”, mất chồng, bà cảm thấy sống không nổi, lại cảm thấy bị mất mát. Bà khóc hàng cả mấy năm vẫn còn khóc. Thực ra phải chăng bị chồng bỏ thì phải khóc thống khổ suốt đời? Một hôm tôi nói với bà: “Các vị sư phụ xuất gia của chúng ta đều không có chồng mà cũng đều có thể sống rất tốt đẹp! Cũng như bà cụ đã nhường chồng cho kẻ khác, tự mình thanh tịnh niệm Phật, cũng đã có thể sống rất an lạc, rất tự tại. Trên thế giới không hề có ai qui định rằng hề gặp trắc trở hôn nhân thì phải thống khổ mới được!”

Cùng gặp cảnh ngộ như nhau, nhưng bà cụ thì rất vui vẻ niệm Phật, lòng không oán hận, lại có thể hoàn tất các thứ công đức. Vì sao cũng cùng một cảnh ngộ, chúng ta lại oán hận, lại trách mắng, lại khóc than cả đời chứ? Bà cụ dùng tâm bình tĩnh an vui ngay đó mà trông nhân

an vui, về sau tất nhiên sẽ được quả yên vui. Còn người oán hận, khóc than, trách mắng thì ngay đó phải thống khổ, lại trông nhân thống khổ, về sau sẽ gặp quả khổ. Bạn muốn chọn loại nào?

Tranh một tiếng thì đọa địa ngục
Không bằng niệm Phật thưởng hoa.

Nghe nói, bà vợ bé kia trở thành người sống như thực vật phải chịu khổ mười mấy năm trên giường bệnh. Nhưng nhờ người con hiếu, bà cụ và người dâu, bà đang bệnh cũng có vẻ như biết được cần sám hối niệm Phật. Khi bà mới ngã bệnh, người con trai của bà cụ kiên quyết đảm nhận khoản chi phí lớn lao về thuốc men, cũng không vì bà là vợ bé của cha mà đổi đãi không tốt với bà. Về sau có một vị cao tăng sau khi nhìn thấy bà, bảo bà sám hối, tu hành, niệm Phật trong lúc bệnh thì sau sẽ được thành tựu. Ngày tháng trôi qua trong suốt hơn mười năm trên giường bệnh, cuối cùng bà cũng vãng sanh. Con hiếu, dâu hiếu trợ niệm cho bà, niệm A Di Đà Phật. Nguyên lực đại bi của đức Phật A Di Đà thật không thể nghĩ bàn. Ở cuối đường đời bà cũng nở nụ cười bình an, sắc mặt, nước da như hồi còn trẻ cách đó hai mươi năm khiến người ta nhận bà không ra, không dám tin!

Biết rằng bà vãng sanh, bà cụ vẫn từ bi như xưa, bảo con gái mình đến niệm Phật cho bà và an ủi con trai bà. Đặc biệt nhất là phía gia đình bà cụ lại đại diện cho gia đình bà vợ bé trong tang lễ, bước ra cảm tạ bà con bạn bè. Thật là quý báu hiếm có, không hiềm, không hận, tất cả đều hòa hợp an lành! Sự từ bi bao dung này chẳng hề thiệt thời gì, chẳng mất mát gì! Trái lại, trong lòng mọi người tuôn trào những lời khen ngợi nồng nhiệt. Chư Phật Bồ Tát tất nhiên cũng tươi cười xung tán họ: “Bồ Tát bố thí, nghĩ đến kẻ oán người thân như nhau, không nghĩ tới điều ác cũ, không oán ghét người.”

Riêng bà cụ, bà dùng tâm từ bi viết một bài thơ rất hay: “Tất cả kẻ oán người thân cũng sinh Cực Lạc”; cũng thể hội lòng bi hoài vô tư, triệt để của đức Phật A Di Đà. Trên cõi đời xấu ác, ngũ trọc đầy ngập đấu tranh, bà đã thực hiện trọn vẹn đại nguyện của Đức Từ phụ. Bà để lại một bài thơ thanh tịnh Cực Lạc để cảnh tỉnh lòng người mê muội.

Cho dù bạn mặt xanh nanh trắng bao nhiêu.

Cuối cùng cũng không tránh khỏi

Nét từ bi, nụ cười của Đức Phật A Di Đà

Cho dù bạn có ác độc ngập tràn bao nhiêu

Cuối cùng cũng không tránh khỏi

Tấm lòng đại bi cứu độ của Đức Phật A Di Đà.

Một vị Tổ sư Thiên tông nói: “An vui không sàu, đó gọi là Phật”, nhưng chúng ta thường không an vui, cho nên không thể thành Phật được, thế thì phải làm sao?

Chúng ta thử nghĩ xem, vì sao chúng ta không được an vui? Có thể là vì chúng ta bị mất một vật đáng ưa, đáng quý; cũng có thể mất một người yêu quý. Ví như ông chồng gặp và yêu một người khác mà không về nhà, hoặc là bạn bè tốt hiểu lầm bạn, bạn bị mất một người bạn tốt, cũng có thể là nghe một câu nói không thuận tai, hoặc bị phê bình; cũng có thể thành quả công tác hay thành tích thi cử không được như mong muốn; cũng có thể do vì mất đi một cơ hội tốt, hoặc không đạt được điều mong muốn, thậm chí gặp phải sự đối xử bất công. Chúng ta có nghĩ đến những sự phát sinh như vậy để rồi chúng ta không vui chăng?

Nếu hôm nay bị mất một vật mà chúng ta không ưa thích lắm, thì có thể chúng ta cảm thấy rất bình thường, lòng không bị phiền bức, vì vật ấy bạn cảm thấy không có giá trị gì.

Nếu hôm nay người khác mất chồng, bạn cũng không cảm thấy không vui, có thể nói điều ấy vốn không ảnh hưởng gì tới bạn. Vì chồng của người khác đối với bạn không có gì quan trọng, bạn không nhận thấy ông ta quan trọng đối với bạn, dù có cho bạn, bạn cũng không cần, cho nên ông ta mất đi bạn cũng cảm thấy không quan trọng gì!

Có những câu mà chúng ta nghe xong rất không hợp ý, ví như hiềm khích mà bảo rằng chúng ta không tốt, nếu người ta bảo: “Vì sao anh khờ dại thế? Làm việc mà như thế à? Thi cử mà thành tích như vậy ư?”, chúng ta nghe xong thì rất phiền lòng. Một mặt, vì người ấy hiềm ghét là “ta”, chúng ta đều chấp trước cái tự ngã của mình. Nếu người mà người ấy hiềm ghét là người khác thì chúng ta sẽ không bực bội như thế. Mặt khác, vì chúng ta cảm thấy “khờ dại” là không tốt, “lành lợi” mới là tốt. Vì chúng ta có quan niệm như thế, cho rằng “dại khờ” thì không có giá trị, “lành lợi” mới có giá trị, cho nên khi nghe nói như thế mới buồn phiền.

Thật ra, phải chăng “lành lợi” mới có giá trị, “dại khờ” thì không có giá trị? Phải chăng người có thành tích tốt thì có giá trị, thành tích không tốt thì không có giá trị? Điều này không nhất định như thế.

Hồi còn nhỏ tôi cũng theo quan niệm của người khác mà có lỗi suy nghĩ như thế, nhưng hiện nay tôi hoàn toàn bỏ đi cái quan niệm này. Có một bậc cha mẹ nói với tôi rằng ông vốn cảm thấy có được mấy đứa con rất lành lợi thật là tốt. Kết quả là mấy đứa con này đi học xa, không có đứa nào gần gũi để chăm sóc ông. Khi ông đã già, gân cốt đau nhức, đi đứng khó khăn, rớt lại, đứa đại khờ nhất không đi học xa lại ở bên cạnh mà săn sóc ông. Bạn bảo loại nào có giá trị?

“Giá trị” thì không có tiêu chuẩn, tùy theo sự chấp trước của lòng người mà được nêu ra. Ví dụ: Đối với một đứa học trò nhỏ có thể một đồ chơi điện thì có giá trị, nhưng đối với tôi quả thật không cần. Cho nên đối với đứa trẻ rất thích đồ chơi điện, mà nếu đồ chơi điện của nó bị mất thì nhất định nó rất buồn phiền. Nhưng đối với tôi, tôi vốn không cần, nếu nó bị mất đi thì khỏi bị chật nhà, trái lại càng tốt hơn. Cho nên có thể nói, thật ra không phải mất một thứ gì thì khiến người ta đau khổ, mà chính là sự “chấp trước” những thứ bạn yêu thích mới khiến cho bạn đau khổ. Ví như bạn có một chiếc áo khoác bằng da điều vô cùng giá trị, có thể bạn rất đặc ý, mặc vào thì rất thích thú. Có điều, nếu như mất đi thì bạn cũng rất hoảng hốt, cũng phải mất mấy ngày không ăn không ngủ. Nhưng đối với tôi, loại y phục ấy đầy máu và nước mắt của sự tàn nhẫn. Cả đời tôi không bao giờ nghĩ muốn loại áo ấy. Cho nên giá trị không có tiêu chuẩn và do quan niệm cá nhân của từng người không giống nhau, cũng tùy thời mà thay đổi.

Chúng ta thường nói: “Thấy rõ được, buông bỏ được”. Nếu bạn nhận thấy một đồ vật nào đó, hoặc một sự việc nào đó còn có giá trị, thì bạn không thể nhận rõ nó được, lại không buông bỏ nó được. Cho nên chúng ta phải cố hiểu rõ cho đến khi cho rằng một sự việc hoàn toàn không có giá trị đặc biệt nào thì mới có thể nhận ra chính xác mà buông bỏ nó đi.

Có người hỏi tôi: “Phải tu nhẫn nhục như thế nào?” Vì anh ta bảo anh gặp phải khá nhiều hoàn cảnh khó khăn, chịu đựng cho được cũng rất khổ, trong lòng như có một khối đá đè nặng. Tôi đáp: “Tốt nhất là anh đừng hỏi tôi câu hỏi ấy, vì chính tôi cũng không biết, làm sao nói cho anh biết được?” Quả thực tôi không biết nhẫn nhục, miễn cưỡng chịu đựng và kiên trì chịu đựng quả là rất đau khổ. Tôi chỉ dần dần hiểu ra mà thôi. Tôi tự hỏi mình: “Vì sao ta biết được đó là sự nhục nhã và áp lực, khiến cho ta phải nhẫn nại?” Nhất định tôi cho rằng một tình hình nào đó có giá trị, nên tôi mới cảm thấy mặt trái của nó là nhục nhã, là một hoàn cảnh khó

chịu đựng, cho nên tôi mới cảm thấy cần phải dùng thứ công phu to lớn là”nhẫn nhục”! nếu không thì mọi sự rất bình thường, đâu cần phải dùng đến cái đại”nhẫn nhục”?

Chúng ta hãy nêu lên một ví dụ: Lúc Lão Hòa thượng Quảng Khâm còn tại thế, một lần có một ký giả vì thấy mọi người cúng dường Lão Hòa thượng rất nhiều tiền, anh ta bèn động tâm xấu, lên núi tống tiền uy hiếp Lão Hòa thượng. Gặp Lão Hòa thượng, anh ta chìa tay ra mà nói: “Đưa tiền đây, nếu không thì ngòi bút của tôi lợi hại lắm đó. Nếu ngài không đưa tiền ra thì tôi sẽ viết một bài báo về ngài, ngày mai báo đăng, bảo đảm toàn núi của ngài không có ai đến, không có cả nửa con ruồi, con muỗi!” Lão Hòa thượng nghe xong, chỉ an nhiên tự tại mà nói với anh ta: “Kính nhờ anh! Anh viết càng xấu càng tốt! Anh muốn viết thế nào cũng được, tôi không cần mọi người cung kính tôi. Nếu người ta cung kính tôi, xin tôi gia trì thì ngày nào tôi cũng phải trì chú Đại Bi, gia trì nước chú Đại Bi. Nếu người ta không cung kính tôi thì tôi có thể an tâm mà niệm A Di Đà Phật!” Người ký giả ấy nghe xong thì rất ngạc nhiên, anh ta bảo, anh ta đã đi cùng khắp Nam, Bắc, chưa từng gặp ai như Lão Hòa thượng! Quả là”Sự đảo vô tâm giai khả lạc, nhân đảo vô cầu phẩm tự cao” (Vô tâm đối với các sự việc xảy đến thì được vui, người đạt đến chỗ không mong cầu thì phẩm chất tự cao). Sự việc này đối với Lão Hòa thượng hẳn có thể nói là rất bình thường! Có thể nói ngài vốn không phải dùng cái công phu to lớn là”nhẫn nhục”. Vì chúng ta là những người bình thường, nhất định chúng ta cho rằng việc báo khen ngợi là”cao tăng đại đức”,”người tốt việc tốt” là có giá trị, cho nên chúng ta mới sợ cái tình huống ngược lại xuất hiện. Nhưng đối với Lão Hòa thượng, ngài cho rằng báo đăng bạn là cao tăng đại đức, thần thông quảng đại chẳng có giá trị gì, cho nên báo có viết thật xấu cũng chẳng quan trọng gì!

Thật ra mình tốt hay không tốt hoàn toàn không phải chờ người khác phê bình mà thành ra như thế. Nếu quả thực mình không tốt thì dù trên báo đăng bạn rất tốt cũng không ích gì! Nếu chính mình không làm việc xấu, thì trên báo viết bạn không tốt thế nào chẳng nữa cũng không phải viết về bạn, có liên quan gì tới bạn đâu? Người bình thường chúng ta cho rằng sự phê bình và khẳng định của người khác là có giá trị, cho nên nếu người ta bảo chúng ta là người xấu thì chúng ta rất phiền lòng; người ta bảo chúng ta là người tốt thì chúng ta được ấm lòng. Có thể nói, suốt ngày dính mắc đến lời phê bình của người khác, lòng vui đó buồn đó. Nhất là khi người ta bảo bạn không tốt và lại oan uổng, thậm chí còn vạ vạ sự thật, chúng ta liền cảm thấy bị thương tổn. Nếu lại muốn giữ gìn tư cách, không cãi cộ với người ta, thì cảm thấy rất khổ sở. Như thế mới cần phải”nhẫn nhục”. Loại nhẫn nhục này mà không dùng một chút trí tuệ để thông hiểu, để hóa giải, cứ kiên trì chịu đựng thì có khi phải sanh bệnh, không cho chút gì”Ba la mật”. Nếu công phu chúng ta không đủ, không thể quán không, thì có thể dùng cái góc độ giá trị để thông hiểu. Rốt lại, sự việc ấy khiến cho chúng ta buồn khổ mà không buông bỏ được, thì thế gian này có giá trị gì đâu? Có giá trị thì chúng ta mới cần ôm giữ, không có giá trị thì giữ trong lòng làm chi?

Tôi có quen một vị pháp sư tên là Hoàng Tông. Một hôm, ngài ngồi tại một nơi, có người từ bên kia đi tới chào ngài nhưng ngài không để ý. Sau đó người này rất giận, mắng ngài: “Hòa thượng già, con lừa trọc gia, ông là đồ”chứa phân!” Lão Hòa thượng nghe vậy liền khen người ấy: “Ồi chà! Hôm nay ông mở đại trí tuệ đây! Ông biết tôi là người hai chân mang một thùng phân, ngày nào cũng đi đi lại lại”. Nếu người bình thường chúng ta gặp phải tình trạng này, bị người xấu miệng trách mắng, thì nhất định chúng ta sẽ cãi cộ với người ta một phen. Nhưng quan niệm về giá trị của Lão Hòa thượng không giống như chúng ta. Ngài cho rằng có giá trị

đâu mà lý luận bàn cãi! Cho nên ngài khen người kia là mở đại trí tuệ. Quả thực, chúng ta đều hai chân mang một thùng phân, hằng ngày đi đi lại lại! Nếu miệng thốt ra lời xấu ác, thì môi sẽ biến thành nắp thùng phân. Chúng ta có thể biết rằng, các vị Pháp sư tu hành đã lâu, thì quan niệm về giá trị của họ không như những người bình thường, cho nên đối với những sự việc khiến người bình thường chúng ta phải đau khổ, chur vị lại rất an vui và rất tự tại.

Thật ra, ”giá trị” không hề cố định, và chúng ta có thể tùy thời điều chỉnh, cải biến. Lại nêu một ví dụ nữa. Lúc tôi mới sanh ra, đầu hầu như không có tóc, chỉ có mấy sợi nho nhỏ, thưa thưa thớt thớt. Khi tôi lớn lên thì vừa đen vừa xấu. Di Hai tôi là người rất thật thà, mới trông thấy tôi, bà liền nói với mẹ tôi: “Thật ra tôi rất muốn khen con bé, nhưng nhìn đi nhìn lại, tìm không ra cái gì có thể khen được”. Đây là lời phê bình thành thật nhất mà tôi nghe được trong đời tôi. Có lẽ có người cho rằng đây không phải là lời nói hay nhất, nhưng do câu nói khởi đầu như thế, tôi chỉ có thể tiến bộ chứ không thể xấu đi. Đến khi tôi hai ba tuổi cũng chưa mọc được tóc. Dù cha tôi cho tôi mặc quần áo đỏ đậm, người ta hễ gặp ông thì nói: “Này ông Quách! Xin chúc mừng ông lại sanh con trai nữa”. Cũng khó khăn lắm, cho tới khi hơn ba tuổi tôi mới có được một ít tóc. Nhưng đến khi tóc dài, động tác đầu tiên của tôi là lấy kéo cắt tóc đi. Tôi còn nhớ bây giờ cha tôi rất hoảng hốt, đâu để gì đầu tóc quý báu mới dài được, sao lại cắt như thế! Ông bèn vội vàng lấy một cây lược chải đi chải lại đầu tóc cho tôi. Kết quả là tóc không che đủ đầu. Trong lòng đưa trẻ lên ba, tôi cho rằng đầu tóc không có giá trị gì, cho nên khi tóc dài thì cắt đi!

Nhưng khi tôi lớn hơn một chút, vì chịu ảnh hưởng của các bạn đồng học, dần dần đầu tóc không có giá trị này do quan niệm đã biến thành có giá trị. Hồi còn học tiểu học, tôi để tóc dài, hằng ngày mẹ tôi đều chải đầu giúp tôi, lại thắt bím và kết nơ bướm cho tôi. Bạn bè nói với tôi rằng có người đi xem phim, bị người phía sau cắt mất bím tóc. Từ khi nghe như thế, tôi rất lo sợ, lo bím tóc của mình bị người ta cắt mất. Cho nên khi xem phim, tôi lấy hai tay nắm hai bím tóc. Lúc ấy, hai bím tóc thật có vẻ rất có giá trị, không giống như quan niệm lúc còn nhỏ.

Đến khi học trung học, các bạn đồng học đều rất chú trọng đầu tóc. Nhà trường quy định tóc phải cắt ngang tai, mỗi khi kiểm tra mà tóc dài quá một chút, thầy liền bảo: “Không được, phải cắt ngắn lại một chút!” Cho nên mọi người thường so đo tóc dài hơn một phân, ngắn hơn một phân. Tôi thường quên những hôm nhà trường kiểm tra đầu tóc, trước khi đi học tôi mới bỗng nhớ ra, liền nhờ mẹ tôi vội vàng cắt tóc giúp tôi. Mẹ tôi hốt hoảng liền vội vàng cắt tóc cho tôi. Mẹ tôi cắt không được ngay ngắn, tôi đến trường bị các bạn đồng học cười mà nói: “Đầu tóc của bạn thật giống như bị chó gặm!” Bây giờ nghe nói thế, tôi thật giận. Khi trở về nhà, tôi cự nự với mẹ: “Mẹ cắt tóc cho con xấu quá, khiến con bị các bạn cười!” Bây giờ, vì không hiểu rằng đầu tóc không có giá trị gì, cho nên tôi thường vì một hai phân tóc mà sinh phiền não, vì một hai phân tóc mà có ảnh hưởng khá lớn đến tâm tình.

Bây giờ tôi có đọc một tạp chí, thấy vấn đề đầu tóc được bàn cãi rất sôi nổi. Trên báo thường thảo luận rằng, người ta cứ chú ý đến thứ ”ở trên da đầu”, mà không chú ý đến thứ ”ở dưới da đầu”.

Sau này tôi nghiên cứu Phật pháp, đọc được một số chuyện của các bậc tu hành, cao tăng đại đức, tôi phát hiện rằng, ”mười vị” đáng tôn kính nhất đều là những vị tu hành, xuất gia, họ đều không có tóc. Cho nên tôi dần dần phát hiện, khẳng định ”đầu tóc thì không quan trọng”.

Từ khi quan niệm này về giá trị biến đổi, tôi không còn chấp trước vấn đề ”đầu tóc” nữa. Khi còn làm bác sĩ, một hôm sau khi xong việc, tôi đến cắt tóc tại một mỹ dung viện. Tôi chỉ

bảo cô làm tóc: “Tóc ở phải trước phải được cắt ngang lông mày”. Vì tối hôm đó tôi đã phải làm việc liên tục mấy ngày rất mệt, cho nên nói xong, tôi nhắm mắt dưỡng thần. Bỗng nhiên tôi nghe một tiếng la”ôi”. Thì ra, cô ấy đã cắt tóc tôi quá ngắn. Khi cắt một nhát đã tới giữa trán, cô ta sợ đến suýt khóc, không biết nhát thứ hai phải làm sao? Một vị khách ngồi cạnh tôi thấy thế liền nhíu mày mà nói: “Ai chà! Sao cô cắt tóc người ta thành ra như thế!” Bà chủ thấy thế cũng trách mắng cô ta. Tôi thấy cô ta quả rất đáng thương, bèn bảo cô ta: “Khi tôi sanh ra, dì Hai tôi đã nói, dì muốn khen tôi nhưng tìm không thấy chỗ nào đẹp mà khen, cho nên tôi sanh ra vốn rất xấu, hoàn toàn không phải vì cô cắt tóc tôi như thế này tôi mới trở thành xấu. Cô cứ yên tâm, vì tôi định xuất gia, nay đầu tóc bị cắt ngắn một chút cũng không sao!” Người bên cạnh nghe tôi nói thế, ai cũng cười. Cô ấy không biết nên làm thế nào cho phải, cô cũng không dám lấy tiền của tôi. Tôi nói với cô: “Cô làm việc rất khổ nhọc, nhất định phải lấy tiền chứ! Cô đừng lo, cứ niệm A Di Đà Phật là tốt”. Nói xong tôi về nhà. Khi tôi về đến túc xá, người bạn cùng phòng ra mở cửa, vừa thấy đầu tóc của tôi, cô liền ôm bụng mà cười, ngồi bịch cả xuống đất mà cười. Cô bảo: “Chị đi cắt tóc ở đâu mà đầu tóc xấu thế? Để tôi cắt lại dùm chị cho đẹp!” Cô lại nói: “Nếu tôi là chị thì ngày mai tôi hết dám đi làm!”

Tôi nói: “Không phải đâu! Tôi đi làm là để khám bệnh nhân, đâu có liên hệ gì tới đầu tóc, tôi sẽ vui vẻ đi làm”.

Sáng hôm sau tôi đến y viện, cô y tá mới thấy tôi đã kêu lên: “Ai!”, rồi cả y viện bàn âm lên.

Các cô ấy bảo: “Này bác sĩ Quách! Sao cô lại cắt đầu tóc như thế này, xấu muốn chết!”

Tôi bảo họ: “Xấu thì xấu, có chết đâu nào. Từ hôm qua cắt tóc như thế này cho đến nay tôi vẫn sống rất khỏe mạnh!”

Cũng có người bảo tôi: “Sao chị cắt đầu tóc như thế này, xem tệ quá!”

Tôi đáp lại: “Té ra cái xấu của tôi đều chỉ tập trung vào hai ba phân tóc. Cắt đi hai ba phân thì hết xấu hay sao?!”

Các bác sĩ đồng sự hỏi tôi: “Chị có điều gì không khai mở được mà phải ra như thế này?”

Tôi đáp: “Anh thấy trán tôi đây, bộ không khai mở lắm sao?”

Có một bệnh nhân là một phụ nữ trên năm mươi tuổi. Mỗi lần thấy tôi bà đều kêu khổ rất thảm não, vì cái hạch độc đã ăn sâu tới xương, nên toàn thân bà đều đau nhức. Lâu nay bà vẫn bảo tôi bà đau chỗ nào, nay bỗng bà ngẩng nhìn đầu tóc của tôi mà phát cười! Bà nói: “Sao cô lại cắt đầu tóc như thế này chứ?” Trông thấy bà cười, tôi rất vui vẻ nói với bà: “Từ khi được biết bà đến nay, tôi chưa từng thấy bà cười, nếu sớm biết đầu tóc của tôi như thế này khiến bà hi hỉ cười được, thì tôi đã cắt nó từ lâu rồi!”

Tôi hôm ấy tôi được mời đến diễn giảng tại Đại học Phùng Giáp. Khi tôi xong việc, chuẩn bị ra đi, người bạn cùng phòng nói với tôi: “Đầu tóc của chị như thế mà định đi diễn giảng ư? Nếu tôi là chị thì tôi không dám đi giảng đâu?” Tôi bèn cười mà nói với cô ta: “Tôi sẽ đi giảng Phật pháp, chứ không giảng về tóc đẹp, sắc đẹp. Thế có ăn nhằm gì đâu? Tôi vẫn cứ đi giảng!”

Khi tôi đứng ở trên bục giảng, các sinh viên ở dưới bục thấy tôi liền cười. Khi tôi diễn giảng xong, có một nữ sinh viên rất dễ thương đến nói với tôi: “Thưa giáo sư, đầu tóc của giáo sư trông hay quá!” Tôi nghe xong rất buồn cười, bèn nói: “Từ khi tôi cắt đầu tóc như thế này đến nay mọi người đều cười hi hi, đây quả thật là một kiểu tóc mới”rời khổ được vui!”

Nếu hỏi tôi còn học Trung học, cô làm tóc ở mỹ dung viện cắt tóc tôi ra như thế, thì nhất định tôi sẽ nổi nóng với cô, và có thể quay về nhà ngay; nếu đồng học cười chê tôi như thế, tôi sẽ chịu không nổi và không dám đi học. Nhưng từ khi quan niệm về giá trị của tôi đã biến đổi, tôi cho rằng đầu tóc cũng không phải là cái gì quan trọng!” “Tâm tình” mới quan trọng hơn đầu tóc nhiều! Nếu một người có đầu tóc đẹp, nhưng gương mặt luôn luôn cau có hoặc lạnh lùng thì đâu có ích gì!

Trên đây chúng ta đã dùng ”đầu tóc” làm ví dụ để thuyết minh ”quan niệm về giá trị”, từ giá trị của đầu tóc, có thể suy ra mà hiểu các sự việc khác, để có thể nhận ra rằng giá trị không phải là nhất định. Nếu chúng ta cho rằng Đức Phật A Di Đà là quan trọng nhất, thì những sự việc khác phải trở thành không có giá trị gì, so ra lại không ảnh hưởng đến sự an vui, tự tại của chúng ta. Dù chúng ta có bị oan ức và nhục nhã, thì cũng không cần phải miễn cưỡng mà ”nhẫn nhục”. Trước hết chúng ta có thể hiểu:

“Rốt lại, cái gì khiến chúng ta đau khổ?”

“Rốt lại, cái ấy có giá trị gì mà khiến chúng ta phải cầu tìm và phải vì nó mà đau khổ?”

“Rốt lại cái ấy và việc vãng sanh Tây Phương có quan hệ gì?”

Nếu chúng ta tự mình nghĩ xem thấy rằng cái ấy không có giá trị gì không có liên quan gì lắm với việc vãng sanh Tịnh độ, thì tự nhiên chúng ta sẽ thấy ra và buông bỏ nó đi.

Tâm ta vốn là Phật

Tại sao khởi tham trước?

Tâm ta vốn đại bi

Tại sao giận việc nhỏ?

Tâm ta vốn vô ngại

Tại sao không tự tại?

TÌNH YÊU BIẾN THÀNH TÌNH ĐẠO

NGƯỜI NIỆM PHẬT BÌNH THƯỜNG VÀ KHÔNG BÌNH THƯỜNG.

Khi ta gặp nghịch cảnh và sinh buồn phiền, có một số mẩu chuyện về những người niệm Phật thường có tác dụng an định, khích lệ. Những người niệm Phật này thường ở chung quanh chúng ta. Họ là những người niệm Phật rất bình thường, nhưng lại là những người nổi nổi không bình thường, rất nhiều hành vi của họ là nhằm vào chức trọng danh quý, danh nhân học giả cũng không bì kịp họ. Trong số người ấy có một người là bà chủ nhà của tôi, mọi người gọi bà là ”Lâm sư thư”,³ tôi cũng gọi bà như vậy.

Năm ấy, tôi từ Cao Hùng dọn đến Đài Trung thuê nhà ở, chủ yếu là muốn được nghe Lão cư sĩ Lý Bính Nam giảng kinh. Bấy giờ, thầy Lý đã chín mươi mấy tuổi rồi. Vì tôi công tác tại y viện, cảm xúc sâu đậm về đời người biến đổi quá vô cùng, Phật pháp lại khó được nghe, quả là nên dùng thời giờ để nghe các thiện tri thức trên đời dạy dỗ, dùng tuổi trẻ để nỗ lực học tập. Vì muốn nghe kinh cho nên tôi quyết định dù thế nào đi nữa cũng dọn đến ở tại Đài Trung, nhân đó mà nhờ một vị đồng học ở Đài Trung là bác sĩ Trần thuê nhà dùm tôi. Bác sĩ Trần bèn kiếm giúp tôi ngôi nhà của một vị Phật tử là Lâm sư thư. Trước khi dọn đến, tôi chưa hề xem nhà, Lâm sư thư cũng chưa hỏi han trước về người khách thuê nhà là tôi, mọi sự đều dựa vào việc hai bên niệm A Di Đà Phật, đều là Phật tử ăn chay, học Phật. Tin cậy Đức Phật A Di Đà là xong.

Bác sĩ Trần chỉ nói sơ với tôi, chồng của Lâm sư thư là một trưởng ban giáo dục, nhưng đã chết sớm do tai nạn xe, Lâm sư thư nương nhờ vào việc bán bánh chay mà sống, trên thì phải săn sóc bà cụ bảy tám mươi tuổi, dưới thì săn sóc bốn đứa con. Khi chồng sư thư mất, đứa bé nhất còn đang ẵm bông. Bác sĩ Trần bảo rằng Lâm sư thư rất nhiệt tâm giúp người. Tôi nghe thế, trong lòng nghĩ sư thư là người kiên cường hiếm thấy.

Tôi đến công tác tại khoa Ung bướu ở Đài Trung. Vì bác sĩ ít, bệnh nhân nhiều, cho nên tôi thường phải bận trực liên tục mấy ngày liền, việc ăn ở không bình thường được. Lâm sư thư và các Phật tử hàng xóm như Trang sư thư (xem phụ chú ở cuối trang trước), Lý sư thư biết được hoàn cảnh sinh hoạt của tôi, đều thường làm vị Quán Thế Âm Bồ Tát của tôi, họ tự động âm thầm chăm sóc tôi. Ví như tôi liên tục trực ban, đói cũng mấy bữa, tan việc đã mệt lử hết chịu nổi, quán cơm chay bên ngoài đã đóng cửa. Buồn ngủ, mệt mỏi, tôi rất lười nấu ăn cho mình. Nhưng khi vừa lên lầu, tôi thấy một mâm, có rau cải xào xanh tươi đang bốc hơi nóng đặt ở cửa phòng, lại còn có một tô canh đậu. Thật không biết đây là tác phẩm của vị sư thư nào từ bi, chăm chút vô cùng! Họ đã tính đúng ngày, giờ tôi trở về mà mang đến. Tôi hết sức cảm kích, thậm chí rơm nước mắt mà ăn. Khi xong bữa, tôi không biết vị Bồ Tát⁴ nào đã mang mâm đến để trả lại, tôi chỉ việc rửa cho sạch và để lại chỗ cũ. Người mang đến ắt tự động lấy về. Hôm khác họ lại nấu đồ ăn mới và mang đến cho tôi. Vì tôi không có tài sản đồ vật gì, trong phòng chỉ có thờ tượng Phật và đặt chút ít sách, tôi lại thường mang chìa khóa theo, cho nên cửa phòng không khóa. Sau khi tôi bảo với họ cửa phòng tôi không khóa, các vị có thể tự do ra vào, thì kết quả là khi tôi hết việc trở về nhà đã xảy ra một sự việc. Chúng tôi thường nghe nói có người khi ra ngoài, đồ đạc trong nhà bị trộm mang đi, còn tôi thì ngược lại! Cái tủ lạnh nhỏ thường trống rỗng của tôi, trong lúc tôi vắng nhà lại được chất đầy rau xanh và thức ăn! Tôi chỉ chấp tay niệm Phật, không biết nói lời cảm ơn với ai, đây quả là sự từ bi và đằm ấm của thế giới Cực Lạc! Tôi hiểu rằng họ muốn cho tôi có đủ sức lực để chăm sóc bệnh nhân. Lòng từ bi của các vị sư thư ấy, không những nhằm chăm lo cho tôi mà còn nhằm tới các sinh viên của học viện y học Trung Quốc gần đó.

[Phụ chú : Trong phần trên, có nhắc đến Trang sư thư, nay đã vãng sanh. Nguyên lấy lời cảm ân này hồi hướng Trang sư thư (Bồ Tát Trang Mai). Nương nhờ sức từ bi vãng sanh Cực Lạc, theo nguyện trở về quảng độ vãng sanh.]

Trên lầu bốn của Lâm sư thư có lập một Phật đường cung cấp miễn phí (Y Vương Học Xã), thuộc học viện Trung Quốc Y dược của chúng tôi làm Phật đường để trùng tu.

Có một lần và là lần rất hiếm hoi, tôi ngồi trò chuyện với vài vị sư thư, mới biết hoàn cảnh và việc làm bất bình thường của Lâm sư thư của chúng tôi. Các vị sư thư ấy cười mà nói với tôi: “Lâm sư thư của các vị ấy à! Hồi trước là một cô gái rất yếu đuối. Khi chồng chị còn sống, mọi sự chị đều nhờ vào chồng. Tình chồng vợ của họ vô cùng tốt đẹp. Lâm sư thư rất phóng tú, trước mặt mọi người, chị đều dùng tiếng anh gọi chồng là Honey (mật ngọt, cung yêu). Xã hội Trung Quốc còn bảo thủ, có người nghe chị cứ mở miệng là nói Honey với chồng, thì đều bảo chị quá phóng tú, quá lố lăng. Đâu biết rằng Lâm sư thư của các vị thì kiên cường không ngờ được, đồng thời tín tâm niệm Phật của chị cũng kiên định không ngờ được”. Chuyện kể đại khái trước đây, khi chồng chị còn sống, chị vẫn chưa quyết tâm học Phật, nhưng cũng đã nghe qua pháp môn niệm Phật và sự trợ niệm lâm chung. Lý sư thư kể rằng hôm chồng của Lâm sư thư bị tai nạn xe, gia đình nghe tin liền cùng chị đến hiện trường. Anh Lâm đã chết tại chỗ, nằm trên vũng máu, người ngoài nhìn vào còn rất đau lòng, huống chi là

Lâm sư thư? Nhưng không ngờ, bên cạnh di thể của chồng, chị nói một câu rất khẩn thiết: “Honey! Anh mau niệm Phật! Hãy theo Đức Phật A Di Đà mà đến Tây Phương, mọi sự đều có em lo liệu, em sẽ chăm sóc mẹ và các con. Anh cứ an tâm, mọi sự hãy để em lo!” Nói xong, chị khoanh chân ngồi rất an định tại hiện trường ở trên đường mà niệm Phật, từng tiếng rất khẩn thiết.

Cả gia đình của Lâm sư thư đều đến trợ niệm nhưng không ai ngờ chị lại trấn định như thế, tin tưởng lòng đại từ đại bi, cứu độ chúng sanh của Đức Phật A Di Đà. Lòng tin thâm sâu chân chính này khiến cho chị không bị hoàn cảnh đánh ngã, không bị tình riêng động loạn, mà chỉ nhằm để chồng an tâm theo Đức Phật A Di Đà về thế giới Cực Lạc. Lý sư thư lại nói: “Khi cảnh sát đến điều tra xử lý, họ không thấy ai kêu trời kêu đất, chỉ thấy mọi người đều niệm Phật thì ngạc nhiên hỏi: Trong các vị ai là thân nhân của người chết?” Lâm sư thư vẫn kiên định niệm Phật. Khi mọi việc đã xong, Lý sư thư mới hỏi chị: “Này Lâm sư thư! Vì sao ngay lúc đó chị có thể nói được những lời trấn định như vậy?” Nếu bình thường có chuẩn bị tốt, đến lúc đó trước cảnh tượng ấy cũng không thể thốt ra lời được! Thật vậy chúng ta thử đặt mình vào địa vị của Lâm sư thư mà nghĩ xem, sấm sét giữa trời tạnh như thế, việc lớn sinh tử như thế, máu thịt nhầy nhụa như thế! Thông thường thì ai không khỏi rùng mình, kêu trời kêu đất, không khỏi oán than, trách Phật không bảo hộ, oán trách người tốt sao lại chết sớm; thông thường cũng không khỏi bi ai, kêu khóc: “Anh chết rồi, bỏ em một mình lo cho cả nhà này, anh bảo em phải làm sao chứ?” Tôi từng trông thấy nhiều trường hợp sinh ly tử biệt ở y viện, cho nên khi nghe chuyện người thực việc thực này của Lâm sư thư thì vô cùng cảm động, và cũng cảm thấy rất rõ sự bất bình thường trong đó và sự không thể nghĩ bàn về sự cứu độ của Phật lực. Nếu như tình yêu chân thực mà người đời rất ca tụng, thì tôi cảm thấy chính là đây vậy!

Thông thường có nhiều cặp vợ chồng suốt nhiều năm trẻ tuổi vẫn ca ngợi tình yêu, đến khi người hôn phối ngã bệnh thì lại ruồng bỏ người ấy, đó là chưa nói sau khi người ấy chết. Nếu như không ruồng bỏ người hôn phối ngã bệnh thì phần lớn cũng lo lắng: người hôn phối bị loại bệnh này có truyền nhiễm cho mình không? Trong y viện, rất nhiều người phôi ngẫu và những người thân thuộc đều lén lút đến hỏi tôi về vấn đề này, khiến tôi phải ngán ngẩm về cái gọi là “tình yêu”, và thâm hiểu rằng, phần lớn người ta chỉ biết yêu mình mà thôi! Giả như có người bị xuất huyết mà chết, lát sau có mùi khó ngửi, thật khó mà thấy một người thân nào chịu khó ở lại, đứng bên cạnh an tịnh mà niệm Phật cho người chết trong tám giờ, mà tất cả đều vội đưa người chết vào phòng đông lạnh. Lại nữa, mọi sự đều giao cho tang nghi quán lo liệu, ngay cả việc liệm quần áo cho người chết cũng không dám tự mình làm. Tôi thường nhận thấy, khi người ta đã ngưng thở thì liền biến thành một thi thể đáng sợ, hình như không bằng giá trị của con vật. Thi thể của con vật còn được người ta bảo là có dinh dưỡng, chịu đem cân trọng lượng mà mua, người chết dù có dinh dưỡng cũng không ai dám muốn. Người thì có tình cảm ở với nhau lâu ngày mà xa lìa thì bi thương, nhưng xét kỹ nội dung của bi thương thì phần lớn đó là bi thương vì mình, rất ít trường hợp vì người kia. Còn lời hứa của Lâm sư thư lúc chồng chết làm xúc động tâm can người ta, thì hoàn toàn là tình yêu chân thật, lòng từ bi chân thật đối với chồng. Cũng chỉ có người chân chính tin lời Phật dạy “thế gian vô thường” thì mới có thể vào lúc nghịch cảnh bỗng phát sinh, liền dùng trí tuệ như thế để xử lý. Tuy trong quá khứ những biểu hiện của Lâm sư thư khiến người ta không nhận ra được niềm tin sâu đậm của chị đối với Phật pháp, nhưng trong lòng chị thật tin rằng sáu nẻo luân hồi là khổ, chỉ có sự vãng sanh vào thế giới Cực Lạc ở Tây Phương mới là sự an lạc và giải thoát tối hậu. Cho nên chị

không chút chần chờ nói với chồng: “Honey, anh mau niệm Phật, theo Đức Phật A Di Đà về Tây Phương!” chị hoàn toàn không dùng cái tâm ngu si vì mình mà khóc lóc kể lể vô ích, trái lại, chị dùng một câu nói đại trí tuệ, đại từ bi thay cho sự khóc lóc bi ai. Tiếng xưng hô Honey cuối cùng của chị chính là toàn bộ sự biểu lộ tình cảm vợ chồng suốt đời của họ, đều đó hơn nữa là tất cả những tình cảm thâm sâu đều chảy trọn vẹn vào biển đại nguyện của Đức Phật A Di Đà, biến thành sự giúp đỡ và dìu dắt lớn nhứt trong biển lớn sinh tử! Tôi nghĩ, đây mới là Honey chân chính: Cam lồ của mật ngọt chân chính.

Lâm sư thư hiểu rõ mối lo ngại của chồng chính là mẹ già và bốn đứa con, cho nên chị gánh vác tất cả để cho chồng an tâm mà đến thế giới Cực Lạc trước, chờ chị và gia đình, không vì lo ngại mà bị đọa lạc. Câu nói của chị “mọi sự hãy để em lo” có sức mạnh biết bao! Những người đã có tình vợ chồng đều biết, điều này thật khó buông bỏ, cắt đứt, sống để đảm nhận nỗi thống khổ tử biệt và gánh nặng của mọi sinh hoạt hình như còn khó khăn hơn là chết trước. Cho nên ngay cả Lâm Giác Dân anh hùng hào kiệt như thế, mà trong “dữ thê quyết biệt thư” (giữ vợ lời vĩnh biệt) cũng không biết phải làm sao để bày tỏ, vì cứu nước cứu dân phải hy sinh trước một bước, để lại nỗi thống khổ sinh ly tử biệt cho vợ con. Ông vì đất nước và nhân dân mà bắt đất dĩ dứt bỏ tình riêng, thật là khiến cho người ta phải rơi lệ. Còn Lâm sư thư thì sống mà đảm trách mọi thứ khó khăn. Quý vị có biết sau đó chị thực hiện lời hứa “mọi sự hãy để em lo” như thế nào không? Mỗi sáng sớm, khoảng hơn ba giờ, người ta đã nghe tiếng cả nhà thức dậy hoạt động. Bà mẹ chồng thức dậy niệm Phật làm công phu sáng. Chị dậy nấu xôi chuẩn bị các thứ vật liệu làm bánh, một ô com lớn và các đồ dùng, rồi dùng cái ròng rọc và giỏ treo mà đưa từ lầu bốn xuống lầu một. Trời chưa sáng, bọn trẻ còn ngái ngủ phải dậy giúp chị mang các thứ xuống lầu. Chị dùng một xe đẩy mà đẩy đồ ra. Chị đứng suốt buổi sáng, cả bảy, tám tiếng đồng hồ, nặn bánh, bán bánh. Chị mang theo một chiếc radio để nghe chương trình của Minh Luân Liên xã. Một mặt chị nghe Phật pháp, một mặt cũng mang tràng hạt, băng cassette để tặng cho những người có duyên. Ngày ngày chị cười hề hề, tùy duyên mà khuyên người niệm Phật, đến khi bán hết bánh chị mới về nhà thì cũng đã quá trưa. Về đến nhà, ngoài việc săn sóc bà cụ và các con, chị còn tụng kinh niệm Phật. Cứ vào ngày tinh xá Tịnh Nghiệp có tổ chức niệm Phật, chị cùng các vị sư thư thường tự động phát tâm đến trước để quét dọn đạo trường. Trong các vị ấy có Trang sư thư là người thật thà, trung hậu, thường khiêm tốn nói: “Tôi chẳng biết gì cả, chỉ biết cố gắng một chút để quét rửa nhà vệ sinh cũng tốt vậy”. Thật ra, các vị ấy đều là những Bồ Tát rất tốt.

Theo mắt nhìn của người đời, một phụ nữ trẻ tuổi có chồng chết sớm không gì bất hạnh hơn, nhưng chị tin tưởng sâu xa vào đại bi, đại nguyện của Đức Phật A Di Đà, tất nhiên Ngài đã cứu độ chồng chị, cũng tất nhiên sẽ chăm lo cho cả nhà chị, về sau tất nhiên sẽ tiếp dẫn chị vãng sanh Tây Phương. Quả thực, chồng chị đã nhờ mọi người trợ niệm, niệm A Di Đà Phật mà về mặt vốn đau khổ của ông đã biến thành tươi vui, tốt đẹp. Cho nên chị đã không phải đau buồn vì chồng, cũng không phải khóc lóc vì mình. Mọi sự đều giao cho Đức Phật A Di Đà, tất cả đều chăm vào việc học tập sự từ bi của Đức Phật A Di Đà để tiến xa hơn! Chị sống nhiệt tâm, sáng suốt, chân thực. Chị kiên quyết tin rằng tất cả họ đều sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc, vĩnh viễn gặp nhau, cùng tu học đạo Bồ Tát.

Mỗi khi có người cần trợ niệm lúc lâm chung, chị và một số vị sư thư đều vì việc nghĩa mà không từ chối, xưa nay chưa hề nói câu “mệt quá”. Trong số bệnh nhân của tôi có người ở Bắc Cảng cần trợ niệm, chị cũng chịu đi. Lại có những người bệnh đã chết bị đưa vào phòng đông

lạnh, ngay cả thân thuộc của người chết cũng không dám đến nhìn, chị cũng chịu tới giúp niệm Phật. Mỗi ngày giảng kinh, họ đều chân thành đến nghe Phật pháp, lại còn chân thành thực hành trong cuộc sống hàng ngày. Kinh Hoa Nghiêm có nói, Đồng tử Thiện Tài từng năm mươi ba lần tham hỏi, tham hỏi các thiện tri thức thuộc các nơi, học tập các Bồ Tát có các hạnh nghiệp khác nhau. Tôi nhìn chung quanh, thấy các vị có vẻ bình thường, nhưng quả thực là những Phật tử từ bi, và cảm nhận thâm sâu rằng đó là những vị Bồ Tát mà tôi phải học tập, bắt chước theo. Dưới sự dẫn đạo của Đức Phật A Di Đà, tôi thật quá hạnh phúc, đâu đâu cũng đều gặp được Bồ Tát.

Có một dạo, giáo sư yêu cầu tôi, mỗi thứ bảy hằng tuần đến y viện Trường Canh tham gia hội thảo của khoa phóng xạ ung bướu, cho nên tôi phải đáp chuyến xe buổi sáng đầu tiên của Đài Trung mới có thể kịp giờ làm việc của y viện Trường Canh ở Lâm Khâu. Trời còn chưa sáng, trên đường gần như chưa có chiếc taxi nào, cho nên tôi phải khởi hành vào lúc bốn, năm giờ sáng để khỏi gặp tình trạng phải đi bộ thì hoàn toàn không có taxi, không kịp đến trạm xe lửa. Bốn, năm giờ sáng mùa đông, trời còn mờ mờ, sáng sớm lạnh lẽo thế này mà ra ngoài, tôi run lập cập. Tôi lấy lại tinh thần, to tiếng niệm Phật để cố lệ mình. Đi ra tới đầu hẻm, tôi thấy Lâm sư thư đang đứng trong gió lạnh nặn bánh bên con đường còn yên ngủ. Chỉ có chị là người tỉnh táo. Trong hơi lạnh lẽo chỉ có chỗ bày hàng của chị là mang về ấm áp. Chị đưa cho tôi hai chiếc bánh xôi nóng, đủ cho tôi dùng hai bữa, không phải lặn lội đi tìm thức ăn chay; chị còn cho tôi một câu "A Di Đà Phật" đầy thân thiết tươi vui. Tay tôi cầm lấy bánh xôi được ấm áp, trong lòng nghĩ rằng đây chính là thực tiễn của lời hứa "mọi sự hãy để em lo" của chị, và lại là cái thực tiễn trong mỗi ngày! Không những chị chân chính thương giúp chồng, cầu mong cõi Tịnh độ Cực Lạc ở Tây Phương cho chồng, mà còn muốn tự mình chăm lo mọi khổ nhọc của mọi người trên đời, chị cũng thương giúp, bất cứ người nào có duyên gặp gỡ.

Theo lời các Phật tử trợ niệm, chồng của chị sau khi được mọi người trợ niệm, về mặt kinh hoàng vì tai nạn xe đã được biến đổi, biến đổi rất tốt, rất trang nghiêm, lại có tướng lành. Bảy giờ chị phải đối mặt với cảnh tượng thê thảm mà vẫn không kinh sợ, mà lại thuận theo để lo toan, đồng thời lại có thể ngay tức khắc áp dụng Phật pháp mà chị đã được nghe, quả là không dễ gì vậy!

Chúng ta nghĩ lại mình, tuy được may mắn nghe Phật pháp quý báu, nhưng gặp sự biến hóa của nhiều hoàn cảnh, thỉnh thoảng chúng ta vẫn bị tác dụng của tư tưởng cũ, bệnh tật cũ mà không áp dụng được Phật pháp. Đây là tình cảm phàm phu đầy khởi, mà không dùng trí tuệ ngay để quán chiếu, giữ cho nội tâm an định, không động không loạn. So với sự việc "Lâm sư thư" trong sự biến đổi thê thảm của sinh tử đột nhiên phát sinh, đã y theo Phật pháp mà hành sự ngay, an định không loạn, áp dụng trí tuệ, thật là xa quá, đáng hổ thẹn quá.

Mỗi khi tôi gặp nghịch cảnh về nhân sự phản phúc mà sinh buồn phiền, tôi không khởi nghĩ đến vị Bồ Tát đứng sừng sững trong gió lạnh, vị Bồ Tát kiên cường và từ bi! Vào buổi sáng lạnh lẽo và mờ mịt, gặp được vị Bồ Tát ấy khiến người ta từ hai tay, đến bụng, đến tim đều cảm thấy ấm áp, và sung mãn hương đến dưng khí rõ ràng.

SÓNG LỚN BIẾN THÀNH CHIẾC NÔI *QUÁN ÂM CẢM ỨNG KỲ DIỆU*

Mỗi khi tôi gặp hoàn cảnh khó khăn mà lòng cảm thấy đau buồn. Tôi nghĩ đến một câu chuyện càng làm cho tôi có lòng tin bội phần mà niệm Phật. Đó là câu chuyện của bạn tôi, Bồ Tát A Thanh, kể cho tôi nghe. Bồ Tát A Thanh có một người bạn, chồng chị ấy tốt nghiệp viện Hải Dương học. Vào cuối năm nọ, anh cùng một số đồng học tại viện Hải Dương học, do có kỹ thuật lái thuyền chuyên nghiệp, nên được mời đóng phim, vai các thuyền viên. Trước khi đóng phim, họ cần đi thử thuyền. Hôm ấy theo kế hoạch, họ lái một chiếc thuyền mà họ chưa từng lái. Từ Cao Hùng xuất phát, phải đến cảng Giai Lý. Bồ Tát A Thanh ngày thường vẫn khuyên họ khi ra đến biển nhớ niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, nhưng họ nghe để mà nghe, chẳng xem ra gì.

Hôm ấy, họ bắt đầu ra biển thử thuyền. Ngoài khơi họ đã gặp dòng nước lạnh, trên biển sóng to gió lớn. Họ lại không rành về tính năng của chiếc thuyền, cũng có thể thuyền không tốt lắm. Bỗng nhiên thuyền bị lật, mọi người đều bị rơi xuống biển giữa dòng nước lạnh thật là kinh hoàng, khủng khiếp. Tuy những người bạn cùng đi với nhau đều là những nhân viên kỹ thuật chuyên nghiệp, cũng có vài thiết bị cứu sinh, nhưng giữa cơn sóng gió lạnh, bốn bề không ai cứu viện, chỉ có những cơn sóng hãi hùng, biển rộng mênh mông, những người bạn ấy lần lượt không chịu đựng được, từng người một lần lượt phải mất mạng trong biển lớn.

Anh chồng chị bạn của Bồ Tát A Thanh trở mắt nhìn các ba n lần lượt bị biển nuốt mất, nỗi đau đớn và khiếp sợ trong lòng thật không thể nào tả xiết. Chẳng những trời rất lạnh, sóng gió rất lớn, mà trời thì càng lúc càng tối, anh nghĩ tới vợ đang chờ anh về ăn cơm tối, thế mà anh lại bị gặp nạn giữa biển, không có ai biết để đến cứu, thật là bi thảm!

Trong khoảng thời khắc tối tăm, kinh hoàng ấy, bỗng nhiên anh nhớ tới Bồ Tát A Thanh thường khuyên anh niệm câu "Quán Thế Âm Bồ Tát" mà trước đây anh cảm thấy không cần dùng nên không lưu tâm đến. Nhưng ở giữa biển lớn không nơi nương cậy này, anh cứ một mực niệm "Đại từ Đại bi Cứu khổ Cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát...". Anh không biết mình đã niệm bao lâu, sau đó có một chiếc thuyền đánh cá đến cứu anh, đưa anh về y viện, anh mới biết anh đã trôi dạt trên biển hết mười bốn tiếng đồng hồ. Trong tai nạn trên biển ấy, anh là người duy nhất còn được sống sót. Điều này chứng minh câu nói trong kinh Pháp Hoa: "Niệm sức Quán Âm ấy, sóng không nhận chìm được!"

Chuyện còn kể tại sao chiếc thuyền đánh cá ấy lại đến cứu được anh? Đó là sự cảm ứng không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Quán Thế Âm. Người ngư phủ đến cứu anh hôm đó vốn không muốn ra biển vì có dòng nước lạnh chảy đến, sóng to gió lớn, có thể nói toàn bộ ngư dân đều nghỉ ở nhà không ai ra biển. Nhưng hôm ấy lại rất lạ kỳ, cái lư hương mà gia đình ngư phủ ấy dùng để cúng Phật, bỗng nhiên lại "phát lu", tức là lửa bốc cháy trong lư hương, bà vợ của ông không biết chuyện gì, bèn giục chồng phải ra biển. Ông thật không vui vẻ, nói: "Hôm nay có dòng nước lạnh, không ai ra biển, sao lại bảo tôi ra biển chứ? Bà đâu phải là người ham tiền, mà hôm nay sao lại xúi giục như thế?" Sau đó, người ngư phủ nổi giận, lớn tiếng với vợ, rồi ra biển. Khi ra đến biển thấy có người giữa biển, anh vốn tưởng đấy là một con cá, anh ghé thuyền đến xem, mới biết đó là người đang gặp nạn, cứu người ấy rồi đưa về y viện ở Giai Lý.

Bác sĩ khám anh, ngoại trừ tròng mắt rất đỏ, đỏ như củ cà rốt thì không có gì khác thường, anh cũng không cảm thấy có gì khó chịu. Chúng ta thử nghĩ, mười mấy tiếng đồng hồ trôi nổi sóng lớn, mắt lại thấy từng người bạn chết đi, không lương thực, không nước uống, sóng biển lạnh lẽo, không ai cứu viện, trời lại tối, thế mà có thể sống quay về, thật kỳ lạ biết bao nhiêu.

Các bác sĩ cũng cảm thấy không thể nghĩ bàn được. Người ta đến nơi tắm nước biển, ngâm trong nước nửa ngày thì da đã bị lột, thế mà anh thì không sao, anh tự cảm thấy đó là sự cảm ứng không thể nghĩ bàn do niệm Quán Thế Âm. Đặc biệt là khi được trở về nhà, anh kể chuyện lại cho A Thanh nghe, lại còn khích lệ A Thanh. Mỗi khi gặp hoàn cảnh khó khăn, tôi tự hỏi: “Phải chăng bạn bị rơi xuống biển giữa mùa đông giá lạnh, bốn bề không có người, tình huống thê lương như thế?”

“Có bị trôi nổi giữa sóng lớn, hết thức ăn, bi thảm như thế chẳng?” Đâu có! Vị bằng hữu kia vốn chưa hề niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, chỉ mới phát tâm niệm lần thứ nhất trong đời mà còn nổi được lâu như thế, lại không chút bị thương tổn, cũng không cảm thấy thống khổ, thậm chí cũng không cảm thấy lâu như thế. Trong tình huống bi thảm như thế, anh một lòng chân thành, Phật lực bồi đắp cho anh, khiến thân tâm anh được an nhiên, lại sắp đặt người đến cứu anh. Bạn lại không gặp hoàn cảnh bi thảm như thế, không lẽ Phật lực lớn lao thế kia, lại không thể phù hộ cho thân tâm bạn được an nhiên?

Tôi lại tự hỏi: “Không lẽ bạn học Phật lâu như thế, mà sức tin lại không bằng anh ấy?”

“Không lẽ sự cảm ứng giữa bạn và Phật, Bồ Tát lại không được như anh ấy?”

“Ngàn sông có nước ngàn sông trắng! Không lẽ Bồ Tát không luôn ở bên bạn?”

“Không lẽ sức của Đức Phật không làm sung mãn được thân tâm bạn?”

Nghĩ như thế, tôi càng có tín tâm gấp bội, vui vẻ mà niệm Phật. Cái gọi là hoàn cảnh khó khăn, một khi bạn không sợ nó, không bận tâm tới nó thì nó cũng không tồn tại, nó tiêu mất đi. Sự khó khăn của chúng ta so với anh bạn kia, thật ra không nghiêm trọng như thế, có điều chúng ta không có nhất tâm thành khẩn niệm Phật, không giống như anh ấy khi anh ấy bị té rơi xuống biển khơi.

TÁN LOẠN BIỂN THÀNH CHUYÊN CHÚ

HÒN ĐÁ, CON CHÓ

Trước hết chúng ta hãy hỏi, nếu bây giờ có người đi qua trước mặt bạn, bạn có quay nhìn người ấy không? Vì sao con mắt bạn lại tự động nhìn theo anh ta? vì sao bạn không chuyên tâm làm công việc của mà bạn đang làm? Chúng ta thường viện cớ rằng: “Vì người ta xem chúng ta là thế đó, cho nên mới hại chúng ta như thế này, như thế...” Nói như vậy thì người ta nhìn chúng ta với bộ mặt đáng ghét, người ta trách mắng chúng ta, người ta nói xấu chúng ta, hãm hại chúng ta thì mới làm tổn hại đến tâm tình chúng ta v. v... Lão Hòa thượng Quảng Khâm của chúng ta có một chuyện tên là “Hòn đá con chó”. Vì sao gọi là “Hòn đá, con chó”? Là vì nếu người ta lấy hòn đá ném về phía con chó, con chó này liền tự dung chạy theo hòn đá, chạy theo cả buổi, đó vốn là hòn đá không ăn được, không dùng được việc gì! Ngoài việc chạy đến thờ hồng hộc, hòn đá vốn không có gì tốt, chỉ có uổng phí sức lực mà thôi. Vì sao con chó lại muốn chạy theo hòn đá vô dụng?

Cũng theo ý nghĩa như vậy, tại sao người ta lại chạy theo một bộ mặt đáng ghét mà người khác ném tới, một lời nói xấu mà người khác ném tới? Chạy theo các thứ ấy thì có ích gì đâu? Tâm niệm của người ta vì sao muốn chạy theo những sự việc không có ý nghĩa như thế?

Tôi xin kể một câu chuyện để mọi người tham khảo: có người gửi cho bạn tôi một đôi giày cao gót rất đắt giá. Chị ấy nhìn đôi giày không biết lúc nào mang loại giày này mới tốt. Một hôm, hội Từ tế Công đức mở cuộc họp, chị mang đôi giày mà đi họp. Sau khi đã đi, chị nghe

Pháp sư Chứng Nghiêm giảng, lại thấy được tinh thần từ bi và đoàn kết của các vị Bồ Tát trong hội Từ tế Công đức, chị vô cùng cảm động.

Trên đường về, lòng chị cứ nghĩ đến Phật pháp mà Pháp sư đã giảng, chị rất vui mừng. Đến khi về tới nhà ở Cao Hùng, leo lên cầu thang, mẹ chị mới hỏi: “Ô! Giày của con đâu?” chị mới sực nhớ đến đôi giày bèn trở xuống lầu để tìm, kết quả là không có giày! Chị gọi điện thoại hỏi các sư huynh, sư thư Phật tử, mọi người đều trả lời: “Mọi người chúng tôi đều thấy chị không mang giày, đều lấy làm lạ, nhưng không tiện hỏi. Lại thấy chị hình như đang suy nghĩ chuyện gì đó rất chuyên chú nên chúng tôi cũng không dám quấy chị.”

Người bạn ấy cười và nói với tôi: “Tôi đã làm một trò cười! Chị biết không? Phần trên của tôi thì mang khuyên tai, mặc áo dài, nhưng phần dưới lại đi chân trần. Từ Hoa Liên trở về Cao Hùng, tôi không hề nghĩ đến việc mang giày. Các chị ấy bảo, khá đông người nhìn tôi mà cười, nhưng tôi không hay biết gì”.

Đúng thế! Trước đây Lão Hòa thượng Quảng Khâm thường nói: “Nếu bạn không nhìn người ta thì sao biết người ta đang nhìn bạn? Vì chính bạn đang nhìn người ta, chấp trước người ta, mới biết rằng người ta đang nhìn bạn”. Người bạn ấy của tôi đang lúc không để ý đến cảnh giới bên ngoài, không chấp trước ánh mắt của người khác, chị cứ chuyên tâm nghĩ đến Phật pháp, cảnh giới bên ngoài không có ảnh gì tới chị, ánh mắt và nụ cười nhạo đối với chị như không hề tồn tại!

“Nếu tâm người ở trong đạo, tự nhiên không có phiền não”. Chúng ta niệm Phật cũng như vậy. Nếu tâm của ta cứ theo ý, cứ chấp trước người, sự việc, cảnh giới bên ngoài thì mắt, tai của chúng ta cũng chạy theo các thứ ấy mà không thể đưa tâm vào Phật. Nhưng hãy phản tỉnh lại, những thứ mà chúng ta để ý tới, những sự việc mà chúng ta theo đuổi, phải chăng giống như hòn đá ném về phía con chó, chẳng bỏ bèo gì, mà chẳng chút gì liên hệ tới việc vãng sanh Tây Phương của chúng ta? thế thì có tốt gì đâu mà để ý tới? Có giá trị gì đâu mà phải hao tinh thần để đeo đuổi?

Không lẽ chúng ta can tâm làm một con chó chạy theo hòn đá? Lão Hòa thượng nói: “Không có chủ trương thì làm sao đến Tây Phương?” Cần phải có trí tuệ mới thấy rõ.”Không nên chạy theo hòn đá ném tới”, an trụ vào tâm mình, không nên mù quáng chạy loạn theo thì mới làm chủ được, thì mới tự tại mà niệm Phật; nếu không thì khi Đức Phật A Di Đà đã tới, mà bạn thì bạn chạy theo hòn đá, chạy theo nhìn mà không thấy Phật!

NGUYỆN LỰC BIẾN THÀNH SỰ THẬT BẢO MỘNG CỦA NGƯỜI ĐƯỢC VÃNG SANH

Khi tôi còn làm bác sĩ tại khoa ung bướu, mỗi khi tôi phải khám chẩn bệnh suốt ngày, tôi thường dặn cô trực ban đừng chuyển điện thoại đường dây bên ngoài cho tôi, trừ phi người gọi là bệnh nhân rất khẩn cấp, còn bạn bè có gọi đến thì xin lỗi họ, và yêu cầu họ để số điện thoại lại, đến khi hết giờ làm việc tôi sẽ gọi họ lại. Sỡ dĩ như thế là vì trong thời gian làm việc, tôi phải săn sóc những bệnh nhân có bệnh rất nặng, lại ưu sầu, yếu đuối. Có lúc tôi đang vạch quần áo người bệnh để khám, nếu như có điện thoại người bệnh nhiễm lạnh mà bị hắt hơi. Tôi nghĩ đến người bệnh mang cái thân yếu đuối, run rẩy đạp xe đến y viện chờ khám, như thế đã quá mệt, lại không dễ gì đến phiên để được khám. Nếu như còn phải chờ bác sĩ nói điện thoại về những việc không quan trọng, như thế thật là tàn nhẫn đối với họ. Cho nên trong giờ làm việc,

tôi thường ưu tiên xử lý những bệnh nhân đang rất đau khổ, còn việc tiếp điện thoại thì gác lại cho đến khi hết giờ làm việc mới xử lý.

Một hôm, lúc giờ làm việc, cô nhân viên trực bảo tôi: “Bác sĩ quách, có một cô ở ban kế hoạch gì đó tại Đài Trung đã gọi mấy cuộc điện thoại tìm bác sĩ, tôi đã yêu cầu cô ấy để lại số điện thoại”. sau khi nói cảm ơn tôi tiếp nhận số điện thoại, trong lòng nghĩ, tôi không có người bạn nào làm việc ở ban kế hoạch! Nhưng cô ấy đã gọi tìm tôi nhiều lần, nên tôi phải liên lạc với cô, không ngờ cô bảo với tôi rằng cô gọi giùm cho một người bạn là Cao Hùng, hỏi xem có đúng là tôi đang làm việc tại y viện này không. Người bạn tên Cao Hùng ấy là người nhà của người mà trước đây tôi đã lo việc cho. Cô yêu cầu tôi chờ tại y viện, anh bạn Cao Hùng gọi điện thoại tới, có việc quan trọng cần nói với tôi. Sau khi tiếp xong điện thoại, tôi nghe được giọng nói của một người đàn ông trung niên. Ông ấy nói: “A Di Đà Phật, thưa bác sĩ Quách! Không biết cô có còn nhớ không, tôi là con của ông Giang... mẹ tôi bị chứng niệu độc, mấy năm trước đã được gọi đến nhiều y viện, rồi mới được gọi đến điều trị tại viện Nguyễn Tông Hợp. Khi được chuyển đến bà đã tắt thở. Tôi hôm ấy chính bác sĩ là người trực ban. Bác sĩ đã niệm Phật cho bà, lại còn lấy”quang minh sa” mà sư phụ của bác sĩ là Pháp sư Sám Vân gửi bác sĩ để rắc lên trán bà, bác sĩ còn nhớ không?”

Nếu chỉ nghe giọng nói ấy thôi mà, thì quả thực tôi không nghĩ ra được ông ấy là ai. Nhưng sau khi nhắc đến đây tôi chợt nhớ ra. Người ấy lại nói: “Sau khi chúng tôi về nhà, mọi người đều liên tục niệm Phật cho mẹ tôi. Sau đó mọi người trong gia đình đều mơ thấy Bồ Tát Quán Thế Âm đưa mẹ tôi trở về, bảo với chúng tôi rằng bà đã vãng sanh thế giới Cực Lạc ở Tây Phương, bảo chúng tôi cảm tạ Bác sĩ, đồng thời cũng cảm tạ sư phụ của bác sĩ là Pháp sư Sám Vân. Nhưng khi chúng tôi trở về y viện Nguyễn Tông Hợp thì không tìm được bác sĩ, người ta nói bác sĩ đi Népal. Mới đây, chúng tôi nghe nói bác sĩ ở Đài Trung nên liền nhờ người bạn ở Đài Trung hỏi xem. Vì mẹ tôi báo mộng, cho nên chúng tôi cần kể cho bác sĩ nghe chuyện này.”

Tôi nghe đến đây, khước mắt bỗng ràn rụa nước mắt. Tôi còn nhớ tới hôm ấy, tôi đang trực tại phòng bệnh, thì từ phòng cấp cứu chuyển tới một bà cụ tim đập loạn, hơi thở đã ngưng, mặt mày đã thâm, đồng tử cũng đã mở lớn. Tôi xem sổ bệnh, biết bác sĩ ở phòng cấp cứu đã cứu bà một lúc rồi, nhưng hoàn toàn không có kết quả, cho nên bác sĩ đó tuyên bố bà cụ đã chết.

Nhưng thân quyến của bà cụ vẫn không muốn tiếp nhận cái sự thực là mẹ họ đã mất, cứ một mực yêu cầu được tiếp tục cấp cứu. Do các tư liệu trong sổ bệnh của bà cụ đã được ghi rõ ràng, chứng niệu độc của bà đã quá lâu ngày, nay đã trở thành rất nghiêm trọng, không như bệnh tật đột phát, do vậy toàn bộ thể trạng của bà đã quá tệ, hư hại hết. Tôi nhìn bà cụ đã chết và các hiếu tử khẩn thiết xin cứu mẹ mình mà nghĩ đến mọi chúng sinh cũng đang trong cuộc sinh ly tử biệt như thế, bị nung nấu không ngừng. Nghĩ thế lòng tôi không khỏi xôn xang, đau đớn.

Bây giờ chỉ sợ người mất phải chịu cái khổ vô ích, tôi bèn lấy tâm mình mà nói với những người con hiếu thuận ấy rằng: “Tôi biết các vị đều là những người con có hiếu với mẹ, đều rất mong muốn mẹ được sống lại. Các vị đã chăm sóc bà cụ trong nhiều năm như thế, thật là khó được. Nhưng hôm nay, nếu bà cụ là mẹ tôi thì tôi cũng không thể yêu cầu cất khí quản của bà để rấp ống khác vào, vì làm như thế thì không thể cứu được bà cụ mà chỉ khiến bà đau khổ thêm nhiều. Nếu bà là mẹ tôi, tôi cũng không muốn bi ai, khóc lóc khiến cho lòng bà càng thêm xót xa, tôi sẽ khuyên bà niệm A Di Đà Phật, theo Đức Phật A Di Đà đến thế giới Cực Lạc quang

minh, mãi mãi không còn chịu đau khổ nữa. Tôi sẽ niệm Phật cho bà. Tôi không biết trong gia đình các vị có ai tin Phật, có ai nghiên cứu Phật pháp không. Tôi là một Phật giáo đồ, Đức Phật muốn mọi người đều có thể rời khổ được vui. Tôi là bác sĩ, đương nhiên tôi cũng hết sức cứu bệnh nhân, tuyệt đối không cần phải dối trá các vị trong lúc này, xin các vị hãy tin tôi, mọi người hãy cùng lúc niệm Phật cho bà cụ. Đạo lý của Đức Phật A Di Đà rất thâm áo, bây giờ không có thời gian để nói rõ, xin các vị sau này hãy nghiên cứu kỹ. Nhưng giờ đây các vị nên dùng thời gian để niệm Phật, chứ nếu chờ đến khi các vị hiểu được đạo lý thì sẽ hối hận rằng hiện giờ vì sao không niệm Phật cho bà cụ”.

Hôm ấy gặp lúc sư phụ tôi là Pháp sư Sám Vân gửi đến y viện cho tôi một gói”quang minh sa” đã được gia trì. Sư phụ Sám Vân rất từ bi, tôi mới chỉ có cầu xin một lần mà ngài luôn nhớ và gửi đều đặn y viện cho tôi mỗi lần một gói quang minh sa, giúp cho các bệnh nhân cần đến. Hôm ấy lại đúng là hôm đầu tiên tôi nhận quang minh sa do sư phụ gửi, cho nên tôi có ấn tượng rất sâu sắc. Sau khi giải thích cho những người thân của bà cụ, tôi rắc quang minh sa lên người bà cụ. Sau đó tôi không cần để ý tới người ta nhìn tôi như thế nào, tôi cứ nhắm mắt, chấp tay, đứng trong phòng bệnh mà niệm A Di Đà Phật cho bà cụ.

Niệm Phật một lát, khi mở mắt ra, tôi thấy những người thân của bà cụ đang ở đó đều chấp tay xung quanh bà mà niệm Phật. Thực khó được mọi người thành kính hợp tác như vậy. Điều này khiến tôi thấy lạ. Sau này, một người con trong những người con ấy có vẻ như muốn rơi nước mắt mà nói với tôi: “Trong nhà chúng tôi chỉ có mẹ tôi là tin Phật, còn bọn con cái là chúng tôi đây đều không tin. Bà đã từng dặn chúng tôi phải niệm Phật cho bà, thế mà chẳng ai trong chúng tôi nghe lời bà. Không ngờ tối nay, chúng tôi đã chở bà tới nhiều y viện, nhưng không chỗ nào chịu nhận, chúng tôi bèn chuyển bà tới y viện của bác sĩ. Bác sĩ ở phòng cấp cứu bảo rằng không cấp cứu được, khuyên chúng tôi hãy trở về nhà, nhưng chúng tôi vẫn nài nỉ, cuối cùng đưa được bà cụ vào phòng này, được bác sĩ niệm Phật cho bà cụ, lại khuyên chúng tôi niệm Phật. Không ngờ mẹ tôi ăn chay niệm Phật hai mươi năm, cuối cùng bà được mãn nguyện!”

Lời kể của người con ấy đã tạo cho tôi một sự khích lệ và niềm tin rất lớn. Nguyên lực của con người thật không thể nghĩ bàn. Bà cụ tuy đã trải qua một số khó khăn, cuối cùng vẫn được như nguyện. Có nguyện ắt được mãn nguyện. Có người tuy muốn được vãng sanh nhưng vẫn luôn luôn lo không biết mình có được vãng sanh không, không biết đến khi đó có người hộ niệm không. Như thế là tín nguyện không đủ. Tổ sư đã nói cho chúng ta biết điều kiện để đến Tây Phương, đó là tín tâm và nguyện lực. Đối với Đức Phật A Di Đà, đối với chính mình, chúng ta đều phải có tín tâm để làm cái nhân đúng đắn trong nội tâm chúng ta. Cái”nhân” mà chúng ta đã gieo mà đúng, thì cái quả được kết mới đúng. Nếu chúng ta chân thành mong muốn đến Tây Phương, thì Đức Phật A Di Đà đương nhiên phải biết, đến lúc ấy tự nhiên Ngài sẽ sắp đặt những người có nhân duyên tốt nhất với chúng ta đến giúp cho chúng ta vãng sanh không chướng ngại, không cần tự mình phải lo lắng! Bình thường chúng ta chỉ cần có tín nguyện mà niệm Phật, tận lực giúp đỡ người khác vãng sanh, thì theo đạo lý nhân quả, đến lúc đó tự nhiên sẽ có nhân duyên rất tốt, giúp chúng ta khởi lên chánh niệm mà đến thế giới Đức Phật A Di Đà một cách thuận lợi. Dù chúng ta còn có nghiệp chướng, phải thọ nhận quả báo khổ đau, nhưng dù sao đi nữa, chỉ cần kiên trì cho đến cuối cùng, nhất định cái nguyện của chúng ta sẽ được viên mãn!

CÁ TÍNH BIẾN THÀNH GIÁC TÍNH. CHỖ LÀM NÔ LỆ CHO THÓI QUEN

Bình thường vô tình chúng ta được vun đắp một số thói quen mà chúng ta không chú ý tới chúng có tương ứng với "ý nguyện" vãng sanh của chúng ta không. Nếu không tương ứng, có thể chúng sẽ tạo cho chúng ta những phiền não, tạo cho chúng ta những chướng ngại trong sự vãng sanh. Thói quen có thể ví như một con dao, nó vốn không có tốt xấu gì, thiện ác gì. Nếu bạn hiểu mà khéo dùng nó làm phương tiện cắt đồ vật, thì đó là khéo dùng. Nếu bạn không biết dùng, cắt vào tay mình, chảy máu bị thương, đau đớn, kêu la, thì đó là dùng sai. Cho nên con dao vốn không có tốt, xấu, chỉ cần chúng ta biết vận dụng như thế nào mà thôi. Thói quen cũng như vậy. Đối với những người niệm Phật chúng ta, nếu thói quen giúp cho chúng ta định tâm, vãng sanh không chướng ngại, thì đó là thói quen tốt, nên vun bồi, nếu thói quen làm trở ngại việc vãng sanh, thì phải bỏ đi.

Có người xem các thứ thói quen của mình là rất quan trọng, xem đó như vật quý mà trân trọng giữ gìn, và không chịu thay đổi. Ví như, đồ vật nào thì phải để chỗ nào, quay về hướng nào, bàn chải đánh răng phải sắp đặt theo góc độ nào, đồ ăn trong tủ lạnh phải để chỗ nào; ngủ thì phải ngủ giường nào, quay về hướng nào, nếu không thì ngủ không được; đọc sách thì phải ngồi tại ghế nào thì mới đọc được; niệm Phật thì phải theo hình thức nào, nếu không thì không quen; tô chén phải sắp đặt làm sao, đĩa thì phải để như thế nào, xoong nồi thì phải lau chùi đến mức độ nào, áo quần phải giặt vào giờ nào, phơi giờ nào, lấy vô giờ nào... Như thế, sự sinh hoạt có thói quen thành qui luật vốn là rất tốt. Nhưng nếu tập quán của người khác không giống như người ấy, thì người ấy sinh ra buồn khổ, lao đao, không ngừng cao giọng: "tôi có thói quen thế này, thế này! Tôi không có thói quen thế kia, thế kia!" Nếu người khác không làm theo thói quen của người ấy thì người ấy cảm thấy người khác là không đúng, cảm thấy người khác không biết làm việc, không có qui củ. Người ấy tuy miệng không nói mình rất biết làm việc, thật ra trong lòng cảm thấy những gì người khác làm không hợp ý mình, cho rằng người khác làm việc không tốt như chính mình làm. Như thế thì chính là bị thói quen trói buộc, biến thành kẻ nô lệ cho thói quen, cũng biến thành kẻ nô lệ ngạo mạn, có thể thói quen của người ấy chẳng mang lại cho anh ta lợi ích gì lớn, mà trái lại tạo cho anh ta nhiều cơ hội phát sinh phiền não, khiến cho cuộc sống của anh ta càng khó chịu, không tự tại. Chúng ta thử nghĩ sâu xa hơn một chút: Nếu một ngày nào đó chúng ta chết đi thì các thứ như bàn chải đánh răng, tô chén, đồ ăn trong tủ lạnh, chúng ta đâu có thể mang theo, người khác cũng đâu cần, có thể chúng bị gom lại và vứt đi. Thực ra, đồ vật của người chết để lại, người khác cũng có ít nhiều hủ kỵ. Nếu chúng ta không giống như các cao tăng, đại đức, suốt đời vì việc công, quên việc tư, vĩ đại, lại có nhiều học trò tốt tướng nhớ đến như thế, thì sẽ không có người xây nhà kỷ niệm, giữ lại hoàn cảnh sinh hoạt khi chúng ta còn sống để mọi người tham quan, học tập. Thế thì chúng ta ôm chặt cái thói quen cá tính để rồi sinh phiền não, không chịu tùy thuận Phật pháp, đề cao gì ác tính, điều chỉnh thái độ tâm thức. Sự ôm chặt, cố chấp vào các chuyện nhỏ nhặt, rốt lại có giá trị gì đâu? Rốt lại có giá trị gì mà khiến chúng ta ngày nào cũng phải vun bồi chúng, làm cho chúng lớn mạnh, sinh phiền não vì chúng chứ? Vì sao chúng ta không kiên tâm vun bồi cái chính nguyện vãng sanh và cái trí tuệ bị vứt bỏ của chúng ta, mà lại cứ xông xáo vun bồi cái thói quen chấp trước của thế giới Ta Bà? Chúng ta nên biết phần lớn các sinh hoạt của chư vị tổ sư, đại đức đều rất qui luật, nhưng trong khi sống theo qui luật, chư vị ấy không bị thói quen

trói buộc, không sinh phiền não. Ví như, khi người khác không theo thói quen của người ấy, thì người ấy rất tự tại, không khởi lên phiền não, không cảm thấy không quen mà mất tự tại. Cho nên chúng tôi bảo: “Không làm nô lệ cho thói quen” thì không hề khuyên mọi người hãy vứt bỏ bừa bãi các thứ đồ vật, hoặc sinh hoạt không cần có qui củ. Mọi người dứt khoát chớ nên hiểu lầm điều này. Chúng tôi khuyên mọi người trong khi theo qui luật, đừng để cái thói quen qui củ do chính mình đặt ra ràng buộc, chớ vì chúng ta có các”thói quen”, mà thường phải gặp các sự việc”không quen”,”không như ý”, cũng chớ vì chính mình đặt ra khá nhiều qui củ và thói quen mà thường phải nhìn thấy, khá nhiều nhân sự không thuận mắt, đâu đâu cũng không thuận lòng, lại sinh ra nhiều phiền não không đáng có. Như thế là dụng tâm sai lầm, giống như nắm nhầm lưỡi dao mà tay bị thương, nắm lấy thói quen để làm tổn thương chính mình, làm chướng ngại sự an vui, tự tại của chính mình vậy.

Nhiều người tuy học Phật đã lâu mà thường vẫn tăng bốc cá tính của mình là thế này thế nọ, mình theo thói quen thế này thế nọ, không quen thế ấy thế kia. Cái gì gọi là cái tính chứ? Đó là tính cách đã quen (Tập khí) mà chúng ta đã vun bồi từ vô thủy đến nay, có những tính chất chấp trước. Chúng ta cần chú ý: Phật dạy chúng ta vứt bỏ tập khí của chúng ta chứ không dạy chúng ta vun bồi các thói quen chấp trước. Muốn phát triển Phật tính thì phải vứt bỏ sự chấp trước, phiền não của chúng ta, bấy giờ Phật tính mới phát triển được, đó cũng chính là tùy thời mà buông bỏ cá tính của chính mình, buông bỏ những tri kiến không hợp với Đức Phật. Thường làm phật ý người, sai phạm pháp ngôn Bồ Đề thì không thể khê nhọc cực trí, phát triển phật tính, vì bị cá tính, thói quen trói buộc giống như một khối băng mất đi sự tự tại nhu nhuyễn của nước chảy mây trôi, không những không thể linh động “theo vòng vào tròn” mà còn bị vỡ.

Kinh Vô Lượng Thọ nói: muốn vãng sanh Tây Phương, phải”Phát tâm Bồ Đề, chuyên niệm A Di Đà Phật”. Giảng về tâm Bồ Đề thì rất trừu tượng. Phật giáo đồ hiện nay thường nói về tâm Bồ Đề, nhưng rốt lại tâm Bồ Đề là gì, rốt lại tự mình đã phát tâm Bồ Đề chưa, tự mình cũng không biết. Chúng ta muốn biết rõ mình đã phát tâm Bồ Đề chưa thì hãy chiếu theo nguyên tắc Tổ sư đã dạy chúng ta để kiểm tra theo tâm niệm và hành vi của chúng ta thuận hợp với tâm Bồ Đề hay sai trái với tâm Bồ Đề. Nói một cách đơn giản, phục vụ cho người là thuận hợp với tâm Bồ Đề. Trái lại, nếu cứ để ý tới mình, tăng bốc cá tính, thói quen, sự lợi hại của mình, muốn người khác phải tôn trọng ta, theo ý tứ của ta, hy vọng người khác phục vụ ta, tôn trọng ý kiến của ta hơn là tôn trọng ý kiến của mọi người, thậm chí muốn rằng mọi người hy sinh vì ta, cúng dường ta, đây là sai trái với Bồ Đề, tự nhiên chúng ta sẽ vứt bỏ cái phiền não và”ngã chấp”, tự nhiên chúng ta tương đương với điều kiện vãng sanh Tây Phương. Nếu sai trái với pháp môn Bồ Đề thì đó là tăng trưởng cái phiền não của”ngã chấp”. Vun bồi sự chấp trước tự tư của chúng ta, tức là tương ứng với vãng sanh Tây Phương, ắt phải”có tên trên bảng” luân hồi sáu nẻo.

Người vẫn thường biết tôn trọng người khác, có lòng cung kính, từ bi đối với người khác thì thường tương ứng với Đức Phật. Vì sao? Vì chân thành cung kính đối với người, ắt phải buông bỏ cái”phiền não của kiêu mạn” của chính mình thì mới có thể được như thế, phải buông bỏ”ngã chấp” thì mới được như thế. Cho nên,khi tôn trọng người khác, tức là buông bỏ chính mình, coi nhẹ sự chấp trước vào chính mình, cũng chính làm nhẹ căn bệnh”ngã chấp”. Người xem trọng ý kiến, cá tính của mình chú trọng thói quen của mình, tức là xem trọng mình, tăng bốc tâm tư cũng là xem trọng cái phiền não”ngã chấp”. Đó là bệnh nặng hơn, nghiệp chướng nặng, tính nguy hiểm của luân hồi lớn, đây hoàn toàn không phải là hiện tượng tốt. Một khi chú

trọng về mình thì tự nhiên sẽ khinh mạn người khác, xem thường người khác thì đương nhiên không có cách nào cứu độ mọi người cho tốt. Đó là sai trái với tâm Bồ Đề, với lời nguyện”chúng sanh vô biên thế nguyện độ”.

Chúng ta đã nói: những sinh hoạt hàng ngày là khảo hạch chúng ta về những đề ứng dụng của tín nguyện vãng sanh Tây Phương. Những lối suy nghĩ, hành vi, thói quen của chúng ta trong sinh hoạt hàng ngày, rốt lại thuận hợp với tâm Bồ Đề hay sai trái với tâm Bồ Đề, chúng ta phải thường tự quán chiếu phản tỉnh. Nếu lối suy nghĩ và cách thực hành sai trái với tâm Bồ Đề là tuyệt đối không tương ứng với tâm đức Phật, thì không nên kiên trì vun bồi. Chúng ta phải tùy thời mà chú ý tu sửa, điều chỉnh thì mới có thể không sai phạm với ý nguyện”vãng sanh Tây Phương” của chúng ta, thì mới không uổng phí một đời mà phải chịu”uổng tử ở Ta Bà”! Nếu là thói quen tốt giúp đỡ cho chúng ta vãng sanh Tây Phương thì mới nên kiên trì dụng công bồi đắp.

THÓI QUEN TỐT GIÚP CHÚNG TA LÚC LÂM CHUNG VẮNG SANH THUẬN LỢI.

Dưới đây là một câu chuyện thật, giúp mọi người ảnh hưởng của thói quen đối việc vãng sanh. Tôi từng gặp một bệnh nhân là một phụ nữ trên năm mươi tuổi, cái khối u của bà đã xâm phạm tới não, cho nên một tay và một chân của bà cử động rất khó khăn. Bà thường không nói ra được ý tứ mà bà muốn nói, lòng muốn nói”một đường” mà miệng không chịu nghe theo, lại nói”một nẻo”, rất khổ sở. Một hôm khi tôi đến thăm, vừa bước vô phòng, tôi liền chấp tay hướng về bà mà nói”A Di Đà Phật”, bà liền dùng”cánh tay cử động được” để chấp tay lại. Miệng bà cũng hình như muốn nói”A Di Đà Phật”, nhưng không nói ra được, lại nói một tràng tiếng Nhật”dorazo””tomatochite atsugu”. bà cũng biết rằng bà nói không đúng nên muốn bật khóc, rất thương tâm rất ảo não. Tôi liền hiểu bà muốn niệm”A Di Đà Phật” cho đúng cũng không phải là đơn giản. Bấy giờ tôi an ủi bà: “Tâm bà muốn niệm A Di Đà Phật thì nhất định Đức Phật A Di Đà phải biết. Niệm Phật thì quan trọng nhất là tâm niệm. Tâm của bà chân chính nghĩ đến Phật là tốt rồi!” bà nghe xong liền rơi nước mắt, tuy tôi an ủi bà như thế, nhưng ở vào trường hợp của bà mà hiểu thì cái tâm tình niệm Phật mà niệm không được, nhất định là rất khổ. Tôi cũng cảm thấy đau lòng. Bấy giờ bỗng có tiếng trên máy khuếch âm gọi tôi về phòng trực, có người muốn gặp. Tôi chạy xuống xem, thì ra có ba vị sư phụ muốn tìm tôi. Trông thấy các vị, tôi vui mừng kính lễ, có điều bây giờ nghĩ lại tôi rất hổ thẹn, vì bây giờ tôi hoàn toàn không hỏi xem các vị có điều gì mà đến tìm tôi, chỉ vội vàng mời các vị đến thăm người bệnh ấy, đến giúp bà niệm Phật. Ba vị sư phụ rất từ bi liền theo tôi đến phòng bệnh thăm bà. Khi chư vị vừa bước vào phòng bệnh, người bệnh vừa nhìn thấy, bỗng nhiên chấp tay niệm”A Di Đà Phật”, niệm rất rõ ràng! Thì ra người bệnh này trước đây rất thích đến chùa. Bà thấy các sư phụ đều có thói quen niệm”A Di Đà Phật”. Kết quả là khi lâm chung bà muốn niệm Phật mà niệm không đúng, niệm không ra lời, nhưng khi mới thấy các sư phụ, thói quen tốt liền thể hiện, bà có thể niệm”A Di Đà Phật” một cách chính xác. Nói ra cũng lạ kỳ, từ khi bà đúng một câu thì bà có thể tiếp tục niệm đúng. Tôi thấy thế liền rất vui mừng. Chính bà cũng rất vui mừng, vui mừng đến chảy cả nước mắt, cứ liên tục cảm tạ Đức Phật A Di Đà.

Sau khi ba vị sư phụ viếng thăm, an ủi, khích lệ bà một hồi, chư vị bảo muốn trở về. Vì hôm ấy có rất nhiều bệnh nhân gọi tôi, cho đến hôm nay tôi cũng không biết ba vị sư phụ ấy đến y viện tìm tôi để làm gì? Có thể Đức Phật biết được tâm thức và thói quen của người bệnh ấy

mà đặc biệt hóa ra ba vị sư phụ đến giúp bà ấy chẳng? Thói quen mỗi lúc gặp các vị sư phụ, gặp người ta thì chấp tay niệm Phật như thế là những thói quen rất tốt, là những thói quen rất tốt giúp chúng ta nâng cao chính âm, giúp chúng ta vãng sanh. Chúng ta hằng ngày phải vun bồi chớ để nó bị gián đoạn.

Kẻ phàm phu chúng ta thường quên sự dạy dỗ của Đức Phật, mà lại rất trân quý kiến giải của mình, thói quen lười suy nghĩ, cá tính, tính tình của mình, đồng thời rất coi trọng sự phê bình của người thân, bạn bè khi ăn no rồi việc. Chúng ta xem các thứ vô ích là những vật quý mà không chịu buông bỏ, nếu phải buông bỏ thì ra vẻ như không buông bỏ được. Nếu một mai chính mình nghĩ đi, nghĩ lại mà muốn sửa đổi, bỏ đi thì lại nghĩ: đâu phải chỉ một lúc mà bỏ hết được, phải bỏ "dần dần", bỏ "chậm chậm". Chư tổ sư đã nói với chúng ta rằng việc này "không có kỳ hạn"! thực ra những kiến giải, cá tính, tính tình ấy của chúng ta bất quá cũng chỉ giống như việc đại, tiểu tiện trong bụng của chúng ta, chẳng có gì ích lợi, chẳng có gì giá trị, nếu không tống đi, lại để lâu chỉ càng thêm khổ, thêm bệnh mà thôi. Các vị nghĩ xem, đi tiêu đi tiểu chẳng lẽ không phải là thực hiện cùng lúc, chẳng lẽ cần phải thực hiện dần dần, chậm chậm, một lần thực hiện một chút, để lâu mới thực hiện xong hay sao? Chúng ta muốn thay đổi thói quen, thay đổi tập khí, không lẽ lại chia ra từng ngăn mà sửa đổi dần dần, mỗi lần bỏ đi một chút, giữ lại một chút, cứ chậm chậm mà bỏ đi, dần dần mà bỏ đi hay sao? Nếu chúng ta nghe lời Phật dạy mà bỏ đi những những thứ không tốt trong bụng chúng ta, thì chúng ta có thể đạt được thanh tịnh, nhẹ nhàng, an vui. Nếu chúng ta kiên trì cho rằng "những thứ đại tiểu tiện là của mình, là mình sở hữu, là mình tạo ra" thì chúng ta lại muốn giữ lấy không bỏ đi được theo lời Phật dạy thì thực ra, không muốn bỏ đi cũng không thể giữ lâu được. Cứ giữ chúng cho đến ngày chết thì không những sẽ phải buông bỏ các thứ đại tiểu tiện vô dụng ấy, mà còn phải buông bỏ cả thân thể quý báu của chúng ta nữa. Cho nên, hiện tại buông bỏ thì hiện tại được nhẹ nhàng. Nếu quý vị định vài năm sau mới buông bỏ thì đấy là chuyện của quý vị. Quý vị mang chúng lâu năm thì không có cách gì hưởng thụ được sự nhẹ nhàng trong tâm. Nếu quý vị muốn chờ cho đến hết đời mới buông bỏ dần, thì đó là chuyện của quý vị, quý vị phải lao khổ đến mấy đời.

Giả như có người từng đối đãi không phải với chúng ta, có thể chúng ta nhìn người ấy bằng cặp mắt không thuận, hễ nghĩ tới người ấy là bực mình, thậm chí trông thấy người ấy thì nổi nóng, rất muốn mở miệng chửi mắng; như thế là gạt Đức Phật A Di Đà ra một bên, mà bắt đầu cúng dường "thần nóng giận", thế giới Tây Phương Cực Lạc gì cũng quên sạch! Vì sao tâm của chính chúng ta, chúng ta không quản được, mà lại thả nó vào sự nóng giận? Lại khiến nó thành thói quen, không lẽ chúng ta làm nô lệ cho sự nóng giận, chứ không phải làm chủ nó? Nếu chúng ta thường nuôi dưỡng cái thói quen như thế, thì đến lúc lâm chung thật là nguy hiểm. Vì sao? Vì sau khi thói quen được nuôi dưỡng hình thành, nó có sức mạnh rất lớn dẫn dắt chúng ta. Thử nghĩ, chúng ta dùng một tay nào đó để bưng chén, một tay nào đó để cầm đũa, một tay nào đó để viết chữ, thậm chí buổi tối ngủ trên một giường nào đó, đầu quay về một phía nào đó, tất cả đều là "thói quen". Mỗi ngày chúng ta đều bị thói quen chi phối, gặp phải tình huống, tự nhiên chúng ta cứ theo thói quen mà làm. Chúng ta không hề nghĩ rằng, thói quen và tập khí tự động lộ ra mà không chế chúng ta trước. Đối xử với người khác, chúng ta vẫn thường bị thói quen, tập khí chi phối. Có nhiều người khi chúng ta gặp mặt thì chúng ta rất lễ phép, ôn hòa; điều này cũng sẽ biến thành thói quen. Có nhiều người, mới thấy mặt chúng ta đã hiềm này, hiềm nọ, ghét đó, ghét kia, hình như cái gì của họ cũng không hợp với ý mình; thái độ này cũng

sẽ biến thành thói quen. Có khá nhiều bậc cha mẹ cũng có thói quen như thế, đối với con cái, mới thấy con đã ghét từ đầu đến đuôi. Có khá nhiều vợ chồng, bạn bè cũng đều có thói quen như thế. Loại thói quen này đương nhiên đối với đôi phương không vui, nhưng người phải chịu ảnh hưởng nhiều nhất lại là chính mình. Không những mình tạo chướng ngại cho đời mà còn tạo chướng ngại cho sự vắng sanh.

Tôi từng gặp một bệnh nhân, bà đã dạy cho tôi một bài học, không những là bài về giới luật, mà còn là bài dạy về "thói quen ảnh hưởng đến sự vắng sanh của chúng ta". Đó là một phụ nữ chừng năm, sáu mươi tuổi, thường hay chú trọng đến việc trang điểm, y phục; thậm chí ngay cả việc đi trị liệu bằng phóng xạ, từ lâu ba của y viện xuống tầng trệt, bà cũng nhất định phải trang điểm, tô son, cầm kính soi, đến khi vừa ý mới xuống lầu, khối u của bà đã lan tới xương. Một tay đã bị gãy xương thế mà bà vẫn dùng tay kia để đánh phấn, cầm gương soi. Dung mạo đoan trang, y phục chỉnh tề, sạch sẽ của bà, khiến người ta nhìn thấy đều có cảm giác thích thú. Nhưng cái thói quen chấp trước mạnh mẽ ấy có ảnh hưởng gì trong lúc lâm chung?

Bây giờ tôi khuyên bà niệm Phật, bà rất cung kính, vui vẻ niệm Phật, lại biết rằng bệnh của bà rất nặng, lúc nào cũng có thể nguy hiểm đến tánh mạng, nên bà phát nguyện vắng sanh thế giới Cực Lạc ở Tây Phương, nhờ tôi trợ niệm cho bà. Vì y viện của chúng tôi không có chỗ để trợ niệm, nên phải chuyển bà đến "Y viện Bồ Đề" của Phật giáo để khi bà lâm chung thì tiện cho việc trợ niệm. Sau khi hết giờ làm việc, tôi đến y viện Bồ Đề phụ bà niệm Phật. Một hôm bà nửa tỉnh, nửa mê, tôi đứng bên cạnh để niệm Phật, bà chợt tỉnh lại, cất tiếng niệm. Bỗng nhiên bà nói: "Phải đến Tây Phương, mau mau mà đến, không đến không được". Sau đó bà niệm A Di Đà Phật! A Di Đà Phật! Bỗng nhiên bà lại niệm thành "A Di Đà Phấn!" Động tác trang điểm đánh phấn thường ngày của bà lại biểu hiện ra. Tôi nhắc nhở bà: "chúng ta muốn tới Tây Phương cần gì phải đánh phấn, đến Tây Phương mọi người đều giống như Đức Phật, sắc vàng trang nghiêm, phóng hào quang, so với đánh phấn còn đẹp hơn nhiều. Hãy mau niệm A Di Đà Phật!" Bà nghe xong liền niệm A Di Đà Phật, nhưng được một lúc lại niệm thành "A Di Đà Hoa". Bà còn nói: "Hoa là hoa trong từ cài hoa!", đồng thời bà còn làm động tác đưa tay "cài hoa lên tóc". Tôi lại nhắc nhở bà, bà lại niệm Phật. Nhưng bỗng nhiên bà nói: "Ồ! Tôi không mang giày". Tôi nói với bà: "Tây Phương lấy vàng ròng làm đất, rất sạch sẽ không cần phải mang giày". Bà lại niệm Phật.

Những thể hiện của người bệnh này khiến tôi hiểu rằng, trong "Bát quan trai giới" Đức Phật có dạy một điều, "không dùng hương hoa cài tóc, không trang nghiêm thân mình", ý nói không dùng nước hoa hoặc các thứ mỹ phẩm và các thứ châu báu v. v ... để trang sức thân thể. Phật dạy chúng ta hãy tập không theo đuổi trang sức hư giả bề ngoài, mà phải lấy cái đức tốt trong nội tâm để trang nghiêm. Sự chấp trước "tự ngã" của chúng ta đã quá nặng nề, chúng ta tu hành để giảm nhẹ, vứt bỏ nó đi mà chưa được, thì nay chớ làm cho nó mạnh thêm!

Nếu một người có thói quen trang sức, cả một đời nuôi dưỡng thói quen ấy, khi lâm chung nó sẽ xuất hiện ra, niệm Phật cũng niệm sai, vì thói quen sinh ra sức mạnh! Các vị xem bình thường chúng ta mặc áo mang giày như thế nào, đánh răng như thế nào, đây là sức mạnh của thói quen, không cần phải nghĩ, nó tự nhiên hiện ra. Cho nên giới luật do Đức Phật chế ra, chính là để giúp chúng ta lúc bình thường vứt bỏ thói quen không cần thiết, vứt bỏ sự cầu tìm sai lầm, để đến lúc lâm chung khỏi sinh chướng ngại. Chứ nếu cứ như thế thì cái tâm một mặt nghĩ đến Phật, lại một mặt nghĩ đến đánh phấn cài hoa. Nói một cách nghiêm túc, vấn đề không chỉ là niệm sai "Phật hiệu", mà là cái "nguyện" của nội tâm có vấn đề, "nguyện" không đủ chân

thiết. Rốt lại, bạn có mong muốn sinh Cực Lạc không? Hay là muốn luân hồi để trang sức đánh phấn?

Người chân chính ước nguyện vãng sanh tự nhiên sẽ vứt bỏ cái thói quen không dính dáng gì ấy, tự nhiên không thích câu tìm nó. Người nguyện sinh Cực Lạc chỉ muốn dùng thứ trang sức "hiệu A Di Đà Phật" để làm đẹp nội tâm, khiến tâm hoan hỷ, chân thành, không bị "mê lầm mà đánh mất Đức Phật", để có thể khai phát Phật tính. Đây mới là "Max Factor".

Dưới đây là một câu chuyện thật, xin kể ra để mọi người khích lệ nhau. Nếu nội tâm chúng ta có điều nóng giận, oán hờn thì hãy mau mau buông bỏ, vì không bỏ ngay bây giờ, thì đến khi lâm chung không buông bỏ cũng không được, tại sao lại phải chờ đến lúc ấy chứ? Chúng ta phải sớm bỏ cái thói quen mới thấy người, việc không thuận mắt là muốn trách mắng. Nếu không thì đến khi lâm chung ta sẽ bị thói quen ấy dẫn dắt, mất cơ hội vãng sanh Tây Phương.

Khi tôi còn làm việc tại khoa ung bướu, tôi từng gặp một bệnh nhân ung thư phổi. Đó là một phụ nữ chừng sáu mươi mấy tuổi. Khi bệnh trạng của bà đã trở nên nghiêm trọng, suốt cả thời gian hai tháng, bà hoàn toàn không thể nằm xuống mà ngủ, hễ nằm xuống là thở không được. Tôi thấy bà rất thống khổ nên khuyên bà niệm A Di Đà Phật. Đang lúc thống khổ như vậy bà cũng cũng phát tâm niệm Phật, hy vọng đến ngày giải thoát được đến thế giới Đức Phật A Di Đà. Vào cuối năm ấy bệnh tình của bà trở nên quá trầm trọng, bà yêu cầu tôi mời một số Phật tử đến trợ niệm, giúp bà đến Tây Phương. Hôm ấy thấy bệnh bà đã nguy hiểm rồi, tôi liền mời các Phật tử đến niệm Phật cho bà. Không ngờ mọi người tập hợp để niệm Phật, niệm được nửa giờ thì bỗng nhiên có một người trẻ tuổi say rượu xông vào phòng bà. Tôi đang quay lưng về phía cửa, không chú ý diễn biến ở phía sau, cũng không trông thấy người ấy bước vào, chỉ thấy người bệnh ở trước mặt. Bà đang niệm Phật, bỗng nhiên có vẻ như rất nổi giận, mắt mở trừng trừng lại giơ tay chỉ phía đối diện. Hình như bà muốn mở miệng để trách mắng. Trong lúc bà muốn trách mắng mà không trách mắng được thì bà tắt thở! Thì ra, người trẻ tuổi xông vào đây là con của bà. Người con này đã sớm rời gia đình để sống lang bạt. Bà rất giận người con này, nghĩ rằng phải chi bà đừng sinh ra nó, cho nên lâu nay bà không hề nói với tôi về nó, tôi cũng không biết để liệu mà đề phòng trước, cũng không khuyên bà sớm buông bỏ ý tưởng kia. Tâm thái của bà đối với con là "ghét mà không bỏ" (ghét mà cứ nghĩ đến), hễ nghĩ đến là giận, đâu ngờ trong sát na cuối cùng đứa con lại xuất hiện, vừa trông thấy nó bà đã vứt bỏ Đức Phật! Sự giận dữ trước kia và thói quen "hễ thấy nó thì liền mắng" thể hiện cùng lúc, bà không tự chủ được liền giơ tay chỉ nó định trách mắng nó. Bây giờ tuy có nhiều Phật tử đang đứng bên cạnh để nhìn bà, bà vẫn cứ như thế, cứ nổi giận, không ngăn được! Tuy chung quanh tràn đầy tiếng niệm Phật, mà bà bỗng chốc hình như không nghe thấy gì cả, chỉ còn lại sự nổi giận mà thôi. Thật đáng tiếc là lúc ấy bà đã tắt thở! Một sẩy chân, hận ngàn đời, vạn kiếp khó gặp. Phật pháp cứu độ cũng là do sai lầm này vậy! Sự hiện thị của vị Bồ Tát bệnh hoạn này là sự cảnh báo rất lớn cho chúng ta để chúng ta hiểu rõ được sức khiên dẫn của "thói quen".

Chúng ta có thể phản tỉnh: phải chăng bình thường bên cạnh chúng ta tuy có tiếng niệm Phật, chúng ta vẫn cứ nóng giận? Thậm chí còn "chuyên tâm" nghĩ tới chuyện phiền não mà không nghe Phật hiệu (không dụng tâm nghe thanh âm của Phật), đó chính là sức phiền não của chúng ta mạnh hơn nguyện lực niệm Phật, cho nên chúng ta thất bại. Chúng ta thử nghĩ xem, ai bảo bạn thích phiền não hơn thích niệm Phật chứ? Ai bảo bạn muốn nóng giận hơn muốn vãng sanh chứ? Nếu chúng ta đành chịu ở lại thế giới này mà tiếp tục lí luận, so đo với người ta mà không chịu đến Tây Phương để sống những ngày an lạc, thì Đức Phật A Di Đà chỉ còn cách thuận theo

ý chúng ta thôi! Tại sao Đức Phật và Thánh chúng ở trước mắt mà chúng ta không nhìn, lại cứ trở mắt vào cừu nhân mà nhìn? Tại sao Phật thanh không nghe mà lại nghe tạp âm? Chúng ta cam chịu đọa lạc, tương ứng với uế độ, cừu hận mà không tương ứng với tịnh độ, Phật thanh? Thì như thế Đức Phật chỉ còn cách là đợi chờ bạn hàng chục kiếp sau.

Thật ra, lúc lâm chung, kẻ oán cừu nào ở trước mắt cũng không quan trọng lắm. Điều quan trọng là chúng ta gặp họ thì chính chúng ta thể hiện tâm niệm nào. Phải chăng có thể chính mình làm chủ? Chúng ta nên nghĩ trước cho rõ: vãng sanh hay không vãng sanh rốt cuộc là do chính chúng ta quyết định hay để cho họ quyết định? Kẻ oán cừu ở trước mắt, chúng ta vẫn cứ từ bi niệm Phật, đừng để họ lôi kéo mà nóng giận. Nếu tự mình kiên trì niệm Phật thì oan gia, cừu nhân trước mắt cũng không có ảnh hưởng gì. Chúng ta quản lý mình tốt, không để thói quen xấu và niệm ác xuất hiện là tốt vậy, đây chính là chỗ ngày thường chúng ta cần dụng tâm rèn luyện làm người chủ của chí nh mình rèn luyện muốn vãng sanh, an vui thành Phật do chính mình quyết định! Một ngày niệm Phật ít nhiều tiếng chẳng có gì là khó, hơn nửa số lượng tiếng niệm Phật thật ra cũng không hề là điều kiện để được vãng sanh. Chúng ta nên rèn luyện mình ngay từ lúc bắt đầu nóng giận, có thể lắng đi để niệm Phật mười tiếng, thế mới quan trọng hơn nhiều, thế mới là chân chính mong nguyện đến Tây Phương. Nếu không như vậy thì chỉ còn cách ở lại thế giới này mà tiếp tục nóng giận! Chỉ còn cách là tiếp tục làm nô lệ cho thói quen nóng giận!

Tại sao chúng ta thấy một người không thuận mắt, rất đáng ghét lại rất thích gặp người ấy, gặp thì chính mình rất bức bối, lại không vãng sanh được? Tại sao chúng ta không dùng đôi mắt này để nhìn Đức Phật, nhìn thì được thanh tịnh, hoan hỷ, tự tại vãng sanh? Chúng ta cần phải hiểu rõ rằng nhìn thấy người ta mà cảm thấy rất đáng ghét, điều ấy hoàn toàn không phải là ý nghĩa của "chán ghét cõi Ta Bà"! Chúng ta hãy xem kỹ lời dạy của Tổ sư: "Chán ghét cõi Ta Bà" là chán ghét cái ý nghĩ không tốt, không thanh tịnh trong nội tâm mình, chứ không phải là hoàn toàn ghét bỏ người khác, nhìn người khác mà không thuận mắt. Cái tâm niệm như thế là do tâm chúng ta hẹp hòi, không đủ từ bi, mới nhìn người ta không thuận mắt. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có lời dạy rất quan trọng, mọi người chúng ta đều tưởng rằng ghét bỏ và tham luyến là trái ngược nhau. Thực ra ghét bỏ cũng là tham luyến, là một thứ tham luyến biểu hiện từ mặt kia. Vì rằng có một thứ tham luyến nào đó trước, nhưng vì tình hình không như ý nên sinh ra cái tình cảm của mặt bên kia, mà gọi đó là ghét bỏ. Ví dụ vị Bồ Tát⁵ bệnh hoạn mà trước đây đã nói, bà vốn nhất định hy vọng đứa con của mình được tốt. Đối với con, bà có lòng tham luyến, có sự mong cầu; cho nên khi con bà không được như ý bà, bà mới sinh lòng ghét bỏ, nóng giận. Nếu đó là con của người khác thì bà không mong cầu, không tham luyến, thì dù đứa con kia có không tốt, bà cũng không phí công mà ghét bỏ, và cũng không nóng giận mà ảnh hưởng lúc vãng sanh. Nếu chúng ta không động tâm, không tham luyến đối với các sự việc, thì chúng ta hãy xem chúng là rất bình thường, và không có gì là không như ý. Nếu chúng ta từng động tâm, tham luyến đối với chúng, thì chúng ta mới có cái tâm không như ý, ghét bỏ. Nếu chúng ta nguyện vãng sanh Tây Phương thì phải vứt bỏ những tham luyến, ghét bỏ trong nội tâm mình, vứt bỏ các ý niệm không thanh tịnh "yêu đó, ghét đó", "từ yêu đến hận" hoặc "vừa yêu vừa giận" v.v ... như thế mới là cái nguyện chân chính, chán ghét cõi Ta Bà, mong cầu Cực Lạc.

Vốn định mở miệng mắng
Biến thành tiếng niệm Phật

Vốn định ném hòn đá
Biến thành gửi hoa sen
Biến tâm phàm của ta thành tâm Phật
Một niệm tương ứng phóng quang động địa.

OAN ƯC BIẾN THÀNH TỰ TẠI HOÀN CẢNH GIỐNG NHAU TÂM TRẠNG KHÁC NHAU.

Lần nọ, đúng vào kỳ nghỉ, ba vị phật tử bàn với nhau muốn cùng nhau đến nông trường Thanh Cảnh để nghỉ. Từ rất sớm, mọi người không cần chuông báo đã thức dậy chuẩn bị các thứ, mang đồ ăn thức uống rồi vui vẻ lên đường. Dọc đường vừa ăn sáng vừa nghĩ đến phong cảnh đẹp đẽ ở nông trường, mọi người đều thích thú! Họ mở máy thu thanh nghe tiết mục giảng Phật pháp, ai cũng cảm thấy mình là người tu hành tinh tấn và tràn đầy niềm vui trong Phật pháp.

Bỗng nhiên một chiếc xe hơi từ một bên phóng tới, người tài xế thò đầu ra mắng: “Đồ ranh con, mới học lái xe à?. Lái như vậy mà dám lái ra đường à?” sa u đó anh ta còn nhỏ một bãi nước trà, rồi tống ra một làn khói đen mà đi. Người phật tử lái xe bỗng bị người ta mắng như thế thì không khỏi buồn bực, nghĩ: “Ta lái xe đã hai mươi năm nay tại sao lại bảo ta mới học lái xe? Ta lái xe đúng, anh ta xông bậy, thế mà còn mắng người ta, thật là chẳng đạo lý gì!” nghĩ như thế nên rất buồn bực. Lòng vốn rất vui vẻ, thế mà bây giờ hình như bị tát một gáo nước lạnh, nghĩ đến sự quát tháo của người kia, vị phật tử ấy không còn bụng dạ nào để nghe hiểu tiếng nói phát ra từ đài.

Vị phật tử khác thì nói: “Anh chàng này chắc tối hôm qua không ngủ được, sáng sớm bị chủ mắng, lòng bực bội, chúng ta hãy niệm Phật chúc phước cho anh ta, để anh ta khỏi bị nguy hiểm trên đường! A Di Đà Phật”.

Còn vị phật tử kia đang ăn bánh, thấy vậy cũng nói: “anh chàng ấy vi phạm luật lệ giao thông, chẳng kể gì cảnh sát, thật hết ý kiến, thấy mà muốn nổi nóng. Thật là thế giới xấu ác ngũ trọc này có nhiều người xấu ác quá!” Mỗi người một câu, cứ thế mà tiếp tục phê bình. Tấm lòng tràn đầy niềm vui Phật pháp vốn đã có biến đổi đi rồi. Sự phát tâm tinh tấn, nghe Phật pháp cũng dần dần mất đi ... trong lòng đang tràn đầy phấn khởi, bỗng chốc sinh ra không vừa ý, ngay cả phong cảnh đẹp đẽ của nông trường thanh Cảnh cũng hầu như không còn hấp dẫn nữa.

Bỗng nhiên họ lại thấy bên đường có bảng hiệu bán mật ong. Vì trong họ có người thích mật ong, chị ấy đề nghị: “chúng ta đến mua đi”. Mọi người nghĩ rằng khó từ chối được, cho nên ai cũng mua mấy bình, mua xong đem bỏ lên xe. Sau đó câu chuyện lại chuyển sang loại mật ong tốt, mật ong nguyên chất (thế là đem Phật bỏ ra đằng sau não rồi!).

Đang say sưa nói chuyện, bỗng dưng họ phát hiện hình như mình đi lầm đường, định xuống xe hỏi người ta. Họ vừa mới định dừng xe thì phía sau có một xe tông tới, nhưng may là đụng chưa tới nổi nào. Nhưng hai chiếc xe đụng nhau thì khó tránh khỏi trầy xước, nước sơn bên ngoài xe có mấy chỗ bị hư hại, người kia rất bực mình bước xuống xe. Chiếc xe mới mua của anh ta trầy xước, anh không chịu được nên dùng dũa dũa nổi giận: “Cô phải bồi thường cho tôi, nếu không thì tôi không bỏ qua cho cô đâu”. Vị phật tử lái xe cảm thấy rất ấm ức. Mới sáng sớm đã bị người lái xe kia mắng một trận vô lý, bây giờ anh này tông vào ta, lại bảo ta bồi thường. A! cái thế giới nào đây chứ? Chị định mắng lại anh ta, nhưng lại nghĩ: “chúng ta là

phật giáo đồ, không nên mắng người”. Chị cố nén giận, vì cố nén nên trong lòng như đang có một “khối đá” nước mắt sắp trào ra. Sự mong mỏi được vui vẻ từ trước, bây giờ đã bị phá vỡ.

Một vị Phật tử khác thì nói với anh kia: “xét theo lý thì anh không đúng rồi, anh đã không xin lỗi lại còn bảo người bồi thường. Đây, đây, đây, chúng tôi mời cảnh sát giao thông đến phân xử. Trong đời tôi ghét nhất là hạ ng người hiếp đáp người khác, anh đừng tưởng dọa chúng tôi là chúng tôi sợ! Tôi chỉ sợ người tốt chứ không sợ kẻ xấu!” càng cãi mọi người càng sinh giận, nổi nóng, cơ hồ muốn xắn tay áo đánh nhau.

Còn vị Phật tử kia thì khuyên mọi rằng: “Chúng ta gặp nhau giữa đường là một nhân duyên khó được, mọi người hãy nhìn lên khuôn mặt Đức Phật A Di Đà mà kết một duyên lành. Xe đụng nhau thì khó tránh được thương tích. Chúng ta nên vui mừng mà cảm tạ Phật lực đã che chở cho mọi người được bình an. Nếu chúng ta bỏ qua cho nhau, lịch sự với nhau thì đâu có chuyện gì. Vì xe đã trầy xước, dù chúng ta có nóng giận, tiếc rẻ, cũng phải đem nó đi sửa, nó mới lành lặn như trước! Đâu phải chúng ta đi thưa gởi mà các vết trầy xước của xe được khôi phục? Nếu chúng ta cứ cãi vã làm hao tổn tinh thần, hao tổn hòa khí thì như thế còn nghiêm trọng hơn là xe bị trầy móp, lại càng đáng tiếc hơn nữa! Chúng ta vui vẻ đem xe đi sửa, có lẽ còn đẹp hơn xe mới!”

Người kia nghe nói thế liền hết giận, cúi đầu lái xe đi. Ba vị Phật tử lên xe, thấy có mây bình mật ong bị bể vì đụng xe vù a rồi, mật chảy ra làm nhầy nhựa cả xe. Chị Phật tử lái xe lắc đầu nói: “Hôm nay thật xui xẻo, tôi hết muốn đến nông trường Thanh Cảnh rồi, dọc đường cứ bị trục trặc quá rồi!” vị Phật tử thứ ba lại khuyên mọi người: “Đó chẳng qua là một vài chuyện ngoài ý muốn, thật ra thế gian này vốn là vô thường, “vô thường” nên xem là sự việc trong tâm ý, chứ đừng nên xem ngoài tâm ý. Dù dọc đường chúng ta có gặp nhân duyên gì cũng đừng thay đổi tâm tình và mục tiêu vốn có của chúng ta. Người ta muốn lái xe như thế nào, muốn hành động như thế nào, thì đó đều là sự tu dưỡng của người ta, chúng ta đừng nên vì sự sai lầm nhất thời của người khác mà thay đổi niềm tin và kế hoạch nghỉ của chúng ta. Chúng ta cứ tiếp tục thực hiện kỳ nghỉ của chúng ta. Vừa rồi bất quá chỉ là cảnh ngộ không được như ý trong mấy phút, chúng ta không nên để cho nó kéo dài thành mấy giờ ở trong tâm, hoặc thành mấy ngày khiến chúng ta phải khổ. Tôi thì cảm thấy tiết mục vừa rồi ở trong đài rất hay, đó mới chính là điều khiến chúng ta dụng công suy nghĩ. Chuyện vừa rồi quả thật chúng ta không nên lãng phí tâm niệm và kỳ nghỉ quý báu mà nghĩ tới nó. Chúng ta hãy cứ niệm Phật mà trải qua ngày nghỉ vui vẻ”.

Chúng ta hãy nghĩ lại mình, chúng ta phát nguyện muốn đến thế giới Cực Lạc ở Tây Phương, phải chăng là giống như những người kia dọc đường gặp chuyện buồn phiền, trở ngại? Chúng ta có bị ảnh hưởng hay không? Hay chúng ta quên đi mục tiêu vốn có của chúng ta? Nếu chúng ta muốn chờ mọi người trên toàn thế giới biến thành những Thánh nhân có sự tu dưỡng cao thâm, lại muốn chờ mọi người đều hiểu ra mà lễ phép và thật tốt đối với chúng ta thì chúng ta mới vui vẻ, nếu như thế thì chúng ta sẽ không bao giờ được vui vẻ. Khi người ta không tốt với chúng ta, chúng ta cũng có thể niệm Phật cho mình được an vui, đồng thời cũng chúc phúc cho người ta, giúp người ta trở thành tốt. Nếu vì hai sự việc trên mà sinh ra buồn phiền, rồi thay đổi lộ trình mà quay về, hoặc suốt kỳ nghỉ mà nhớ tới, bàn luận về các sự việc không vui vẻ ấy, thì các vị cảm thấy như thế có giá trị hay không?

Nói đi, nói lại, không lẽ cho xe quay đầu về, dọc đường lại không gặp điều không như ý sao? Biết đâu khi quay về, lòng buồn bực lại bị tai nạn xe mà nằm bệnh viện? Kết quả là không đi

đến nông trường Thanh Cảnh, mà lại càng khổ hơn nữa... rất nhiều người tu hành gặp khó khăn thì nản lòng mà rút lui, sau đó mới phát hiện ra rằng, con đường thối chuyển càng khó khăn càng gian khổ hơn. Chỉ bằng một lòng đi tới cùng!

Các vị cảm thấy các vị thuộc loại nào trong ba Phật tử nói trên?

Các vị cảm thấy ba vị trong họ ai là người được an vui?

A Di Đà Phật! A Di Đà Phật! A Di Đà Phật!

TẠP ÂM BIẾN THÀNH PHẬT THANH

Có người nói, người học Phật xem ra đều rất nghiêm túc, câu nệ, khiến người ta cảm thấy như bị dồn ép, câu thúc, không tự tại. Thật ra các vị xem kinh Phật thì bi ết, Đức Phật A Di Đà rất hoạt bát, khả ái, Tổ sư cũng rất tình cảm, linh động.

Đức Phật A Di Đà hiểu rất rõ nghệ thuật dạy dỗ, cho nên Ngài chọn tiếng ca của chim để thuyết pháp tại thế giới Cực Lạc, chọn tiếng gió thổi qua lá cây để tấu lên trăm ngàn thứ âm nhạc. Đại sư Ngẫu Ích giải thích vì sao phải dùng tiếng chim để thuyết pháp, trong đó có bốn tầng bậc nhân duyên để phổ độ chúng sanh.

Tầng bậc thứ nhất: vì người phàm phu ưa thích tiếng kêu của các loài chim, cho nên Đức Phật A Di Đà mới thuận theo sự ưa thích của mọi người để biến hóa ra các loài chim mà thuyết pháp, khiến mọi người sinh tâm hoan hỉ; trong khi hoan hỉ nghe, những gì được nghe vào tai thì mãi mãi là hạt giống của đạo, họ hoan hỉ tiếp thọ sự giáo hóa cứu độ.

Đại sư Ngẫu Ích chỉ đơn giản dùng tám chữ "thuận tình nhi hóa, lệnh hoan hỉ cố" (thuận theo tình mà giáo hóa, khiến người ta hoan hỉ) để diễn tả sự từ bi nhu nhuyễn thông đạt phàm tình của Đức Phật A Di Đà. Các vị thử nghĩ xem, các vị ở dưới cây của nước Cực Lạc, phía trên có một con chim bay tới đậu trên vai các vị, cất tiếng ca thuyết pháp cho các vị, chim ấy nói cả buổi vốn là "Đức Phật A Di Đà", là vị cha Di Đà từ bi biến hóa ra! Các vị nhìn thấy Đức Phật A Di Đà hồn nhiên khả ái biết bao nhiêu, nhằm hóa độ các con mà hoàn toàn "vô ngã", biến mình thành con chim nhỏ!

Tầng bậc thứ hai: chim mà còn biết thuyết pháp, khiến người nghe sinh lòng hoan hỉ, đó chính là phát huy thiện niệm.

Tầng bậc thứ ba: muốn đời trị cái tâm phân biệt của chúng sinh để các chúng sinh đừng sinh khởi tâm niệm không tốt cho rằng các loài chim là hèn mọn.

Tầng bậc thứ tư (ý nghĩa sâu xa hơn): các loại chim do Đức Phật A Di Đà biến hóa ra để truyền bá pháp âm. Cho nên chim cũng chính là Đức Phật A Di Đà, vì nhằm cho chúng ta tiến thêm một bước mà lĩnh ngộ. Tất cả chúng sanh đều là pháp thân của Phật, tất cả thanh âm cũng đều là pháp thân của Phật. Các "tướng trạng" của hiện tượng tuy không giống nhau, nhưng cái bản thể thì bình đẳng. Pháp thân, Phật tính cũng bình đẳng. Đức Phật A Di Đà biến thành chim, ngày ngày xướng lên những ca khúc không giống nhau; biến thành cây, ngày ngày diễn tấu trăm ngàn diệu âm; đó là muốn dẫn đạo mọi người tỉnh ngộ, thể chứng cái diệu lý thực tướng. Cho nên Đại sư Ngẫu Ích nói: "Chim tức là Di Đà, khiến mọi người lĩnh ngộ sự bình đẳng của pháp thân, không đâu là không đủ, không đâu là không tạo". Kinh A Di Đà nói: "Trăm ngàn loại nhạc đồng thời tấu lên, người nghe âm thanh ấy tự nhiên sinh tâm niệm Phật, niệm Pháp niệm Tăng". Đối với chư Bồ Tát ở Thế giới Cực Lạc, các thứ âm thanh đều tự nhiên

khiến chư vị niệm Phật. những người có nguyện lực muốn vãng sanh Cực Lạc là chúng ta, cũng nên luyện tập sao cho các thứ âm thanh đều khiến chúng ta niệm Phật.

Trước kia khi còn là bác sĩ tại y viện, tôi nhận ra rằng rất nhiều người bệnh không thể tiếp nhận âm điệu niệm Phật theo truyền thống của nhà chùa vì âm điệu ấy khiến họ nghĩ đến sự chết chóc, tang ma, cho nên lòng họ có cảm giác chống đối. Hơn nữa, người mang bệnh nặng thì khí lực yếu ớt, hơi thở gấp gấp không thể kéo dài âm thanh niệm Phật, cho nên thông thường tôi chỉ theo tốc độ hơi thở của người bệnh mà xướng thẳng "A Di Đà Phật", giống như tốc độ của lời nói, niệm "A Di Đà Phật" thì họ niệm được. Để thuận theo sự cần thiết của người bệnh, tôi thử trích Phật hiệu này cho họ. Hơn nữa, để tránh cho người sơ học cảm thấy không khí buồn bã, hoặc cảm thấy quá đơn điệu, không thích học tập trì niệm, do đó tôi thử chọn thứ âm nhạc mà họ thích để làm bối cảnh. Như thế, người bệnh nghe tiết tấu rõ ràng của từng tiếng, từng tiếng, lại có cảm về vận luật. Họ niệm lên thì có cảm giác nhẹ nhàng an vui, và hoan hỉ tiếp tục niệm. Hồi làm bác sĩ tôi thường đại dột khuyên mọi bệnh nhân đều niệm Phật, nên đã gặp nhiều trở ngại, gặp nhiều thất bại. Do kinh nghiệm, tôi dần dần hiểu ra sự cần thiết của tâm tình người bệnh, nên đã cải tiến cách thức. Sau đó tôi mới nhận ra rằng, các thức niệm Phật này là cách thức mà người bệnh ưa thích tiếp nhận nhất, hơn nữa nó lại dễ đọc, dễ niệm theo nhất. Tôi dùng cách thức này để giúp bệnh nhân niệm Phật, thay cho rất nhiều loại thuốc ngủ và thuốc giảm đau. Thật ra, điều quan trọng của niệm Phật là niệm vạn đức hồng danh của Đức Phật A Di Đà, dùng âm điệu nào, dùng vận luật nào cũng không sao. Người có thể tĩnh tâm và niệm chăm chú thì niệm thế nào cũng tịnh tâm, chuyên chú. Người không thể tĩnh tâm, chuyên chú thì có đến cổ miếu ở núi sâu mà xướng các âm điệu đã được truyền thống đặt định, thì như thế cũng chỉ là vọng tưởng.

Hồi đó Phật giáo tại Ấn Độ đương nhiên là thuận theo chúng sanh mà dụng vận điệu của phong vị Ấn Độ, khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, thì dùng âm điệu của phong vận Trung Quốc; khi Phật giáo truyền đến Mỹ Quốc, thì tự nhiên biến thành phong vị Mỹ Quốc. Thật ra, chỉ cần niệm Phật hiệu là tốt rồi, dùng bối cảnh văn hóa nào cũng không sao. Vì Đức Phật A Di Đà là Vô Lượng Quang Minh chiếu sáng vô lượng chúng sanh, cho nên có thể sự biến hóa vô cùng vô tận. Lại nữa, vì Đức Phật A Di Đà còn được gọi là Vô Ngại Quang Phật, cho nên dùng phương cách nào thì đối với ngài cũng không chướng ngại, cũng không phương hại đến sự hoằng truyền của ngài. Lại nữa, Đức Phật A Di Đà là Hoan Hỉ Quang Phật, cho nên niệm thế nào cũng nên giải thoát tự tại, chớ khởi phiền não.

Kinh Vô Lượng Thọ nói: "Nên thường niệm Phật mà sinh hỉ". Sinh hỉ nghĩa là sinh tâm hoan hỉ. Chỉ cần nghe đến Phật hiệu thì nên sinh tâm hoan hỉ thanh tịnh, sinh tâm cung kính, thì mới tương ứng với thế giới thanh tịnh an vui. Chỉ cần chúng ta có thể làm nhu nhuyễn tâm mình, đừng có thành kiến, lấy cái tâm nguyện vãng sanh Cực Lạc mà niệm Phật, thì niệm như thế nào cũng có thể vãng sanh. Nếu như niệm Phật mà sinh phiền não, ghét nay ghét nọ, sợ này sợ nọ, thì niệm thế nào cũng đều không vãng sanh được. Chúng ta niệm Phật chỉ cần thành tâm mà niệm tốt, tuyệt đối đừng có bày vẽ nghe âm nhạc; khuyên bảo giúp đỡ người khác niệm Phật thì nên lấy cái tâm nhu nhuyễn, từ bi, thuận hợp với sở thích của chúng sanh. Họ thích niệm thế nào thì chúng ta niệm thế ấy. Nếu trong lòng có thành kiến, cho rằng niệm Phật thì nhất định phải thế này mới được, không thế này thì không được thì lỡ ra khi lâm chung người ta không thể hiểu ý các vị, không thể thuận hợp với tâm của các vị, thì bấy giờ các vị sẽ rối trí, giận dữ, sinh phiền não, há chẳng phải là làm chướng ngại cho việc vãng sanh của mình ư?

Người ta niệm Phật, cho dù niệm thế nào, cho dù dễ nghe hay khó nghe cũng đều là niệm Phật. Nếu chúng ta nghe mà không niệm Phật, lại khởi sinh các “ý kiến”, thì đây chính là mình không chân thành! Người ta niệm Phật đều được vãng sanh, chúng ta thì vẫn rơi ren ý kiến, luân hồi sáu nẻo. Thật ra, niệm Phật thì phải theo duyên mà không biến đổi, không biến đổi theo duyên, cho dù gặp phải nhân duyên gì đi nữa cũng phải thích ứng cho được mà tùy thuận, trong lòng vẫn duy trì niệm Phật. Tại chỗ ồn ào của trạm xe cũng phải nên tĩnh tâm niệm Phật, tại chỗ xe ngựa lọc cọc cũng phải vui vẻ niệm Phật. Thay đổi thang chứ không thay đổi thuốc; thang thay đổi thế nào thuốc cũng không thay đổi. Đức Phật A Di Đà là thuốc”A – già – đà được”. Chữa được vạn bệnh, chế theo thang nào cũng đều dễ uống.

Rất nhiều người vẫn thường than phiền rằng hoàn cảnh quá ồn ào, không thể chuyên tâm niệm Phật, hoặc trách cứ âm nhạc xung quanh truyền tới, hoặc tiếng la lối quấy nhiễu mình, khiến niệm Phật mà tâm không được tĩnh lặng. Thật ra cuộc sống của chúng ta ở thế giới này tràn ngập các loại âm thanh, chúng ta tuy không thể như Bồ Tát Quán Thế Âm do”quán nghe thanh âm, lại nghe tự tính mình” mà chứng được nhĩ căn viên thông (tai nghe đầy đủ, thông suốt), nhưng chúng ta cũng có thể luyện tập nghe các thứ âm thanh, rồi để tĩnh tự mình niệm Phật, cho dù đó là âm thanh thuận tai hay nghịch tai; cho dù đó là âm nhạc mình ưa thích hay không ưa thích; tất cả đều biến thành”A Di Đà Phật”. Cho dù trần thế đầy các thứ ồn ào và náo loạn, trong lòng chúng ta cũng giữ lấy hoa sen nở rộ! Vì chúng ta không thể bảo chúng lúc lâm chung là cách vách chúng ta không có người lấy vợ, đốt pháo, không có người lợp nhà, đóng, khoan, không có người bắc loa. Chúng ta cũng không bảo chúng được rằng bên cạnh không có người mở lớn âm nhạc, ca hát, khiêu vũ, lại càng không thể bảo chúng ngày chúng ta lâm chung, không có sấm động, mưa tuôn, lại nữa, chó con, chim con kêu loạn, trẻ con không khóc om, nhảy loạn ... cho nên bình thường chúng ta phải luyện tập để khi nghe bất cứ âm thanh nào, cũng đều hoan hỷ niệm Phật, vui vẻ vãng sanh.

Năm ngoái, sau khi cha tôi mất, khi cử hành nghi thức cáo biệt tại Tang Nghi Quán, tôi phát hiện ra rằng mỗi gian thờ quan tài của Tang Nghi Quán chỉ rộng chừng hai thước, các tang gia ở mỗi gian cử hành lễ siêu độ khác nhau: có người mời đạo sĩ đánh phèng la, gõ não bạt, có người mời đoàn ca múa vừa hát, vừa nhảy; có người mời ngũ tử đến vừa khóc vừa kể lễ; có người mời chư tăng tụng kinh Phật. Mọi người đều dùng loa rất lớn, mở hết cỡ âm thanh. Lúc nào hình như cũng có mười mấy đoàn cùng lúc tiến hành các tiết mục. Âm thanh lớn đến nỗi lúc nói chuyện cũng hầu như không nghe được tiếng mình. Em trai tôi vừa mới từ Mỹ Quốc về, không quen với cách thức của Tang Nghi Quán ở Đài Loan, làm trở ngại sự yên ổn của người khác, bèn nghĩ cách đến khuyên mọi người, nhưng không có kết quả gì mấy. Tôi bỗng nhiên nhớ lại lời dạy của cha tôi lúc sinh thời, nên mỉm cười nói với đứa em: “Nếu cha ở trong quan tài bước ra nói: ngay cả thế này mà con cũng không chuyên tâm niệm Phật được thì còn làm được gì chứ?” Em tôi nghe thế cũng cười. Cha tôi lúc còn sinh thời vẫn thường luyện tập, giữa đám âm thanh lộn xộn, tinh thần vẫn thông nhất, chuyên chú. Nếu người nào tĩnh tâm không được trước sự ồn ào, thì khi mệnh chung được đưa đến Tang Nghi Quán, e rằng sẽ cảm thấy”ồn chết người” mà chịu quấy nhiễu, sinh buồn phiền. Cho nên tốt nhất là chúng ta cần luyện tập nghe các thứ thanh âm, dù hợp ý hay không hợp ý, cũng đều tự nhiên niệm Phật”A Di Đà Phật” không bị trở ngại. Chúng ta không thể yêu cầu hoàn cảnh thuận theo tâm của chúng ta, mà phải luyện tập, xem tất cả đều do Đức Phật A Di Đà biến hóa ra, tất cả đều giúp chúng ta nhớ Phật, niệm Phật. Hoàn cảnh chung quanh càng ồn ào lòng ta niệm Phật càng tốt.

Các loại âm thanh đều do Đức Phật A Di Đà muốn phổ biến pháp âm mà biến hóa ra. Các loại âm thanh đều nhắc nhở chúng ta niệm Phật. Trăm ngàn loại nhạc cùng lúc được tấu lên. Người nghe âm thanh ấy tự nhiên sinh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Cho dù âm thanh bên ngoài thế nào, cũng phải nên nghe Phật thanh ở nội tâm. Hoàn cảnh tốt hay xấu đều nên niệm Phật. Trời lạnh cũng niệm Phật, sấm nổ, mưa tuôn cũng niệm Phật. Cũng như đứng ở bờ biển mênh mông, phía trước là khoảng trời không; cái tâm niệm Phật cũng phải rộng lớn như thế. Cho dù trần thế ào ào sóng đục, tâm ta mãi mãi là hoa sen nở rộ. Niệm Phật, niệm ra sự hoan hỷ của người dân nước Cực Lạc, niệm ra sự từ bi của Đức Phật A Di Đà.

Bị bệnh nằm trên giường thân thể không được tự do, vẫn phải nên niệm Phật cho tâm được tự do.

Niệm Phật phải bình tĩnh, hoan hỷ, niệm cho đến khi khỏe mạnh có sức lực.

Đức Phật A Di Đà là ánh sáng thanh tịnh như dòng nước chảy trong vắt, rửa sạch buồn não của chúng ta. Gặp việc gì cũng do Đức Phật A Di Đà khảo hạch.

Hoa tâm nở rộ, hoa sen nở rộ, trong ngoài đều thơm phức.

Phật thanh như sóng biển, một sóng tiếp một sóng tuôn chảy tới Tây Phương.

Đức Phật A Di Đà là ánh sáng hoan hỷ. Nếu tâm tình buồn khổ, nếu niệm Phật thì tự nhiên được vui vẻ!

Thật tin vào đại lực của Phật thì còn lo âu gì? Thật tin vào sự hộ niệm của Phật thì có việc gì không mãn ý? Thật tin vào sự biến tri của Đức Phật thì còn gì ám ức? Thật nguyện vãng sanh Tây Phương, niệm Phật thì thường được vui vẻ.

Quá khứ đâu cần suy nghĩ. Vị lại chớ nên hoang mang. Hiện tại đừng nên hối hận. Niệm Phật thì tự nhiên được may mắn!

Lái xe trên đường thì nên niệm Phật. Lúc bận rộn nơi làm việc cũng nên niệm Phật.

Chúng ta là người dân nước Cực Lạc, lúc nào cũng niệm Phật, mỉm cười. Mỗi một niệm đều thay đổi vận mệnh, mỗi một niệm đều hưởng thọ Tịnh Độ.

Người trí gặp duyên thì được cứu, dù thuận hay nghịch đều có ích. Có người ném bàn thối tới, đó là dịp để trồng hoa sen vàng.

Một đời hối hận, lo toan cũng không đạt được cái gì! Không bằng thanh thản niệm Phật: may mắn, tự tại, an vui.

Dù bận việc bao nhiêu có hối hận cũng không nhanh hơn được. An định niệm Phật thì vừa vui, vừa nhanh!

Khi hoan hỷ, an vui chớ quên Đức Phật A Di Đà.

Ban đêm khi ngủ, chớ quên niệm A Di Đà Phật.

Tín niệm kiên cố thì càng niệm càng vui! Phật Quang giúp thêm thì càng niệm càng có sức!

Đức Phật A Di Đà là đấng tối cao trong ánh sáng, là vua trong chư Phật, Đức Phật A Di Đà đem công đức tu hành của ngài chứa vào trong danh hiệu của ngài khi niệm Phật thì nắm trọn công đức của Phật mà làm thành công đức của mình. Tất cả đều viên mãn, tất cả đều đầy đủ! Đầy trời gió mát, trăng trong đều vào hết trong khe nước; công đức tâm niệm của Như Lai đều vào hết trong một niệm tâm.

ĐẠI NẠN BIẾN THÀNH ĐẠI NGUYỆN

Vào năm thứ nhất, lúc tôi đang là bác sĩ nội khoa của y viện, một hôm vào buổi tối tôi đang trực ở phòng săn sóc bệnh, từ phòng cấp cứu chần, người ta đưa tới một bệnh nhân bị nghẽn cơ tim (tim bị tê cứng). Chẳng những ông bị hôn mê mà còn bị ngưng thở, cả bộ mặt và lưỡi đã trở nên bầm tím, theo điện tâm đồ và bản xét nghiệm máu, rõ ràng tim của ông đã bị hư hại nghiêm trọng, theo kinh nghiệm của nội khoa chúng tôi thì không thể cứu sống ông được, cho nên vị trưởng khoa mới khuyên gia đình người bệnh nên sẵn sàng chuẩn bị lo hậu sự cho ông.

Tôi theo lệ thường, một mặt cho ông thở bằng máy, một mặt niệm Phật cho ông. Chúng tôi đã thực hiện mọi thủ thuật, thuốc men cần phải thực hiện, nhưng huyết áp của ông vẫn không đo được, ông vẫn hôn mê lại không thở được, tất nhiên phải dùng máy cho ông thở.

Bấy giờ, vợ của người bệnh này hết sức buồn bã nói: “Người ta nói, trời cao rất thương người trung hậu, tại sao trời cao lại không thương xót tôi? Bác sĩ, xin cô hết sức cứu sống anh ấy. Dù anh ấy được cứu sống mà có trở thành một con người thực vật, thì tôi cũng nguyện suốt đời chăm sóc anh ấy”.

Nghe nói thế, tôi cảm thấy bà ấy quả là một người thành khẩn trung hậu. Tôi bèn khuyên bà: “Người ta gặp đại nạn thì nên phát đại nguyện niệm Phật mới có thể đột phá được đại nạn”. Bà hỏi tôi: “Làm sao để phát đại nguyện?” tôi đáp: “Bằng sự chân thành tự phát của bà”. Không đợi suy nghĩ, bà nói: “Từ nay trở đi, vợ chồng chúng tôi ăn chay trường niệm Phật. Anh ấy là một giáo viên, nếu lành bệnh, anh ấy có thể hoằng dương Phật pháp”.

Nghe bà phát nguyện tôi bèn đưa bà và các con của bà mỗi người một xâu chuỗi, và bảo bà: “Bây giờ đã khuya, các vị đứng ở ngoài phòng săn sóc bệnh mà lo lắng, phiền não cũng không ích lợi gì, chi bằng mọi người hãy an tịnh cái tâm lo lắng. Mỗi người đều niệm một vạn tiếng” A Di Đà Phật”, cầu Phật phù hộ, Phật lực thì không thể nghĩ bàn. Các bác sĩ, y tá sẽ tận lực cứu ông ấy. Gia đình các vị hãy tận tâm niệm Phật cho ông. Nếu ông ấy cùng chúng tôi chưa hết nhân duyên, thọ mạng chưa dứt, mọi người niệm Phật thì bệnh của ông sẽ chóng khỏi, nếu ông ấy cùng chúng tôi nhân duyên đã hết, thọ mạng ông dứt thì ông nhờ vào công đức niệm Phật, cũng có thể đến thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà mà sống an vui, cùng với chư Bồ Tát của Phật, học tập con đường thành Phật, cứu độ chúng sanh”.

Tối hôm ấy, ba bác sĩ chúng tôi nhìn vào máy điện tâm đồ mà điều chỉnh thuốc tiêm hết lòng mong cứu được ông ấy. Chúng tôi đứng bên giường bệnh suốt từ bảy, tám giờ tối cho đến hơn ba giờ sáng. Một vị bác sĩ trong chúng tôi than: “Ba người chúng ta canh trực cả đêm mà chỉ canh trực một người mà huyết áp không thể đo được! Hơn nữa lại phải dùng máy hô hấp ông ta mới thở được”.

Nhưng đến bốn, năm giờ sáng, chỉ số huyết áp của ông hình như tăng lên lại, người cũng dần dần tươi tỉnh lại. Tôi thấy thế liền vội vàng mở cửa phòng săn sóc để báo cho người nhà của ông để họ yên tâm vui vẻ. Khi vừa mở cửa tôi thấy cả nhà đang ngồi niệm Phật.

Những khuôn mặt khẩn thiết chí thành ấy khiến tôi cảm động đến rung rung nước mắt. Đưa con của ông ấy viết trên một tờ giấy: “Cha ơi! Con rất mong cha lại mở đôi mắt từ ái ra.”

Có một người thanh niên đến thăm ông ấy mà khóc, khiến tôi tưởng anh ta là người nhà của ông ấy, nhưng người thanh niên lại bảo với tôi: “Ông ấy là thầy tôi. Hồi ấy thầy tôi ở tại một gian nhà lụp xụp tựa vào bức tường vôi của người khác, thường đem tiền lương của ông mà cấp dưỡng cho các học sinh chúng tôi. Nếu không có thầy thì không có tôi ngày nay. Thưa bác sĩ, xin cô hãy quyết cứu thầy tôi!” Người thanh niên chưa nói hết lời đã nghẹn ngào không nói thêm được, anh ta chấp tay van xin tôi nhất định phải cứu thầy anh.

Sau đó tôi mới biết bệnh nhân ấy đã từng được chọn là một trong ”mười nhà giáo có tâm lớn”. Sau khi ông ấy tỉnh lại mới ba ngày, đang còn phải dùng máy hô hấp để thở, thế mà ông đã chân thành niệm Phật. Ngoài chứng nghẽn cơ tim, ông còn bị chứng phổi có hạch trầm trọng, nhưng khi được khỏe trở lại, ông hăng hái xuất viện, lại còn tìm đến tôi để cùng in kinh kết duyên với mọi người. Mỗi bác sĩ chúng tôi xem điện tâm đồ, xem kết quả kiểm nghiệm máu của ông, lại thấy ông được khôi phục thì ai cũng cảm thấy là không thể nghĩ bàn được!

Khi tôi còn thực tập tại khoa phụ sản, có lần gặp một phụ nữ bị thai chết ở trong bụng, phải chịu giải phẫu. Nét mặt bà đầy vẻ bi thương, vì thai nhi đã hết, và sự hãi vì sắp phải chịu phẫu thuật, trong lòng lo lắng không yên. Khi đến thăm bà, tôi khuyên bà niệm A Di Đà Phật, bảo bà rằng: “Đức Phật đại từ, đại bi không nhan tâm với mọi chúng sanh đang chịu khổ, nhất định sẽ bảo hộ cho bà.”

Trước khi bà được gây mê, bà liên tục niệm A Di Đà Phật. Sau cuộc phẫu thuật, bà tỉnh lại và tôi đến thăm bà. Bà bảo tôi: “Niệm Phật quả là kỳ diệu, quả là tốt lành!” bà không đau đớn chút nào. Hơn nữa, trong lúc được giải phẫu, bà lại mộng thấy Bồ Tát còn đẹp hơn các tiên nữ trong các phim ảnh, mang bà đến một nơi còn đẹp hơn tiên cảnh trong phim ảnh. Bà trông thấy rất nhiều hoa sen thật lớn. Sau đó bà nghe có tiếng nói: “Đã đến lúc bà có thể quay về”. Bà dần dần tỉnh lại, nhưng sau cùng bỗng nghe tiếng khóc của một đứa bé. Bà nói: “Con ơi! Đó là con không muốn mẹ, chớ không phải mẹ không muốn con”. Tôi nghe xong liền khuyên bà ấy hãy thành khẩn niệm Phật cho đứa con được siêu độ, cho đứa con được vãng sanh thế giới Cực Lạc ở Tây Phương. Vì bà niệm Phật trong lúc chịu phẫu thuật mà được cảm ứng, nên bà rất có tín tâm cứ chân thành niệm Phật.

Không chỉ riêng bà ấy, tôi đã thấy không ít người khi lâm sàng trước khi chịu giải phẫu cũng khẩn thiết niệm Phật. Không những việc giải phẫu được thuận lợi, mà họ còn có những kinh nghiệm không thể nghĩ bàn, có thể vào lúc chịu phẫu thuật, trong cửa sinh tử, cái tâm niệm Phật đặc biệt chân thành, khẩn thiết so với việc niệm Phật tản mạn bình thường, đương nhiên là rất khác nhau.

Hễ tâm ta niệm Phật, từ xa Đức Phật liền biết. Phật quang thường chiếu cố, ngày đêm thường thủ hộ.

ĐỒ TÊ BIẾN THÀNH BỒ TÁT

Trên bước đường hành nghề bác sĩ, tôi đã gặp một vị Bồ Tát bệnh nhân. Tuy ông ấy là một đồ tể, nhưng bình thường ông đối với mọi người rất thành khẩn, khoan hậu. Giết heo là nghề mà cha mẹ truyền lại cho ông. Ông nói với tôi: “Chúng tôi cũng không tiện đổi nghề, cũng không biết phải nên thế nào để đổi nghề” Ông bảo rằng hồi ông còn nhỏ, có người bảo ông niệm A Di Đà Phật, cho nên từ nhỏ mỗi khi thấy tượng Phật, ông liền chắp tay niệm ba lần A Di Đà Phật. Quý nhất là từ nhỏ ông không cầu xin gì cho riêng mình, mà cầu mong Đức Phật hộ trì cho mọi người. Ông nói: “Phật làm sao mà hộ trì cho một mình tôi được chứ?” tôi nói: “Đúng thế! Quan niệm này của ông chính xác vô cùng”.

Tuy ông làm nghề giết heo đã từ rất lâu, nhưng ông đối với mọi người rất tốt. Bạn bè thân thuộc tới thăm ông, có rất nhiều người đã từng chịu ơn ông, cảm ơn, ca ngợi ông. Trước kia ông không hiểu giết heo cũng là làm thương tổn chúng sanh, làm tổn

thương chúng sanh là phải chịu quả báo thống khổ. Về sau ông bị hạch dưới cổ, trong vòng mấy năm, cả cổ họng bị hạch lan tới. Tuy ông đã chữa nhiều, nhưng rồi bệnh vẫn phát trở lại. Mỗi tối nằm trên giường ông thở rất khó khăn. Khi ông thở thì phát ra âm thanh như tiếng kéo cưa, đàm kéo nghẹn cổ; muốn nuốt, nuốt không vô; muốn nhả ra, nhả không được, giống như cổ họng bị dây thắt. Mỗi lần ông hít thở trông thật đau đớn, khổ sở. Trong lúc rất thống khổ như thế, ông bảo tôi giờ đây ông mới thấu hiểu được sâu sắc con heo bị giết thì nó đau khổ như thế nào. Ông chấp tay cung kính ngồi trên giường niệm Phật, chí thành, sám hối.

Vì ông hoàn toàn không có cách nào nuốt đồ ăn, chỉ phải nhờ một ống đưa qua mũi đưa xuống dạ dày để rót thức ăn. Tuy như vậy quan niệm của ông cũng được khai mở, lại còn phát được thiện tâm rất lớn, phát nguyện niệm Phật, cầu sinh thế giới Cực Lạc ở Tây Phương, cho nên sắc mặt của ông rất tươi tỉnh, không giống như sắc mặt sần muộn của các bệnh nhân khác.

Một hôm ông nói với tôi: “Bác sĩ Quách, cô xem thân thể tôi còn có chỗ nào dùng được không? Giác mô mắt của tôi có thể hiến cho người ta được không? Trái tim của tôi có còn tốt không? Có thể cho người khác được không? Nếu cho được thì hãy cho giùm tôi; vì hy sinh một mình tôi cũng không hề gì, chỉ mong sao cho người khác được khỏe mạnh là tốt rồi”. Nghe xong, tôi rất cảm động, khen ngợi ông: “ông xứng đáng là cái tâm địa của vị Bồ Tát!”

Nhưng vì ông là một bệnh nhân mắc chứng ung hạch, dù nay ông có thiện tâm từ bi rất lớn, mong muốn khi còn sống được lấy cơ quan trong người ông mà đem cho người khác, thì có ai dám nhận không? Phải chăng người nhận không ngại rằng do đó mà mình bị ung hạch? Tuy nhiên, phát tâm của ông thật là vĩ đại, thật khó có được. Tôi thật không muốn nói lời khiến ông thất vọng, cho nên tôi chuyển sang hướng khác mà khuyên nhủ ông.

Bây giờ tôi bảo với ông: “đôi của mỗi người là một mô thức, cái tinh thần của ông có thể giúp cho rất nhiều người thay đổi tim, thay đổi mắt. Về xác thịt, đôi giác mô mắt của ông chỉ có thể cho một người, mà khi người đó đã có giác mô mắt, thì tuy người ấy mở mắt ra, nhưng hàng ngày vì mở mắt mà trông thấy các sự việc mà ưa thích hoặc nóng giận, như thế cũng chưa chắc là tốt! Cũng có người dùng đôi mắt ấy hàng ngày đều thấy những thứ khiến anh ta giận dữ, hoặc buồn phiền. Nếu một người không biết làm sao để sử dụng đôi mắt cho tốt, thì dù có được đôi mắt, có được giác mô lành lặn, thì cũng không hề được hạnh phúc. Giả như một người không hiểu rõ đạo lý chân chính mà được giải phẫu thay tim thì cũng không hẳn người ấy có thể cảm thấy hạnh phúc đầy đủ. Trên đời, rất nhiều người có con mắt, có trái tim, nhưng vẫn bất mãn, thống khổ; cho nên điều quan trọng là mở rộng tim, mắt của nội tâm”.

Bây giờ tôi khuyên ông: “ông đã có Phật tâm từ bi như thế, nếu ông dùng tim này mà niệm Phật thì có thể giao tiếp cảm ứng với Đức Phật. Nguyện lực của Đức Phật A Di Đà thì không thể nghĩ bàn, nếu nguyện lực này cùng với nhân duyên thế gian chưa dứt, thì người ta có thọ mạng chưa dứt cũng có thể tiêu trừ tai nạn, kéo dài thọ mạng, khiến thân tâm an lạc. Nếu người niệm Phật có thọ mạng đã dứt, thì Đức Phật A Di Đà sẽ từ bi tiếp dẫn đến thế giới Cực Lạc ở Tây Phương. Nay ông cứ niệm Phật cho tốt, thân tâm ông an lạc thì ông có thể an ủi, khuyến khích mọi người, đến lúc lâm chung cũng có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc ở Tây Phương, nương theo nguyện mà trở lại, độ khắp chúng sanh.

Lúc lâm chung của người ta là một cửa sinh tử rất trọng yếu. Cửa này mọi người đều phải đi qua. Cửa trọng yếu này quyết định khi hơi thở này đã dứt, chúng ta đi lên hoặc rơi xuống. Nếu lúc ấy chúng ta sinh khởi niệm ác, thì có thể chúng ta bị đọa địa ngục mà chịu khổ. Niệm

này quyết định tại một niệm của chính chúng ta. Nếu ông có thể nhân vào cửa này mà nỗ lực niệm Phật, dùng cái tâm nguyện đến Tây Phương thành Phật để chí thành niệm Phật, thì nhất định sẽ được Đức Phật tiếp dẫn lên đài sen của thế giới Cực Lạc. Như thế đời của ông chính là một mô thức, chỉ cần chính ông có thể an nhiên tự tại mà vãng sanh Tây Phương, thì có thể cứu được rất nhiều người. Ông không chỉ cho một người giác mô mắt hay trái tim mà thôi, ông còn thể nhân đó mà giúp cho rất nhiều người mở rộng mắt, tim của nội tâm, dứt từ sự sợ hãi sinh tử của mọi người. Như thế cũng giống như đem giác mô mắt của nội tâm mà cho rất nhiều người, giúp họ thấy thế giới Cực Lạc thanh tịnh.

Nếu ông có thể đến thế giới Cực Lạc ở Tây Phương, thì chính là ông đạt được quả báo thù thắng trang nghiêm nhất. Cho nên các bậc cổ đức trong khi khai thị đã nêu: thành tựu cho một chúng sanh vãng sinh thế giới Cực Lạc ở Tây Phương tức là thành tựu cho một chúng sanh thành Phật. Công đức ấy thật không thể nghĩ bàn”.

Tôi nói với ông ấy như thế không hề có ý không muốn cho người đang cần có các bộ phận để thay thế được khỏe mạnh, hạnh phúc, mà chính vì một mặt hạch u của ông đã ăn lan ra toàn thân; mặt khác việc hiến tặng các bộ phận thì không thể nói ra là làm ngay được. Vì quả thực khi phải chịu giải phẫu đau đớn, nội tâm phải rất an nhiên, tự tại, thì mới không sầu khổ và không ân hận. Điều này cần phải có công phu, sức nhẫn nại rất thâm sâu, đại lực từ bi rất thâm sâu, thì mới có thể thực hiện được; đây không phải là năng lực của người bình thường. Có người phát nguyện rất nhanh, lại rất dễ dàng, nhưng đến khi đao mổ cắt da thịt thì vì đau đớn, sợ hãi mà sinh ra lòng ân hận. Cho nên tuyệt đối không nên vì thừa hứng nhất thời, ưa làm anh hùng mà phát nguyện như thế; nên thành thực đo lường nguyện lực, nhẫn lực của mình để khỏi đến lúc thì tâm loạn, ân hận.

Ông ấy nghe xong thì chân thành niệm Phật. Có thể nói ông không cần phải dùng thuốc giảm đau cũng có thể cũng có thể hàng ngày được an vui. Ông nói với tôi rằng ông cả một đời giết heo, trước hết vốn là vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không giết heo thì không cách chi sinh sống. Về sau ngã bệnh, ông mới nhận ra rằng một đời ông giết heo, tiền dành được không đủ chi phí thuốc men, rốt lại còn mắc nợ, càng khó khăn trong cuộc sống.

Mọi người trong chúng ta thường nói câu: “Tôi không làm nghề này thì không có cách gì để sống!” nói như thế, tuy chúng ta biết rất rõ nghề ấy không hợp với Phật pháp, chúng ta vẫn cứ tiếp tục làm. Cho đến một hôm, quý vị nhận ra rằng như thế là không được, quay đầu bình tĩnh mà suy nghĩ thì nhận ra cả một đời quý vị đã nhiều lần dùng những cách thức”không hợp với Phật pháp”; kiếm được một ít lợi danh, nhưng sau đó cái giá mà quý vị vun bồi và nổi thống khổ vượt xa hơn nhiều so với chút danh lợi mà quý vị kiếm được.

Khi vị Bồ Tát bệnh nhân ấy đang còn nằm trong viện, có nhiều Phật tử đến niệm Phật, giảng pháp cho ông. Sau khi ông xuất viện trở về nhà, trước mấy ngày lâm chung, ông tự biết thời gian đã đến, cuối cùng ông còn dẫn người con: “Con nhờ bác sĩ Quách tìm một số bằng hữu tới niệm Phật cho ta”. Một số vị trong”Y vương Học xã” của học viện Y Dược Trung Quốc, lại có cả người chủ nhà của chúng tôi đều đến Bắc Cảnh niệm Phật cho ông. Khi trợ niệm trở về, họ nói với tôi rằng lúc lâm chung, ông niệm Phật và vãng sanh nét mặt rất tươi. Mọi người càng niệm Phật thì ông càng mỉm cười. Tám giờ sau khi ông vãng sanh, sắc mặt vẫn tươi vui trước mọi người, các vị trợ niệm đều rất cảm động, khen ngợi. Nụ cười cuối cùng của đời người là nụ cười quý báu nhất, hiếm có nhất.

Bạn cứ một lòng chánh niệm, chúng tôi có thể giúp bạn sự bảo chứng của Đức Phật.

Khi còn làm tại khoa ung biểu, tôi gặp một bệnh nhân, cậu ấy là sinh viên của lớp cao đẳng công nghiệp, đáng người thanh tú. Nhưng khi mười bảy tuổi thì bị brou hach, đó là một loại ung brou phát triển trong cơ thịt, gọi là "brou cơ thịt vắn", trên bàn tay, bàn chân, da đầu đều có. Trên da đầu brou hach nổi lên to bằng cái bánh bao, trên mí mắt cũng nổi hạch lớn, có thể vừa một chiếc chum úp vào. Khi cậu đến viện thì một y viện lớn đã mổ cho cậu mấy lần, nhưng hạch brou vẫn phát sanh trở lại. Cha mẹ cậu làm nghề kinh doanh việc bán gà, giết gà. Họ cực khổ hai mươi mấy năm mới cất được một tòa nhà cao vút những bốn năm tầng. Vốn là nhà khá giả, nhưng khi cậu bị bệnh, chẳng những họ đã tiêu hết tiền của trong nhà lại còn phải đem nhà đi cầm cố để trả nợ, cuộc sống cả nhà phải rơi vào cảnh khốn cùng. Cha cậu nói với tôi rằng, nếu như tiếp tục chữa trị cho cậu thì ông không thể nuôi dưỡng các em cậu. Gia đình biết rằng bệnh của cậu không thể chữa khỏi, nên muốn tôi đừng tiếp tục chữa trị, chỉ cần cho cậu thuốc gi ảm đau là tốt rồi. Mỗi khi các ung hạch đau nhức thì thật cậu không chịu nổi, cha mẹ cậu thấy thế thì trong lòng đau đớn, không thể đau thay cho cậu được.

Cậu ấy có căn lành. Thầy của cậu từng bảo cậu niệm Phật. Khi bị đau nhức đến cực điểm, cậu vẫn một lòng niệm Phật, niệm cho đến khi hết đau, và tay chân lạnh cóng của cậu ấm trở lại. Như thế cậu khỏi cần dùng thuốc giảm đau. Vì gia đình không còn cách nào cho cậu nằm viện, cho nên cậu phải nằm ở nhà. Cậu đã trải qua một lần ngưng thở rồi sống lại.

Một hôm cha cậu tiến đến y viện tìm tôi, kể cho tôi nghe sự việc rất thần bí, rất lạ lùng không thể nghĩ bàn: hôm qua cậu bé hôn mê, gia đình cho rằng cậu đã không xong, liền thay quần áo, đội mũ của nhà trường cho cậu, xem đó là đồ liệm cho cậu. Đến hai giờ sáng, cậu ngưng thở, mạch dừng, toàn thân cóng lạnh, môi, mặt trắng nhợt. Mẹ cậu tuy rất thương tâm, vẫn rất kiên cường nghe tôi dặn dò mà khẩn thiết niệm A Di Đà Phật cho cậu. Lòng từ ái của bà mẹ thật bi thiết, việc niệm Phật cũng không thể nghĩ bàn; bà niệm từ hai giờ khuya cho đến tận sáng, thì bỗng nhiên cậu ấy thở một hơi dài, đôi môi hồng như trái anh đào, và cậu sống lại. Gia đình vừa mừng, vừa sợ hãi, trăm mối ngổn ngang.

Sau khi cậu ấy sống lại, tôi đến thăm cậu. Vì cậu đã từng bảo với tôi là cậu rất muốn đến qui y Tam Bảo tại chùa, do đó chúng tôi sắp đặt, đề phòng cậu có thể ngưng thở bất cứ lúc nào, liền đem cậu qui y tại chùa Tịnh Luật. Vì bảy giờ cậu không thể đi được, anh bạn Hà Hiếu Thứ phải công cậu đi một quãng đường núi mà xe không thể đi được. Bảy giờ, cậu ráng sức ôm lưng anh Hà. Toàn thân thể cậu, đôi chân gầy đến nỗi chỉ còn xương da. Chư tăng chùa Tịnh Luật rất từ bi, để cậu ngồi tại đại điện mà thọ Tam Quy. Vì cậu đứng lên, cúi xuống rất khó khăn, nên khi phải đánh lễ bái Phật trong nghi thức Quy y, tôi đều lễ bái thay cậu. Bảy giờ hình như cậu đã đem hết phước phũ, tâm can để đọc bài văn Quy y. tiếng của cậu khiến tôi hiểu rõ thế nào là "qui mạng". Qui mạng tức là dốc hết toàn bộ sinh mạng.

Một ngày sau khi về nhà, cậu gọi điện thoại đến y viện cho tôi, cậu nói: "Em nằm mơ từ dưới núi chùa Tịnh Luật, cứ bước ba bước thì lạy một lạy, lạy cho đến trước tòa đại điện Bồ Tát Quán Thế Âm. Cứ theo như các động tác mà cô đứng một bên lạy Phật thế cho em, em cứ ba bước một lạy".

Tôi cầm ống điện thoại nghe cậu ấy nói mấy lời mà không ngăn được nước mắt ràn rụa. Một thiếu niên đã tê liệt trong lúc mộng寐 cứ ba bước một lạy, lạy đến trước tòa Quán Thế Âm; trong lòng cậu vẫn mong được lạy Phật linh hoạt như chúng ta! Những lời nói này của cậu đã

khích lệ tôi phá vỡ được hàng lớp cửa khó khăn, vì so với cậu ấy, có thể nói chúng ta không khổ chút nào!

Cậu ấy nói với tôi rằng tâm niệm cuối cùng của cậu sau khi sống lại là mong muốn cha mẹ thay đổi nghề, đừng giết gà nữa. Cha mẹ cậu chặt đùi gà ở dưới lầu, thì ở trên lầu đùi của cậu đau nhức không chịu được. Nhưng cha mẹ cậu đã quen làm nghề này, không biết đổi nghề thì phải làm sao. Gần đến tiết Thanh Minh, tôi đến thăm gia đình cậu. Đây chính là lúc làm ăn thuận lợi có người tới mua gà, họ đến chuồng gà ở sau nhà, bắt gà đem giết. Trong lúc vội vã, tôi tự nảy ra ý, buộc miệng mà nói với người khách mua gà: “A Di Đà Phật, rất xin lỗi, hôm nay họ không bán gà, tôi đã mua số gà đang có”. Người khách mua liền nói: “Ồ, cô mua hết rồi sao? Thôi thế cũng được!” và người khách bỏ đi. Hôm ấy tôi vừa lãnh lương xong, chuẩn bị thay cho cậu ấy cúng dường một số tiền cho chư tăng ở chùa Tịnh Luật, cho nên tôi mới sẵn tiền trong người. Nhưng tôi tin rằng chư tăng ở chùa Tịnh Luật đồng ý cho tôi thay chư vị mà phóng sanh cho đám gà, vì chư tăng đại từ, đại bi mong muốn các chúng sanh đang thoát khổ được vui. Tôi xin lỗi cha mẹ cậu ấy vì tôi đã tự ý mời người khách mua gà ra đi, xin họ tha lỗi cho tôi. Tôi nói: “vì từ trước đến nay tôi chưa từng mua gà, không biết phải trả bao nhiêu để mua hết số gà trong chuồng đằng sau nhà. Tiền cúng dường trong bao đỏ này xin giao trước cho các vị để chi tiêu qua tiết thanh minh, còn thiếu bao nhiêu tôi sẽ mang lại. Số gà kia xin các vị bán cho tôi, nhưng vì tôi không có chỗ nuôi, nhờ các vị nuôi dùm tôi, mỗi tháng chi phí nuôi dưỡng bao nhiêu tôi sẽ gọi lại các vị, đây là mong muốn cuối cùng của cậu con các vị. Cậu ấy muốn các vị thay đổi nghề, tôi nhất định sẽ giúp cậu ấy toại nguyện, để cậu ấy không nuôi tiếc, an tâm mà đến thế giới Cực Lạc ở Tây phương”. Cha mẹ cậu nói khéo: “không cần, không cần bao nhiêu đó đủ rồi, cô không cần mang thêm tiền lại. Chúng tôi đồng ý không giết số gà này, chúng tôi nuôi dưỡng chúng, cô không cần trả tiền chi phí nuôi dưỡng”. Vì từ khi họ thấy sắc mặt của cậu mang vẻ đau khổ như mấy con gà bị giết, họ không còn muốn giết gà nữa. Chỉ vì cuộc sống bức bách, cho nên nhất thời họ không biết đổi nghề thì phải làm gì. Hôm ấy chúng tôi ra chuồng gà phía sau, quy y Tam Bảo cho số gà, mong từ nay về sau chúng phát tâm quy Tam Bảo: “Quy y Phật không đọa địa ngục; quy y Pháp không đọa ngạ quỷ; quy y Tăng không đọa súc sanh”.

Trông thấy đám gà đáng thương như thế, khi niệm “không đọa súc sanh” thật tôi muốn rơi nước mắt. Tôi thì thầm khuyên đám gà cùng niệm Phật, bảo với chúng rằng thế giới Cực Lạc ở Tây Phương có Đức Phật A Di Đà, bất cứ chúng sanh nào chỉ cần nguyện đến thế giới Cực Lạc, niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà thì Đức Phật đều đồng ý tiếp dẫn chúng sanh ấy đến thế giới Cực Lạc, ở đó không ai phải chịu khổ, có thể an tâm tu hành, làm Bồ Tát. Cô em của cậu ấy đứng bên cạnh nhìn bỗng nhiên giật mình bảo tôi: “Bác sĩ Quách, cô nhìn mấy con gà kia! Tại sao tất cả đều im lặng nhìn vào cô? Xưa nay tôi chưa từng thấy đám gà có bộ dạng như thế!” tôi nói với cô ta: “Em ạ, em sai rồi, trông thấy anh của em bị bệnh đau khổ, em có đau lòng không?” cô ấy nói: “Rất đau lòng”. Tôi nói: “Gà cũng rất sợ chết, rất đau lòng, chúng nó đều biết đau. Em có muốn Đức Phật đến cứu anh của em không?” cô ấy gật đầu, tôi lại nói: “Thì cũng thế, gà cũng muốn có người cứu chúng. Tôi đã quy y cửa Phật dùm cho gà, từ nay về sau chúng là đệ tử của nhà Phật, cùng với tôi là anh chị em, gia đình em từ bi thay tôi săn sóc chúng, để cho chúng được sống tốt lành, không sợ phải bị giết, được không? Chúng ta nên cùng với gà phát nguyện, sau này tất cả cùng đến thế giới Cực Lạc ở Tây Phương.

Chúng sanh vô biên thế nguyện độ, gia đình em sẵn sóc đám gà này để cho chúng sung sướng không phải khổ sở, thì như thế anh của em cũng vui sướng mà không đau khổ”.

Hôm ấy vào”Tiết Đản sinh” của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cậu ấy bình tĩnh niệm Phật mà vắng sanh Cực Lạc ở Tây Phương. Theo cô y tá Lâm Ưc Phân, người đã sẵn sóc cậu thì trước khi cậu vắng sanh, thần trí rất sáng suốt, tâm ý rất an tịnh. Khi cô đến thăm cậu, cô đậu xe tại một chỗ ở rất xa, cô còn chưa đến nhà cậu, cậu đã nói với cha mẹ rằng: Chị Lâm đến rồi, trước khi vắng sanh cậu ấy lấy một cuộn băng ghi âm đưa cho tôi, và khuyên: “Đây là sự khảo nghiệm mà Phật Tổ trao cho chúng ta, chúng ta hãy cùng nhau sinh Cực Lạc”. Ngày cậu vắng sanh cũng đúng vào ngày tôi xuống tóc xuất gia. Nguyên trước đó tôi không hề biết cậu vắng sanh, nhưng đêm hôm ấy tôi mộng thấy cậu mở đôi mắt sáng (trên mí mắt cậu vốn có một hạch lớn khiến cậu không thể mở mắt được), rất vui vẻ nói với tôi: “A Di Đà Phật, nay thì thứ gì tôi cũng trông thấy được rồi!” một số Phật tử đến trợ niệm cho cậu. Vì cậu là lớp trưởng nên có rất nhiều bạn đồng học đến thăm, tất cả cùng niệm Phật cho cậu. Khi cậu vắng sanh, sắc mặt rất tươi tốt, thật khó nghĩ bàn. Các hạch u lớn ở trên đầu, trên mí mắt đều biến mất. Các bạn đồng học rất cảm động, cha mẹ cậu cũng cảm thấy không thể nghĩ bàn.

Họ cảm thấy sâu sắc rằng việc giết gà trong hai mươi năm, cuối cùng chẳng có tiền, chẳng có con, chẳng dư dả chút nào, chỉ có sự giết hại vô số sinh mạng, còn lại lắm nỗi đau thương. Cũng may, đưa con niệm Phật cầu sanh nước Tịnh Độ của Đức Phật, ở lại đó học con đường thành Phật, hơn nữa, nét mặt lúc lâm chung rất tốt lành của cậu đã cho họ niềm an ủi và lòng tin to lớn nhất. Người bệnh đã trải qua những thăng trầm kia một lòng niệm Phật, trở thành con Phật. Người con Phật ở Cực Lạc thì hạnh phúc nhất so với tất cả mọi người con, con vua, con trời cũng không thể sánh nổi! Lúc mới đầu, việc họ đổi nghề không phải là dễ, nhưng nhờ Phật lực gia bị người chủ cho thuê nhà của tôi là Lâm sư thư rất từ bi, bà bán đồ chay rất phát đạt, bèn hăng hái bảo mẹ của cậu làm đồ chay để giải quyết việc đổi nghề, để thỏa mãn tâm nguyện cuối cùng của cậu con. A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật...

Hít vào một hợp gió Cõi Tịnh
Thở ra tràn ngập ngào ngạt Từ Bi

ĐẠI TỪ ĐẠI BI A DI ĐÀ PHẬT

Cho người niềm vui, cho người phương tiện, cho người lòng tin
Nguyện cùng tu thiện, nguyện cùng niệm Phật, nguyện cùng thành Phật.

PHẦN 5 - TẾ BÀO UNG ĐỘC BIẾN THÀNH TẾ BÀO PHẬT AN LẠC

Giả như các vị là một người tin Phật, niệm Phật đã mở lòng hoan hỷ thì cũng không cần nói gì nữa. Giả như các vị là người cả đời chưa chuẩn bị tốt, lại mắc phải bệnh ung bướu, hay một bệnh nào khác, đến nỗi nội tâm rất sâu khổ, cuộc sống đầy sợ hãi, không biết từ đâu đến đâu! Thế thì có lẽ chúng ta cùng khuyên bảo nhau. Chính tôi là một bác sĩ khoa ung bướu biến thành một bệnh nhân ung bướu, các vị có thể cho rằng đã như thế thì tôi nhất định là một bác sĩ ngờ nghệch, sai lầm nhất, vốn là một”Bồ Tát bằng đất qua sông, tự mình không giữ được mình”, thì những lời giảng của người như vậy, nhất định không ích lợi gì. Quả thật là như vậy, rất nhiều

người cười tôi, chính tôi cũng nhận thấy rất đáng cười, quả là một bác sĩ ngờ nghệch! Nhưng trên đời này, quả thật kiếm không ra một bác sĩ không hề mắc bệnh, trường sanh bất lão, lại cũng kiếm không ra một bác sĩ có thể đảm bảo chính mình không bị bệnh, không bị chết. Cho nên tự thân tôi khi đã trải qua những sự việc đáng cười, giả như các vị từ bi mà không thấy gì đáng cười, đáng ghét, mà chịu nghe một chút, cũng như dù là mấy tờ báo cũ đã rách cũng có thể giúp cho các vị giữ được bình hoa quý giá, khỏi bị bể; một cây đèn cây có chút ánh sáng yếu ớt, khi bị cúp điện, cũng có thể giúp các vị trải qua đêm tối trong đời. Các vị hãy xem tôi là mấy tờ báo cũ rách, giúp các vị giữ được bình hoa. Tôi cũng rất mong muốn làm một cây đèn cây nho nhỏ, giúp các vị trải qua một đêm bị cúp điện, tôi đem đưa bàn tay không thấy năm ngón.

Mấy năm gần đây thường có một số bằng hữu bị ung bướu, vì thấy các thầy trong Liên Xã ở Đài Trung lần lượt chép lại một số bằng mà tôi đã diễn giảng trước kia rồi xuất bản thành những quyển sách nhỏ, nên các vị muốn cùng nhau bàn thảo, học tập với nhau, trao đổi tâm sự hoặc tâm đắc. Sau khi đã bị chứng ung bướu, phần lớn những người kiếm tôi đều chịu rất nhiều khổ đau, nói chung là khổ vì bệnh tật, khổ vì trị liệu, khổ vì người ngoài không thông cảm, khổ vì chính mình sợ sinh tử, thậm chí khổ vì bị những người trong nhà, hoặc người mình thương yêu bỏ mặc. Khi người ta đang khổ thì người ta mong có người thông cảm cái nội tâm của mình. Khi đang sợ đến nổi tay chân tê cóng, chúng ta mong có bàn tay của Đức Phật âm áp, vĩ đại cứu độ ngay cho chúng ta. Khi đang đi một đoạn đường núi gập ghềnh trong đêm tối và cảm thấy cô độc, giả như có người kết bạn đồng hành, thì sẽ cảm thấy rất dễ đi. Chỉ mong rằng khi các vị đang khổ não, tôi có thể cùng quý vị kết bạn đồng hành.

Chúng ta đều là người biết cười, biết khóc, biết đau, biết khổ, có máu, có nước mắt như nhau, gặp phải hoàn cảnh khó khăn không thể giải quyết được đều phiền não, lo sợ. Khi biết rằng mình có ung bướu và được gọi là "ác tính" đang lớn lên trong cơ thể chúng ta, không biết khi nào chúng sẽ mang khổ sở cho mình, rất ít người không sợ, trong khi biết mình có thể sắp chết, lại không biết mình sẽ đi về đâu; có thể nói không ai là không sợ. Tôi rất cảm tạ chư Phật và chư Bồ Tát và cả sự chỉ dạy của nhiều bậc thầy, của cha mẹ và các thiện tri thức, đã khiến cho tôi ra khỏi sự sợ hãi này. Tôi cũng rất cảm tạ những sự thể hiện và chỉ dạy của nhiều bệnh nhân trong y viện trước đây, đã giúp tôi học tập được làm sao để trải qua ngày tháng trong khi mắc bệnh ung bướu, lại còn học tập một ngày thì cảm ơn một ngày, sống một ngày thì vui vẻ một ngày. Tôi cũng có nhiều đau khổ, đau khổ đến nỗi không làm sao để sống cho được an nhiên. Nhưng nhờ có tín tâm mà có thể trở về với lòng biết ơn và sự an vui. Có người nghe đến đây thì lắc đầu nói: "Chúng tôi vốn không có lòng tin như Pháp sư, cũng không hiểu biết Phật, cho nên không phát sinh lòng cảm ơn, lo sợ là lo sợ chết đi không được như Pháp sư; Pháp sư có thể giảng cho chúng tôi nghe những câu không dính dáng tới kinh Phật hay không có những từ chuyên môn, nhưng lại thực dụng cho chúng tôi được không?" cũng đã có một bệnh nhân nói với tôi: "Bây giờ tôi cũng chẳng có lòng dạ nào để nghiên cứu kinh Phật, lòng tôi đang lo lắng hàng ngày cứ lật các tư liệu y học, càng xem càng sợ. Có người bảo tôi học kinh Phật, tâm tôi đang rối loạn nên học thế nào cũng không tiến được!" Lời nói của người bệnh này đã phản ánh tình trạng và sự khó khăn của nhiều người. Chính tôi cũng không có công phu, tư cách năng lực gì để giảng kinh Phật, tôi chỉ có một ít những điều nghe thấy và kinh nghiệm, mà từ đó đạt được một số lời chỉ dạy và sức lực, khiến tôi giải khai được một số tâm tì nh mà tôi, tuy vẫn rất

hiều thiếu sót nhưng cũng có thể phân tích giúp các vị được. Có lẽ các vị căn cơ tốt lành, có thể sẽ được an vui, sáng suốt hơn tôi.

Tôi rất thích sự giải thích về Đức Phật của Thiền Sư Đạo Tín, một vị Tổ sư của Thiền Tông. Ngài nói: “Vui vẻ không sàu gọi là Phật”. Đó là trong lòng luôn giữ vẻ vui vẻ không sàu, thì mới gọi là Phật. Xương không gây sợ cho người, người tự sợ. Bướu không gây sợ cho người, người tự sợ

Trước hết tôi kể một câu chuyện đề từ đó các vị có thể hiểu. Trước kia khi tôi học tại viện y học, đến năm thứ hai phải học giải phẫu. Trước hết phải nghiên cứu sự cấu tạo xương của thân thể người ta. Trên một miếng xương có những lỗ nào, trong những lỗ ấy có những huyết quản, thần kinh nào chạy qua, đều phải ghi nhớ kỹ càng. Thi cử rất nghiêm khắc, rất nhiều người bị rớt ngang. Vào tháng mười năm ấy có một kì nghỉ, tôi liền nhân đó trở về quê ở Đài Nam để nghỉ, nhưng sau kỳ nghỉ lại phải thi, cho nên kỳ nghỉ cũng phải đem xương về nhà để nghiên cứu cho thuộc. Đồ dùng học tập của chúng tôi là xương người thật, tôi mang một cái xương đầu, và mấy cái xương phức tạp khác mà đạp xe lửa về nhà, chỉ dùng một cái túi xách tay đơn giản, đeo trước ngực mà lên xe. Trong xe có rất nhiều người chen chúc lui tới, đựng phải cái túi của tôi. Mọi người không biết trong túi có gì, nên rất tự tại không ai có ý kiến gì. Sau này tôi mới biết, nếu tôi để lộ ra một miếng xương, và nói rõ là xương người thật, thì có thể có người nhường chỗ cho tôi nhưng cũng có thể người bên cạnh sẽ bỏ đi hết. bấy giờ tôi chỉ cảm thấy rất bình thường, vì cha tôi là một bác sĩ, mọi người đều xem đó chỉ là một đồ dùng dạy học mà thôi. Về sau có người chị lớn hơn tôi hai tuổi, chị thấy tôi cầm cái xương đối chiếu với hình vẽ trong sách, miệng lầm bầm bằng tiếng nước ngoài thì vui vẻ đến xem, cười hì hì mà ngắm chung với tôi. Chị lại cầm cái xương trên tay tôi mà cảm thán: “Ôi! Cặp mắt là một lỗ lớn mũi trũng trũng rất dễ thương”. Chị vừa nhìn vừa cười. Bấy giờ tôi không biết làm sao, bèn nói với chị: “những người này đem xương hiến tặng cho chúng tôi nghiên cứu để sau này chúng tôi có thể cứu người. Cho nên chúng ta phải kính trọng và cảm ơn họ”. Tôi chưa nói xong người chị họ bỗng kinh hãi kêu lên, ném cái xương ra xa, muốn khóc và trách tôi: “Sao em không nói trước với tôi đây là xương thật?” Tôi vội xin lỗi chị, sau đó lượm cái xương lên, trông nét mặt chị nhợt nhạt, ngồi bên chiếc dương cầm của tôi mà tím tức khóc. Chị lại nhìn bàn tay mình: bàn tay đáng sợ đã sờ vào cái tay của người chết, không biết làm sao cho phải, nhưng bàn tay của chính chị thì không thể rút đi được. Trông thấy chị rất hoảng sợ tôi bèn xin lỗi: “xin lỗi chị, té ra chị không biết xương này là xương người thật, có điều vừa rồi chị rất thích thú nhìn nó, phải không nào? Xương người thật cũng không có gì đáng sợ! Chúng tôi hàng ngày đều nghiên cứu với bộ xương, chỉ cần phải có lòng cung kính”. Tôi lại nói nhiều lời an ủi, chị mới gạt lệ làm vui, nhưng chị vẫn không dám sờ vào cái xương ấy.

Tại sao tôi mất công kể câu chuyện này? Vì câu chuyện này đã cho tôi lời dạy lớn: thật ra mọi người đều sống trong cái thế giới “quan niệm” của chính mình. Cái xương ấy trước sau không có gì khác biệt, nhưng những tình tự của chị họ tôi thì khác biệt vô cùng: Té ra chị tưởng cái xương ấy là một giá cụ bằng nhựa do người ta làm ra, nên chị không sợ chút nào, lại còn thích thú, vừa ngắm, vừa cười. Sau đó chị lại tự nhận ra “đây vốn là xương của người chết rất đáng sợ”, cho nên chị sợ đến mặt tái xanh, ném cái xương ra xa! Tuy là xương người thật, nhưng nếu trong quan niệm cho rằng đó là giả thì không đáng sợ, cho nên ngắm nó một cách bình thản, thích thú. Đến lúc trong quan niệm nhân cái xương rất đơn thuần ấy mà liên tưởng đến những chuyện ma quỷ đáng sợ được nghe hồi còn nhỏ, thì lại biến thành rất kinh hãi. Đối

với người không liên tưởng bậy bạ, thì cái xương rất bình thường, vì chúng ta mỗi người đều có một bộ xương, bộ xương được bọc trong thịt cũng rất bình thường, có đáng sợ chút nào đâu? Nhưng trong khi chị họ tôi cười thì chị cười rất chân thật. Trong khi chị sợ mà khóc thì trái tim nhảy loạn lên, vì chị bị cái quan niệm của mình và sự nghĩ càng tưởng loạn trí buộc. Chúng ta không nên cười chị. Thật ra chính chúng ta cũng như thế, đều bị một số quan niệm và huyền tượng lừa dối. Có thể nói: “Sắc không làm mê tối người, người tự mê tối”, “xương không gây sợ cho người, người tự sợ”. Rất nhiều lời nói vốn không hề làm người ta giận, mà bởi người nghe tự sinh ra giận. Cũng thế “Bướu không gây sợ cho người, người tự sợ”, cái sợ này có thể vốn không sao, nhưng trái tim lại vô cớ nhảy đập nhanh hơn. Người vốn có trí lực mà sợ thì cũng sợ đến bủn rủn.

Tình tự, tâm niệm có tính quyết định, có sức mạnh rất lớn không thể nghĩ bàn. Trong thời gian làm việc tại y viện, tôi phát hiện một sự việc, rất nhiều bệnh nhân được trị liệu bằng phóng xạ, hóa học, huyết cầu phần lớn đều sút giảm. Họ vốn không có khái niệm, vốn không biết huyết cầu mình là bao nhiêu, và số huyết cầu có ý nghĩa gì. Đại khái theo quan niệm của họ, con số ấy thấp tức là không tốt. Y viện có tiêu chuẩn, theo đó số huyết cầu xuống cỡ bao nhiêu thì phải nghỉ, tạm thời không trị liệu. Nhiều bệnh nhân vì bạch huyết cầu xuống thấp, phải tạm ngưng chữa trị vài hôm. Ở nhà, họ cảm thấy thể lực của mình là tốt; đến y viện phần lớn người ta cho rằng bạch cầu của mình nhất định gia tăng; cho nên bước vào phòng khám, họ thường tươi cười nói với tôi: “Mấy ngày nay tốt lắm, tôi ăn được cơm!” Họ cũng vui vẻ cầm phiếu kiểm nghiệm để đi kiểm nghiệm máu, rồi lại cầm phiếu trở về giao cho bác sĩ. Khi chúng tôi xem phiếu, bệnh nhân thường hỏi: “Hiện nay bạch huyết cầu của tôi là bao nhiêu?” Nếu chúng ta cứ theo con số ghi trên phiếu mà nói ra, và so với lần trước, con số ấy thấp hơn ngoài ý liệu của họ thì cơ hồ sắc mặt của họ đều sầm trầm, chân tay bủn rủn, họ mất hết khí lực mà nói: “Tại sao lại thấp như thế chứ?” , và rồi thì họ không còn sức lực, hầu như không về nhà nổi. Chúng ta có thể nghĩ: cùng một thân thể mà trước một giây, sau một giây thì tình trạng không quá sai biệt, nhưng chỉ nghe một con số khiến người ta thất vọng nên trong tâm liền sanh ra lo lắng thì tình trạng “tốt lắm” mà họ cảm thấy trước đó, rơi xuống tình trạng thảm thương như thể uống phải thuốc độc và thuốc độc phát tác rất nhanh! Từ đó tôi hiểu ra, “tâm niệm” của người ta có sức mạnh quyết định rất lớn, không thể nghĩ bàn.

Sự thực nghiệm của khoa học cũng cho biết sự thay đổi tâm trạng quả thực có thể sản sinh ra một số chất ảnh hưởng đến sinh lý. Ví dụ: khi nóng giận, trong cơ thể sản sinh một số độc tố rất giống với nọc độc của rắn độc.

Cũng may, gan, tim có thể giải độc, cho nên chất độc do nóng giận sinh ra không đến nỗi làm chết người. Nếu công năng giải độc của gan không tốt, áp huyết cao, bị bệnh tim thì chất độc do nóng giận ra để đủ làm chết người. Cho nên “sự giải độc” triệt để phải do “tâm niệm” mà hạ công phu. Tâm niệm thay đổi, thân thể vật chất cũng thay đổi.

Viện nghiên cứu Ung bướu Quốc gia của nước Mỹ có một nghiên cứu cho thấy: các học giả nghiên cứu có thể đánh giá bệnh nhân chính xác trăm phần trăm, trong vòng một hay hai tháng, bệnh nhân có thể chiến thắng ung bướu hoặc bị ung bướu đánh bại. Chỗ căn cứ của họ hoàn toàn không phải là ung bướu lớn hay nhỏ, bộ vị thể nào, cũng không phải là kết quả kiểm tra của các máy đo, lại càng không phải là các con số trong phiếu xét nghiệm máu, mà hoàn toàn căn cứ vào “tâm thái” của người bệnh, tâm mới là căn nguyên.

Đã có nhiều cuộc nghiên cứu cho thấy, tâm bị”áp lực” khiến các”tuyến ngực” sẽ teo lại, tức là công năng miễn dịch bị yếu đi. Hơn nữa, các kết quả thực nghiệm cho biết sự nóng giận, âu lo và những trạng thái tình cảm khác cũng đều đưa đến việc công năng miễn dịch bị suy yếu, khiến cho bệnh ung bướu và sự cảm nhiễm dễ phát sinh, đồng thời cũng khiến cho việc trị liệu mất hiệu quả (nói về hiệu quả trị liệu cũng cần phải thông qua công năng miễn dịch của cơ thể thì mới được).

Điều này chứng tỏ”tâm niệm” có sức mạnh rất lớn. Cho nên cần phải lấy tâm niệm của chúng ta mà niệm Phật, vì Phật là an vui, vô tư, quang minh nhất. Niệm Phật thì tự nhiên có quang minh, an vui. cái tâm niệm Phật thì không có độc tố của mọi thứ trạng thái tình cảm tiêu cực, lại có thể hóa giải mọi áp lực, tự cường tăng cường miễn dịch!

Nên biết, áp lực là do tâm”tiếp nhận” chỉ riêng tại đó, các sự việc gây quái ngại mới có thể có”áp lực”. Nếu cái biến quan niệm, không xem đó là áp lực thì áp lực cũng không còn nữa, cũng không có gì mà phải”chịu nhận”. Nếu quyết tâm chuyên”chịu nhận” Phật quang (niệm Phật), thì không có cái tâm nào”chịu nhận” áp lực. Cần phải luyện tập”chịu nhận và không chịu nhận đều do tự tâm làm chủ”.

Sự nghiên cứu khoa học cũng chứng tỏ rằng, khi người ta an vui, não cũng tiết ra các chất hóa học, như Endorphins và Enkephalins. Chất trước có thể gia tăng sản lượng “tế bào T” trong cơ thể (cũng như gia tăng số lượng cảnh vệ, quân đội); chất sau có thể gia tăng lực lượng”tế bào T”, chiến thắng các tế bào ung bướu (cũng như võ công cao cường), đồng thời cũng khiến cho “tế bào T” hoạt bát hữu hiệu được gia tăng. Có thể xem”tâm niệm” là vị tướng tổng chỉ huy, chỉ huy quân đội miễn dịch. Đây là kết quả thực nghiệm của khoa học, cũng chứng minh lời Phật dạy”mọi sự vật đều do tâm tạo ra” (vạn pháp duy tâm tạo). Người niệm Phật nguyện tâm thế giới Cực Lạc chính là nguyện không có chúng sanh nào chịu khổ mà chỉ thọ nhân an vui, cũng chính là nguyện cái tâm luôn ở trạng thái an vui. Đức Phật A Di Đà còn được gọi là”Hoan Hỉ Quang Phật”; thường niệm Phật thì thường hoan hỉ, thường tạo ra mọi chất làm gia tăng sức miễn dịch. Cho nên gọi Phật là”Vô Thượng Y Vương”. Hoan hỉ niệm Phật là liều thuốc bổ công hiệu nhất.

Các nhà tâm lí đã từng làm một cuộc thực nghiệm, thực nghiệm vào một tử tội. Trước hết chúng ta không phải lưu tâm về cuộc thực nghiệm của họ có nhân đạo hay không. Họ để tử tội nằm trên giường, bịt mắt anh ta lại, rồi sau đó nói với anh: “Chúng tôi cắt huyết quản ở cổ tay anh để cho máu anh chảy ra từng giọt, đến khi máu chảy ra hết thì anh chết”. Sau khi nói xong, họ giả làm như lấy cái gì đó mà cắt vào tay anh, thực ra da chưa bị rách, theo đó nhà tâm lí học lại dùng nước có nhiệt độ như nhiệt độ của cơ thể mà nhỏ từng giọt trên tay anh ta, khiến anh có cảm giác như máu đang âm chảy. Họ lại dùng một thùng sắt để phía dưới hứng nước âm ấy, để cho anh ta nghe âm thanh của từng giọt nước ấy, rồi họ lại nói với anh: “Máu của anh tuôn chảy, tuôn chảy không lâu thì hết, nay chỉ còn vài phút nữa thôi”. Quả nhiên sau đó, phạm nhân này đã chết vì sợ. Thực ra ngay một máu của anh cũng không hề chảy ra, da cũng không bị rách chút nào, chỉ thuần túy là bị ngôn ngữ và huyền tượng lừa dối, cho nên sợ quá mà chết. Tuy đây là một cuộc thực nghiệm tàn nhẫn nhưng cái sự thật muốn nói với chúng ta là tâm niệm và tín niệm có thể quyết định vận mạng của chúng ta. Có thể nói người tử tội ấy là một vị Bồ Tát, tuy anh ta phải chết vì quá sợ hãi, nhưng kết quả cuộc thực nghiệm này có thể khiến chúng ta có sự hiểu biết và tín tâm về ý nghĩa câu nói của nhà Phật”Tất cả đều do tâm tạo ra” (nhất thiết duy tâm tạo). Trước đây tôi thường kể cho bệnh nhân nghe cuộc thực nghiệm này. Họ

vốn rất ưu sầu, nhưng sau khi nghe và hiểu rõ ý nghĩa này, họ biết rằng có thể dùng tâm niệm để biến đổi vận mạng của mình, không cần phải tự mình làm cho tự mình phải sợ hãi, không cần phải tự huỷ hoại để cho mình phải sống một cuộc sống tối tăm.

Tôi còn nhớ hồi còn đang học tiểu học, tôi có đọc một truyện được dịch từ tiếng nước ngoài. Đọc xong tôi rất cảm động đến chảy nước mắt, đến nay vẫn còn giữ ấn tượng sâu sắc. Tác phẩm văn chương này nói về một người mang bệnh nặng, cảm thấy mình là một bệnh nhân không thể chữa lành được. Hàng ngày ông nằm trên giường nhìn ra cửa sổ, bấy giờ mùa thu gần qua, mùa đông sắp đến. Mùa đông ở nước ngoài trời rất lạnh, lá cây rơi lá tả. Người bệnh nhìn lá rơi mà trong lòng rất đau thương. Một tối nọ ông nằm mơ thấy có người bảo với ông: “Khi nào lá của cây ở ngoài cửa sổ rụng hết thì sanh mạng của ông sẽ kết thúc”. Người bệnh tỉnh mộng thì rất buồn khổ. Hàng ngày đều chăm chú nhìn từng chiếc lá cây rơi, mỗi chiếc lá rơi xuống càng làm ông thêm lo sợ. Một vị bác sĩ nhân từ đến thăm ông, thấy ông buồn khổ nên hỏi chuyện, do đó vị bác sĩ này tìm cách giúp đỡ ông. Khi sắp đến những ngày tuyết rơi, một đêm kia trời gió rất mạnh, hầu như các lá cây đều rụng hết. Nhưng sau khi trời sáng, vị bác sĩ liền đến thăm ông, chỉ vào cái cây ở ngoài cửa sổ mà nói: “Ông xem, lá trên cành cây kia đều rụng hết, chỉ còn độc nhất một cành có vài chiếc lá còn nguyên. Hôm qua gió lớn như thế mà không làm rụng mấy chiếc lá ấy. Đây thật là một điều kì lạ; chứng tỏ rằng bệnh của ông nhất định sẽ có điều kì lạ xuất hiện, nhất định sẽ được lành trở lại!” Người bệnh nhìn ra ngoài cửa sổ, quả nhiên lá trên cây đều rụng, các cành trơ trọi chỉ cây này còn vài chiếc lá. Người bệnh thấy thế, lại nghe vị bác sĩ nói nên tinh thần phấn khởi, vui vẻ hẳn lên, chẳng bao lâu được hồi phục, rời phòng bệnh. Bạn biết tại sao câu chuyện này khiến tôi cảm động và có ấn tượng sâu sắc không? Vì mấy chiếc lá không rơi kia là do vị bác sĩ nhân từ muốn an ủi người bệnh, vào nửa đêm đã trèo lên cây gắn chặt những chiếc lá vào cành, để khiến người bệnh phấn chấn lên, tràn trề lòng tin, vui vẻ mà sống. Mấy chiếc lá không rơi ấy tuy là giả, nhưng lòng tin của người bệnh là thật, cái sức mạnh được sản sinh ra là thật. Từ sự thật này chúng ta có thể hiểu rằng, tín tâm có tác dụng quyết định, chúng ta có thể quyết định khi còn sống phải sống cho an vui, không chịu ảnh hưởng của bệnh tật. Như thế không ai có thể ngăn cản ta được.

“Thai nhi” là một ung bướu lớn nhất trong cơ thể, nhưng thai phụ không sợ thì không hề gì.

Tôi từng đọc một tài liệu y học về khoa phụ sản, trong đó có một câu: “Thai nhi là một ung bướu lớn nhất trong cơ thể con người.” Quả thật, thai nhi phát triển trong cơ thể người mẹ càng lúc càng lớn, bà mẹ vốn không chế được, thậm chí loại máu cũng không giống của mẹ. Nhưng trong thân thể của người mang thai lại có một”sinh mạng khác nữa không chịu theo sự khống chế của mình”. Tài liệu ấy còn bảo đó là cục ung bướu lớn nhất trong cơ thể, trong lòng người mẹ mà người mẹ lại không thấy sợ hãi, mà phần lớn còn rất thích thú. Nói chung tình huống của những người mang thai đều như thế, cho nên suy ra cũng không có gì phải sợ. Nếu tất cả chúng ta đều bị ung bướu, mọi người cũng nên sống cho an vui, sau này có ai bị ung bướu cũng không phải quá lo lắng. Không ai qui định rằng hễ bị ung bướu thì phải cúi đầu buồn khổ, khóc lóc bi ai. Chúng ta cũng có thể phấn chấn tinh thần, thư thái mà sống.

Chỗ tôi có một cây mộc qua. Cây này từng là bác sĩ của tôi và cũng là thầy của tôi. Tại sao bảo thế? Có một dạo dạ dày tôi bị ung bướu hành hạ rất đau, cho nên ăn uống rất khó khăn, người gầy đét. Một hôm, tình cờ trông thấy cây mộc qua này, tôi rất kinh ngạc. Cây này còn nhỏ hơn cổ chân tôi, chỉ lớn hơn cổ tay tôi một chút, nó cũng không cao, có thể nói đây là một cây mộc qua vừa ốm, vừa nhỏ. Nhưng trên cây này lại có nhiều tầng trái, ít ra cũng ba mươi

trái. Mỗi trái còn lớn hơn cục bườu của tôi, nhưng cây mộc qua ốm yếu này lại không hề vì có bao nhiêu trái vừa to, vừa nặng như thế mà ngã xuống, thậm chí nó còn đứng thẳng, không xiêu vẹo chút nào. Trông thấy cây ấy, tôi vô cùng cảm động vì sức sống kiên cường của nó. Tôi không khỏi rớm nước mắt mà kính cẩn nói với nó: “Người quả là thầy của ta, ta phải học tập người”. Quả là học theo cây mộc qua này cũng không phải là dễ, nhưng chúng ta há lại không được như cây mộc qua vừa ốm, vừa nhỏ này hay sao? Chúng ta há lại yếu đuối thế này sao? Có một nữ dược sĩ trẻ cũng bị chứng ung bướu, cô cảm thấy sắp phải chết, thật cô ta vẫn còn khỏe; nếu như không bảo với các vị thì các vị cũng không biết cô có bệnh gì nặng, dáng vẻ cũng tròn trĩnh sắc mặt cũng tươi tốt, nhưng vì tinh thần cô suy sụp, cho nên các vị thầy trong học viện của tôi đem cô đến tìm tôi, để chúng tôi khuyến khích nhau. Khi cô ấy đến tôi đưa cô đến xem cây mộc qua này, nói cho cô nghe về lời dạy của nó. Cô cảm động rung rung nước mắt mà cười. Chúng tôi cùng chấp tay kính lễ cô ấy, phát tâm học tập theo cây mộc qua kiên cường ấy. Cây mộc qua sinh ra trái, đã có thể sinh ra thì cũng có thể chịu đựng được. Thân chúng ta sanh ra ung bướu, đã có thể sanh ra ung bướu thì thân thể chúng ta cũng có thể chịu đựng được, xử lí ôn hòa được. Đây là niềm tin cơ bản.

Thân thể chúng ta vốn ở trong bụng mẹ, chỉ là cái “trứng thụ tinh” nhỏ nhỏ. Cái trứng nhỏ ấy phát triển thành nhiều bộ phận khác nhau. Mỗi bộ phận tự lớn lên, có các công năng riêng, có thể nói là không thể nghĩ bàn. Các vị không quản lý nó được, da thịt của các vị cũng đổi mới hàng ngày. Không có người nào chưa từng học ngành y mà có thể biết được mình có các bộ phận theo dạng nào. Tuy các vị không biết t chúng, từ nhỏ chúng cũng giúp các vị làm việc thuận tiện, chúng có tiềm lực rất lớn. Trước đây tôi có nghe thầy Tiêu Vũ Dung giảng Phật pháp. Ông dạy chúng ta phải có lòng biết ơn đối với thân thể. Ông kể một câu chuyện rất thú vị. Ông bảo khi chúng ta dùng bữa, các chất béo bám vào chén bát, nếu không dùng chất tẩy thì sẽ không rửa sạch được chén bát ấy. Nhưng ruột của chúng ta đã ăn rất nhiều chất béo, chúng vẫn không cần chúng ta ăn chất tẩy rửa nào, chúng vẫn được tẩy rửa sạch. Chúng đều tự xử lý lấy cả, không cần chúng ta phải bảo chúng, can thiệp vào chúng. Các vị thử nghĩ xem, phải chăng chúng ta có một thân thể rất giỏi giang, rất tinh xảo, quả là nó có Phật tính; hơn nữa, bên trong lại có nhiều tiềm năng rất mạnh mẽ. Chúng ta nên khéo vận dụng nó, phát triển nó, vận dụng nó, không nên chỉ oán trách nó, làm hư hại nó. Khi không có bệnh, không chịu sống theo quy cũ, tức là làm hư hại nó; khi mang bệnh lại oán trách nó!

Các vị hãy nghĩ xem, từ nhỏ trái tim của chúng ta không từng ngưng đập. Chúng ta ngủ, nó không ngủ, vẫn đập liên tục, xưa nay chưa từng xin phép chúng ta nghỉ một ngày nào, cũng không hề nghỉ việc, quả là các bộ phận ấy cũng rất khổ nhọc. Hiện nay, tuyệt đối không mời được một công nhân nào trung thực như thế. Cho nên, khi các bộ phận trong cơ thể chúng ta bị nhiễm bệnh, bệnh mệt mỏi, chúng ta cần dùng một chút lòng biết ơn mà thông cảm nỗi khổ của chúng, cho chúng cơ hội để điều lý, khôi phục, không nên cứ oán trách nó, bài xích nó, giống như kẻ thù không đội trời chung mà phải cắt bỏ, không giết chết thì không được. Thế nhưng cục bườu thì lại ở nhầm chỗ không cắt được, nên lòng sinh oán hận, sợ hãi. Chúng ta hãy nghĩ xem giả như một ông chủ thường không thương giúp người làm công, khi người làm công có chút sai trái thì muốn giết đi. Các vị thử nghĩ, người chủ này có phần lỗi nào không? Người chủ như thế hẳn là sẽ bị người làm công bội phản.

Chúng ta thử nghĩ, một ngày trước khi ung bướu bị phát hiện, ung bướu vẫn nằm trong cơ thể chúng ta, lớn nhỏ không khác gì hôm sau bao nhiêu, phải chăng bạn cũng mang nó đi đây đó?

Phải chăng bạn vẫn làm việc, vẫn nói cười cùng mọi người? Tại sao bỗng nhiên có câu "tôi bị ung bướu" nhập vào trong óc bạn; sau khi có ý nghĩ ấy thì thế giới trở nên mịt mù, mình thì không vui nổi? Chúng ta biết rằng, mỗi người hễ sinh ra thì nhất định phải có ngày sinh mạng kết thúc. Điều này đâu phải sau khi có ung bướu mới biết đến! Giả như vì sinh mạng phải kết thúc mà lo buồn, thế từ hôm mới sinh, hãy lo buồn cho xong, cũng không phải là chờ tới khi bị tuyên bố là đã mắc bệnh ung bướu thì mới lo buồn.

Thật ra tế bào ung bướu vốn là tế bào tốt trong cơ thể chúng ta như người dân tốt. Vì phải bắt đầu bị áp bức, thương tổn, kích thích mới thay đổi, cũng vì các nhân duyên không tốt, các thông tin không tốt, khiến tế bào chúng ta thay đổi, biến thành tế bào hư hại, sai lầm chịu sự quản chế của cơ thể chúng ta, vì thân thể chúng ta giống như một quốc gia, xã hội, có hệ thống cảnh sát. Đối với tế bào sai lầm, bạch huyết cầu của chúng ta giống như hệ thống cảnh sát của thân thể, chúng có thể phát hiện các tế bào ấy, quản chế chúng. Nếu thể lực chúng ta bị suy yếu, sinh hoạt không điều độ, thì công năng của hệ thống cảnh sát (hệ thống miễn dịch) này biến thành suy yếu, khiến tế bào sai lầm không nhận được sự cải tạo tốt. Chúng không biết tự sửa đổi cho tốt, cho nên các tế bào sai lầm tiếp theo. Điều này cứ tiếp tục như thế, biến thành một đoàn thể tự động phát triển, chính là "ung bướu" vậy. Điều này cũng giống như một đứa bé tốt, gặp phải nhân duyên không tốt, tâm tính biến đổi, bỏ bê học hành, đi tổ chức băng đảng, chiếm giữ các địa bàn làm chuyện bậy bạ. Đứa bé trở thành hư hỏng, đi tổ chức băng đảng, cũng có thể trở thành tốt, chỉ cần chúng ta hiểu rõ và tiêu trừ các nguyên nhân gây xấu. Đương nhiên cái người chủ trương phải giết chết những đứa trẻ loại này thì mới giải quyết được, nhưng giết như thế thì sau này có thể giải quyết được chăng? Nếu cả phong khí và điều kiện nhân duyên của xã hội không thay đổi, thì sau này những đứa trẻ tốt khác cũng có thể trở thành xấu, thì phải giết đến chừng nào chứ? Chúng ta cần phải hiểu rằng, đứa trẻ trở thành xấu là có nguyên nhân, chúng ta cần phải hiểu rõ nguyên nhân mà tiêu trừ nguyên nhân. Đứa trẻ có thể trở nên xấu nhưng cũng có thể cảm hóa nó, khiến nó trở nên tốt. Tế bào của chúng ta cũng vậy, không phải khai đao giết chúng là xong.

Tôi từng quen biết một số người xuất thân từ các băng đảng, lại còn cùng họ giao tiếp rất tốt đẹp. Tôi cũng rất tôn kính họ. Họ hoàn toàn chẳng có gì xấu, thậm chí còn tốt hơn nhiều người khác, thiện tâm cũng rất nhạy bén. Họ chỉ vì nhất thời có nhân duyên không tốt, trong lòng có điều buồn khổ, nhất thời không thể giải quyết được và phải dần bước sai lầm mà thôi vậy. Nếu có người thật tình thông cảm hoàn cảnh và nỗi khổ của họ, thì chỉ trong phút chốc họ cũng có thể trở thành tốt. Sau khi Phật tính thiện lương của họ được khai phát thì thậm chí còn vượt quá nhiều người trong chúng ta. Chúng ta nên biết rằng nhân duyên thì có thể thay đổi, tế bào cũng như thế, tế bào cũng có thể biến thành xấu, cũng có thể biến thành tốt.

Y học đã thực nghiệm việc bồi dưỡng tế bào ung bướu. Khi điều kiện không chế được tốt, thì rõ ràng có thể khiến các tế bào ung bướu chuyển hóa mà trở thành tế bào lành lặn.

Chúng ta nên bình tĩnh mà xét đến nguyên nhân khiến cho các tế bào kia trở thành hư hại, để trừ khử các nguyên nhân ấy, cải biến nhân duyên thì các tế bào có thể trở thành tốt lành, hoặc ít ra không còn sanh sôi bậy bạ nữa.

Chúng ta thử nghĩ xem có phải tế bào ung bướu của chúng ta lớn bằng một con chó con hay một con mèo con không? Mèo con, chó con là một thể sinh mạng khác, một đám tế bào khác. Nếu một con mèo con hay một con chó con bám vào thân thể chúng ta, thì cũng chưa hẳn nó làm hại chúng ta, huống chi là đám tế bào của chính thân thể chúng ta, lại không thể lớn bằng

con mèo con hay con chó con, thì chúng ta có đáng sợ hãi không? Cho dù rắn độc cắn phải cũng chắc gì đã phải chết, thì tế bào ung bướu cũng không hẳn gây hại gì cho chúng ta.

Trong chúng tôi có một vị sư phụ rất thành khẩn. Một hôm bà đi xe gắn máy trên đường núi, vì không thấy rõ tường trên đường có một sợi dây nên cán qua phần cuối, khi cán qua mới biết đó là một con rắn, lại là rắn hổ mang. Vị sư phụ không vì sợ mà tăng tốc độ, trái lại bà dừng xe lại, rất từ bi mà xem con vật có bị thương hay không. Con rắn hổ mang bị cán, dựng thân lên có vẻ giận dữ, phóng về phía vị sư phụ. Bây giờ bà không biết làm sao, bèn hướng về con rắn mà chí thành khẩn thiết, sám hối như đang bái Phật, sau đó lại niệm Phật cho con rắn. Con rắn thấy thế, có vẻ hiểu được tâm ý của bà, bèn ngoan ngoãn mọp xuống và từ từ bỏ đi. Chúng ta thử nghĩ xem: loài rắn độc mà còn cảm thọ được tâm niệm từ bi, cải biến thái độ và hành vi của nó, huống chi những tế bào sanh sản bậy bạ trong người chúng ta. Sự thật mấy tế bào ung bướu nho nhỏ có từ trường rất nhỏ, năng lượng cũng rất nhỏ. Thân thể chúng ta to lớn như thế này, thì tâm niệm từ trường, năng lượng của chúng ta mới rất lớn, về mặt lý luận, chúng ta phải cải biến được những tế bào nho nhỏ kia. Huống chi, Phật tính vốn đầy đủ thì quảng đại vô biên, Phật lực thì không thể nghĩ bàn.

Nên biết rằng, bất kể chúng ta bị tuyên bố là mắc bệnh ung bướu nhiều hay ít, thì thật ra các tế bào ấy cũng không nhiều bằng các tế bào lành lặn của chúng ta. Thân thể chúng ta có bao nhiêu tế bào lành lặn? Khoảng chừng sáu mươi triệu tế bào lành lặn. Bao nhiêu mới kể là một triệu? Phải một trăm vạn mới là một triệu, cho nên chúng ta biết rằng sáu mươi triệu là một số lượng rất lớn, làm sao mà vì một đám tế bào do nhân duyên không tốt bị biến hoại, lại khiến cho sáu mươi triệu tế bào lành lặn của chúng ta bị hư hoại hết được chứ!? Về mặt lý luận thì tuyệt đối không thể như thế được! Trừ khi các tế bào lành lặn vốn có đều quá sợ hãi mà không thể gượng lên được.

Chúng ta có thể dùng ví dụ để hiểu, ví như: Làng nọ có một số rất đông tráng đinh. Một hôm có một tên cướp đến, toàn bộ tráng đinh của làng đều bị giết chết. Bà nghĩ xem như thế có hợp lý chăng? Không lẽ số tráng đinh ấy đều ngủ quên? Hoặc quá khiếp sợ mà mất hết sức lực chăng? Nên biết rằng tráng đinh là người, tên cướp cũng chẳng qua là người, vì sao các tráng đinh lại phải sợ? Tên cướp không sợ tráng đinh, tráng đinh lại sợ tên cướp, có lý nào như thế ư! Có một đứa trẻ mới ba tuổi, người ta hỏi nó: “nếu có kẻ xấu bắt con đem đi, và sẽ giết con chết thì con phải làm sao?” Đứa trẻ ấy nghe xong liền đồng dạ đáp: “Thì niệm A Di Đà Phật cho người ấy!”, đứa bé cũng biết nên dùng sức mạnh lớn vốn có của Phật tính. Tên cướp cũng có Phật tính, cũng có thể phát tâm từ bi, có thể cảm hóa, làm tên cướp là”một niệm tâm” được quyết định, cũng như”buông đao lập tức thành Phật” cũng là một niệm tâm quyết định. Chúng ta có thể liên hợp sáu mươi triệu tế bào lành lặn của toàn thân, dùng cái lực lượng vĩ đại này để cảm hóa, để cải biến các tế bào hư hoại, ít ra cũng có thể bị ảnh hưởng để có cuộc sống tốt đẹp.

Tâm niệm và quán niệm quyết định vận mạng và hạnh phúc của chúng ta. Chúng ta có thể quán sát mình, giả như chúng ta gặp phải sự việc không như ý hoặc gây sợ hãi, thì phải chăng tim chúng ta liền đập nhanh hơn, thậm chí ruột đau như có ai rút bụng, tay chân liền lạnh cóng, đổ mồ hôi lạnh, thậm chí còn run lẩy bẩy, chúng ta có nghĩ rằng”ai bảo trái tim ta đập dồn dập?” “ai bảo tay chân ta run lẩy bẩy?”

Trước đây khi chúng tôi ở Viện Y Học thi các môn”giải phẫu học”, mọi người đều rất khẩn trương, vì phải một mặt giải đáp đề thi về thi thể, một mặt lại giải đáp về giải phẫu bào thai. Có

một vị đồng học bức xúc nói: “lạ thật, hai chân cứ run lẩy bẩy, có dây thần kinh nào không chế đây, sao mà cứ run lập cập không dừng được?” , không biết quý vị có nhận thấy không, thông thường chỉ một cái tin truyền đến thì khiến tâm niệm chúng ta biến đổi, sáu mươi triệu tế bào của toàn thân cũng đều biến đổi? Môi cũng từ hồng nhuận trước đó mà biến thành thâm tím, lông trên toàn thân cũng từng sợi, từng sợi dựng lên. Phải chăng chúng ta cũng thường dùng những tâm niệm mang áp lực phiền não để trấn áp sáu mươi triệu tế bào lãnh lặn của chúng ta? Trách gì cái số tế bào làm phản! Nếu chúng ta biết cái sinh mạng hữu hạn này rồi sẽ đến hồi kết thúc, giờ đây thật đáng quý, thì chúng ta phải chăng nên sống một cách thông dong tự tại, hoan hỉ từ bi? Phải chăng là phải cứ gây cho mình áp lực, khiến cho mình thông khổ cho đến chết?

Chúng ta thử nghĩ xem, nếu có người chủ chiếu cố, thông cảm đối với công nhân, thì công nhân sẽ vui vẻ làm việc, vì chủ mà phục vụ. Nếu người chủ quá hà khắc, ngày nào cũng nóng giận trách mắng công nhân, thì phải chăng công nhân lại càng không muốn làm tốt việc, thậm chí còn cố ý quậy phá, chống đối, khiến người chủ phải điều đứng. Tình hình tế bào toàn thân chúng ta cũng như thế, chúng cũng như những công nhân của chúng ta, phải chăng chúng ta là người chủ, thì phải dùng tâm niệm tốt lành, từ bi, khiến cho mỗi tế bào đều vui vẻ trở nên tốt, đạt được lợi ích; tạo cho chúng nhiều cơ hội tốt, đẹp, khỏe mạnh, hấp thụ đầy đủ dưỡng khí trong máu huyết. Chúng ta hãy nghĩ xem, trong khi chúng ta cảm nhận cái tâm niệm hoan hỉ và thiện lương, thì phải chăng toàn thân chúng ta đều đạt sáng khoái? Chúng ta niệm Phật, niệm kinh chính là để đem cái tâm niệm chúng ta đặt vào cái trạng thái năng lượng cao nhất, hoan hỉ, thanh tịnh nhất, từ bi nhất. Như thế thì có thể mang đến cho mọi tế bào cái niềm an ủi và khích lệ tốt đẹp.”Niệm Phật” chính là con đường quý báu, thiện lành nhất của tâm niệm chúng ta.

Niệm Phật là sự xoa bóp tế bào tinh vi nhất, là sự tự trị liệu bằng sóng âm thanh kì diệu nhất, là khả năng trị liệu tự nhiên để khai phát Phật tánh. Chúng ta hoàn toàn niệm Phật thì không có sự thành tựu đặc thù nào, vì chúng ta hiểu được rất ít, về mặt thực hành cũng không có ai hết lòng hết sức, nhưng chúng ta có một kinh nghiệm nho nhỏ, đó là khi niệm Phật thì trong miệng tiết ra nước bọt rất ngọt, cho nên suốt ngày dù không uống nước cũng không cảm thấy khát, chính là cứ mở miệng niệm Phật, niệm cả ngày cũng không bị khan cổ, có khi lại cảm thấy lục phủ ngũ tạng đều ngọt ngào, giống như mọi tế bào đều rất hoan hỉ. Trên thế giới không hề có người nào quy định chúng ta niệm Phật, lại càng không có người nào bắt buộc chúng ta phải niệm bao nhiêu đức Phật thì mới được. Nhưng chúng ta cảm thấy, niệm Phật quả là thoải mái, khỏe khoắn nhất, vượt hơn hẳn bất cứ sự hưởng thụ nào, cho nên đương nhiên chúng ta chọn niệm Phật. Làn sóng tâm niệm của sự niệm Phật trong tâm và làn sóng âm thanh phát ra từ tiếng niệm Phật tạo cho toàn thân chúng ta những chấn động rất vi diệu, tựa như là xoa bóp cho các tế bào của chúng ta. Loại xoa bóp này rất êm ái nhẹ nhàng, giúp cho chúng ta trong lúc sáng khoái có thể phát huy công năng tốt nhất. Loại rung động vô cùng tinh tế vi diệu này chỉ có thể được cảm nhận rõ ràng khi thân tâm của chúng ta đều thanh thản. Giới y học và giới âm nhạc đang từng hợp sức nghiên cứu, dùng âm nhạc để trị liệu. Các âm nhạc không giống nhau thì có hiệu quả trị liệu không giống nhau, điều này đã có người làm thực nghiệm để chứng minh. Khi chúng ta mở rộng tâm, toàn thân rất thanh thản và niệm Phật theo vận luật, thì chắc chắn sẽ có hiệu quả trị liệu hơn so với việc dùng các thứ âm nhạc. Vì ngày nay trong danh từ Phật có hàm chứa”cái tâm niệm vĩ đại rằng đức Phật sẽ từ bi cứu độ chúng sinh” trong đầu, đồng thời cũng có trí tuệ rất thâm sâu trong đầu. Danh từ Phật đồng thời cũng khai phát chúng ta, đó chính là cái Phật tính vốn có của chúng ta, sáng ngời và đầy năng lực

công đức. Năng lực công đức đương nhiên bao quát năng lực trị bệnh: năng lực trị liệu tâm bệnh, thân bệnh. Chúng ta niệm Phật thì có thể làm tỏ lộ, sức mạnh của Phật tính của chính mình để giải quyết rất nhiều vấn đề. Vì Đức Phật là người đã khai phát Phật tính của ngài một cách thành công viên mãn, cho nên trong khi chúng ta niệm Phật, ngài cũng sẽ y theo thệ nguyện của ngài mà dẫn đạo giúp đỡ chúng ta cùng tiến đến cảnh giới vĩnh viễn, an lạc, vô ưu. Vọng tưởng chấp trước là phiền não. Tổng khứ phiền não đi thì được thanh thân.

“An lạc vô tư thì gọi là Phật”. Trước kia, khi chúng tôi thảo luận câu này ở viện y học, một vị đồng học nói: “Có gì lạ đâu, tôi cũng hiểu, bây giờ tôi đang an lạc vô ưu, bây giờ tôi là Phật vậy!” mọi người đều cười lên. Riêng có một vị ở lớp trên vặn hỏi một câu: “Ngày mai giáo sư đuổi bạn, bạn gái bỏ bạn, thử xem bạn có an lạc vô ưu không? Bảo đảm bạn sẽ oán trời trách người, dứt khoát là sẽ không an lạc vô ưu!” Mọi người đều cười, vị đồng học kia cũng cười mà nói: “nói là nói thế, Phật mà tôi nói là giả tạm thôi! Đó là Phật bong bóng, giống như bong bóng xà phòng, chỗ nào, lúc nào cũng có thể vỡ”. Thực ra Đức Phật vốn đã bảo chúng ta: Tất cả chúng sanh đều có Phật tính, đều có thể giác ngộ mà an lạc vô ưu, nhưng lòng chúng ta đầy vọng tưởng chấp trước, ngày nào cũng phiền não, khổ đau, bị tư tưởng rối rắm dần dặt, cho nên không thể an lạc, vô ưu, sức mạnh và tiềm năng của Phật tính vốn có không thể phát huy được. Thực ra chúng ta có thể chọn lựa: xem vọng tưởng chấp trước là thứ rác rưởi phải bỏ đi để hưởng thụ bốn tánh thanh tịnh tự tại. Như thế thì không có ai ngăn trở, nhưng chúng ta lại cứ mù quáng mà hoan hỷ”chiếm hữu”, đó chính là chiếm lấy khổ đau, dính mắc vào khổ đau không gỡ mà cũng can tâm.

Một hôm tôi nói với người bạn: “chị cho rằng thải phân ra thì được hay mất?” Chị ấy nghe xong, cười ha hả mà nói: “tôi đã sống bốn mươi năm, giải đại tiện bốn mươi năm mà chưa từng nghĩ đến vấn đề này”. Chị suy nghĩ một hồi lại tiếp: “À! Nên nói: cũng có được mà cũng có mất”. Tôi bèn hỏi: “Chị được cái gì? Mất cái gì?” Chị ấy đáp: “Giản đơn thôi, mất là mất phân hôi hám, được là được nhẹ nhàng, thoải mái”. Tôi lại hỏi chị: “Phải chăng phân được xem là của chị, phải chăng được xem là do chị sở hữu?” Chị ấy lại cười mà nói: “Câu hỏi này thật tức cười!” Tôi nói: “Phân không phải của chị, nó được chế tạo trong bụng chị, là do ruột của chị gia công chế tạo. Nếu bảo là của chị thì nó không thể ở mãi trong bụng, cũng chẳng ai muốn giữ nó, không tổng nó ra thì không được. Hãy nghĩ xem đại tiện là thế nào chứ? Đâu dễ bôn ba để kiếm tiền, cực khổ mua thức ăn, cực khổ nấu nướng để ăn, ăn xong đâu dễ tiêu hóa thành quả, lại không thể giữ nó lại, không tổng ra thì không được, không tổng ra mà để trong bụng thì sinh bụng, rất đau, rất khổ. Phải tổng ra thì mới thoải mái.”

Trong quá trình tu học Phật pháp, tôi có thể kể đến một Phật duyên nho nhỏ mà thôi, vốn không nói đến tu hành thế nào, mà chỉ là một kinh nghiệm nho nhỏ khiến tôi nhận thấy sự tu hành giống như giải đại tiện, tổng khứ vứt bỏ những phiền não, rác rưởi, quái ngại để được nhẹ nhàng thư thái. Nếu giản bớt đi cái tinh thần suy nghĩ bậy bạ thì thể lực được gia tăng tốt đẹp. Nếu phân trong bụng chúng ta không được thải ra ngoài thì dù có uống thuốc gì cũng không thư thái được. Nếu cái phiền não, rác rưởi quái ngại về mặt tâm lý mà không thật sự loại trừ, thì dù niệm Phật cũng không thể được khỏe mạnh, thư thái.

Tâm khéo an trụ nơi tối thượng
Ý thường thanh tịnh thật an vui
(Hoa Nghiêm Kinh)

VIỆC ĂN UỐNG – ”TÂM NIỆM” VÀ ”HIỆU QUẢ TRỊ LIỆU”

Nhân có nhiều người nêu các câu hỏi có liên quan đến ”vấn đề ăn uống”, do đó tưởng cũng nên thảo luận thêm.

Rất nhiều bệnh nhân và gia đình đặt trong tâm sinh hoạt, tư tưởng vào việc tìm kiếm loại thuốc đặc hiệu (thuốc bí truyền) nào đó, hay loại thức ăn đặc hiệu nào đó, thậm chí họ chưa biết rõ nguyên lý, phương pháp mà vẫn cứ mạo hiểm nhịn ăn lâu ngày; hoặc cứ đôn đảo cầu tìm này nọ chỉ khổ khiến tâm bị ràng buộc, tự tạo cho mình áp lực rất lớn, không cách nào đạt đến sự điều hòa, thanh thản, an định chân chính của thân tâm, lại phương hại cho năng lực miễn dịch.

Chúng ta có thể hiểu: cùng một thức ăn nhưng người ăn có tâm tình khác nhau, thì cái mùi vị cảm thọ và thành phần dinh dưỡng đạt được lại khác nhau xa. Chúng ta hãy tự quan sát cùng một mâm thức ăn, nhưng trạng thái cảm nhận và hấp thụ ”khi no” và ”khi đói” rõ ràng là khác nhau. Khi thi đỗ và khi thi rớt, thì cảm nhận bữa cơm không giống nhau, lại nữa, khi bị trách mắng và khi được khen ngợi, tình trạng tiêu hóa tất có khác nhau. Sở dĩ như thế là vì ”tâm niệm” có thể sản sinh các sóng điện ảnh hưởng đến vật chất; tâm tình không giống nhau thì lượng chất men tiêu hóa sản sinh ra không giống nhau. Ví dụ: Khi ăn uống mà người ăn chán ghét thức ăn hay có điều bất mãn đau buồn, thì ”nước bọt” sẽ biến chất, giảm lượng (kháng thể cũng ít đi, chất men tiêu hóa cũng giảm nhiều); hơn nữa, sự co bóp của ruột cũng không tốt, cho nên dù có ăn thức ăn tốt, cũng không hấp thụ được, cũng không được lợi ích nhiều.

Trước đây đã nói, ”tâm niệm an vui” thì có thể sản sinh ra chất tăng cường miễn dịch; hơn nữa, thân tâm được thư thái thì huyết dịch mới thông suốt, dưỡng khí mới đầy đủ, nước bọt (chứa kháng thể, chất men chua) mới dồi dào. Tâm an định và có niềm tin thì nước dịch bên trong mới có thể điều hòa, và mới có thể sản sinh chất men dồi dào để phân giải và hấp thụ thức ăn.

Người nào trong khi ăn uống, do tâm hoan hỉ mà cảm thấy ngon miệng thì chất dịch bên trong hiển nhiên rất điều hòa, chất men cũng rất đầy đủ, cho nên cùng ăn một thức ăn mà so với người khác thì sự dinh dưỡng, ích lợi mà người ấy nhận được, nhất định cao hơn (theo sự nghiên cứu của Nhật Bản, thì hiệu quả trị liệu đối với loại người như thế là tốt nhất, chỉ cần ăn cơm với gạo lứt, ngũ cốc, nhai kỹ, nuốt chậm, hòa trộn với nước bọt, thì bệnh cũng có thể lành!) (Nguyên lý này, ba ngàn năm trước Đức Phật cũng đã biết, dạy chúng ta ăn cơm thì nên phát nguyện lành, khéo dụng tâm).

Cho nên cái tâm niệm khi ăn uống (cảm ân, tán thán, phát nguyện lành, tràn đầy niềm tin mà hoan hỉ niệm Phật) thì quan trọng và lợi ích hơn ”Nội dung đồ ăn”. Đức Phật dạy chúng ta: ”Khi ăn cơm thì nên nguyện chúng sanh xem niềm vui thiên là thức ăn, niềm hoan hỉ đối với Phật pháp được sung mãn”. Đó là dạy chúng ta khéo dụng ”tâm” để điều thân tu công đức, phải dụng tâm phát nguyện lành, chúc phước từng cá nhân, từng tế bào đều được sung mãn niềm vui tối cao của thiên định và niềm vui đến từ chân lý; và ăn với lòng biết ơn, với chánh niệm. Trước đồ ăn không khởi tâm niệm tham, sân thì mới gọi là ”tự chế tạo chất độc”. ”Tự chế tạo chất độc” thì chỉ trong phút chốc tạo ra một lượng rất lớn chất độc thâm nhập vào máu, so với chất độc ”từ ngoài đến” thì tai hại hơn nhiều. Nếu ăn các thứ tinh sạch mà lòng còn mang buồn giận không vui thì đó vẫn mãi là ”độc không tống ra được”.

Gần đây có nhiều người chọn thức ăn, đều nghe theo lời đồn đãi, ”biết hai hiểu một” đều do vào tưởng tượng của mình, hoặc chưa hiểu rõ hết mà cứ suy đoán nguyên lý phối hợp chữa trị ”thân, tâm, linh” rồi ”tùy tiện mà chọn ý nghĩa”, cứ chọn bừa một phương pháp ăn uống, tự

mình sinh ra lắm bệnh khốn đốn. Thậm chí có nhiều người có tâm lý lo sợ việc ăn uống, cả đến món ăn quen thuộc cũng chê bai, ăn món gì cũng lo sợ, sợ rằng đây cũng có độc, kia cũng có độc, suốt ngày nghi thần, nghi quỷ; ngỡ rằng ăn thứ này không biết có bổ lắm không hay khiến cho ung bướu lớn ra? An thứ kia có thể là quá hàn, mất khí lực chăng? Khi ăn cứ nơm nớp lo sợ, hoàn toàn mất đi lòng cảm ân, lòng hoan hỷ, nỗ lực, mà không biết rằng những tâm niệm hắc ám như”sợ sệt”, ”nghi ngờ”, ”bất mãn” trong lòng tạo ra độc tố, hơn nữa lại gây hao tổn năng lượng. Ăn uống vốn là để phát huy ánh sáng của sinh mạng, khiến chúng ta có sức mạnh triển khai lương tri, lương năng, tu hành Phật đạo, thế mà một niệm sai lầm khiến cái sinh mạng rất tốt đẹp phải vì ăn uống mà sợ hãi ưu sầu. Có nhiều người suốt ngày vì thức ăn uống mà phải bận rộn mệt mỏi; lại có nhiều người lâu ngày không ăn, bỗng dưng chịu không nổi lại ăn rất nhiều; lại có người nghe nói ăn thứ gì đó tốt, rồi theo lời đồn mà ăn bừa bãi. Như đoàn thể họ từng bị chê cười: Họ nghe nói rượu tiêu mạch thảo rất tốt, bèn không cần hỏi lượng dùng bao nhiêu, và điều kiện dùng thế nào, cả tập thể mỗi người uống một ly thật lớn (tưởng lầm rằng càng uống nhiều càng tốt), kết quả: “toàn quân tiêu tan” (đây là hình dung từ để đùa ý nói toàn thể đều muốn ói, mệt lã, không đứng nổi, đầu choáng váng). Cho nên phải biết rằng phương pháp trị liệu bằng ăn uống cũng cần”biết đây biết đó” (biết tình trạng bệnh hoạn của mình, biết thuốc uống đúng dung lượng và cách thức); nếu không biết mà thực hành hồ đồ, thì khó tránh khỏi sự lệch lạc, không đạt được lợi ích gì. Lại nữa, phải hiểu rõ toàn bộ sự liên hệ giữa”thân, tâm, linh” thì mới không phụ ý chỉ tốt đẹp của người truyền bá nhằm thương giúp chúng sanh. Dứt khoát đừng”tu mù, luyện mờ”, không biết rõ phương pháp phối hợp chính xác và điều kiện dùng thích đáng, mà cứ khăng khăng cháp vào thức ăn. Phải biết đây biết đó thì mới sáng suốt.

Riêng đối với các bạn thích”kiêng ăn”, tôi xin trân trọng giới thiệu việc nhịn ăn đúng theo pháp Phật hợp lý và an toàn nhất. Phật chế”bát quan trai giới”, tức là trong một ngày một đêm (24 giờ) thọ pháp”tám giới” và”trai giới”: “Trai” nghĩa là không ăn quá chính Ngọ, cho đến mặt trời mọc ngày hôm sau thì không ăn (tương đương nhịn ăn 18 giờ, có thể uống nước). Nhịn ăn có ý nghĩa sâu xa, về mặt y học, nhịn ăn thời hạn ngắn là một việc rất hợp lý, là một phương pháp nhịn ăn vừa có lợi cho mình vừa có lợi cho kẻ khác (còn có chuyện đề thảo luận về nguyên lý y học của sự việc này).

Do tám giới điều chỉnh nội tâm được an định, từ bi, khiến cho tâm niệm chính tề, thanh tịnh (không độc hại) chữ”Trai” của Hán ngữ có nguyên ý là”chỉnh tề, thanh tịnh”. Bát quan trai giới của Đức Phật khiến thân tâm được chỉnh tề, thanh tịnh, phát huy công năng tốt đẹp nhất.

Bát giới (tam giới) là:

1) Không sát sanh, 2) Không trộm cắp, 3) Không dâm dục, 4) Không nói bậy, 5) Không uống rượu, 6) Không dùng nước hoa, 7) Không ca múa xướng hát, cũng không đi xem, nghe các thứ ấy, 8) Không ngồi nằm giường cao rộng.

Nếu phát nguyện Đại Bồ đề tâm, thọ trì một ngày một đêm thì công đức vô lượng không thể nghĩ bàn.

Người ưa thích nhịn ăn có thể chọn cho mình ngày nghỉ thuận lợi để thọ trì bát quan trai giới. Đức Phật là bậc Đại Y Vương, phương pháp trai giới mà ngài dạy cũng là phương pháp nhịn ăn thời hạn ngắn, trung đạo nhất, hữu ích nhất, khiến thân tâm thanh tịnh an vui.

Lạy Phật: tiêu trừ nghiệp chướng khai phát tiềm năng.

Tôi còn có một chút kinh nghiệm tương cũng có thể nêu lên để quý vị tham khảo, cũng có lẽ trong lúc bệnh có sự đột phá và giúp đỡ lớn lao. Khi tôi bị bệnh không lâu, sư phụ Sâm Công có dạy tôi nên lạy Phật nhiều để tiêu trừ nghiệp chướng: Nên nói sơ qua về hai chữ ”nghiệp chướng”. ”Nghiệp” là hành vi, ”Chướng” là chướng ngại; cũng là do các thứ hành vi trong quá khứ tích lũy mà sinh ra các chướng ngại, bất kể là chướng ngại về thân thể hay về tâm lý. Cái gọi là các thứ hành vi trong quá khứ thì bao gồm: ý niệm, suy nghĩ trong tâm chúng ta, ngôn ngữ do miệng nói ra và các tâm thể của thân thể chúng ta. Vì sao bảo lạy Phật, niệm Phật thì có thể tiêu trừ nghiệp chướng? Vì khi niệm Phật thì tâm niệm phải được điều chỉnh cho ”cung kính” và ”từ bi thanh tịnh”; động tác của thân thể thì nhu nhuyễn khiêm hòa cung kính, tiêu trừ những tư thế không tốt trong sinh hoạt hàng ngày, vốn tạo ra áp bức, chướng ngại. Ba phương diện thân, khẩu, ý đều thanh tịnh cung kính thì có thể tiêu trừ các chướng ngại do các hành vi bất hợp lý của thân tâm tạo ra. Đây cũng là thuận tiện cho việc huấn luyện ”an định trong lúc động”. Điều này cũng như lấy nước từ từ và liên tục mà rửa sạch thì có thể an ổn, thanh tịnh, có thể khai phát tiềm năng, đồng thời có thể làm linh hoạt cơ năng của các bộ phận thân thể.

Trong lúc tôi đang ốm yếu vì ung bướu rất lớn, động tác niệm Phật cũng ”năm vóc sát đất”; người phải quỳ thấp, đầu phải chạm đất (vì hai tay, hai đầu gối và đầu), năm bộ vị đều chạm trên đất, nên gọi là ”Ngũ thể đầu địa”. Mới đầu, nêu không rõ phương pháp thì khi làm động tác này cục ung bướu và ruột chèn nhau, sẽ cảm thấy như nghẹt thở; khi đứng lên lại cảm thấy trời đất tối sầm, mỗi khi lạy một lạy thì phải mất nhều sức. Có điều tôi vốn có lòng tôn kính và tin tưởng thâm sâu với Đức Phật, cho nên trong lòng cảm thấy dù lạy Phật đến chết cũng còn tốt hơn là không lạy, cũng còn tốt hơn là nằm trên giường mà chết, thế là tôi vẫn tiếp tục cố gắng lạy.

Mới đầu, mỗi ngày lạy một trăm lạy thì phải cố gắng hết sức mới lạy đủ, cảm thấy thân thể quá nặng nề, vừa cử động nhẹ là đã thấy khó thở, trời đất tối tăm. Sau đó có một hôm tôi biết được chị họ Vương lớp trên bị cưa một chân, hằng ngày đều dùng cái chân còn lại, đứng mà niệm Phật, lạy Phật; mỗi ngày chị có thể lạy một trăm lễ tám lạy, chị lại còn làm rất nhiều việc nhà. Tôi rất hổ thẹn mà nghĩ: chị ấy dùng có một chân khó khăn như thế mà còn có thể lạy một trăm lễ tám lạy, hai chân của tôi còn lành mạnh, ít ra cũng phải lạy được ba trăm lạy. Thật thế, quý vị chỉ cần tự mình thử xem, hẳn có thể biết lạy với một chân thì khó khăn gấp mười lần lạy với hai chân! Công việc chị khó khăn gấp mười lần so với công việc của tôi mà chị đều có cách làm được, cho nên tôi phải nỗ lực nhiều hơn, cho nên tôi phải phát một lời nguyện: Phải lạy mười vạn lạy để cảm tạ ơn Phật, ơn cha mẹ, sư trưởng và ơn của hết thầy chúng sanh, và cũng để hồi hướng cho các chúng sanh đau khổ, các bằng hữu bị ung bướu, khiến tất cả mọi người đều có thể lìa khổ, được vui.

Trên đời tuyệt không ai buộc tôi phải lạy Phật, trái lại mọi người đều khuyên tôi không nên để cho quá mệt mỏi. Đây là do tôi tự phát nguyện, đã phát nguyện thì phải thực hiện, dù khổ cũng phải cố cho được. Nhưng thật kỳ lạ, đây hoàn toàn không phải khổ, mệt như mọi người nghĩ; trái lại hình như càng lạy, càng không mệt. Mỗi ngày lạy ba trăm lạy, tôi phải chia làm nhiều lần mới lạy xong, về sau không biết tại sao càng lạy càng thấy nhẹ nhàng. Tôi cũng không nghĩ cần phải đẩy nhanh tốc độ, chỉ là do trọng lượng thân thể của tôi giảm bớt rất nhiều. Tôi có cảm giác như có vòi nước rưới vào chỗ khô, làm sáng khoái, chứ không như khi mới dội nước,

bùn đất chưa trôi đi được. Một hôm, bỗng nhiên tôi lay một lần được ba trăm lay mà không còn biết mệt, không khó thở, giống như vừa mới lay cái lay đầu tiên.

Trước đây tôi nghe nói có một vị pháp sư mỗi buổi sáng đều lay ba ngàn lay; hồi đó tôi không tin. Người ta bảo Ngài lay xong ba ngàn lay rất nhanh, tôi quả thực khó tin, vì chính tôi lay rất chậm chạp nặng nề, có cố gắng cho nhanh cũng không có cách chi lay xong ba ngàn lay. Ngoài ra cũng có người khác thông tin như tôi, bèn đến tận nơi để xem vị Pháp sư lay Phật và đếm giúp ngài, thì thấy ngài lay bộ không hồi hải, bộ dạng rất thông dong, chứ không có vẻ cố tăng tốc độ, chỉ rất nhẹ nhàng, động tác uyển chuyển giống như không hề có trọng lượng. Người ấy đếm đủ ba ngàn lay, không thiếu lay nào, sau đó tôi mới tin rằng “khi vọng niệm của người ta càng giảm, càng ít thì sự gánh chịu của thân thể càng ít, càng nhẹ nhàng, hoạt động càng không bị chướng ngại, do đó mới có thể nhanh như thế”. Trong cửa Phật, có rất nhiều vị pháp sư đã âm thầm dụng công như thế, xem ra tôi thật lười biếng.

Việc lay Phật hàm chứa nguyên lý y học thâm sâu. Trước kia sư phụ Sám Công nói: “Lay Phật là sự vận động tốt nhất, còn tốt hơn cả khí công và thái cực quyền”. Tôi nghe thế nhưng chưa hiểu, về sau, khi lay Phật tôi mới phát hiện rất nhiều điểm tốt lành trong việc lay Phật, đồng thời cũng thấy mối liên hệ tương ứng của việc lay Phật và nguyên lý y học, tôi mới dần dần hiểu ra câu nói ấy. Lay Phật khiến thân, khẩu, ý của chúng ta vận động một cách thanh tịnh, có thể tương ứng với Đức Phật thì đương nhiên cũng có thể trị bệnh. Về sự liên hệ giữa việc lay Phật và y học, chúng ta có chuyên đề riêng để thảo luận, ở đây chỉ đơn giản nói vài câu thôi.

Tinh thần của con người hiện đại rất căng thẳng, bị nhiều áp lực, cơ bắp của toàn thân không nhạy cảm là do bị buộc chặt, hơn nữa vì thiếu vận động, toàn đốt xương sống cứng đờ rất khó uốn cong. Về mặt y học, chỗ nối giữa hai đốt xương sống là chỗ đi qua của các dây thần kinh và mạch máu. Các thần kinh từ tủy sống đi ra đảm trách việc quản lý các nội tạng; nếu các đốt xương sống nằm sát nhau quá thì có thể ép vào mạch máu và các dây thần kinh. Mạch máu và thần kinh của đốt nào bị chèn ép thì đốt ấy sẽ có vấn đề. Công năng nội tạng mà đốt xương ấy phụ trách sẽ dần dần bị hư hại. Do vì tư thế không đúng, cơ bắp bị chèn ép khiến cho xương sống cũng bị ép, máu không lưu thông, thần kinh cũng bị ảnh hưởng, cho nên không thể cung cấp cho các tế bào nội tạng đủ chất dinh dưỡng và dưỡng khí. Hễ tế bào thiếu dưỡng khí thì dễ biến thành tế bào ung bướu có mối liên quan rất lớn. Vì vậy các tư thế đi, đứng, ngồi, nằm, các động tác và sự hô hấp của chúng ta hàng ngày có ảnh hưởng rất lớn đối với bệnh tình.

Nếu động tác lay Phật mà đúng thì có thể giúp cho việc trị liệu, vì trong khi lay Phật thì phải cúi đầu xuống một cách mềm mại cho đến khi cằm chạm vào xương ngực. Động tác này có thể làm cho bảy đốt xương cổ giãn ra, từ đó có bảy lợi ích sau đây:

1) Lưu lượng máu được đầy đủ: chỉ có hai đôi mạch máu cung ứng cho não bộ, đôi trước là động mạch cổ, đôi sau là động mạch chùy. Động mạch này khiến cho động mạch chùy không bị chèn ép, khiến máu chảy dễ dàng cung cấp dưỡng khí đầy đủ, cải thiện công năng của não.

2) Tủy dịch của não, xương sống được lưu thông: tủy dịch não, xương sống tuần hoàn bên ngoài tủy sống và não, vào đến các tầng dịch thể của não thất bên trong. Có bốn công năng (1) điều tiết sức ép của não, (2) bảo hộ não, (3) cung ứng chất dinh dưỡng, (4) thải các phế vật. Nếu tư thế của đầu, cổ không tốt, góc độ không đúng, sự lưu động ấy gặp trở ngại thì não và tủy sống như ngâm trong nước dơ, áp lực của não cũng không bình thường, dễ bị đau đầu,

choáng đầu. Động tác lạy Phật có thể giúp cho tủy dị ch của não và tủy sống lưu thông dễ dàng, khiến công năng của não được tốt đẹp, có thể chỉ huy khéo léo các tế bào của toàn thân.

3) Khiến cho các dây thần kinh từ xương cổ đi ra không bị ép, công năng tốt đẹp; dây thần kinh ở các đốt xương cổ có quan hệ mật thiết với công năng ngũ quan, trái tim, huyết áp, khí quản, mắt, nước bọt ... dây thần kinh cánh tay cũng từ xương cổ, nếu bị chèn ép thì cũng sinh ra các chứng đau tê. Nếu thường lạy Phật cúi đầu mềm mại, kéo dẫn các đốt xương cổ thì có thể trị các chứng bệnh tại các bộ vị nói trên.

Khi cúi xông lạy Phật (cúi đầu, cong lưng, co đầu gối) là dùng gót chân làm chuẩn, chuẩn gót chân là trọng tâm vật lý tự nhiên thì cơ bắp không bị căng, mất sức, bộ ngực và bụng đưa ra rồi sau đó kéo lui (cho đến khi thấy được gót chân sau) thì mới gập lưng xuống, tốt nhất là gập cho đến khi bụng sát vào vế, động tác này có thể làm cho cơ bắp ở hai bên cột sống dẫn ra, khiến các khớp nối được kéo ra. Làm như thế khiến nội tạng và mạch máu được tốt. Khi lạy xuống trong động tác qui, thân tay động nhưng trọng tâm vẫn được giữ không độ (nhứt tâm), (định trong trọng).

Trong khi lạy Phật chớ nhắm mắt, nên thu nhiếp nhãn thần, tự quán chiếu mình. Nếu nhắm mắt thì tư thế không ổn định, công năng điều chỉnh huyết áp cũng có thể bị ảnh hưởng. Hơn nữa, mở mắt và nhắm mắt thì "sóng não" không giống nhau. Chúng ta lạy Phật là khai phát cái công năng của "giác tính", khai phá cái công năng cao cấp của bộ não, chứ không phải sùng bái một cách mù quáng.

Khi lạy Phật thì hai bàn tay chấp lại, nhưng trước khi qui xuống thì trước tiên buông lỏng hai tay, đặt xuống đất làm điểm tựa, sau đó mới co đầu gối qui xuống, lòng bàn chân phải lật lên trên, người ngồi vào chỗ nghiêng vào trong của gót chân sau (kéo dẫn nhượng chân, đồng thời kích thích, hoạt hóa điểm phạn xạ của bạch huyết cầu); sau đó cúi phần trên của thân thể cho ấn đường giữa hai mày chạm đất, cần chú ý từ đầu đến cuối phải mở mắt. Động tác này có thể làm cho cột sống của chúng ta được vững mạnh. Vì người ta cứ muốn duy trì tư thế đứng cho nên thường bị tức hông đau lưng, một số người khi đứng, phần bụng bị căng thẳng, cho nên phần xương sống phía dưới thường cong về phía bụng, như thế sẽ khiến các đốt cột sống ở phần này ép chặt vào nhau, gây trở ngại (ảnh hưởng đến các bộ phận nằm trong bụng như : gan, dạ dày, thận, ruột non, ruột già, bàng quang ...) Lạy Phật có thể loại trừ những chướng ngại này, đó cũng chính là tiêu trừ nghiệp chướng, làm vững mạnh cột sống, khiến nó hướng trở lại về phía lưng, cũng chính là mở rộng các khớp xương sống đang bị dính nhau, loại trừ sức đè ép.

Khi qui lạy Phật, đầu chạm đất, đồng thời hai tay nhẹ nhàng đưa về phía trước, chuẩn bị tiếp Đức Phật, tay đưa ra cách đỉnh đầu một nắm tay, đồng thời mở rộng tối đa phần dưới nách, nhằm mở rộng dung lượng tim của chúng ta và gia tăng sức hoạt động của phổi, cũng là để gia tăng sức chuyên đổi không khí của phổi (gia tăng sức chứa không khí). Sau khi duỗi tay ra phía trước đầu, lật bàn tay lên trên, động tác này trở ý "tôi quyết định chuyển biến tâm cảnh của tôi để nghinh đón ánh sáng của đức "Phật", cũng trở ý "Tôi đem hết tâm tôi mà cúng dường đức Phật, không giữ lại một chút nào". Lúc này cần phải quán chiếu vào đầu ngón tay của chúng ta, giống như cánh hoa sen mềm mại, nhẹ nhàng, không nên dùng sức, dùng hoa sen của hai bàn tay để tiếp đón đức Phật, động tác này nhắc nhở chúng ta hoa sen nở không phải dựa vào sức mạnh bên ngoài, mà dựa vào sức mạnh tự giác bên trong. Tâm hoa của chúng ta nở ra cũng như thế. Bây giờ nên quán tưởng đức Phật đại từ đại bi đang đứng trên hoa sen hai bàn tay của chúng ta mà tiếp nhận lễ bái. Chúng ta có thể đối mặt cùng đức Phật, điều này thật hân hoan hỉ

lạc biết bao nhiêu! Lúc này một nụ cười của nội tâm tự nhiên xuất hiện. Chúng ta lại quán tưởng đức Phật phóng ánh sáng thanh tịnh, từ bi đến đỉnh đầu của chúng ta, khiến toàn thể thân tâm chúng ta đều thanh tịnh, quang minh. Tất cả bệnh tật đau đớn giống như bóng tối, gặp được ánh sáng thì không còn tối tăm. Chúng ta lại quán tưởng ngoài chúng sinh đều cùng chúng ta lạy Phật, tắm gội ánh sáng của đức Phật.

Tất cả chúng ta đều đang hít thở, nhưng thật ra rất ít người biết hít thở như thế nào, rất ít người có được sự hít thở hoàn chỉnh, triệt để. Tại sao như thế? Chúng ta có thể quán sát trạng thái của người đang bận rộn, hoặc tâm đang chú ý về một sự việc gì đó bên ngoài, thì thấy rằng hô hấp của người ấy bị ảnh hưởng, biến thành sự hô hấp rất cạn, rất ngắn, thậm chí có khi ở trạng thái gần như ngưng dứt, nhất là khi tâm tình phiền não, giận dữ, loại hô hấp này sẽ khiến không khí dơ bẩn trong cơ thể không thể thoát ra được để thay đổi không khí tốt tươi. Cho nên lâu sau sẽ tích lũy không khí ô nhiễm trong thân thể, thiếu thốn dưỡng khí. Tế bào thiếu dưỡng khí thì dễ sanh ra ung bướu. Chúng ta lạy Phật thì có thể điều chỉnh hô hấp, khiến cho hô hấp được triệt để và hoàn toàn. Lạy Phật cũng là môn khí công rất tốt vậy. Động tác lạy xuống khi chúng ta lạy Phật có thể giúp chúng ta tống khí ra triệt để, khiến không khí ô nhiễm của phổi và toàn thân được tống ra hết. Trong khi nằm vóc sát đất, vì toàn thân buông lỏng, cơ bắp buông lỏng không bị trở lực nào. Trong tình trạng không bị trở lực, cơ bắp tự nhiên sẽ có được sự hấp khí rất sâu, rất hoàn toàn. Theo nguyên lý động lực học về huyết dịch, máu lưu chuyển cũng do tác dụng hấp dẫn của sự hấp khí sâu, máu sẽ trở về tim một cách thuận lợi, để rồi lại từ tim mà đi ra. Mỗi tế bào của chúng ta đều nhờ động tác lạy Phật mà có được nhiều dinh dưỡng và dưỡng khí cùng với không khí an lạc, hoan hỷ của thế giới Cực Lạc. Khi đang lạy mà muốn đứng dậy thì phải nhân lúc hít mà vận dụng sức để đứng lên, như thế mới được nhẹ nhàng mà không phí sức. Gọi là "vĩnh viễn an lạc vô ưu" chính là từng lúc an lạc vô ưu trong hiện tại.

Dần dần tôi nhận ra rằng, té ra một ngàn lạy, một vạn lạy bất quá cũng chỉ là một lạy trước mắt mà thôi. Vốn không cần phải so đo, lại càng không phải phí tâm nghĩ đến mình đang lạy một lạy. Cứ hưởng thọ cái sát na trước mắt được đối diện với Đức Phật là tốt vậy.

Người xưa nói: "Vạn cổ mênh mông, một ngày trăng gió", khoảng trời mênh mông từ vạn cổ đến nay, chính là trăng gió mà bạn nhìn thấy trong khoảnh khắc trước mắt, mỗi trăng gió trong mỗi ngày đều là khoảng mênh mông vạn cổ. Cho nên bảo rằng: "Vĩnh viễn an lạc vô ưu" chính là mỗi "cái hiện tại" đều an lạc vô ưu. Nếu hiện tại mà không đủ mở lòng để hoan hỷ phát huy sinh mạng, tạo phước cho mọi người thế thì có tranh thu ngày mai cũng không ích gì. Tôi rất thích một câu nói cổ "dù ngày mai là ngày tàn của thế giới, đêm nay ta vẫn cứ trồng đầy hoa sen trong vườn, lấy lòng yêu gió mát trăng thanh mà ca vịnh Đức Phật A Di Đà".

Dù ngày mai là ngày tàn của thế giới;

Đêm nay ta vẫn trồng đầy hoa sen trong vườn;

Đem lòng yêu gió mát trăng thanh mà ca vịnh Đức Phật A Di Đà.

Mọi sự trên đời, mọi bệnh tật đều nhất nhất giải quyết, giải quyết đến cuối cùng, chỉ còn lại một vấn đề sinh tử không thể tránh khỏi, và vấn đề sau khi chết lại luân hồi thọ khổ.

May mắn có đức Phật A Di Đà từ bi phát 48 đại nguyện làm chỗ nương tựa cho chúng ta trong sinh tử. Tôi đã tận mắt chứng kiến rất nhiều người niệm Phật vào lúc lâm chung nhìn thấy đức Phật đến tiếp dẫn và vui mừng vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Cho nên tôi suy nghĩ kỹ, đã bị ung bướu thì phải làm sao? Phương pháp tốt nhất chính là hiện tại cứ hoan hỷ, can đảm thẳng

tiền (“vãng”) đến cõi Tịnh Độ từ bi mà”sinh” sống (ý nghĩa của”vãng sinh”). Năm lấy hiện tại an vui”vãng sinh” (thì mới không sống uống). Đến khi sắp chết lại càng an vui, vì người niệm Phật chỉ cần người niệm Phật có tín nguyện kiên cố thì tất nhiên Đức Phật sẽ hiện tiền từ bi gia hộ, khiến chúng ta an nhiên tự tại, không khổ đau, không hoảng loạn và đón tiếp chúng ta. Xin chú ý, hoan hi”vãng sinh” thế giới Cực Lạc là đang sống mà có thể “vãng sinh” (di dân) đến thế giới Cực lạc Vô Lượng Thọ Mạnh, (hoàn toàn không phải chết đi mới gọi là”vãng sinh”), vãng sinh Cực Lạc là đến lưu học tại nước Phật, phát huy đầy đủ tiềm năng Phật tính, rồi quay trở về nhập vào thế giới khổ nạn mà cứu độ chúng sanh, thực hiện trọn vẹn đại nguyện vĩnh hằng! Quý vị nghĩ xem, có phương pháp nào tốt hơn thế chẳng?

CƯ SĨ LÝ MỘC NGUYÊN (Tế bào ung bướu biến thành rừng công đức).

Chúng ta nên tin vào Phật lực hay tin vào nghiệp lực? Tín lực của chúng ta không giống nhau, thì kết quả sẽ không giống nhau.

Đến đây chúng tôi xin giới thiệu một người thật việc thật. Đó là một sự tin tưởng cảm ứng Phật lực của một cư sĩ hoa kiều ở Singapore là cư sĩ Lý Mộc nguyên. Ông đã lấy lòng tin và nghị lực vô cùng kiên cố mà niệm A Di Đà phật, đồng thời đem thân mình công hiến cho chúng sanh, cống hiến cho Phật giáo, nhờ đó mà ông đã loại trừ được chứng ung bướu và bệnh tim rất nghiêm trọng. Không những ông không bị ma bệnh đánh ngã, mà còn dùng ung bướu làm động cơ, động lực, nỗ lực hoằng dương Phật giáo. Không những ông đã vạch ra con đường lớn trang nghiêm sáng sủa của việc học Phật, mà còn thúc đẩy chúng ta thêm nỗ lực, cho chúng ta sự khích lệ và niềm tin rất lớn.

Vị cư sĩ này là người chân tình, hào sảng, hăng hái, từ nhỏ đã thích đi tìm chân lý, bất cứ việc gì cũng tìm chứng cứ, tìm sự thật, không mù quáng tuân theo, không tùy tiện tin tưởng. Ông cũng rất có lòng hiếu. Khi mẹ ông bị ung bướu, tất cả những việc lật vật như cơm nước, dọn dẹp vệ sinh... cho mẹ đều chính ông lo liệu, chính tay ông làm. Ông săn sóc bệnh cho mẹ trong ba năm, có nhân duyên tiếp xúc với Phật pháp, tự thân thể nghiệm sự diệu dụng của việc niệm Phật. Mới đầu cha ông rất phản đối việc ông tin phật niệm kinh.

Tuy nhiên ông rất tế nhị, khi mang kinh ra, tụng kinh ông đều trải ra một tờ báo, giả như đang đọc báo, mà thật ra thì để tâm vào việc tụng đọc kinh Phật. Tuy ông có nhân duyên tiếp xúc với Phật pháp và cũng nhiệt thành vì Phật giáo mà phục vụ đại chúng, nhưng khi sư phụ khuyên ông ăn chay, ông lại bảo: “tôi rất ghét ăn chay, đường đường một con người như tôi mà phải ăn cỏ ư?” Ông xem trọng và ưa thích việc ăn mặn, thân thể béo mập nặng tới chín mươi ký, vòng bụng lớn bốn trăm tám mươi phân. Có người đùa ông bảo, mỗi lần mua quần áo ông phải mua hai cái, để mỗi bên mặc một cái.

Năm 1982, một buổi sáng nọ ông ho ra máu, kết quả kiểm tra của bác sĩ cho rằng ông bị bệnh lao phổi, nhưng sau thời gian trị liệu, bệnh tình của ông hoàn toàn không thuyên giảm. Ông lại được kiểm tra thêm một lần nữa thì mới biết ông bị ung thư phổi. Không những phổi bị ung bướu mà cả ruột cũng bị ung bướu, thậm chí các tạng phủ đều có hiện tượng di căn. Bác sĩ bảo ông rằng tình trạng vô cùng bi đát, có thể không quá sáu tháng nữa.

Ông là một người có trí tuệ lớn. Nơi cửa ải sinh tử này, ông cũng thể nghiệm được lòng tin tưởng sâu xa của ông đối với Phật lực. Sau khi ông ho ra máu, sư phụ muốn ông nghỉ ngơi, nhưng ông không chịu. Ông phát tâm vì đại chúng mà làm việc, dứt khoát không chịu nữa

đường phé bỏ. Ông nói: “Tôi chẳng kể gì, tôi cứ niệm Phật!” Ông biết rằng bệnh tình của mình rất nghiêm trọng, bèn giao toàn bộ sự việc cho vợ quản lý, kinh doanh, ngay cả thẻ tín dụng cũng trả lại cho ngân hàng. Sau đó ông toàn tâm toàn mạng cống hiến cho Phật giáo, sống một ngày cống hiến một ngày, yên tâm niệm Phật, quyết chí vãng sanh thế giới Cực lạc ở Tây Phương.

Phục vụ tại “Phật giáo cư sĩ Lâm”, phàm những công tác hoằng dương Phật pháp, lợi ích chúng sanh, ông đều xông xáo thực hiện không tiếc sinh mạng. Ông nói: “Tôi đem thân xác giao cho”Long Thiên Hộ Pháp”. Ông tin tưởng Phật pháp, tin rằng tâm thanh tịnh thì sẽ không có bệnh tật. Ông nghe theo lời dạy của sư phụ: “Cần phải kiểm thảo tâm niệm của chính mình. Nếu vì mình thì đó là ma, nếu vì đại chúng thì đó là Phật.” Ông tôn trọng nguyên tắc này để phục vụ đại chúng, kết quả là sáu tháng đã trôi qua, thậm chí sáu năm trôi qua, mười năm trôi qua ông vẫn không chết, vẫn không bệnh, cho đến giờ đây ông vẫn sống khỏe mạnh. Lại nữa, ông thường tổ chức các đoàn đi Đại lục, hộ trì Phật pháp ở Đại lục. Ông còn đảm nhận chức Lâm trưởng hội Cư sĩ Lâm ở Singapore, lễ thọ Pháp sư Tịnh Không hoằng dương chánh pháp Tịnh độ. Ông còn sáng lập ra thôn Di Đà, mỗi ngày đều rất rộn rịp đông người.

Năm 1988, do Tổng hội Phật giáo ở Singapore sắp truyền giới, sư phụ muốn ông nỗ lực phát động đại chúng thọ giới. Ông nghĩ, nếu muốn người ta thọ giới thì mình phải phát tâm thọ giới. Sư phụ bảo ông thọ giới Bồ Tát, nhưng bấy giờ ông vẫn thích ăn mặn, ăn chay tối đa là mười ngày. Khi ông đến giới trường, một vị sư phụ nghiêm nghị nói với ông: “Làm Bồ Tát gì mà còn ưa ăn thịt!” Nói ra thì thật là kì diệu, sau khi thọ giới, trước khi về nhà ông còn gọi điện thoại bảo người nhà nấu đồ ăn ngon (đồ ăn mặn) mà chờ ông. Nhưng khi về đến nhà, ông bỗng cảm thấy trong nhà có mùi hôi thối giống như mùi chuột chết, dù ông tìm mãi không thấy con chuột chết nào. Sau đó ông mới phát hiện mùi hôi thối đó té ra là mùi cá thịt mà ông thường thích ăn nhất. Từ đó về sau, chỉ nghĩ thấy mùi thịt là ông có cảm giác đó là mùi chuột chết, và tự động không dám ăn. Ông nói: “Chính tôi cũng không dám tin, tôi đã là người thích ăn thịt như thế mà rốt lại chuyển sang ăn chay”. Đây là sự không thể nghĩ bàn của Phật pháp vậy.

Ông vốn không những bị ung bướu mà còn bị bệnh tim rất nặng, cao huyết áp, tiểu đường rất nghiêm trọng. Hơn nữa huyết quản của tim có ba đường bị nghẹt, trong đó hai đường bị nghẹt chín mươi lăm phần trăm. Bác sĩ bảo ông phải mổ vì bệnh rất nguy hiểm, lúc nào tim cũng có thể trở cứng. Nhưng vào hôm ông sắp đến bệnh viện để mổ lại đúng vào lúc Phật giáo có việc rất quan trọng cần ông giúp đỡ. Ông nghĩ rằng đây là Bồ Tát bảo ông không nên đi mổ, do đó ông nói với Bồ Tát: “Tôi không muốn đi mổ nữa!” Do đó ông báo với y viện bãi bỏ việc mổ, và ông vì Phật giáo mà làm việc. Giữa”vì mình” và”vì Phật giáo đại chúng” ông đã chọn vì Phật giáo, vì đại chúng, buông bỏ lợi hại, được mất của cá nhân, buông bỏ sự sinh tử của cá nhân.

Mỗi ngày ông đều niệm Phật, đem hết sức phục vụ Phật Giáo và đại chúng. Ông làm việc trong hội Cư sĩ Lâm, thư viện Phật giáo và ban bồi dưỡng huấn luyện hoằng dương Phật pháp. Từ việc dạy nhi đồng đọc kinh, đến vỗ về săn sóc người già, khuyên người già niệm Phật, thậm chí ông còn đến nhà lao thuyết giảng Phật pháp, hộ niệm, tắm rửa cho người chết. Chỉ cần việc gì có ích cho chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh học tập, ông đều xông xáo, nhiệt thành mà làm. Kết quả ông bị ung bướu cũng chẳng sao. Về sau kết quả kiểm tra cho biết ba đường máu bị nghẽn của tim rút lại đã khôi phục như thường, hơn nữa, thân thể ông càng ngày càng cường

trắng, mỗi ngày ông có thể bơi một ngàn năm trăm mét, thậm chí có lần ông bơi được năm ngàn mét. Mọi người đi thuyền đều chóng mặt, riêng ông là không bị; ông lại còn phụ giúp bác sĩ săn sóc những người kia. Khi đến Đại lục là nơi trời rất lạnh, ông ăn mặc sơ sài cũng không hề lạnh.

Nhiều người và cả bác sĩ đều cho rằng ông lành bệnh rất kì lạ. Nhưng lão Pháp sư Tịnh Không nói: “Chẳng phải lạ lùng gì, đây là hiện tượng bình thường. Chúng ta bị bệnh, già yếu là do trong nội tâm của chúng ta có các độc tố của tham, sân, si, đồng thời còn thêm các thứ ô nhiễm xấu ác bên ngoài, cho nên ai cũng vì thế mà bị bệnh, già yếu.” Lão Pháp sư cho rằng cư sĩ Lý Mộc Nguyên được lành bệnh là vì ông đã tiêu diệt được độc tố của bệnh ở nội tâm của ông, ông khiến trái tim khôi phục trở lại, thanh tịnh, chân thành, từ bi, do đó tế bào của toàn thân đều tự động tổ chức mới lại, thân thể tự nhiên được khôi phục, mạnh khỏe.

Ông dứt bỏ hết cái tâm tư suy nghĩ, tính toán của mình, lấy tâm mà niệm Phật, vì đại chúng mà nỗ lực phục vụ. Do đó mà ông cải biến được bệnh tật, khỏe mạnh trở lại; hơn nữa, lại khắc phục được các khó khăn, chướng ngại của hoàn cảnh. Ông hết sức phục vụ vì Phật giáo, thế mà có người hiểu lầm ông, thậm chí còn vu oan ông tham ô, ông bị cục điều tra Singapore điều tra mười ba lần. Kết quả là người của cục điều tra chứng thực là ông không tham ô, đồng thời cũng cảm thông hoàn cảnh của ông, bảo ông làm đơn kiện ngược lại người vu cáo. Nhưng ông nói: “Tôi đã thọ giới Bồ Tát, tôi không nên làm như thế!” Ông một lòng chỉ muốn giúp đỡ mọi người học Phật, không muốn gây ác duyên cùng mọi người.

Ông chịu rất nhiều lao đao, chướng ngại, nhưng vẫn không nản lòng, mà ngược lại càng dũng mạnh, tinh tấn, vì Phật giáo, vì chúng sanh mà phục vụ.

Ông cho rằng nghiệp chướng trong việc học Phật của ông rất nặng, cho nên cần phải chuyên cần niệm Phật. Vào hôm qui y ông đã gặp chướng ngại. Mỗi lần gặp chướng ngại, ông càng chứng thực được sức mạnh của việc niệm Phật là không thể nghĩ bàn, khiến ông lại càng có tín tâm đối với việc niệm Phật. Hồi ấy các trạm xăng dầu còn chưa có nhiều, mỗi lần lái xe, ông phải chuẩn bị một thùng xăng ở sau hòm xe. Sự an ninh ở Singapore rất tốt, nổi tiếng trên thế giới. Nhân viên cảnh sát luôn luôn chú ý đến sự an toàn của nhân dân. Hôm qui y, giữa đường ông gặp cảnh sát chặn xe để kiểm tra, cảnh sát phát hiện thùng xe phía sau có một thùng xăng và một áo choàng đen, bèn nghĩ ông là kẻ đốt nhà, cướp của, do đó bắt ông về cục cảnh sát mà tạm giam. Cảnh sát nói với ông: “Hôm nay là thứ bảy, cảnh sát trưởng không đến, ngày mai chủ nhật, thứ hai là Quốc Khánh, thứ ba ông sẽ ra tòa.” Thế là ông bị tạm giam. Chỗ tạm giam đã có hai người lớn tuổi, đều là phụ xe ba gác, do đánh bạc mà bị bắt. Cư sĩ Lý nghĩ bụng, không biết làm sao cho phải, ông liền bắt đầu lớn tiếng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, đồng thời yêu cầu hai người phụ xe ba gác cùng niệm với ông. Hai người ấy không để ý gì đến ông. Ông càng niệm càng lớn tiếng, lại nghĩ đến lúc ông qui y, Pháp sư Diễn Bồi có nói: “Hôm nay là ngày 19 tháng 6, mọi người ngoài việc niệm Thánh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, cũng có thể niệm A Di Đà Phật.” Do đó ông lại lớn tiếng niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật ... niệm tới 11 giờ thì có một người cảnh sát đến mở cửa và nói với ông: “Ông bước ra, cảnh sát trưởng gọi ông.” Ông lấy làm lạ, vừa rồi cảnh sát có nói hôm nay là thứ bảy, cảnh sát trưởng không đến, nay vì sao lại đến? Ông bước ra thì thấy ông Cảnh sát trưởng, trạc hơn ba mươi, hỏi ông vì sao bị bắt. Ông đáp: “Tôi để một thùng xăng trên xe, họ bảo tôi định đốt nhà. Tôi lại có mang theo một cái áo choàng đen, họ bảo tôi là ăn cướp.” Rồi ông phân trần với ông cảnh sát trưởng: “Ông xem! Tay của chiếc áo đen này rộng như thế, làm ăn cướp mà chạy thì rất khó, sẽ té

ngã!” Ông cảnh sát lại hỏi ông: “Họ đối xử với ông có tệ không?” Cư sĩ Lý đáp: “Không.” Ông cảnh sát trưởng nói: “Ông có thể về nhà được rồi!” Ông lại còn bảo ông cảnh sát giúp ông bỏ thùng xăng lên xe. Trước khi ra đi, ông còn đặc biệt chạy trở lại chỗ tạm giam hai người phu lớn tuổi kia và nói: “Các vị xem! Tôi niệm Phật mà ra khỏi đây. Thế mà các ông không chịu niệm, không nghe lời tôi!”

Cư sĩ Lý suốt đời cứ lặn lội lao đao, nhưng ông tin tưởng vào Phật lực, không hề buông xuôi, vẫn kiên trì dùng sự niệm Phật và nguyện lực để vượt qua nghiệp lực của ông. Có lần ông đến núi Cửa Hoa ở Đại lục, gặp một vị rất giỏi bói toán nói với ông: “Ông sẽ bị tê liệt, không thể đi được.”, và khuyên ông mau trở về. Ông nói: “Tôi tin Phật, Bồ Tát! Dù thế nào cũng chẳng sao!” Đâu đâu ông cũng chứng minh cho chúng tôi thấy rằng, sức mạnh của tín nguyện và niệm Phật nhất định thắng nghiệp lực! Chẳng những ông không bị tê liệt mà còn đi như bay! Tâm của ông cải biến thì thân thể cải biến, hoàn cảnh thế giới cũng cải biến.

Chúng ta cần phải hiểu rõ danh lợi, quyền thuộc ở thế gian là những thứ không mang theo được, chỉ có công đức phước báo của việc tu hành mới mang theo được, đem dùng được. Ông có sự phán đoán, chọn lựa rất trí tuệ. Ông quyết định buông bỏ cái lợi danh”không mang theo được”, quyết định dùng sinh mạng để trồng nhân lành, để tu các phước báo công đức”có thể mang theo được”. Nếu chúng ta trồng nhân lành vãng sinh Tây Phương thành Phật thì nhất định chúng ta cùng đại chúng sinh vào nước Cực Lạc, được thành Phật, quả báo tốt lành nhất.

Phật A Di Đà, oai đức vô cùng.

Một niệm tương ứng, phong quang động địa.

PHÓNG SANH LÀ PHÓNG SANH CÁI TÂM TỪ BI

PHÓNG SANH SỰ SỐNG LẠI CỦA MÌNH. VỊ BÁC SĨ VƯỢT KHỎI BỆNH UNG THƯ MÁU

Tôi có một bạn đồng học, nay là giáo sư đại học tại Mỹ quốc, và cũng là một nhà khoa học về thực phẩm nổi tiếng trên thế giới. Khi còn học trong nước, ông mắc bệnh nặng. Cha mẹ đưa ông đến các danh y, thực hiện rất nhiều cuộc kiểm tra rất nhọc nhằn, người ta phát hiện trên tấm phim X quang chụp ngực của ông có một đốm đen đặc biệt nhưng không đưa ra được lời chẩn đoán chính xác. Vị đồng học này vì đã trải qua rất nhiều khổ đau, nên ông rất dễ thông cảm nỗi khổ của người khác, tâm địa của ông rất từ bi. Hồi còn học đại học, ông đã học Phật, lại còn phát tâm thọ năm giới. Sau khi thọ giới ông rất thành tâm giữ giới.

Khi còn học cấp thạc sĩ tại Mỹ, bài học và việc thực tập của ông rất bẽ bộn. Mỗi ngày ông phải làm việc tới 12 giờ, 1 giờ sáng. Cứ phải trường kỳ lao nhọc và mất ngủ, lại thêm không có ăn uống bổ dưỡng đầy đủ, lâu ngày, ông dần dần phát hiện mình có bệnh, ông thấy môi mình tái nhợt. Khi ông sắp nhận được học vị thạc sĩ, ông còn phải làm một cuộc thực nghiệm, theo đó ông phải giết khá nhiều chuột. Lòng từ bi vốn có và tinh thần giữ giới khiến ông không chịu sát sanh, cho nên ông kiên quyết buông bỏ học vị thạc sĩ sắp đến tay.

Người trong nhà và bằng hữu đều chê trách ông: “Anh đã chịu khổ sở lâu nay tại Mỹ quốc như thế, tại sao cuối cùng lại buông bỏ chứ? Mọi người phải chịu khổ nhọc như thế tại Mỹ chính là để có được học vị này, tại sao anh khờ dại thế, không chịu giết chuột mà lại buông bỏ học vị?”

Ông là một người ôn hòa, không ưa tranh biện. Đối với ông trí tuệ và từ bi của việc học Phật vượt khỏi cái tâm công danh, lợi lộc của thế gian. Do đó ông chuyển đổi việc học tập, chọn loại nghiên cứu mà không cần phải sát sanh. Ông phải khổ nhọc trong thời gian rất lâu mới có được học vị thạc sĩ.

Vì phải nghiên cứu, học tập, ông trải qua nhiều năm thực nghiệm, đêm khuya phải quan sát kết quả thực nghiệm. Ông không ngủ trong thời gian dài, ăn uống sinh hoạt không quy củ, bao năm mệt nhọc, thể lực suy mòn. Khi ông về nước, tôi thấy sắc mặt ông rất nhợt nhạt, xem ra huyết sắc tố nhất định dưới bảy; thì ra bấy giờ, bệnh ung thư máu của ông đã phát triển một thời gian rồi.

Vị bác sĩ kiểm tra trị liệu cho ông tại Mỹ, và cũng là tác giả cuốn sách giáo khoa thuyết Dịch Học của chúng tôi, giáo sư Sheeling đã lắc đầu trước bệnh tình của ông, cho rằng hoàn toàn không có cách gì chữa trị. Bạch huyết cầu của ông chỉ bằng một phần ba hay bằng một phần tư của người bình thường, hồng huyết cầu không bằng phân nửa người ta, huyết tiểu bản xuống thấp đến mức có thể bị xuất huyết. Trước đây tôi đã khám các bệnh nhân có huyết tiểu bản thấp đến mức năm mươi ngàn thì đã xuất huyết, rất khó khống chế. Huyết tiểu bản của ông chỉ ngang mức ba, bốn chục ngàn, thế mà ông chưa hề bị xuất huyết, kể cũng may cho ông.

Người đồng học này của tôi đã phải chịu đựng nhiều khổ nhọc qua các lần kiểm tra bệnh, cũng biết được bệnh tình của mình nên không muốn chữa trị tại y viện. Ông kiên trì ăn chay, nhưng cải biến nội dung ăn uống, và quyết giữ như thế. Ông lại còn kiên trì niệm Phật, và vẫn giữ các sinh hoạt bình thường. Ông lại tiếp tục học cấp Tiến sĩ. Trong đám bạn bè, nếu không nhắc đến không ai biết ông mắc bệnh nghiêm trọng này. Ông còn tiếp tục theo học cấp Tiến sĩ tại đại học Wisconsin tại Mỹ quốc. Trong khi ông lo lắng vì huyết cầu của ông quá ít, tôi nói với ông: “Không hề gì (anh không nên lấy cái tâm hồi hộp mà xem kết quả kiểm nghiệm), huyết cầu của anh tuy ít, nhưng nếu anh cứ niệm Phật cho tốt, cố tịnh tâm thì mỗi huyết cầu của anh là một cao thủ võ lâm, một chống mười, cũng giống như một vị tướng đánh thắng một trăm tên lính! Tâm của anh chớ để ý đến các các số mục lên xuống của báo cáo kiểm nghiệm. Chỉ cần vui vẻ mà sinh hoạt tốt. Ông nghe thế thì mỉm cười vui vẻ.

Quá khứ không cần suy lường

Vị lai chớ nên lo sợ

Hiện tại chẳng phải khẩn trương

Niệm Phật tự nhiên tốt lành

Thật ra, với bệnh tình như vậy thì người khác đã chết từ lâu, nhưng ông vẫn đạt được học vị của Đại học Wisconsin. Hơn nữa, hằng ngày dù có bận rộn công việc bao nhiêu ông vẫn sáng tối thực hiện công khóa niệm Phật. Công đức trì giới không sát sanh, sự thành tâm niệm Phật của ông và sự gia bị của Phật lực, khiến ông có thể sinh hoạt bình thường. Trong sự mông lung này có sự cảm ứng không thể nghĩ bàn.

Ông rất kính ngưỡng ân sư, sư phụ Sám Công (tức Pháp sư Sám Vân). Khi sư phụ đến Mỹ quốc để hoàng pháp, ông bỏ hết công việc để lái xe cho sư phụ. Ông lại còn thuê một chiếc xe rất lớn để sư phụ có thể nghỉ ngơi thoải mái, người khác thì không lái nổi loại xe lớn này; ông tuy thân thể không khỏe, nhưng cũng hoan hỉ tự mình lái xe, lại còn mời sư phụ ở tại nhà ông. Tôi có cảm giác ông dùng lòng hiếu thuận của đấng cha mẹ đối với sư phụ. Khi ông mua một chiếc ghế mới có chỗ ngồi rất êm ái thì câu nói đầu tiên của ông là: “À! Sau này sư phụ Sám Công đến, ta phải mời ngài ngồi vào ghế này,” Do đó ông chuẩn bị thật tốt, để lần tới khi sư phụ

toi sẽ mời ngài ngồi. Ông thân cận với Cao Tăng, Đại đức như thế, quả là đã được gia trì không thể nghĩ bàn. Khi sư phụ Sám Công đến Mỹ quốc, ông bèn tham gia khóa tu bảy ngày do sư phụ chủ trì; có lần trong pháp hội có một người Mỹ, là một người theo tôn giáo khác, không biết vì nhân duyên gì cũng đến chùa Trang Nghiêm. Người mỹ này thấy sư phụ Sám Vân toàn thân tỏa ánh sáng chiếu vào mọi người đang ở đó! Người Mỹ này lấy làm lạ, không đành lòng được bèn cho mọi người biết. Khi họ đến chùa Trang Nghiêm, ngài Hiền Công (tức lão pháp sư Hiền Minh) vốn là người rất từ bi, lại có nhãn lực hơn người, vừa trông thấy đã phát hiện ngay người đồng học của tôi đang bị bệnh. Ngài Hiền Công vô cùng từ bi đã nhờ cậy một cư sĩ chuyên nghiên cứu y học lại tinh thông Kinh Dịch. Cư sĩ này vốn là một vị tướng, sau khi về hưu thì ở ẩn. Ngoài Hiền Công, không ai biết ông tinh thông y học. Vị cư sĩ này rất từ bi, ông nhận lời ủy thác của ngài Hiền Công, khám bệnh cho cư sĩ lý Mộc Nguyên thường gọi điện thoại hỏi han bệnh tình, dùng trái cây và các loại rau xanh phối hợp để trị liệu. Người khác mà bị bệnh như thế thì phần lớn trị cho đến rụng hết tóc, hư cả miệng, thường phải tiếp thêm máu, phải nằm bệnh viện và nằm cách li; còn ông thì ngày ăn trái cây và rau xanh rất ngon, ăn đến mập ra, lại còn có thể vận động, đánh banh mỗi ngày đánh một, hai tiếng đồng hồ, hoan hỷ niệm Phật không phải tiếp máu.

Ông lại rất hiếu thuận, bị bệnh nặng như vậy chịu đau đớn mà không cho cha mẹ ở Đài Loan biết. Vợ con ông chăm sóc ông hết lòng, suốt sáu bảy năm mà cha mẹ ông hoàn toàn không hay biết. Vì ông nghĩ rằng cha mẹ đã lớn tuổi, hai vị lại đang ở Đài Loan, ông không nỡ để cho họ lo lắng ưu phiền, nên ông cố không nói cho cha mẹ biết bệnh tình của mình.

Tôi phát hiện ra rằng người từ bi quả là có phước báo đặc biệt. Gọi là phóng sinh, cũng chính là phóng sinh cho cái tâm từ bi của chúng ta. Ông thà bỏ cái học vị mà mọi người mong muốn, phóng sinh cho bọn chuột. Ông vốn không mong muốn gì, chỉ vì từ bi mà không nỡ để chúng sinh khổ, hơn nữa lại tôn trọng giới luật của đức Phật mà không sát sanh. Khi ông mang trọng bệnh, trong tình trạng có thể chết, ông cảm khái nói với tôi: “tôi gặp được cao nhân rồi!” Quả là có người xuất hiện cứu ông, vị này dùng phương pháp rất an lạc không thể nghĩ bàn khiến ông khỏe mạnh trở lại, khiến ông sống lại, đồng thời không phải chịu khổ nào quá lớn. Vốn là cái tâm “thà chết vẫn trì giới”, lại có kết quả là “không chết cũng không khổ”. Hiện nay ông còn có thể đến các nơi trên thế giới để phát biểu, diễn giảng về học thuật. Một vị đàn anh trong ngành của tôi là bác sĩ khoa huyết dịch biết được quá trình bệnh trạng của ông, rất lấy làm lạ, vì những người bị bệnh như ông, tuy sau ông nhưng đã chết. Huyết cầu của ông do sự gia trì của Phật từ tâm mà trở nên một chống mười. Ông hiểu được sự diệu dụng và sức mạnh của Phật pháp, nên lại càng chuyên tâm học Phật.

Xin kể một câu chuyện lý thú không thể nghĩ bàn. Vợ chồng ông thường cùng các hoa kiều tại Mỹ và các lưu học sinh niệm Phật tu hành. Vào mùa đông năm nọ, mọi người hẹn nhau tới nhà ông để thực hành khóa tu bảy ngày, cùng nhau niệm Phật, bạn bè khắp nơi tụ tập lại. Có người phải lái xe những ba giờ đồng hồ trên đường tuyết mới đến được nhà ông cùng tu. Không ngờ bảy giờ mẹ ông từ Đài Loan sang mỹ Quốc. Vì mẹ ông thường phản đối việc niệm Phật, học Phật, nên khi biết mẹ sắp đến, vợ chồng ông sợ mẹ ông đến khi mọi người cùng tu, giả như mẹ ông vẫn kịch liệt phản đối mọi người như trước kia thì hai bên không biết phải làm sao, thật là khó xử với những người từ xa đến thành tâm tham gia niệm Phật. Cho nên vợ chồng ông nhờ người em trai ở gần đó tiếp đãi mẹ vài ngày trước đã. Em trai ông cũng đang học tại Mỹ, vợ chồng ông sắp đặt cho mẹ đến nhà em ông vài ngày, đồng thời thành tâm cầu

Phật gia bị, khiến ai cũng đều hoan hỉ. Khi mẹ ông vừa đến, em trai ông mời bà về nhà mình, tạm thời không đến chỗ của anh. Bà mẹ lấy làm lạ nói: “Mẹ muốn đến liền xem sao!” Do đó bà tự mình đến chỗ ông. Hai anh em ở gần nhau chỉ đi chừng vài phút là tới, mẹ ông vẫn thường đến và rất quen đường. Nhưng hôm ấy thật lạ, đi đã mấy phút mà vẫn không thấy nhà ông đâu, trái lại bà lại đến một công viên rất đẹp, bà vào công viên ngắm cảnh rất thú vị. Sau đó bà quay về nhà em ông mà nghĩ ngợi, bà nghĩ: “Thật lạ! Sao lại tìm không được kia?” Mẹ ông cứ suy nghĩ mãi mà không yên lòng. Cứ cách một ngày, bà lại đi tìm nhà ông, nhưng thật kì lạ, bà lại kiếm nhà không ra, lại vào công viên ngắm cảnh như trước. Cho đến ngày họ kết thúc việc niệm Phật, mẹ ông mới kiếm ra nhà ông. Khi mẹ ông tìm được nhà, bà rất lấy làm lạ, rõ ràng nhà rất gần! Nhà sờ sờ ra đó mà bà cũng đã đến đó tìm, thế nhưng bao nhiêu ngày bà vẫn tìm không được, lại được thưởng ngoạn ở công viên rất vui thú. Mọi người đều cảm thấy Phật lực quả là không thể nghĩ bàn. Bao nhiêu người thành tâm tụ tập để niệm Phật, được Hộ Pháp, Bồ Tát an bài giúp đỡ rất linh diệu!

Mẹ ông bình thường tuy phản đối việc niệm Phật, nhưng bà vẫn nghe vợ chồng ông niệm”A Di Đà Phật”, nghe lâu ngày cũng có ấn tượng sâu sắc. Có một lần động đất, bà đang ở nhà một mình, rất sợ hãi, bèn niệm: “A Di Đà Phật? Cho nên chúng ta có thể hiểu được, có người tuy giờ đây không chịu niệm Phật, nhưng chỉ cần nghe danh từ”A Di Đà Phật” thì đã gieo một hạt mầm kim cương Phật, dù thế nào cũng không tiêu mất, chỉ cần nhân duyên chín muồi thì hạt mầm sẽ nở hoa kết trái. Chỉ cần nghe đến A Di Đà Phật thì khi nguy hiểm cũng có thể khởi dụng mà niệm Phật. Bây giờ mẹ của ông cũng đang dần dần học Phật do vì nhân duyên chuyển biến, nên các bằng hữu học Phật cũng không cần phải lo lắng vì người nhà không chịu học Phật, chứ nếu buồn giận người nhà thì tức là tự mình đã là không hợp với Phật pháp. Chỉ cần tự chúng ta chân thành không thoái chuyển thì người nhà cũng dần dần được cảm hóa, cảm ứng. Cư Phật Bồ Tát há không kiên trì chờ đợi chúng ta một ngàn, hai ngàn cho đến vô số ngàn năm sao? Tự chúng ta cũng như thế, cứ trễ nãi mà không chịu giác ngộ! Tự mình phải giác ngộ thì mới có thể thức tỉnh người khác được! Vị bằng hữu ấy còn có một chuyện khiến tôi cảm động. Khi còn học ở Đại học Trung Hưng ở Đài trung, nhân đến nghe Kinh tại Pháp hội của cư sĩ Lý Bình Nam. Ông thường đến Liên Xã Đài trung để lễ Phật sáng tối. Bấy giờ ông phát nguyện, hễ còn ở Đài Trung ngày nào thì ngày ấy ông sẽ đến Liên Xã để lạy ba lạy, cảm tạ ơn Phật, cảm tạ ơn cha mẹ, cảm tạ ơn thầy, cảm tạ các bậc thầy, bậc đàn anh tâm huyết tại Liên Xã. Sau khi phát nguyện, quả thực dù bận rộn thế nào, hoặc có việc phải đi Đài Bắc, đến khi trở lại Đài Trung lúc mười một giờ đêm, hai giờ sáng, Liên Xã đã đóng cửa, ông vẫn quyết đến lạy ba lạy, dù lạy ở ngoài cửa cũng được, trước sau không hề có một ngày gián đoạn.

Một hôm, ông từ Mỹ trở về, người nhà đến sân bay Đào Viên đón ông, ông liền lái xe đưa mọi người về quê ở Đài Nam. Khi xe đi qua Đài Trung thì đã mười một giờ đêm, bỗng ông lái xe rẽ vào Đài Trung. Người nhà hỏi: “Anh sao vậy?” Ông yện lặng không nói, cứ một mực lái xe đến cửa Liên Xã. Ông đứng ngoài cửa, cứ theo lời nguyện cũ mà cung kính lạy ba lạy rồi mới tiếp tục lái xe về nhà.

Từ khi bị bệnh, ông phát một nguyện, nguyện an ủi tất cả những bệnh nhân ung thư máu đều không lo sợ, khiến họ khởi lòng tin. Tôi tin rằng lời nguyện của ông nhất định được thành tựu, viên mãn, vì Chư Phật, Bồ Tát xưa nay không hề phụ lòng người chân thành.

Khi sinh mệnh của người ta chấm dứt, thì dù có tiền bạc nhiều, học vị cao cũng không cách nào mua được một phút sinh mạng. Sinh mạng đáng quý như thế, cho dù một con sâu rất nhỏ,

chúng ta cũng không có năng lực để khiến nó đã chết mà sống lại được. Cho nên khi nó còn sống thì phải thương quý nó để cho nó tự do an vui! bình thường chỉ cần dùng tiền bạc rất ít cũng có thể tránh được cho các sinh vật sự sợ hãi bị giết, cho nó một con đường sống, tại sao chúng ta lại không chịu như thế? Khi bỗng dưng bạn bị đối mặt với cái chết, hoặc sinh mạng của bạn đang ở trong tay người khác, thì bạn có thể hiểu được cái tình trạng ham muốn được phóng sinh.

Giả như người bạn đồng học của tôi bây giờ mong muốn có được học vị Thạc sĩ, mà che mờ tâm từ bi, phá giới, đem mấy con chuột ra giết để làm thí nghiệm thì e rằng về sau không có nhân duyên tốt đẹp để được cứu. Chúng ta hãy nghĩ xem, nếu khi bệnh ung thư máu của ông phát triển giống như nhiều người bệnh khác, thì đối mặt với cái chết, học vị Thạc sĩ, Tiến sĩ của ông có lợi ích gì chứ?

Không nở để chúng sinh khổ,
Không nở để Thánh giáo suy
Cho nên ngay nơi đây
Khởi lên tâm đại bi.

SỨC MẠNH CỦA CÁI TÂM HOAN HỖ

Tôi đã từng khám cho một bệnh nhân, đó là một nữ sinh học trung cấp. Em sinh ra chưa được bao lâu thì bị mắc bệnh ung bướu. Khối u đã xâm nhập vào não và tủy sống. Từ nhỏ em đã phải trị liệu, đến khi học trung cấp thì bệnh tái phát. Em trở lại y viện để chữa trị. Chữa trị được một thời gian thì tóc rụng hết, bạch huyết cầu xuống rất thấp, thấp đến nỗi phải nằm bệnh viện, và cách ly với người khác nữa, lại thường mang khẩu trang để tránh lây nhiễm. Bây giờ gần đến lễ tốt nghiệp, em rất muốn đến tham dự lễ, nhưng bác sĩ thấy em có thể nguy hiểm sinh mạng bất cứ lúc nào, nên không muốn em dự lễ, vì như thế là quá mạo hiểm, do đó không chịu cho em xin phép nghỉ để đi dự lễ.

Hôm ấy, khi tôi đến khám cho em, em ngồi trên giường mà chảy nước mắt thất vọng vô cùng. Em nói với tôi, không biết em sống để làm gì, ngày ngày phải bị giam mình trong phòng bệnh để chích thuốc, quả thực chết còn hơn. Mẹ em cũng không biết cách nào để an ủi em. Cô bé nhỏ như thế mà phải chịu đau khổ như thế, tôi nhìn cô mà lòng chua xót.

Tôi nhận ra rằng một người phải sống cho có quang minh, có hi vọng, càng chịu nhiều khổ đau khi chữa trị thì mới có ý nghĩa, và mới hiểu rõ ra. Thực ra, vị bác sĩ nào cũng không thể bảo đảm rằng có một người bệnh cứ mãi giam mình trong y viện thì tuyệt đối không thể chết; cho nên tôi nói với em: “Chúng ta hãy cùng nhau niệm Phật cầu Phật gia hộ cho em. Tôi kí tên để em tham dự lễ tốt nghiệp”, em nghe tôi nói liền trở mắt, vui vẻ hỏi tôi: “Thật đấy chứ?” Tôi nói: “Đương nhiên là thật. Em cứ niệm A Di Đà Phật đi”

Sau khi đồng ý cho phép em nghỉ, tôi liền gọi điện thoại cho cô giáo của em và nói: “em bé này rất ngoan, em rất mong có thể đến trường học mà mãi vẫn không đến được. Giờ đây em rất muốn dự lễ tốt nghiệp, nhưng bệnh tình đang lúc nguy hiểm. Có nhiều đứa bé thân thể rất khỏe mạnh, nhưng lại không biết thương mình, không biết quý mình, lại không thích đi học. Còn con bé này thì đã chịu bao nhiêu đau khổ, lại vẫn rất muốn đi học. Sự đau khổ mà em phải chịu thì

những em bé bình thường không thể chịu đựng được, hy vọng duy nhất của em là được tham gia lễ tốt nghiệp. Thưa cô, tôi có thể nhờ cậy cô được chăng? Vào hôm lễ tốt nghiệp xin phát cho em một phần thưởng và đề nghị các bạn đồng học khen ngợi em, giúp em qua khỏi cửa khó trong đời. Nếu nhà trường không dự định có phần thưởng, thì tôi xin đảm nhận phần thưởng cho em, để em được dịp vui mừng, vì em đã lâu lắm rồi không có được niềm vui!...”

Cô giáo của em rất từ bi, rất xót thương em, cô liền đồng ý, cô sẽ bàn với hiệu trưởng, nhất định sẽ phát cho em một phần thưởng lớn, để khích lệ em. Kết quả là tôi đã ký được giấy phép cho em được nghỉ, em cũng được đi dự lễ tốt nghiệp, và lãnh được một phần thưởng lớn mang về. Em hoàn toàn không hay biết việc tôi đã gọi điện thoại cho cô giáo nên em tươi cười rất dễ thương, và vui vẻ kể cho tôi nghe về lễ tốt nghiệp và phát thưởng. Đây là lần đầu tiên tôi thấy em cười! Nhìn thấy em cười tôi cũng vui vẻ với em, vui vẻ đến nỗi chảy cả nước mắt.

Tôi hiểu ra rằng sức mạnh của tâm quả thực rất lớn, sức mạnh của “tâm hoan hỷ” thật không thể nghĩ bàn. Trước đây tôi đã từng nói, khi vui sướng thì não có thể tiết ra chất hóa học làm tăng chất miễn dịch và số lượng, công lực của tế bào T. em chẳng những không bị nguy hiểm gì mà sau khi trở về chưa được mấy ngày thì huyết cầu của em đã tăng vọt lên, tăng vọt đến mức bình thường, có thể xuất viện về nhà được, thì việc đầu tiên là em sẽ đánh đàn cho tôi nghe. Tôi hỏi em: “Em có biết dùng đàn dương cầm để đàn A Di Đà Phật chăng? Vừa đàn vừa niệm Phật.” Em vui vẻ bảo với tôi là khi về nhà em đàn thử xem. Tuy tôi không rảnh để đến nhà em nghe em đánh đàn, nhưng tôi đã nghe tiếng Phật của nội tâm em qua nụ cười của em...

BÀI HỌC TỪ HAI VỊ UNG THƯ VÚ ĐỒNG CÁNH GẬP NHAU KHÔNG ĐỒNG TÂM TRẠNG

Khi tôi còn làm việc tại khoa ung bướu dãy nhà chẩn khám thứ nhất thông với dãy nhà chẩn khám thứ hai bằng một cánh cửa. Một hôm, tại nhà chẩn khám thứ nhất, tôi khám cho một phụ nữ khoảng hơn năm mươi tuổi bị ung thư vú. Bà khóc thảm thiết, vì bấy giờ cục an sinh chưa thông qua cấp phát tiền trợ cấp, bà cảm thấy áp lực nặng nề về cả kinh tế và bệnh tật nên phát khóc vì chịu không nổi.

Bấy giờ ở nhà chẩn khám thứ hai lại có một bệnh nhân hơn ba mươi tuổi bị ung thư vú đang chờ khám. Nghe tiếng khóc từ bên kia vách, bà vẫy tay gọi tôi rồi vốc tiền trong bao ra và nói nhỏ: “Bác sĩ Quách, xin nhờ cô đem chút tiền này đem cho bà bên kia vách”. Bà đỏ mắt mà nói: “mọi người đều cùng đang thọ khổ”. Tôi nghe xong rất cảm động, liền ca ngợi tinh thần Bồ Tát của bà. Vì theo tôi hiểu, hoàn cảnh người bệnh trẻ tuổi này thật ra còn khốn khổ hơn bà kia, vì con của bà đang cần bú mớm, chồng bà thu nhập chẳng bao nhiêu, lại không có trợ cấp an sinh. Bà vốn đã qua phẫu thuật ở một bệnh viện khác, tiền dành dụm hầu như đã dùng hết. Cho nên khi bác sĩ nội khoa của y viện ấy giới thiệu bà tới trị liệu tại y viện này, bà đã vì không thể nào cáng đáng chi phí trị liệu, đành buông xuôi sanh mạng.

Bà nói với tôi, hôm bà đến sơ khám, thấy trên bảng có ghi một câu:

“Dù ngày mai là ngày tận thế

Đêm nay ta vẫn trồng đầy hoa sen trong vườn”

Bà nói với tôi là bà đã nhìn thấy câu ấy, liền phấn khởi trong lòng, muốn tiếp tục sống nên đã mượn tiền của mẹ để chữa trị. Bà nói: “Sinh mạng thật vô thường, tuy tôi không đủ sức để cảm nghiệm hết khổ đau, nhưng tôi có chút tấm lòng mong giúp đỡ người cùng chịu cảnh khổ, khiến người ta lìa khổ được vui”.

Tôi nghe bà nói xong, trong lòng rất cảm động. Cùng bị ung thư vú mà người thì buồn khổ, khóc than cho mình, có người thì vượt ra khỏi sự bi ai của mình, tiến lên một bước lau nước mắt cho người khác, phát huy ánh sáng của sanh mạng.

Chúng ta thử nghĩ xem, chữa trị ung bướu phải chịu bao nhiêu cam go? Nếu dùng cái sinh mạng trăm thứ cam go mới đổi được để bị ai khóc lóc thì há chẳng đáng tiếc lắm sao? Tại sao lại không cùng nhau trồng hoa sen trong sạch, thơm tho? Chúng ta được sống một ngày thì trồng hoa sen một ngày, tự nhiên sẽ có được hoa sen tỏa ngát đầy hồ.

Tuy chúng ta không đủ khả năng cống hiến lớn lao, nhưng cho dù một nụ cười cũng bỏ thì vậy. Nếu có thể khiến tâm chúng ta sinh khởi một tâm từ bi thì dù bệnh tật, nghèo khổ cũng không ngăn ngại gì chúng ta.

Chỉ cần một niệm tâm từ bi sinh khởi
Bệnh tật, nghèo khổ đều vô ngại

KHÔNG THỌ NHẬN CÁI KHỔ CỦA MŨI TÊN THỨ HAI

Thọ nhận khổ như bị trúng tên B? trúng mũi tên thứ nhất, chớ để bị trúng mũi tên thứ hai.

Thái độ của Đức Phật đối với đệ tử cũng giống như của vị thầy đối với học trò. Nhưng nội dung mà Đức Phật dạy cho đệ tử hoàn toàn không phải là số học, lịch sử, mà là phương pháp xử thế làm người, cho nên chúng ta có thể nói, Đức Phật là vị thầy dạy làm người, Đức Phật vì khảo nghiệm trình độ hiểu biết Phật lý của hàng đệ tử, cho nên khi ngài nêu ra một số đề mục ứng dụng, để xem đệ tử hiểu biết bao nhiêu. Có một lần, Đức Phật hỏi đệ tử: “người chưa được nghe Phật lý gặp phải vui sướng, khổ đau, người đã nghe Phật pháp cũng gặp vui sướng, khổ đau, như thế người đã nghe Phật lý và người chịu nghe Phật lý khác nhau ở chỗ nào?” Các đệ tử đáp: “Kính mong Đức Phật làm mắt thấy cho chúng con, mà cho chúng con lời dạy chính xác.” Đức Phật bảo các đệ tử: “Người chưa từng được dạy Phật lý gặp phải khổ đau, thì giống như trúng phải mũi tên thứ nhất; sau khi bị trúng tên, tâm người ấy chấp trước vào mũi tên ấy, càng lúc càng bị mê hoặc, càng lúc càng bị sợ hãi, thật giống như sau khi trúng một mũi tên, lại bị trúng thêm mũi tên thứ hai nữa, cảm thấy càng lúc càng đau đớn. Con người đã được dạy Phật lý, nếu gặp phải khổ đau thì bình tĩnh quán sát khổ đau, tiêu trừ khổ đau. Sau khi bị trúng mũi tên thứ nhất, người ấy sẽ không còn trúng mũi tên thứ hai nữa, thậm chí còn có thể nhổ mũi tên thứ nhất ra.” Đức Phật dạy cho chúng ta không thọ nhận cái đau khổ của mũi tên thứ hai.

Về việc gặp phải điều vui sướng, Đức Phật cũng dạy như thế. Ví như nhìn thấy bông hoa rất đẹp, người đã được Phật dạy cũng cảm nhận vui sướng như mọi người, nhưng tuyệt đối không vì vui sướng mà làm mê muội chính mình. Nếu trong lúc vui sướng mà làm mê muội chính mình thì cũng giống như mũi tên thứ hai mang đau khổ đến; cho nên Đức Phật dạy rằng không thọ nhận cái khổ của mũi tên thứ hai.

Chúng ta, những người đang đau khổ, đều cần hiểu rõ sự giáo hóa của Đức Phật, học tập cái trí tuệ xử lý đau khổ của Đức Phật. Ví như chúng ta bị bệnh đang nằm trên giường, nếu

ngày nào chúng ta cũng cứ oán than mình vì sao mà bất hạnh như thế, bị mắc bệnh, oán than cổ họng đau thế này, không biết làm sao ăn cơm, oán than mình vì sao phải gánh chịu nặng nề thế này, nghĩ lại cả đời không làm gì xấu xa, vì sao mà trời lại khiến ta chịu khổ thế này? Nghĩ đến con cái trong nhà không người săn sóc, không biết làm sao? Phiền não vì bệnh của mình, không biết có lành hay không? Cứ phiền não, lo lắng như thế, suốt ngày không ăn cơm được, đến tối không ngủ được, cả ngày nằm mơ cũng mặt mày ủ dột. Chúng ta thử nghĩ xem như thế đối với mình có chỗ nào tốt đâu?

Chúng ta đã bị bệnh thì cái khổ của thể xác cũng giống như trúng phải một mũi tên. Giả như chúng ta lại tự tìm phiền não, lo lắng điều này, oán than điều kia, như thế thì mũi tên thứ hai, mũi tên thứ ba, cho đến thứ tư, thứ năm cũng không ngừng bắn tới, khiến chúng ta càng thêm đau đớn, thân tâm càng thêm hỗn loạn, khiến chúng ta đánh mất cái sáng suốt và trí tuệ vốn có, không có cách gì giải quyết bất cứ vấn đề nào.

Cho nên chúng ta, những người đang chịu khổ, tốt nhất là học tập sự giáo dục của đức Phật, khiến tâm tình bình tĩnh trở lại không phải chịu thêm cái khổ của mũi tên thứ hai.

Muốn khiến tâm tình bình tĩnh trở lại, phương pháp tốt nhất là niệm Phật, niệm "A Di Đà Phật". Đây là phương pháp vừa giản đơn, vừa nhanh chóng khiến tâm chúng ta bình tĩnh. Trong tâm chúng ta quán tưởng sự quang minh của đức Phật làm sung mãn nội tâm chúng ta, bằng lòng từ bi và trí tuệ của đức Phật. Một khi chúng ta không bị khổ vì mũi tên thứ hai thì sự đau khổ của mũi tên thứ nhất cũng sẽ nhanh chóng tiêu tan. Niệm "A Di Đà Phật" chính là biện pháp tốt nhất để nhổ cái mũi tên ra.

Niệm Phật tâm cảnh thật sáng suốt

Từ bi tỏa diệu hương

Kẻ oán người thân đều do từ bi mà được hoan hỷ, đều cùng hưởng nước Cực Lạc.

ANH DŨNG VƯỢT KHỎI BỆNH UNG THƯ GAN

Chuyện này xảy ra khi tôi còn làm bác sĩ nội khoa ở y viện. Một hôm, vào buổi tối đứng vào phiên trực của tôi, có một bà hơn năm mươi tuổi, ruột bị chảy máu phải nằm viện. Bấy giờ theo thói quen trị liệu, người ta phải đặt cho bà một ống thông từ mũi xuống dạ dày, rót nước lạnh vào để cầm máu, đồng thời để xem bà còn bị chảy máu nữa không. Người bị đặt ống thông như thế đều hiểu rõ, một ống nhựa từ trong ống mũi thông xuống đầu dạ dày, không phải là một sự dễ chịu. Nhưng khi tôi đặt ống cho bà, tôi phát hiện bà là một người rất kiên định, không những không quýnh quýng, kháng cự và có phản ứng ói mửa, thậm chí kéo tay bác sĩ như nhiều người khác, mà bà còn bình tĩnh thậm chí không hề nhíu mày, quả thực khiến tôi khâm phục vô cùng.

Sau đó, tôi kiểm tra thân thể của bà, và phát hiện thấy gan bên phải phần bụng của bà bị sưng lớn, mà lại rất cứng. Tôi chuẩn bị, cứ cách ngày tiến hành kiểm tra từng bước cho bà. Lúc ấy, tôi phát hiện trên tay bà có dấu thẹo gầy ra do nhang mà người Phật tử khi thọ giới đốt lên để cúng Phật; tôi mới biết tẻ ra bà là một Phật đồ rất thuần thành. Tôi hôm đó, vì không còn phòng cho nên bà phải tạm thời ngủ trên xe đẩy ngoài hành lang. Y viện Nguyễn Tông Hợp mà tôi phục vụ có rất nhiều bệnh nhân, nên các phòng thường hết chỗ, không đủ dùng, thường có nhiều bệnh nhân phải ngủ ngoài hành lang. người bệnh ngủ ngoài hành lang nếu không bực mình vì

hành lang có nhiều người qua lại ồn ào, cũng bực mình vì không có vách ngăn hoặc vì bất tiện khi đi vệ sinh. Nói chung nếu có người ở ngoài hành lang thì tôi cứ phải nghe oán thán mãi.

Tuy nhiên người phụ nữ này lại vượt ngoài dự liệu của tôi. Tối hôm ấy tôi phải bận bịu nhiều việc, suốt cả đêm không coi sóc gì người bệnh đang ở đây, mà phải lo cấp cứu cho những bệnh nhân ở phía bên kia, mãi cho đến năm giờ sáng mới xong. Khi tôi đến hành lang gần xe đẩy của bà, bà nhìn thấy tôi liền chấp tay nói: “Bác sĩ quách, A Di Đà Phật! Không khí ở đây thật tốt, hơn bốn giờ sáng tôi đã công phu xong.”

Đây là lời nói của một người mà dạ dày, ruột bị chảy máu, lại bị đặt ống thông từ mũi đến dạ dày và phải nằm ở hành lang: “Không khí ở đây thật tốt, hơn bốn giờ sáng tôi đã công phu xong”. Lời nói quả thực khiến tôi cảm động muốn rơi nước mắt. Nếu người khác mà như bà, thì không biết sẽ buồn khổ đến như thế nào! Đầu được như bà mà sáng sớm bình tĩnh thực dậy niệm Phật, tụng kinh; thật là không đơn giản.

Nhưng điều đáng nói nhất là phần sau đây. Kết quả kiểm tra bằng siêu âm hôm sau cho thấy, trong gan của bà có một cục bướu, kết quả kiểm tra sinh thiết, thì rõ ràng là ung thư gan. Vì bà không hề đau đớn, cho nên bà không phát hiện bệnh. Bây giờ vì nhận thấy công phu tu hành của bà rất vững vàng, cho nên tôi định nói thật cho bà biết về bệnh tình của bà. Bây giờ tôi cũng lo rằng vạn nhất mà bà nghĩ không ra, chịu không nổi, thì không biết phải làm sao! Sinh tử là một việc không giản đơn như thế. Nhưng tôi suy đi nghĩ lại, đối với một Phật giáo đồ chân chính tu hành như bà, tôi nên nói thật để bà chuẩn bị cho tốt. Không ngờ, hình như bà đã sớm chuẩn bị lời lẽ để đáp lại tôi: “Tôi còn sống thêm được một ngày, cũng muốn làm thêm một số việc cho chúng sinh. Nếu ngày ấy đã đến thì tôi nên trở về, suốt cả đời, tôi chờ ngày ấy, Đức Phật A Di Đà sẽ đến đón tôi!” tôi nghe xong rất cảm động, cảm động đến không nói ra lời, trong lòng rất hổ thẹn, tôi đã nhiều lần phản tỉnh, chẳng phải tôi không có được cái tâm tình vĩ đại, thanh thoát như bà đó sao? Trong con mắt tâm của tôi, tuy bà không có tiền, không có thế lực, không có thanh danh, không có địa vị, bà chỉ âm thầm cống hiến chính bà, nhưng địa vị của bà trong mắt tâm tôi rất cao cả, tôi tôn kính bà như tôn kính một vị Bồ Tát vậy.

Bây giờ các giáo sư làm một thủ thuật nhỏ, chuẩn bị ngăn chặn các mạch máu của khối u trong gan bà, nhưng vì các mạch máu của bà quá quan trọng, cho nên thủ thuật lần ấy bị thất bại, bà xuất viện về nhà. Trong mấy tháng đầu tôi thường liên lạc với bà, được biết bà vẫn tham gia lay Phật, làm việc từ thiện. Một thời gian sau, tôi không còn liên lạc với bà nữa, một là vì tôi bận công việc, hai là mỗi lần định gọi điện hỏi thăm bà, trong lòng tôi đều phát sinh một cảm giác không nói được. Tuy vậy, tôi biết rằng nếu bà không còn trên đời này nữa, thì nhất định bà ở bên cạnh Đức Phật A Di Đà, cõi hoa sen lớn mà học tập Phật pháp nhiều hơn để làm lợi ích cho chúng sinh. Nhưng vì tôi cảm thấy cái thế giới ô nhiễm này của chúng ta đang cần người như thế, cho nên lòng tôi quả thực không chịu được sự ra đi của bà.

Một tháng, lại một tháng trôi qua, bà mang bệnh ung thư gan nghiêm trọng như thế, thì phần còn lại của sinh mạng kéo dài chẳng được bao lâu. Nhưng vượt ngoài sự thống kê của y học nhiều tháng, có một lần tôi đến ngôi chùa mà bà thường đến, hỏi vị sư ở đó về tình trạng của bà. Nói thật, bây giờ, lòng tôi hồi hộp, tim đập rất nhanh, không ngờ lời giải đáp cho tôi là: thân thể bà rất khỏe mạnh. Bà vẫn thường giúp đỡ mọi người học tập Phật pháp, lại còn phục vụ cho người cần phục vụ. Tôi nghe xong, tôi ngẩng đầu nhìn tượng Phật trong đại điện, và bỗng dưng tôi hiểu ra, hiểu cái tinh thần của Chư Phật Bồ Tát xả thân vì người. Đôi mắt của Đức Phật như

phẳng phất nụ cười, lại hình như đầy cả nước mắt. Chớ phiền não vì sống không được bao lâu. Nên quyết tâm” dù sống được bao lâu cũng nên sống cho tốt”.

Bây giờ, lòng tôi rất cảm động. Thử nghĩ xem, có nhiều bệnh nhân, hàng ngày cứ phiền não vì mình không còn sống được bao lâu, mà là sống bao lâu họ cũng không sống cho tốt. Từ trước đến nay, họ không hề buông bỏ mình để lo cho người khác, để lợi dụng những năm còn sống mà hiển mình cho tốt. Hàng ngày cứ chui rúc trong xó, mày sàu mặt khổ. Sống như thế thì dù sống một trăm năm, hai trăm năm cũng uổng phí. Như thế là sống một ngày, phiền não một ngày, thậm chí là sống một ngày, phiền não hơn trăm ngày. Sống một ngày là đau khổ một ngày, thậm chí còn nghĩ đến những gì hơn trăm ngày trước đã khiến mình đau khổ. Như thế là sống càng lâu thì càng đau khổ; giống như ăn một chén lại khó ăn, mà không ăn thì không được; còn ăn một tô thì lại muốn ói mửa. Tôi cảm thấy người như thế, phần lớn không phải chết vì bệnh mà chết vì phiền não.

Tôi cũng thường gặp nhiều người cũng vĩ đại như bà ấy. Họ không phiền não về mình, chỉ nghĩ tới việc công hiến thân mình, phục vụ cho chúng sinh. Kết quả là không cần phiền não về mình, vì chư Phật. Bồ Tát đã sớm an bài đầu vào đầu cho họ rồi. Ngay cả khi bị bệnh, nằm viện loại người này cũng có thể cho người ta lời dạy rất lớn, thậm chí vào lúc sắp chết, cái tinh thần vĩ đại của họ vẫn sống trong con mắt của tôi, là thầy của tôi, là tiêu bản của tôi, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, tôi đều lưu truyền chuyện của họ, để cho hàng ngàn, hàng vạn người đang chịu khổ biết, trong đau khổ hoàn toàn không nhất định phải mày sàu mặt khổ mà oán thân cho mình. Chỉ cần chúng ta nêu cao tinh thần, phát huy ánh sáng của sinh mạng chúng ta thì chúng ta đã sống một đời không uổng phí. Chúng ta đều có thể học tập theo các vị nữ cư sĩ ấy, đầy đủ lòng tin rằng chỉ cần chúng ta sống một ngày, chúng ta cũng làm việc vì chúng sinh. Đến khi chúng ta phải ra đi, đức Phật A Di Đà nhất định sẽ tiếp đón chúng ta.

XÃ HỘI ĐEN TRỞ THÀNH HỘI LIÊN TRÌ THẨM ÁN TRỞ THÀNH VỞ KỊCH VUI TIẾNG GỌI CỦA MÁY ĐẾM SỐ

Tôi có quen một vị Pháp sư, ngài đã chỉ dẫn và giúp đỡ tôi rất nhiều. Vị Pháp sư này rất từ bi, nhiệt tâm. Hễ hô niệm cho ai, ngài cũng tận tâm, tận lực. Nếu ngài không kể với bạn thì nhất định bạn không biết, trước kia ngài đã từng tham gia băng cướp. Ngài kể với chúng tôi ngài đã từng là”Hình đường”,. Tôi vốn không biết”Hình đường” là gì, ngài bảo: “Đó là giả như có người phạm luật lệ băng đảng, thì người phụ trách xử tội được gọi là”Hình đường”, ví như: “Chặt ba ngón tay ... v.v”. ngài bảo trong giày ống của họ có giấu lưỡi dao, họ thường đi đánh nhau. Nhưng sau khi ngài xuất gia, tu hành, niệm Phật lâu năm, người ta không biết được hình ảnh của ngài trong quá khứ.

Có lần, mấy cư sĩ chúng tôi đến hầu thăm Pháp sư, gặp lúc phát sinh sự việc. Có một thủ lĩnh băng đảng xã hội đen đến cảm ơn ngài. Chúng tôi rất thích thú biết được nội dung. Té ra ngài cầm đầu băng đảng này có cơ hội bất ngờ gặp Pháp sư này. Pháp sư từ bi khuyên ông niệm Phật, và kể rằng ngài đã từng trải qua những gì giống như ông ta vậy. Người cầm đầu băng đảng cùng Pháp sư trò chuyện rất tâm đắc. Pháp Sư bèn cho ông ta một máy đếm số dùng để niệm Phật. Ông bỏ máy này trong xe hơi. Về sau nhóm người của ông bất hòa với một

nhóm người khác mà sanh rắc rối, nhóm của ông quyết định phải bắt cho được người cầm đầu, ít nhất phải chặt một chân người ấy. Do đó mọi người đều theo đó mà làm.

Quả thực họ đến bắt người ấy, bỏ lên xe rồi chạy vào nghĩa địa vắng vẻ, chuẩn bị ra tay tại đó.

Nhưng không ngờ, chẳng bao lâu sau khi người cầm đầu lái xe ấy đi, vì đường không bằng phẳng nên xe bị xóc, máy đếm số niệm Phật để trước tay lái cũng nảy lên nảy xuống, tựa hồ đang kêu gọi ông: “Niệm Phật đi! Niệm Phật đi!” Cũng tựa lòng từ bi của đức Phật đang cảnh giới ông.

Ông nhìn thấy máy đếm số rồi bất giác với tay cầm lên, đồng thời bất giác niệm mấy tiếng “A Di Đà Phật”, “A Di Đà Phật”... Niệm như thế, tâm của ông bỗng lắng dịu xuống. Ông nghĩ đến vị Pháp Sư đã cho ông máy đếm số. Vì sao người ta có thể xuất gia tu hành, hồi cải lỗi lầm, mà tại sao ta vẫn cứ phải phạm tội? Ông niệm “A Di Đà Phật”, “A Di Đà Phật”, rồi bỗng nhiên ra lệnh cho đồng bọn: “Ta không can dự nữa!”

Đồng bọn nói: “Đại ca, vì sao anh không can dự nữa? Anh không can dự, chúng tôi can dự cũng không có ý nghĩa gì!” Do đó ông ta một niệm hồi tâm, quay đầu xe lại, đi mua vài chai nước ngọt, mời mọi người uống, đồng thời cũng mời đối phương bị trói uống. Người nhà của đối phương vốn đã chuẩn bị chống lại, cảnh sát cũng bắt đầu điều tra tìm người. Nhưng sức công đức của việc niệm Phật khiến thảm án sắp xảy ra, biến thành màn kịch vui. họ biến đổi chiến tranh thành hòa bình, đao gậy thành lễ vật, không có chuyện đổ máu xảy ra, cũng không có việc tự đưa mình vào tù. Về sau người cầm đầu ấy càng suy nghĩ càng cảm kích. Vị Pháp Sư đã giao máy ấy cho ông niệm Phật, chẳng những cứu được ông lại còn cứu được cả đối phương của ông. Ông quay về cảm tạ Pháp Sư.

Mọi chúng sinh đều có Phật tính, công đức của danh hiệu A Di Đà Phật không thể nghĩ bàn, có thể xúc động mầm thiện của người ta, có thể khai mở Phật tính của người ta. Một niệm hồi tâm niệm Phật, các anh em băng đảng xã hội đen cũng có thể trở thành chư Bồ Tát của Hải hội liên trì. Tôi vô cùng tôn kính người thủ lĩnh ấy. Ông có được sự giác tỉnh, liền quay đầu xe: “Biển khổ vô biên, quay đầu là bến”. Tôi phản tỉnh mình, nếu phát giác hành vi của mình là không đúng, thì tôi cũng có được dũng khí, như ông ta không để quay đầu ngay, sám hối, cẩn thận tu sửa chính mình? Quả thật tôi không được như ông! Ông có thể buông bỏ phiền não của mình, có dũng khí để sửa đổi mình, quả thật là một đại anh hùng khó sánh!

Chặt đứt phiền não quả là anh hùng.

PHẦN 6 - ĐẠN SÚNG BIẾN THÀNH HẠT CHÂU - CÒNG CHÂN BIẾN THÀNH HOA SEN

Chuyện xảy ra khi tôi còn là bác sĩ nội khoa của y viện, vào tháng đến phiên tôi coi sóc các phòng bệnh. Một hôm vào buổi sáng, tôi vừa đến chỗ làm và đang rửa tay thì nghe các cô y tá chăm sóc phòng bệnh vừa rửa các dụng cụ vừa bàn tán về một bệnh nhân ở khu ngoại khoa.

Một cô trong nhóm nói: “Cái anh què này, đã đến thế này, sắp ngòi tù mà còn tỏ vẻ ngang tàng, hấn xem chúng ta như là bộ hạ, lâu la của hấn, nạt nộ chúng ta, có gì không vừa ý thì hấn nổi nóng, hấn vừa mắng tôi đây!”

Vì tôi nhận ra rằng người bệnh trong cơn thống khổ, tâm tình vốn không vui vẻ, không tránh khỏi nóng giận, cho nên nghe mấy lời ấy, tôi cảm thấy rất bình thường, và cũng chẳng cần hỏi gì thêm. Sau đó khi tôi cùng viện trưởng đến xem xét phòng thì mới phát hiện người bệnh ấy,

bên cạnh có mấy nhân viên cảnh sát đứng kèm. Chân anh ta bị còng và anh ta được gọi cho tôi với tư cách người tù được đi trị liệu.

Từ trước đến nay, tôi không đọc báo, nên không rõ chuyện gì xảy ra, mấy cô y tá đều cười tôi mà nói: “Bác sĩ Quách vụ án đầu súng làm vang động cả Cao Hùng mà cô cũng không biết!” Tôi chỉ cười mà nói: “Tôi chỉ biết thế giới hòa bình của Đức Phật A Di Đà, lũ chim thuyết pháp, đám hoa phóng quang, không có kẻ đánh nhau!” Thực ra, vào lúc việc dùng súng được quản chế rất nghiêm khắc này, cầm súng bắn nhau quả là rất hiếm. Nghe nói người bệnh này là thủ lĩnh trong đám đó, ngực anh ta bị trúng đạn, anh được gọi tới y viện này để giải phẫu, điều trị. Khi mọi người kiểm tra phòng tôi thấy anh ta còn rất trẻ. Sau khi được giải phẫu, ngực anh được thắp mấy cái ống, rất đau đớn. Anh chỉ có thể ngồi ngửa rất khó khăn. Khi nhìn thấy chiếc còng chân của anh, tôi rất chua xót trong lòng. Trẻ tuổi như thế mà phải ngồi tù, cuộc sống lao tù sẽ ảnh hưởng dường nào đến cuộc sống của anh.

Tôi tin rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tính; có thể làm thiện, có thể gây ác, thật ra chỉ trong một niệm mà thôi. Làm thiện, gây ác đều tùy vào nhân duyên mà biến hóa, giống như nước có thể chở thuyền, mà cũng có thể lật úp thuyền. Người có thể tùy theo nhân duyên mà làm việc thiện lớn, thành Phật, an lạc vô ưu, cũng có thể tùy theo nhân duyên không tốt mà giết người cướp của, mà chịu khổ vô cùng. Tôi thường quán sát ý nghĩ, tư duy của mình, nhận ra rằng chính mình có khi cũng có những ý nghĩ rất xấu, có khi cũng có những tư duy rất tốt.

Khi Đức Phật Thích Ca còn tại thế, Ngài từng nói với đệ tử: trong đời quá khứ xa xưa, Ngài đã từng làm ác, đọa địa ngục chịu khổ, nhưng sau đó Ngài tu tập từ bi và trí tuệ mà được thành Phật. Cho nên từ ánh sáng xa xưa mà nhìn, từ mỗi ý nghĩa mà quán sát thì thật ra không có người nào là người hoàn toàn tốt, cũng không có người nào là người hoàn toàn xấu.

Tôi nghĩ đến lời nguyện của Đức Phật A Di Đà: dù là người đã từng gây việc ác rất nặng, thậm chí đến lúc lâm chung mới có cơ hội nghe danh hiệu Đức Phật A Di Đà, chỉ cần người ấy chịu hồi tâm, chí thành niệm mười tiếng “A Di Đà Phật” thì Đức Phật cũng đến tiếp dẫn người này đến nước Cực Lạc của Ngài, đến chỗ an lạc và đến chỗ nhân duyên tốt lành mà tu học đạo Bồ Tát, giống như thợ học mà nhận được sự giáo dục và đãi ngộ tốt như vậy.

Tôi rất xúc động vì lòng từ bi thanh tịnh vô cùng của Đức Phật A Di Đà. Đôi mắt của đức Phật nhìn thấy ánh sáng của Phật tính bị che giấu trong tội lỗi, trần ai mà tìm cách tạo nhân duyên tốt nhất cho mọi người, để chúng ta khai mở cái Phật tính bị vùi lấp.

Tôi nhớ hồi còn nhỏ xem chiếu bóng, thấy kẻ xấu bị bắt, bị thất bại, thì mỗi người đều vỗ tay. Sau khi lớn lên, tôi có cơ hội xem kinh Phật, theo như kinh dạy, mới biết thì ra chính tôi cũng là người xấu, nhưng chỉ là một người xấu gặp may mà thôi. May mà khi tôi khởi ý niệm xấu thì Phật lực che chở tôi, may mắn không có nhân duyên khiến tôi thực hiện hành động trong khi tôi khởi lên con mắt tâm xấu xa, thì may được sự chỉ dạy của tất cả Phật Bồ Tát, cha mẹ, sư trưởng hiện ra trong tâm tôi, ngăn cản tôi, cho nên tôi may mắn không gây tai nạn gì, không có cơ hội khiến tôi cầm súng đi đánh nhau, thế thôi.

Cho nên khi đối mặt với người bị trúng đạn, tức kẻ cầm đầu băng đảng xã hội đen, lòng tôi vẫn niệm Phật cho anh. Nghĩ lại thật hổ thẹn vì mình đã tiếp nhận cam lồ của Phật pháp, mà không hề tích cực báo ân, khiến mọi người trong xã hội đều có thể chung hưởng Phật pháp, khởi bị những tai nạn không đáng có. Thật ra, bây giờ tôi cảm thấy thương xót vì anh sắp chịu nhiều đau khổ về thân tâm. Nhưng vì tôi không biết phải làm sao để giúp đỡ anh, chỉ có thể trong

lòng cầu xin Đức Phật A Di Đà và chư Bồ Tát từ bi, đứng bên cạnh anh mà phóng ánh sáng thanh tịnh, dùng bàn tay mềm mại từ bi mà chữa trị, và tạo nhân duyên cứu độ cho anh.

Không biết mấy ngày đã trôi qua, một buổi tối nọ tôi trực tại phòng bệnh, đang chờ bảng báo cáo kiểm tra bệnh nhân, tôi ngồi ở trạm của y tá để thực hiện khóa công phu tối. Có một số đồng sự, bác sĩ, y tá rất từ bi, họ biết tôi có thói quen thực hiện các khóa công phu sáng, tối, có lúc tự động, tự nguyện hộ trì tôi, giúp đỡ tôi một số việc nhỏ nhặt, không gấp rút, để tôi có một khoảng thời gian ngắn mà tụng kinh, niệm Phật, để an định cái tâm rối loạn của mình và cũng để hồi hướng cho các bệnh nhân, cầu Phật, Bồ Tát gia hộ. Do lòng từ bi của các đồng sự, nên dù bận rộn bao nhiêu tôi cũng có thể thực hiện các khóa công phu sáng, tối mà không bị gián đoạn. Tối hôm ấy tôi ngồi tụng kinh niệm Phật ở trạm y tá; khi đang chấp tay niệm xong bài hồi hướng thì trong lòng cũng thầm cầu nguyện cho người bệnh bị đạn kia. Vì anh là người bệnh ngoại khoa, tôi không trực tiếp đến săn sóc anh được. Y viện đã phân định người của khoa nào thì đảm trách khoa ấy. Phòng bệnh này gồm nội, ngoại khoa hỗn hợp, nhưng nếu không phải là trường hợp đặc biệt, thì chúng tôi không được tự tiện, vượt quyền mà khám bệnh nhân của khoa khác. Khi tôi niệm Phật xong và mở mắt ra, thì đúng vào lúc tôi nhìn thấy người bệnh ấy. Giường của anh ta đối diện với trạm y tá, dường như anh ta đưa tay phác một cử chỉ đặc biệt, tôi nhìn lại cho rõ, chính anh ta đang vẫy tay gọi. Tôi hỏi: “Anh gọi tôi ư?” anh gật đầu, tôi lại hỏi: “Có việc gì cần tôi giúp chăng?”, anh nói: “Cô ... đến ... khám ... bệnh ... giúp tôi!” Vì vết thương đau đớn nên anh nói rất khó nhọc, quả là Đức Phật A Di Đà hộ trì, tôi mới có cơ hội giúp đỡ anh, do đó tôi bèn lấy bảng ghi bệnh của anh mà xem kỹ, kiểm tra lại ống nhựa đang được thắp cho anh, nghe kỹ tiếng hơi thở của anh. Xem ra anh đã có phần nào khôi phục, có điều ngày đêm đều phải thắp ống và phải ngồi, cho nên rất khôn khổ.

Vì tôi có một lời nguyện: Tôi làm việc tại y viện chỉ cần có cơ duyên khám bệnh nhân là tôi đều mong họ có thể niệm Phật, ít ra là niệm một tiếng A Di Đà Phật cũng là tốt. Vì mong ước này, mà tôi phải chịu rất nhiều ánh mắt kỳ lạ và những nụ cười chế nhạo, nhưng tôi vẫn tiếp tục dùng cách này để đề tỉnh mình niệm Phật, đề tỉnh mình cũng là khích lệ người khác. Có điều là chính anh ta nhờ tôi khám bệnh cho anh, khiến tôi thêm phần hổ thẹn và ân hận.

Tôi đem bảng báo cáo bệnh tình của anh mà giải thích cho anh nghe; trong ống nhựa thắp cho anh còn có một ít nước máu và chất dơ chảy ra. Tôi nói: “Nếu như tâm tình anh bình tĩnh thì vết thương sẽ khôi phục rất nhanh. Vì tâm người ta bình tĩnh thì năng lượng sẽ không bị hao tổn, thân thể có thể tập trung năng lượng cho việc phục hồi”. Anh nhíu mày nói: “Khổ quá, thật là khó chịu, lòng tôi rất rối loạn!” tôi an ủi anh: “Thật ra, nếu tôi và anh đều bị thương mà phải thắp ống nhựa, phải ngồi suốt ngày đêm thì cũng rất khổ sở, rất rối loạn. Nay anh đã rất nhẫn nại thật là khó được vậy! Tôi là Phật giáo đồ, khi tâm tôi rất khổ, rất rối loạn, tôi cảm thấy niệm A Di Đà Phật thì có hiệu quả, khiến tâm linh rất bình tĩnh. Rất nhiều bệnh nhân cũng đã thử làm như vậy và kết quả rất tốt. Anh có muốn thử không?” Anh ta lại nhíu mày nhìn tôi, không hề có ý bác bỏ. Bây giờ là lúc không có ai gọi tôi, tôi vẫn tiếp tục trò chuyện cùng anh. Tôi nói: “Đức Phật A Di Đà giống như mặt trăng chiếu sáng trong đêm tối. Người ta nói: “ngàn sông có nước ngàn sông trắng, vạn dặm không mây vạn dặm tạnh! Anh sáng của Đức Phật chiếu sáng tâm chúng ta cũng như vậy. Tâm của Đức Phật thì từ bi và bình đẳng. Dù là biển lớn dù là sông nhỏ, hay thau rửa mặt, khe nước đều có thể hiện bóng trăng. A Di Đà Phật là tên của một đức Phật, Hán âm là”A Di Đà”, nghĩa là Vô lượng,”Phật” là đáng giác ngộ, gộp lại thành”Vô lượng Giác ngộ”nghĩa là trong vô hạn cảnh ngộ đâu cũng đều giác ngộ. Sự vô

lượng của A Di Đà bao hàm cả ánh sáng vô lượng, thọ mạng vô lượng, cũng bao hàm mọi công đức, mọi trang nghiêm tốt lành trong thời gian và trong không gian.”

Trước hết tôi đem danh hiệu A Di Đà Phật mà nói cho anh biết, xem như bài học vỡ lòng, vì đời người rất vô thường nhân duyên cũng rất biến hóa, có lẽ tôi và anh trên đời này chỉ có nhân duyên nói chuyện một lần này mà thôi, có lẽ từ đây về sau chúng tôi không còn gặp mặt nhau nữa, cho nên lúc anh đang khổ nhất, tôi mong muốn sẽ trao cho anh lễ vật lớn nhất, tốt nhất là Đức Phật A Di Đà. Đương nhiên có thể anh không tiếp nhận mà giao trả lại cho tôi, đây cũng là chuyện thường tình. Có điều, một khi người ta nghe đọc danh hiệu Phật, thì giống như ăn phải một mũi kim cương, không thể nào tiêu mất được; có được hạt giống Phật thì sẽ nở hoa kết trái, bất kể đó là chuyện rất lâu về sau. Cho nên, dù người nghe có trừng mắt hay cười nhạo tôi, tôi cũng rất vui mà làm như vậy.

Anh ta rất từ bi, phong độ cũng rất tốt. Anh hoàn toàn không khịt mũi mà cười nhạo tôi, trái lại anh biểu lộ thái độ chân thật và bất ngờ. Tôi nghĩ rằng những người cầm đầu băng đảng xã hội đen đều có năng lực, lại có khí phách nghĩa hiệp, nếu trong một niệm tâm mà hồi quang phản chiếu, thì họ cũng có thể giúp đỡ người khác mà không tiếc sinh mạng, thực hành đạo Bồ Tát; hơn nữa, dũng khí, nghị lực của họ vẫn luôn vượt hơn rất nhiều người. Cho nên tôi rất cảm khái mà nói với anh: “Theo trực giác của tôi, anh là người rất có lòng nghĩa hiệp, nay chỉ vì nhân duyên không tốt, mới bị trúng đạn thọ thương mà phải chịu khổ ở đây. Nhưng đứng trên mặt khác mà nói, thì đây cũng là một nhân duyên tốt; vì trong sự thể nghiệm lần này, anh càng hiểu hơn nỗi thống khổ, bức thiết của người ta, và đời người là vô thường. Hiểu được chính mình tức là hiểu được người khác. Với lòng nghĩa hiệp và dũng cảm của anh, nếu thể nghiệm nỗi khổ của mình là thể nghiệm Phật pháp, rồi khéo phát huy thì chắc chắn anh có thể thành tựu sự từ bi, trang nghiêm giống như đức Phật vậy.”

Tôi lại nói với anh: “Anh có thấy bằng ngạch ở trong chùa Phật có ghi “Đại Hùng Bảo Điện” chăng?” Đại Hùng” tức là đại anh hùng. Đức Phật là bậc anh hùng vĩ đại nhất, Ngài là bậc từ bi nhất, trí tuệ nhất. Đại anh hùng chính là có thể vượt qua chính mình, có thể an nhiên cam chịu những gì mà người bình thường không thể cam chịu được. Tôi tin rằng anh có thể trở thành đại anh hùng!”

Nói xong tôi liền lấy ra tượng Tây phương Tam Thánh mà tôi luôn cất giữ trong đây và giới thiệu cùng anh ta: “Tượng này là do thầy tôi là Pháp sư Sám Vân vẽ, mỗi khi tâm tôi bị rối loạn, tôi liền thích chiêm ngưỡng đôi mắt từ bi của Đức Phật; xin tặng anh tượng Phật cao quý này, khi nào anh cảm thấy không thoải mái thì hãy trầm tĩnh nhìn vào đôi mắt của Đức Phật A Di Đà, lòng trầm tĩnh niệm Phật, đôi mắt Đức Phật rất từ bi, giống như lúc nào cũng an ủi chúng ta. Nếu như rủ mắt mà niệm Phật thì giống như Đức Phật vậy. Vị đứng bên trái Đức Phật A Di Đà này là Bồ Tát Quán Thế Âm, ngài luôn quan sát mà nghe tiếng gọi của chúng sinh, tìm âm thanh mà cứu khổ. Ở đâu có khổ thì Bồ Tát liền cứu ngay.” “Cứu khổ, cứu nạn” chính là chí nguyện của Bồ Tát. Anh xem Bồ Tát Quán Thế Âm đang cầm cành liễu mềm và bình nước cam lồ thanh tịnh, anh, tôi cùng tất cả chúng sinh đều như nhau, vốn đều có một hạt bảo châu Phật tính, chỉ vì chúng ta trôi lăn trên thế giới này quá lâu, mặt trên của hạt bảo châu bị nhuốm nhiều bùn đất, tro bụi. Nếu như có nước cam lồ thanh tịnh rửa sạch tro bụi thì có thể khôi phục sự sáng sủa của hạt bảo châu thanh tịnh. Nhìn tượng Phật tức là tạo cho chúng ta sự đề tỉnh tốt đẹp nhất, nhắc nhở chúng ta hãy khôi phục sự sáng sủa của hạt bảo châu, nhắc nhở chúng ta hãy từ bi.

Anh có muốn thử niệm Phật chăng? Niệm Phật không những ngay đây được bình tĩnh, khiến thân thể khôi phục sáng khoái, mà còn mỗi niệm đều khôi phục sự sáng sủa của bản tính chúng ta, mỗi niệm đều có thể cải tạo vận mệnh chúng ta. Càng niệm Phật thì tâm càng không có bụi trần, tiền đồ càng sáng sủa. Đời chúng ta đều phải chấm dứt, sau này khi cuộc đời chấm dứt, chỉ cần chúng ta nguyện đến thế giới của Đức Phật A Di Đà mà nguyện A Di Đà Phật thì đức Phật sẽ đến tiếp dẫn chúng ta.”

Nói xong, tôi đưa tràng hạt và tượng Đức Phật cho anh ta. Bây giờ tôi thật cảm ân anh ta đã không từ chối tôi, sau khi nhận anh lại còn lần từng hạt châu mà niệm A Di Đà Phật. Tôi quay về phía anh mà kính cẩn chấp tay, cơ hồ muốn rơi nước mắt, quả thật anh có thiện căn thâm hậu hơn tôi nhiều, chỉ vì nhân duyên kết hợp rồi ren, phức tạp mà thôi. Tôi tin rằng Đức Phật từ bi sẽ không quên anh, sẽ không bỏ anh.

Tôi hôm ấy vì có bệnh nhân khác cần được săn sóc, cho nên tôi chỉ nói chuyện với anh chừng ấy mà thôi, tự anh ngồi mà chân thành niệm Phật. Hôm sau trong lúc giao ban, cô y tá săn sóc anh đã lớn tiếng cảm thán: “Ồi chà! Đã chuyển biến một trăm tám mươi độ! Cái anh chàng kia hôm nay thật lễ phép, không còn kiêu như kêu la bộ hạ, lại nói với tôi: A Di Đà Phật! Cảm ơn”, quả là khiến tôi vừa được sung ái vừa phải kính sợ!”

Cô y tá ấy còn quay đầu về phía tôi mà nói: “Ồ! Niệm A Di Đà Phật thật hữu dụng, pháp lực của Đức Phật A Di Đà thật vô biên!” tôi nghe xong thì rất cảm động mà cũng rất hổ thẹn, vì tôi đã nghe Phật pháp từ rất lâu mà chưa cải biến được cá tính, tánh tình như anh. Anh quả thật là một người hiếm có. Cầm súng đi đánh nhau không gọi là dũng cảm; có thể chiến thắng tự mình, mới thật là bậc anh hùng dũng khí! Tôi chân thành kính phục dũng khí của anh!

Câu chuyện này cũng khiến tôi thấu hiểu điều mà Đại sư Ngẫu Ích nói, công đức của danh hiệu Đức Phật A Di Đà quả thực có thể xúc động hạt mầm thiện của người thế gian, có thể khơi dậy kho báu mà chúng ta vốn có. Hôm sau nữa, khi chúng tôi kiểm tra phòng, tôi bỗng nhìn thấy tượng Phật mà tôi tặng cho anh ta, được dán bằng băng keo ở gần giường nằm của một người bệnh kế phòng anh, tại một vị trí mà lúc nào người bệnh cũng dễ nhìn thấy, tôi cảm thấy kỳ lạ. Sau đó, tôi đến khám bệnh cho anh, và thấy có một giường trống. Anh nói với tôi: “người bệnh ở giường này đã chuyển sang phòng bên kia. Tôi thấy người này lại bị nặng hơn, lại đau khổ hơn tôi, nên tôi đã đem tượng Phật và tràng hạt gửi qua giường kia cho người ấy. Tôi khuyên người ấy niệm Phật và tôi cũng niệm Phật cho người ấy.” Anh hỏi tôi: “Cô có thể cho tôi một tràng hạt khác không?” lần này tôi cảm động đến nỗi phải lấy tràng hạt gồm 108 hạt mà chính tôi dùng trong lúc công phu tụng niệm mà trao cho anh.

Nghĩ lại thật đáng hổ thẹn, tôi đây đã hai mươi năm có duyên nghe Phật pháp, nhưng thời gian mười mấy hai mươi năm đã luống qua, tôi vẫn chưa được như anh, có dũng khí tích cực “Biết là làm ngay”, chỉ trong một đêm đã cải biến mình, lại còn có thể giúp đỡ người khác ngay. Tôi tin tưởng sâu sắc rằng, lấy kinh nghiệm làm thủ lãnh của anh trong quá khứ, giả như trong lòng chuyển biến một niệm, lấy từ bi, trí tuệ của Phật pháp mà làm bước tiến trong đời, thì nhất định sẽ rất thành tựu. Tôi thật không nỡ nhìn anh vào tù! Anh đã có thể hàng phục sự nóng giận và phiền não của mình, hôm qua cầm súng đánh nhau, hôm nay đã có thể từ bi chăm lo người bệnh ở giường phòng bên. Có thể nói, quả thật bây giờ đây nhà tù không cần

thiết đối với anh! Bệnh tình của anh rất chóng khỏi, nên từ phòng đặc biệt anh chuyển sang phòng bệnh thông thường. Sau khi anh rời phòng đặc biệt, tôi không còn thấy mặt và nói chuyện với anh nữa.

Cách đó một hôm, tôi leo lên cầu thang để đến tầng mười xem điện não, khi đi ngang qua phòng bệnh ngoại khoa ở tầng năm, đang vội vàng lên cửa cầu thang tôi bỗng thấy hai bóng người đang đi ở hành lang phía trước, một người mặc đồng phục cảnh sát, một người mang còng ở chân, tay cầm một chuỗi tràng hạt dài. Tôi ngoái nhìn theo thấy tay anh đang lần hạt, lần từng hạt, từng hạt rất bình ổn, bước chân anh cũng bình tĩnh và an định.

Tôi ở phía sau lưng anh, chấp tay cung kính hướng về anh mà không hời hợt rơi lệ, tôi thấy như dưới chân anh đã có những đóa hoa sen thanh tịnh. Chiếc còng ở chân anh cũng không còn cần thiết nữa, tâm của anh đang yên tịnh niệm Phật tức là đã giải thoát khỏi sự phần nộ của việc cầm súng đánh nhau. Sợi dây bên trong tràng hạt niệm Phật tuy mềm mại, nhưng ngăn cản việc tái phạm sai lầm còn kiên cố hơn sắt thép! Tôi không biết sau này tòa án sẽ phán xét anh thế nào, cũng không biết anh sẽ đi đến đâu, chỉ thấy đằng sau, anh đang cầm tràng hạt, đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy anh; nhưng tôi tin rằng dù anh đi đến đâu, chỉ cần nhớ niệm Phật thì Phật và Bồ Tát sẽ âm thầm hộ niệm anh.

Đối với người đã có thể hồi quang phản chiếu, dùng việc niệm Phật để thanh tịnh tự tâm, thì dù là nhà tù cũng có thể làm đạo trường tinh tấn tu hành. Thân thể tuy bị giam cầm, nhưng giả như tâm có thể niệm Phật thì có thể mọi bất mãn, buồn giận trong quá khứ đều được vượt qua mà đến sự tự do chân chính. Ngược lại dù ở chỗ phong cảnh đẹp đẽ mà tâm luôn bị phiền não, thị phi trong quá khứ, bị các thứ lời ra tiếng vào của người khác ràng buộc, thì quả thật cũng giống như nỗi thống khổ của người bị giam trong nhà tù, không được tự do! Nhà tù thật ra cũng là do mình tự tạo, cũng là phải tự mình vượt khỏi vậy!

Niệm Phật khiến tâm được tự do!

TRẺ THƠ BIẾN THÀNH DI ĐÀ

CON MUỐN GIỐNG NHƯ ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

Tôi có một chị bạn, con chị mới đi vườn trẻ. Đứa bé rất dễ thương, tính tình rất nhân từ. Em xem các loài vật nhỏ trong nhà như bạn tốt của em. Em thường xin ông, bà đừng dẫm chết những con gián yêu quý. Một hôm, ông em không để ý đến lời yêu cầu của em, đã dẫm chết mấy con gián ở trong phòng tắm, không ngờ bé gái này khóc rống lên: “Con gián chỉ ra tản bộ, vì sao ông dẫm nó chết? Cha mẹ nó, ông bà gián của nhà nó đều sẽ đau lòng mà chết!” Nói xong, bé gái lại khóc mãi giống như mất đi người bạn thân thiết.

Ông bà em không biết phải làm sao, chỉ còn cách an ủi em: “Ôi chà! Đừng la khóc nữa! Đừng la khóc nữa!” em nghe liền nghiêm nghị nói: “Chẳng lẽ cháu chết đi, ông bà lại không đau lòng sao?” mọi người nghe xong liền ngẩn ngơ không đáp được. Thật vậy! Họ nghĩ: “Đúng thế, nếu một hôm nào cháu bé dễ thương của chúng ta đang đi trên đường bị một người tài xế cố ý lái xe cán chết nó, cán giệp nó, chẳng lẽ chúng ta không đau lòng sao?” Mẹ nó rất lấy làm lạ mà kể chuyện lại với tôi, đứa bé này sao lại có thể nói ra những lời như thế? Ngay cả chính chị ấy cũng không ngờ tới, còn tôi thì nghe xong cũng cảm thấy không thể nghĩ bàn được. Phật pháp cũng dạy, cái tinh thần “đồng thể đại bi”, phát xuất từ một đứa bé gái lớn tuổi, quả thật khiến cho người ta phải khâm phục.

Em bé có thể hiểu được nỗi đau đớn của một con vật nhỏ, giống như tự thân em chịu đau đớn, quả không phải là đơn giản vậy!

Em bé này nghe được danh hiệu của Đức Phật A Di Đà liền rất mừng rỡ, nhảy nhót! Và rất kỳ diệu là em sùng bái Đức Phật A Di Đà, tâm tâm niệm niệm, trong lòng liền nghĩ tới học tập đức Phật A Di Đà.

Mẹ em mới học Phật không lâu, thấy con mình như vậy thì tự than mình không bằng con. Ví như khi em ăn cơm, thấy đĩa đồ ăn nào cũng hỏi; thấy cá em liền hỏi: “Đức Phật A Di Đà có ăn cá không?” Mẹ em bảo: “Không!” Em bèn nói: “Đức Phật A Di Đà không ăn thì con cũng không ăn”. Bà nghe thấy thế liền trở mắt nhìn em, em cười rất dễ thương mà nói: “cháu muốn như Đức Phật A Di Đà, Đức Phật A Di Đà ăn, cháu mới ăn”. Rất nhiều người lớn không biết rằng học Phật chính là phải học tập giống như đức Phật A Di Đà.

Điều kỳ diệu hơn là: trên xe buýt chở em đến vườn trẻ, em lại dạy các bạn trên xe xướng A Di Đà Phật; ăn điểm tâm tại vườn trẻ, em chấp tay mời Đức Phật Di Đà ăn trước, em lại còn niệm: “Cúng dường Phật, cúng dường Phật, cúng dường Tăng, cúng dường hết thầy chúng sinh”. Các bạn toàn lớp đều học theo em, cô giáo rất lấy làm lạ nên hỏi mẹ em, chính mẹ em cũng rất lấy làm lạ, vì sao có một số việc chính chị cũng không biết, làm sao có thể dạy em được? Quả thật, mỗi chúng sanh đều có Phật tánh, trẻ em cũng có Phật tánh, có sự tu hành và thói quen của đời trước, hoàn toàn không phải là trong đời này mà dạy được. Khi nhìn em ngủ tôi thấy tay em nắm tràng hạt, sau đó mới mở miệng lầm thầm niệm Phật. Thấy thế tôi bội phục em sát đất và rất hổ thẹn, vì bấy giờ tôi đây cũng không làm như thế được. Nếu tôi cầm tràng hạt niệm Phật rồi ngủ đi đến khi tràng hạt rơi xuống giường phát ra âm thanh, tôi mới tỉnh lại, rồi lượm tràng hạt lên rồi tiếp tục niệm, còn em thì trong khi ngủ cũng có thể”Phật không rời tâm, tâm không rời Phật”, chân thành mà tưởng niệm Phật như vậy, chân tâm hoan hỉ giống như Đức Phật A Di Đà. Tinh thần của em quả là bậc thầy của tôi. Thấy em bé này, tôi không khỏi đứng lên kính lễ.

NGƯỜI PHỤ NỮ BÌNH THƯỜNG TRỞ THÀNH ĐỨC QUÁN THẾ ÂM NIỆM PHẬT THUẦN HÓA BẠO LỰC, CỨU KHỔ, CỨU NẠN

Tôi có một chị bạn, thường cùng tôi đi chùa. Đặc biệt ở chị là sự trầm mặc và sự linh hoạt. Hễ có ai nói chuyện với chị trong một buổi chiều thì sẽ sáng khoái đến hơn cả năm. Tôi giao thiệp với chị đã rất lâu, biết được niềm tin vững vàng của chị, đó là học theo Bồ Tát Quán Thế Âm mà đi đến đâu cũng giúp đỡ người ta, khiến người ta an vui và có lòng tin. Khi một người chân thành với nguyện vọng của mình thì thỉnh thoảng có cái sức mạnh không thể nghĩ bàn. Chị bạn này cũng đã trải qua một sự việc như vậy.

Có lần, một người bạn của chị vừa dời đến ở một chung cư mới, rất nhiều người đến chúc mừng, chị cũng đến. Chung cư ấy còn rất nhiều phòng trống chưa có người ở. Trong khi mọi người ngồi bàn chuyện gẫu, chị nói chị có cảm giác có người đang cầu cứu chị, khiến chị rất bứt rứt, ngồi không yên cứ niệm Quan Thế Âm Bồ Tát, lại nói với chúng bạn: “các vị cứ ngồi đây, tôi phải lên lầu xem sao!” nói xong chị liền vội vàng chạy lên lầu chót của chung cư.

Quả thực, Bồ Tát Quán Thế Âm Đại từ Đại bi cứu giúp! Chị vừa chạy tới lầu chót thì thấy một tên côn đồ đang ôm chặt một em nữ sinh trung cấp, trói và bịt mồm em, sắp làm điều vô lễ.

Cô gái đang rất sợ hãi, có thể đang cầu xin Bồ Tát giúp đỡ. Trong lúc ngàn cân treo sợi tóc thì bạn tôi kịp chạy đến.

A Di Đà Phật! A Di Đà Phật! A Di Đà Phật!

Chị tràn đầy chính khí, lại oai phong凛冽 mà niệm Phật. Chị hoàn toàn quên mình chỉ là một cô gái bình thường không có võ nghệ, nhưng tấm lòng đại bi và dũng khí của Bồ Tát tràn đầy tâm chị, chị hoàn toàn không sợ hãi trước kẻ”dùng bạo lực ôm chặt một nữ sinh lên lầu chót”, cũng hoàn toàn không sợ đối phương làm tổn thương mình. Chị cứ việc thể hiện chính khí oai phong mà niệm Phật. Phật lực giúp đỡ, chị hoàn toàn không dùng vũ khí mà vẫn có thể bắt giữ và giáo huấn tên côn đồ. Sau đó lại cởi trói cho cô gái và an ủi cô.

Bạn bè không biết chị chạy lên lầu để làm gì, sau đó mọi người đều theo chị, đến nơi mới biết chị đang dũng cảm thực hiện lời nguyện hàng ngày trước Bồ Tát. Sức cảm ứng của tâm linh thật không thể nghĩ bàn. Niệm Phật không những tiêu tai miễn nạn, mà còn có thể cứu khổ, cứu nạn. Lần này không những chị cứu được cô gái kia, mà còn cứu cho kẻ đầu óc ngu tối nợ khỏi phạm tội và khỏi chịu ác báo về sau.

Phần lớn các bạn gái chúng ta không đủ sức đảm nhận sự việc như thế. Nếu vạn nhất gặp trường hợp ấy thì chúng ta sẽ hoảng hốt, thất thế chứ đừng nói chi đến việc cứu người, và bắt giữ, giáo huấn kẻ dùng võ lực toan phạm tội. Thật ra chị bạn tôi cũng chỉ là một cô gái bình thường, không có võ nghệ chỉ nhờ niệm Phật mà có được lòng từ bi, cứu khổ cứu nạn, và trí tuệ oai dũng. Mọi người đưa cô gái ấy về nhà an toàn, cha mẹ cô cảm kích không nói nên lời, rồi rít cảm ơn, cảm tạ Bồ Tát cứu giúp.

TẠO SÁT BIẾN THÀNH TẠO SINH

“PHÓNG SINH” THÌ KHUYẾN KHÍCH TẠO SINH HƠN LÀ”ĂN CÁ”

Thường thường dưới giường hoặc dưới bàn của bệnh nhân đều có một cái nồi nhỏ hoặc than nhỏ đựng cá lóc, cá chép còn sống để làm thức ăn cho người bệnh. Mỗi lần đi kiểm tra phòng tôi đều nghe tiếng cá quẫy.

Có lần tôi đến khám bệnh cho một cô gái 21 tuổi bị ung thư vú, cô là một tín đồ Cơ Đốc giáo. Mới chừng ấy tuổi mà đã mang bệnh ung thư vú, các vị có thể tưởng tượng cô khổ biết bao. Mỗi lần nằm trên sàng kiểm tra, hai tay cô cứ cứng đờ, lạnh cóng. Một hôm bước vào phòng bệnh, tôi nghe dưới giường có tiếng quẫy động, tôi rất xúc động nói với cô: “tôi nghe dưới giường cô có người kêu cứu chúng ta!” Cô nghe xong trố mắt nhìn tôi. Tôi hỏi: “khi cô mắc bệnh này, nhất định cô rất mong có người cứu cô, phải không nào?” Cô gật đầu. Tôi nói: “mấy con cá lóc dưới giường cô đang nghĩ chúng sắp bị người ta bỏ vào nồi nóng, sẽ mất mạng, cảm giác của chúng cũng giống như tâm trạng của cô bây giờ vậy. Cô có muốn làm đấng Christ của chúng không? Cô xem chúng đang cầu khẩn cô đấy, hãy xem đi!” Chúng tôi cùng nhìn mấy con cá, mí mắt cô đỏ lên, ngân lệ. Tôi nói: “nếu cô phát tâm cứu chúng thì trong khi cô gặp khốn khó tự nhiên sẽ có người đến cứu cô.” Cô vui vẻ đồng ý phóng sanh bọn cá. Mấy con cá kia vui vẻ được sống, khiến nổi lòng ảo não của cô cũng khởi lên một sinh cơ xán lạn!

Có lần tôi nói với các bệnh nhân: “Các vị bán cho tôi thau cá sống này được chăng?” Các bệnh nhân thường đáp: “Thưa bác sĩ! Cô muốn ăn thì xin tặng cô vậy!” Tôi nói: “Tôi ăn chay, không ăn cá, tôi muốn mua mớ cá này để phóng sinh, đem công đức của việc phóng sinh này

mà hồi hướng cho các vị, cầu Phật bảo hộ để các vị giống như lũ cá này, được phóng thích, được khỏe mạnh trở lại, được cuộc sống mới, mai một về nhà đoàn tụ gia đình, không phải chịu đau đớn, khổ sở nữa!”

Phần lớn các bệnh nhân đã qua cửa sinh tử, đã chịu khổ sở thì mới vừa nghe đến đã hiểu được rằng ta cũng giống như mấy con cá kia, cá cũng giống như ta, từ đó lấy lòng so lòng mà phát khởi từ bi. Một niệm từ bi giống như gió xuân ấm áp, như sương mai ngọt ngào. Cảm xúc và tâm ý của người bệnh phóng sanh cho cá, lại có thể làm sung mãn sinh mạng của họ, kích lệ sinh cơ của họ.

CỤC KHỔ TRỞ THÀNH CỤC LẠC

CHƯƠNG ĐẶC BIỆT VỀ BỒ TÁT HOAN HỖ

Chúng ta từng có một chuyên đề (băng từ và sách) giới thiệu người thật, việc thật về Bồ Tát hoan hỷ. Có người cho rằng: “Bồ Tát hoan hỷ đại khái là do có chồng thiện lành, con hiếu thảo, gia đình tốt đẹp, kinh tế như ý, cho nên mới hàng ngày hoan hỷ. Nếu như người ấy gặp nghịch cảnh thì có lẽ không hoan hỷ được!” thực ra thì ngược lại, sự hoan hỷ của chị có được là do từ việc chân thành niệm Phật trong lúc đau khổ nhất, cho nên mới thật là quý báu. Quá trình của cuộc đời chị chính là điển hình của sự nguy khốn trở thành hoa sen báu.

Mười mấy năm trước tôi quen biết chị, gặp chị bên giường bệnh của y viện. Bảy giờ chị mang vẻ mặt buồn bã thần thờ, mang đứa con gái 15 tuổi bị ung thư vào thời kỳ cuối, từ làng quê ở Nam bộ, bôn ba đến Đài Trung để xin chữa trị tại y viện. Chị hoàn toàn không có người thân thích, ngỡ ngác không biết phải làm sao, lại thêm ối mửa vì say xe, mặt mày tái nhợt, tiêu tụy. Chị nói với tôi: “Tôi dùng xe đạp chở đứa con bị bệnh nặng, đi từ đường ruộng trong làng, không biết phải đi tới đâu để xin chữa bệnh, ngỡ ngác như mất hồn ...” nói xong đôi mắt chị đầy lệ của người từ mẫu trước số phận của đứa con.

Khi con chị mới nhập viện, có lần chị vô nhà tắm thì đúng lúc bà cụ nằm ở giường bên kia sắp té xuống đất mà không có ai đỡ. Đứa con gái bà thấy thế, nhưng chính em đang được truyền dịch, không cử động được nên vội kêu lên: “Má ...”. Chị ở trong nhà tắm nghe được ngõ con mình có chuyện gì nguy biến, liền vội chạy ra, nhưng vì chị qua sợ hãi nên đôi chân chị nhũn ra, chị mới ra đến cửa phòng tắm liền khụy xuống, hai đầu gối bị vỡ. Đó là tâm cảnh của chị khi chưa học Phật.

Mũi, họng con gái chị bị sưng, lại nữa, theo sơ chẩn thì bệnh đã nhập tới tủy sống và não bộ, hạch cổ cũng sưng to. Đã thế gia cảnh chị lại rất khốn quẫn. Nhà vốn trồng dưa hấu, nhưng không hiểu sao năm ấy, cả đám ruộng chẳng có lấy một trái dưa nào; lạ hơn nữa là gà vịt nuôi trong nhà cứ lần hồi chết sạch. Để trả tiền thuốc men chữa trị, ắt chị phải bán hết ruộng vườn, nếu không thì phải vay nợ, kinh tế thật khốn đốn ... chị trải qua cảnh khổ này, mà nếu người khác thì đã oán trời trách người, nhưng chị không hề có lời than vãn nào, đi đâu chị cũng cảm ơn, giữ lòng thiện lành. Bảy giờ tôi phát hiện rằng đối với đứa con bệnh khổ này, có lúc chị cũng rơm rớm nước mắt, nhưng sau đó chị liền tỏ ra vui vẻ, kiên định và từ ái mà an ủi con mình.

Bảy giờ bác sĩ chủ trị quyết định đặc biệt trị liệu hóa học, truyền dịch cho em liên tục bảy ngày, bảy đêm. Rất nhiều người lớn trải qua sự trị liệu này đều phải ối mửa, khổ sở khôn xiết, huống chi là một em bé! Em bé nhỏ tuổi như thế mà phải xa nhà, xa quê đến y viện khác lạ, lại

thấy giường bệnh bên cạnh có nhiều người bị bệnh nặng và lần thứ nhất phải truyền dịch quả là đáng sợ. Em phải mở mắt lớn chịu đựng bảy ngày, bảy đêm không dám nhắm mắt ngủ.

Bây giờ, tôi kể chuyện cho mẹ con chị nghe, khuyên họ yên tâm mà niệm Phật. Có thể do căn lành đời trước sâu dày, mẹ con chị nghe được liền rất tin tưởng không nghi ngờ, và bắt đầu thành tâm niệm Phật. Người mẹ (sau này là Bồ Tát hoan hỷ) trong lúc đang khổ sở nhất, đã đem toàn tâm toàn lực chuyên chú vào câu Thánh hiệu A Di Đà Phật, một lòng giúp con niệm Phật. Do thương yêu con vô cùng, chị quên mình, quên thân, quên mệt mà ngủ, không nghỉ để niệm Phật bên giường bệnh, niệm suốt bảy ngày bảy đêm, tinh tấn và dũng mãnh còn hơn chúng tôi niệm Phật ở chùa. Về sau chị nói với tôi: “bảy giờ khổ cực gì tôi cũng đều quên hết, cũng không cảm thấy thân mình ở đâu, chỉ còn lại một câu”A Di Đà Phật”. Chị nhờ vào bốn chữ ấy mà thoát khỏi”nước Cực Khổ”!

Chồng chị là công nhân xi măng, hằng ngày khi hết giờ làm việc thì đạp xe lửa từ Nam bộ, rồi đổi xe đến Đài Trung săn sóc đứa con gái đang nằm bệnh viện. Mỗi tối ông ngồi ngủ trên một cái ghế dài. Đến khi trời còn chưa sáng, ông rời y viện để chuẩn bị đạp xe đi làm; ngày nào cũng như vậy. Ông cũng đã từng vì mệt quá mà ngủ quên trên xe, khi tỉnh ra thì mới biết là qua khỏi trạm, đành phải quay về ... lúc ấy tôi là bác sĩ thường trực, nửa đêm đi khám bệnh nhân. Mỗi khi đi qua phòng bệnh bé gái ấy, tôi đều vô cùng cảm động khi thấy hai vợ chồng thương yêu, săn sóc con mình trong gian khổ. Bao nhiêu lần nhìn thấy người cha mệt mỏi, ngày nào, đêm cũng đến, sáng thì đi, tôi thành tâm kính lễ hình bóng của ông. Nét mặt của ông trong gian khổ mà vẫn thuần hậu, thật tha, chất phác, quả thật đã thấy tôi vừa tôn kính, vừa chua xót.

Bồ Tát hoan hỷ kể lại: năm ấy khi chị đưa con xuất viện về nhà, gặp lúc gió bão. Về đến nhà chị thấy nhà đã bị tróc mái, nhiều chỗ bị gió cuốn bay mất, may nhờ các thân hữu giúp đỡ, đem gạch đá dần cột lại, mới giữ được mái nhà, nhưng vẫn không tránh khỏi mưa dột, nước đọng... Mấy đứa con quá sợ mưa to gió lớn, phải ngồi dưới đất, tình cảnh thật đáng thương. Đứa con vừa mới xuất viện về nhà chưa yên, chị còn phải lo đêm nay không biết cả nhà phải trú thân ở chỗ nào, thật là”nhà dột mà gặp mưa suốt đêm!” Điều đáng quý là chị không có nước mắt như mưa rơi, lòng tin cũng không bị gió cuốn! Mưa suốt đêm chị niệm Phật như mưa tuôn, niệm như hạt lớn, hạt nhỏ rơi xuống mâm ngọc; gió mạnh thổi, chị niệm Phật còn mạnh hơn, an định hơn gió, lấy tâm niệm như hư không, không sợ gió.

Chị không phải ở trong thuận cảnh mà niệm Phật, chị ở trong khốn cảnh”nhà hư gió thổi, mưa dột, con bệnh, gà vịt đều chết hết, ruộng vườn không thu hoạch được, con cái đều sợ hãi, không chỗ an thân; khổ đến cực điểm, dũng mãnh nêu Phật hiệu, giao tất cả cho Đức Phật A Di Đà. Vào lúc sức người hoàn toàn không làm gì được, chị toàn tâm tin cậy Đức Phật A Di Đà mà niệm Phật hết sức chân thành, hết sức khẩn thiết!”

Như trên đã nói rõ ràng công đức niệm Phật thì không thể nghĩ bàn. Chị đã phá bỏ các khổ đau mà thoát nhiên bùng tỏ, liễu mờ hoa sáng một làng đây! Chương”Đại Thế chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông” có ghi: “Nếu lòng chúng sinh niệm Phật, nhớ Phật, tương lai trước mắt nhất định thấy Phật, đến Phật không xa, không nhờ phương tiện, tự được tâm khai, như người nhiễm hương thân có hương khí, như thế gọi là hương quang trang nghiêm.” Tôi nhận thấy Bồ Tát Hoan Hỷ đã được tâm khai, trong chỗ khổ cùng cực, đã dụng tâm niệm Phật, lấy tâm chuyển cảnh, tâm khai vận khai, cuộc sống vui vẻ. Chị nói: “Đức Phật A Di Đà đã giúp tôi khai phát trí tuệ, mở rộng cửa tâm, chuyển đổi ưu sầu, phiền não đang có thành sự hoan hỷ và sức mạnh!”

Một phụ nữ nông dân không biết chữ mà nói ra lời như thế, có được công phu thực tiễn như thế, quả thực khiến tôi thâm tâm tôn kính, tự than mình không bằng được.

Mười mấy năm trước, khi ân sư Sám Công (pháp sư thượng Sám Hạ Vân) là chủ nhiệm Học hội Sinh Viên Trai Giới, tôi mời mẹ con chị lên núi tùy hỷ tham gia. Mẹ con chị chính thức quy y cửa Phật; sau khi được sư phụ khai thị, chị sám hối rất khẩn thiết về việc trước đây do không biết, chị đã giết rất nhiều gà vịt. Chị ứa nước mắt nói: khi chị trông thấy con gái chị bệnh nặng, sau khi trị liệu phóng xạ, da cổ em bầm đen, rách lột, khi nuốt rất khó khăn, chị mới hiểu rõ con dao của mình ngày trước đã làm đau đớn cổ gà.

Sau đó, chị vẫn khư khư nắm lấy câu A Di Đà Phật mà thể hiện sự vô lương quang minh của câu A Di Đà Phật ấy. Làm ruộng chị cũng niệm, nhổ cỏ chị cũng niệm, dọn dẹp nhà cửa chị cũng niệm, nấu cơm chị cũng niệm, phơi lúa chị cũng niệm, ho hen chị cũng niệm, buồn chị cũng niệm, khổ chị cũng niệm, ngày chị cũng niệm, đêm chị cũng niệm. Dần dần ánh sáng Phật, âm thanh Phật tràn đầy lòng chị, vẻ tươi cười, hoan hỷ tràn đầy mặt chị. Cảnh giới thuận, nghịch chị cũng hoan hỷ niệm Phật, cười hà hà.

Vào năm con gái của chị được 17 tuổi, em đoán biết thời của mình sắp đến mọi thứ thật tốt để vãng sanh Tây Phương. Sau khi xuất viện em lo làm lụng để dành tiền. Trước khi vãng sanh, em còn lo sắm trước tặng vật cho từng người trong gia đình. Em mua một giường mới cho cha mẹ, đối với người anh thích uống nước mát, em gửi cho một tủ lạnh, em còn cho các chị của em một tủ sách. Vào buổi chiều hôm em vãng sanh, em còn hăng hái giúp người cô cắt lúa; tối đến em bảo với người nhà rằng em muốn gội đầu thay quần áo. Hoan hỷ Bồ Tát cảm thấy em có vẻ khác lạ, liền gọi chồng cùng chị hộ niệm cho em, em vẫn giống như đang ngủ mà mỉm cười, an nhiên vãng sinh. Tám giờ sau, thân thể em vẫn mềm mại, sắc mặt như người đang sống. Sau đó có chư Tăng Ni và Phật tử tới hộ niệm cho em. Người anh cả của em vốn thương tiếc em gái mình thông minh, lanh lợi như thế mà vãng sanh sớm, đau đớn như muốn đâm ngực dậm chân mà than khóc; nhưng Bồ Tát hoan hỷ vẫn thường rất kiên cường, vẫn vuốt mặt, lau mắt cho con gái mà khuyên: “An định niệm Phật, hoan hỷ giúp đỡ chị em thì được sinh vào thế giới an lạc của Đức Phật.”

Sau đó, đứa con gái út của Bồ Tát Hoan Hỷ nằm mơ thấy chị mình theo Bồ Tát Quán Thế Âm mà bay đi. Bấy giờ người con trai trưởng của Bồ Tát Hoan Hỷ sắp thi vào đại học, nhưng bận việc nhà không có thời giờ chuẩn bị, nằm mộng thấy Bồ Tát dẫn em đến Đại học Phùng Giáp mà nói: “Đây chính là trường của con”. Sau đó trường treo bảng kết quả, quả nhiên em được trúng tuyển Đại học Phùng Giáp! Trong làng có người khác cũng nằm mộng thấy cảm ứng của việc em vãng sanh Tây Phương.

Qua những điềm ứng lành của việc con gái chị vãng sinh, Bồ Tát hoan hỷ lại càng kiên định niệm Phật, không những niệm ra cái ánh sáng từ bi, mà còn niệm ra ánh sáng hoan hỷ, ánh sáng, trí tuệ, ánh sáng giải thoát, không những chị giải thoát được những sầu khổ của chính mình, chị còn biến sự thiếu sót của sinh mạng thành một đóa sen quý. Còn hơn nữa, chị đem thân tâm mình mà giữ gìn, thương yêu giúp đỡ toàn thế giới, phát tâm biến xã hội hỗn loạn thành Hải hội liên trì.

Chị hưởng ứng lời kêu gọi của Pháp sư Chứng Nghiêm (hội Từ tế công đức), không những chị hoan hỷ đem đất của mình làm nơi thu góp các vật liệu, mà cái khó đáng quý nữa là hầu như mỗi đêm chị đều làm công tác nghĩa vụ tại chỗ, thu góp đến mười một, mười hai giờ khuya. Nếu chồng chị không bảo chị ngừng thì chị quên mất thời gian, bỏ ngủ quên ăn mà làm

mãi. Ngày qua ngày, năm qua năm, chị vẫn tươi vui mà tiếp tục công việc! Chị vừa niệm Phật, vừa phân loại phế liệu! Nhật một cái lon, chị niệm một tiếng A Di Đà Phật, xem những cái lon hư bỏ, chất cao như núi ấy là những đóa hoa sen, xem chỗ thu góp phế liệu ấy là Hải hội Liên Trì, cùng với tâm của Phật và Bồ Tát gặp gỡ nhau trong mình, tự mình đạt được niềm vui trong âm thanh của Phật. Đây quả là đạo trường hiếm có trên đời, là khóa lễ buổi tối tốt đẹp hiếm có! Chẳng những chị vì muốn xây dựng y viện cho hội từ tế, mà biến đồ phế liệu thành vàng ròng để công hiến vô điều kiện, chị còn nhằm cải biến tương lai của thế giới.

Chị cười mà nói: “trong khi tôi xử lý đồng phế liệu như núi ấy, tôi cũng xử lý những phế liệu trong tâm tôi!” Thì ra hàng ngày chị đều công phu dụng tâm! Không những chị thu góp các vật phế liệu (phế liệu biến thành vàng ròng), chị cũng thu hồi phế liệu tâm linh (phiền não biến thành Bồ Đề). Hàng ngày chị mượn công việc mà luyện tâm, chị luyện được tín tâm và định lực, nghị lực kim cương tại chỗ thu góp phế liệu. Chị cũng từ trong chỗ bùn lầy của: sinh, già, bệnh, chết, yêu thương mà phải xa lìa ... của cuộc đời mà tạo ra những đóa sen vàng siêu thoát, thân góp được sự hoan hỷ và trí tuệ vô hạn.

Chị vốn là một phụ nữ nông dân không biết chữ, cũng chưa hề đọc kinh Phật, một hôm chị nói với tôi rằng khi niệm Phật, chị nghe âm nhạc rất kỳ diệu từ trong không trung truyền đến.

Chị hỏi tôi: “Vậy là sao?” chị bảo nghe như thế thì càng thích niệm Phật, càng niệm càng hoan hỷ. Tôi nghĩ đến sự miêu tả trong kinh, nhạc trời vang lừng không trung; trăm ngàn thứ nhạc được tấu lên cùng lúc, tự nhiên sinh khởi tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Tôi cảm thấy rất hồ thẹn, có khi nghe tiếng niệm Phật êm tai mà vẫn còn nghĩ bậy, hiềm đông, hiềm tây, hiềm cao, hiềm thấp, còn chị thì lượm lon sắt trong phế liệu mà niệm Phật, dùng âm thanh lon chạm nhau mà thành tiếng chuông, tiếng mõ, lại có thể đem cái tâm thanh tịnh hoan hỷ mà nghe, càng thích thú niệm Phật tưởng như có nhạc trời vang không trung ...

Một hôm chồng chị giận dữ vì chuyện bên ngoài, khi về nhà vẫn còn bực dọc. Chị rất hồn nhiên vui vẻ nói với chồng: “Anh có chuyện gì không vui, hãy nói cho em nghe, em sẽ mở cửa lòng cho anh” chồng chị nói: “Tôi gặp chuyện rất vô lý, giận tức ngực.” Chị nói: “Nếu anh nuốt xuống được thì niệm Phật mà nuốt cơn giận xuống, biến thành tiếng cười mà cười ra, thì sẽ không còn tức ngực nữa.” Chồng chị hỏi: “Nếu nuốt không được thì sao?” chị đáp: “Nếu nuốt không được thì nhổ ra, hít sâu vào rồi thở mạnh mà khạc cơn giận ra, khiến cho nó ngao du sơn thủy.” Chồng chị cười mà khen: “Làm sao em biết mà nói như thế?” Chị đáp: “Chúng ta niệm Phật, Đức Phật A Di Đà sẽ giúp chúng ta mở mang trí tuệ”.

Tôi thường cảm thán rất nhiều vợ chồng học thức rất cao, mà khi đối đáp thì mang đao nóng giận, cả hai bên đều tổn thương, giận dữ! Còn vợ chồng chị là những người nông dân chất phác, tuy không có học lực, nhưng nói chuyện thì lại rất học vấn, rất có “trí tuệ”! Đồng thời cũng đầy ôn hòa, nhã nhặn và thành thực, thật vậy, “thực lực” thì quý hơn “học lực”!

Mười mấy năm trước, khi còn là bác sĩ, bên giường bệnh, tôi chỉ cho chị lạy Phật. Chúng tôi cùng tập lạy trong phòng bệnh của y viện, không ngờ học xong, chị cứ thế mà lạy suốt mười mấy năm không hề gián đoạn, bận cũng lạy, mệt cũng lạy, khổ cũng lạy, vui cũng lạy. Con dâu của chị sanh liên tiếp ba đứa con. Hàng ngày chị phải mang ba đứa bé, ôm đứa nhỏ nhất chưa đầy tháng tuổi mà lạy, công đứa thứ hai mà lạy, nách đứa lớn mà lạy, vừa công, vừa ẵm, vừa nách cháu mà liên tục lạy Di Đà một trăm lạy, hồi hướng chúng sinh. Có khi chúng ta tự nhắc thân mình cũng không chuyển, chị thì “một người lạy, bốn người lễ”. Khi chị công cháu mà sụp lạy, bỗng nhiên đứa bé đang công trên lưng nghịch ngợm tuột xuống, tất cả đều niệm

Phật mà cười vui vẻ. Đây là Hải hội liên trì của nhi đồng, khiến người ta vừa cảm động vừa vui lòng.

Một hôm, đưa cháu gái lên hai của chị đi chơi trên đường, thấy bên đường có một cái lon nhôm bị vớt bỏ. Nó mừng rỡ lượm lên, quay đầu cười mà nói với tôi: “su phụ! Trong này có một hoa sen!” Nó lại lầm thầm niệm A Di Đà Phật. Một hôm nó bất cẩn vớt đồ xuống đất, làm anh nó bị trượt té. Anh nó lồm cồm bò dậy mà bảo với chúng tôi: “Con bị trượt té, thật tức cười!” Bọn trẻ quen tai, quen mặt cũng học được ít nhiều ở Bồ Tát Hoan Hỷ mà hoan hỷ niệm Phật, cười ha ha đối mặt với những khổ đau, thất bại của cuộc đời, dùng cái tâm hoa sen chớm nở mà xử lý những rác rưởi, phế liệu của đời người, thu lấy vật liệu. Nếu các bạn hỏi chúng nó lượm hoa sen (lon nhôm) để làm gì?, bọn trẻ đều nói: “Cứ u người!” Tiếng “cứu người” do bọn trẻ phát ra, từ cái tâm thuần phác của trẻ con, khiến người lớn không khỏi phản tỉnh mà hổ thẹn.

Điều làm người ta ngạc nhiên nhất là dưới sự chỉ đạo của chị, cả làng bắt kể lão bà bảy mươi tuổi, phụ nữ bốn năm mươi tuổi cho đến trẻ con, hầu như đều đồng thanh nói câu này: “khum lưng lượm cái lon, niệm một tiếng A Di Đà Phật là trồng một đóa hoa sen”. Bề ngoài thì đây là việc xử lý đồ phế thải vụn vặt, nhưng lại là dùng cái tâm, thanh tịnh nhất, cũng là muốn giúp đỡ thế giới bằng cái tâm từ bi vô tư. Quả thực là khỏi bùn dơ mà không bị nhuốm. Những người tham dự đều đáng được gọi là những hoa sen vi diệu thơm ngát ở chốn nhân gian!

Sau khi thân phụ của Bồ Tát Hoan Hỷ đã bảy mươi tuổi, ông còn ráng làm hai thửa ruộng nên cảm thấy mệt mỏi, mất sức, thường phải đến y viện để chích thuốc, nhưng chích vào, mắt bị sung, tứ chi cũng bị sung. Ông luôn lo buồn, bực bội không yên. Bồ Tát Hoan Hỷ biết rằng cha mình vì già nua trong lòng không có mục tiêu rõ rệt nên mới khổ; hằng ngày chị tận tâm an ủi cha già để ông vui vẻ. Sau khi Bồ tát Hoan Hỷ bắt đầu làm việc thiện, một hôm chị dùng các biểu lộ của trẻ con, đưa hai ngón tay ra mà hỏi cha: “Ba ba, hai cái này ba muốn chọn cái nào? Cha chị nói: “Con chỉ đưa hai ngón tay làm sao con biết cha chọn ngón nào?” Bồ Tát Hoan Hỷ cười mà nói: “một bên là cuộc sống đau khổ” Cha chị đáp: “Đương nhiên là phải chọn cuộc sống êm đẹp, ai mà chọn cuộc sống đau khổ!” Bồ Tát Hoan Hỷ nói: “Con muốn khuyên ba làm việc thiện, thu hồi phế liệu. Được thế thì ba khỏi cần chích thuốc mà cuộc sống vẫn sinh hoạt tốt đẹp, ba sẽ càng làm thiện càng hoan hỷ!” Cha chị nói: “Con muốn hại cha bị người ta cười là đồ lượm rác ư!” Bồ Tát Hoan Hỷ bèn giải thích cho cha nghe ý nghĩa của sự làm việc thiện, và việc đem rác rưởi biến thành vàng ròng, cả công việc xây dựng y viện để cứu người. Chị lại khuyến khích cha: “Nếu có ai cười cha thì họ không hiểu ý nghĩa trong đó, cha có thể giải thích cho họ nghe, họ hiểu thì họ sẽ không cười bậy, mà còn có thể cùng tham gia”. Lòng từ bi của cha chị rất sâu đậm, khi ông nghe đến việc tham gia cứu người, bảo hộ thế giới thì ông tiếp nhận. Bồ Tát hoan Hỷ rất sung sướng, khuyên cha: “Hễ lượm một lon thì niệm một tiếng A Di Đà Phật, niệm Phật mà làm việc thiện tức là làm thanh tịnh thế giới thân tâm của chúng ta, đồng thời hồi hướng thế giới Cực Lạc ở Tây Phương.” Vì lúc nhỏ chị rất hiếu thuận, cho nên cha mẹ chị đều vui vẻ chấp nhận đề nghị của chị, họ hăng hái tham gia công tác làm thanh tịnh thế giới của thân tâm này. Quả nhiên cha chị chuyên tâm tham gia cuộc sống từ”vì riêng” chuyên thành”vì chung”, từ lo lắng cho một thân, một nhà, biến thành vì cứu người mà công tác niệm Phật, giúp đỡ thế giới. Ông không còn phải cố gắng đem thân mình để canh tác hai thửa ruộng nữa, mà đem hiến một phần đất để làm nội thầu góp phế liệu; phần ruộng còn lại thì cho người khác thuê. Ông sẵn sàng buông bỏ xong thì cảm thấy rất thoải mái hoan hỷ. Tâm đã

được khai sáng thì thân cũng mạnh khỏe, ông không cần phải chích thuốc nữa. Khi người ta hỏi ông, ông hăng hái vui vẻ nói: “Con gái tôi bảo tôi vừa làm vừa niệm Phật, càng làm càng thích thú vui vẻ!”

Hai vợ chồng trên bảy mươi tuổi ấy, ngày nào cũng tự đạp xe đến các cơ quan đoàn thể dọn rác, thu gom giấy vụn, ve chai, lon kim loại, tự chở về nhà mà phân loại, chất thành từng đống nhỏ. Đôi chân già yếu của người trên bảy mươi tuổi, bỏ sức mà đạp xe đi các đường ở thôn quê, mưa gió không ngăn trở được, ngày ngày liên tục không hề mệt mỏi, bước lên con đường vĩ đại thương giúp thế giới! Bồ Tát Hoan Hỷ nói với cha mẹ: “hằng ngày ba má thức dậy thật sớm, đôi mắt với cả một đống phế liệu lớn, thì ị thấy đó là một đóa hoa sen lớn! Ba má vừa làm vừa niệm Phật, hoa sen nở càng lớn!” tâm tịnh thì thấy đất nước tịnh, rác rưởi cũng thấy thành hoa sen.

Mẹ của Bồ Tát hoan Hỷ tuy cả đời chịu lắm cực khổ nhưng vẫn mang vẻ tươi cười, vừa từ ái hoan hỷ, vừa kiên cường. Bà còn nói đùa rằng doanh trại quân đội, sân bay đều là”địa bàn” thu góp của bà! Các sĩ quan quân đội rất kính phục bà cụ phụng hiến vô tư này, thường phát tâm giúp đỡ bà buộc các đồ vật thu hồi, thấy bà dùng một chiếc xe nhỏ để chở nhiều đồ như thế bèn nói: “bà dùng một con dê nhỏ mà chở được một con trâu lớn!”

Một hôm Bồ Tát Hoan Hỷ đang đi trên đường, trông thấy phía trước có một cái xe đạp chở rất nhiều lon, lon chất ở phía sau xe nên chị không thấy người đạp xe. Chị vượt lên phía trước để nhìn, thì ra đó là mẹ chị! Trên mặt nhăn nheo của bà tràn đầy nét tươi vui, trong bôn ba khổ nhọc, lòng vẫn thanh thản vô hạn! Bồ Tát Hoan Hỷ đỏ hoe đôi mắt nói với tôi rằng chị vừa cảm động vừa đau lòng, nhưng mẹ chị thì lại hăng hái vui vẻ, suốt cả đường vừa niệm Phật, vừa đạp xe!

Bên đường có một khe nước lớn, Bồ Tát Hoan Hỷ xin mẹ hãy coi chừng, nếu không sẽ bị té xuống khe. Mẹ chị nói một cách rất cương quyết: “Đức Phật A Di Đà nâng đỡ má! Mấy ngày trước má còn biểu diễn một màn đấy!” thì ra có rất nhiều người thường trông thấy bà khổ nhọc ngược xuôi chở các đồ vật thu góp thì ngỡ rằng là bị gạt. Bà giải thích rằng các vật liệu thu góp này được hội Từ tế công đức dùng để cứu người. Họ cười nhạo bà, một hôm bà chở rất nhiều đồ vật thu góp được, đi đến bên khe lớn ấy gặp đám người cười nhạo kia. Bỗng nhiên bà bị lật xe, mọi người đều kinh hãi thấy bà và xe đều sắp rơi xuống khe, nhưng bà cụ lớn tiếng niệm Phật A Di Đà. Trong chớp mắt dường như bà được nâng đỡ, được nhắc lên. Bà lướt qua bên kia khe mà an tọa. Kỳ diệu thay, chiếc xe đạp sắp rơi xuống khe như có một sức kéo kỳ lạ, vẫn đứng vững phía bên này khe mà không rơi xuống. Cả người lẫn xe đều không hề hấn gì. Sự việc này khiến người mục kích phải trở mắt há mồm. Bà nói: “Đức Phật A Di Đà đã nâng đỡ tôi!” những người kia thấy hiệu quả của việc niệm Phật thì cho rằng không thể nghĩ bàn. Tâm phục và rất cảm động, khẳng định sức mạnh của việc niệm Phật, công đức của việc hành thiện thì không được cười nhạo. Đức Phật A Di Đà không bỏ việc hóa độ người nào cả, khiến mọi người không còn cười nhạo nữa, mà dần dần tham gia hành thiện.

Xương đầu gối của mẹ Bồ tát Hoan hỷ đã bị thoái hóa, bác sĩ bảo phải thay thế bằng khớp nhân tạo, nhưng bà cụ chẳng màng tới. Bà chẳng lý gì tới thân xác mình, chỉ nhất tâm niệm Phật để phục vụ đại chúng. Tôi chưa từng thấy vị A La Hán phá bỏ thân kiến (không chấp thân thể là ta ngã) như nhà Phật nói, nhưng trông thấy bà cụ này, tôi rất khâm phục, cho rằng thật hiếm có? Bà bị gãy một xương bàn tay, thế mà hôm đó bà dùng một tay kia để kéo về một máy gạt phế thải mà cười hà hà nói với tôi: “Tôi niệm ba tiếng A Di Đà Phật, xương bèn liền lại,

không cảm thấy đau nữa!” Bà dùng một tay mà vẫn hăng hái vui vẻ, giống như xương gãy lại là điều vui (thật ra ai bị gãy xương cũng đau đớn đến phát khóc, ít ra thì cũng nhăn nhó mặt mày!)

Có lần, bắp chân của mẹ Bồ Tát Hoan Hỷ bị đứt, một mảng da lớn bị lột ra, bà nói: “Tôi chỉ sợ bị thương, con cháu không chịu để tôi làm việc thiện, nên không dám nói ra; tự mình vội dán miếng da lại, dùng nước trà mà rửa, cười mà niệm Phật. Hôm sau khi trời chưa sáng tôi cứ thế mà đi gom phế liệu, hà hà ..., niệm Phật rất tốt, không bị sốt, không bị sung, cũng không sao cả! Bây giờ không ai trông thấy, chứ nếu không thì mọi người lại bảo tôi phải đến y viện để khâu da lại, lại bảo tôi phải nghỉ không nên đi làm việc thiện “. Tôi nhìn thấy vết sẹo trên chân bà, ít ra cũng phải khâu đến năm mươi mũi, thế mà bà vẫn hoan hỷ niệm Phật, thật là vì việc chung mà quên thân! Một bà cụ nhà quê không biết chữ mà có công phu niệm Phật như thế, tâm địa như thế, thật khiến tôi vừa chảy nước mắt, vừa đổ mồ hôi! Bà thể hiện tấm chân tình vui vẻ mà nói: “Đức Phật A Di Đà rất tốt! Đức Phật A Di Đà rất thương chúng ta! Khuôn mặt tràn đầy vẻ tươi vui chân chất, quả là một vị”Phật tử Cự Lạc” hạnh phúc!

Bồ Tát Hoan Hỷ, trên thì khích lệ cha mẹ, dưới thì đốc thúc con cháu, cả nhà bốn thế hệ, ngày lại ngày, năm lại năm, dùng tâm hoan hỷ, dùng chỗ thu gom phế liệu làm đạo trường, chứa chất lon chai, giấy vụn thành đống như núi. Trong khi chúng ta vứt bỏ bừa bãi lon chai, rác rưởi, xin đừng quên đằng sau có vị Bồ Tát vô tư cống hiến này, bằng cái tâm trồng hoa sen, thu góp và phân loại các thứ ấy cho ta, xin mọi người hãy tưởng nhớ tới cái tâm chịu đựng mệt nhọc để thương giúp thế giới của họ, cũng là phát khởi cái tâm như thế!

Có vài người khi phân loại các đồ phế thải đã thu góp, tình cờ thấy một số đồ dơ như tả lót, người lượm có khi vì quá mệt mỏi, than: “Ôi! Sao mà cả mấy thứ đồ dơ này cũng mang về làm gì chứ?” Bồ Tát Hoan Hỷ nói: “thu cả mấy cái tả lót này, chúng ta cũng phải hoan hỷ, chúng ta còn tập trung các thứ ấy lại mà gởi đi. Làm công việc thu góp này thì phải càng làm càng vui mới được.” Ngay cả khi thu tả lót, hoặc gặp người hiểu lầm thì cũng vui vẻ như thế mới thật là không có gì không vui, thật là người có trí tuệ nhập đạo như Đức Phật nói trong kinh Di Giáo (vui vẻ thọ nhận sự độc hại của lời nhục mạ giống như uống cam lồ).

Về mặt thực tế, Bồ Tát Hoan Hỷ đã mất đi đứa con gái yêu quý, nhưng vì chị niệm Phật, dùng tâm Phật mà yêu thương hết thấy mọi người, nên chị được hàng ngàn hàng vạn đứa con trai, đứa con gái yêu quý. Chị dùng tinh thần hoa thạch liên để biến đổi những đau khổ cùng cực trên đời thành những đóa hoa sen vi diệu của cõi Cự Lạc phương tây, biến nỗi đau đớn của những người bị thảm thành sự cống hiến vui vẻ ngất trời. Chị kham nhẫn những điều mà người ta không kham nhẫn được. Chị thành tựu sự nghiệp vĩ đại của Bồ Tát! Nếu người người đều nắm được cái tinh thần của chị thì xã hội đen tối sẽ thành Hải hội Liên Trì!

QUÍ VỊ CÓ BIẾT ĐÓ LÀ THỊT CỦA AI KHÔNG?

Khi tôi thực tập tại khoa ngoại, mỗi ngày tôi đều phải sử dụng dao mổ mấy lần. Mỗi lần giải phẫu, tôi đều phải cắt bỏ một số bộ phận hoặc một số phần của chúng trong cơ thể bệnh nhân, như cắt bỏ một phần dạ dày, cắt đi một khúc ruột, hoặc cắt bỏ túi mật, hoặc lấy tử cung đi, thậm chí cưa một chân, thậm chí dùng cưa điện mà cưa xương đầu gối ... Y viện sẽ đem một số phần cắt nhỏ để gửi đi kiểm tra, các phần còn lại thì không dùng làm gì, giao cho người chuyên môn xử lý.

Một hôm, tôi về nhà bằng cổng sau của y viện thì gặp người chuyên môn xử lý ấy, anh ta mang một túi ni lông lớn, bên trong đựng các thứ được cắt ra từ thân thể người ta, như bao tử, ruột, mật ... anh mang các thứ ấy mà ra cổng sau của y viện. Bên ngoài cổng sau của y viện chúng tôi có một quầy bán thịt heo, anh giờ cái bao ấy lên mà đi ngang qua trước quầy thịt, tôi thấy bỗng rợn người! Vì thật giống quá! Giả sử có người giở trò đùa đem dạ dày, ruột hoặc thận bị cắt của mình mà để vào quầy thịt heo kia, lẫn lộn với bao tử, ruột và các thứ nội tạng heo, thì có thể các người cũng nhận không ra, đó là chưa kể mua về mà khen ăn rất ngon!

Khi học năm thứ hai ở Đại học Y, chúng tôi phải nghiên cứu môn "Nhân thể giải phẫu học", rất nhiều bạn đồng học tự nhiên không dám ăn thịt, vì sao? Thịt động vật và thịt người giống nhau quá! Khi chúng tôi giải phẫu tử thi, rồi sau đó đến quán ăn, trông thấy thịt, cho dù ai đó lúc bình thường vẫn thích ăn thịt thì đều không muốn ăn, cảm thấy thịt ở đây có bề ngoài và mùi vị y hệt với thịt của tử thi trên bàn giải phẫu.

Nếu chúng ta bị cắt thịt thì chúng ta sẽ đến rợn người, nhưng khi ăn thịt bị cắt của động vật thì chúng ta lại bảo: "Thơm thật! Ngon thật! Không ăn không được, không đủ dinh dưỡng." Điều này khiến tôi nghĩ đến bài thơ:

Chớ có xem thường mạng chúng sanh
Cũng là xương cốt thịt da thành
Đem chính thân mình mà tự hỏi
Ai chịu đem dao cắt thịt mình.

Chúng ta không nên cho rằng sinh mạng của chúng sanh là nhỏ nhặt không đáng nói đến, không đáng tôn trọng. Da thịt xương cốt của chúng sanh đều giống của chúng ta, biết đau đớn, chúng ta hãy đặt và địa vị mình mà tự hỏi: Có ai dám cầm dao tự cắt thịt của mình cho người ta ăn không?

Có lúc người ta thật kỳ quặc, giả như biết được ai đó bị bệnh thì cho dù là người thân cũng không dám dùng chén đĩa của người bệnh, thậm chí còn sợ ăn đồ thừa, sợ ăn nhầm một chút nước miếng của người ấy. Lại nữa, khi ăn chung với người ta thì thường quan trọng hóa quá đáng "đũa anh muông tôi", mọi người cho rằng như thế là "đúng pháp vệ sinh". Nếu người thân bị ung nhọt, phần lớn người ta đều không dám kê miệng hút lấy máu mủ của người ấy. Thế nhưng người ta lại bỏ vào mồm và nhai nuốt từng khối thi thể động vật mà người ta không biết chúng có mắc bệnh hay không, lại còn bỏ vào mồm nuốt nước thịt, nước máu (so với nước miếng thì nghiêm trọng hơn nhiều), rồi bảo ngon quá mà hoàn toàn không đắn đo. Thế phải chăng là phù hợp với "quan niệm vệ sinh" của mình đối với người? Có lẽ độ ng vật sạch sẽ khỏe mạnh hơn người chẳng!

Nhiều người ban đêm không dám đến phòng giải phẫu tử thi, cũng không dám một mình đến kho đông lạnh Tang Nghi Quán, bảo là sợ tử thi, mà không biết là trong tủ lạnh của nhà mình nhiều tử thi hơn, lại có cả đầu bị cắt, chân bị cắt.

Cũng có nhiều người ban đêm không dám một mình đến mồ mả bảo là sợ quỷ lộng, không biết rằng bụng mình cũng đã từng là mồ mả, nhà quỷ, lại còn tùy tiện chôn cất mà không xem phong thủy.

Trước đây có thầy Lâm Thế Mẫn là người rất vui vẻ, ông bảo chúng tôi: "Giả như các vị muốn khuyên người ta ăn chay, thì dứt khoát chớ nói: "Hộp cá anh ăn là quan tài của cá", cũng chớ nói "Miếng dồi anh ăn, vốn là ruột chứa phân heo" (chắc hẳn nếu dùng "ống phân" mà chế

biến thành thức ăn ngon thì anh sẽ không ăn thức ăn ấy) để khỏi khiến người ta phản cảm ... các đồng học cười vang nhà, cũng là trong tiếng cười mà giác tỉnh vậy ...

A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật.

HUNG THỦ BIẾN THÀNH BỒ TÁT TÔI KHÔNG DÁM LÀM KẸ ÁC NỮA

Tôi có một chị bạn vốn là tín đồ Cơ Đốc giáo. Chị lớn lên ở vùng ven biển, thường thích ăn đồ biển. Thậm chí chị còn lặn xuống biển để bắt cá, cá tôm thì phải đang còn sống chị mới thích ăn, chứ nấu khi chúng đã chết thì chị chê không ngon. Chị là người rất trầm tĩnh và nhiệt tâm, có lần chúng tôi muốn đi phóng sinh, chị phát tâm lái xe cho chúng tôi. Bây giờ là lúc có vụ án Bạch Hiếu Yên đang gây sự chú ý của mọi người. Con gái của Bạch Băng Băng là Bạch Hiếu Yên bị bắt cóc, tử thi bị ném xuống nước, khi tìm thấy thì người ta phát hiện cô bị chặt một ngón tay. Tôi vốn không có thói quen đọc báo, chị bạn này xem báo thấy ảnh của Bạch Băng Băng đang khóc, chị rất cảm động nên nói với tôi rằng chị rất đồng tình với Bạch Hiếu Yên và Bạch Băng Băng, cho rằng hung thủ thật quá tàn nhẫn và đáng sợ.

Hôm ấy, chúng tôi đến bờ biển để phóng sinh cua. Dọc đường chị kể cho tôi nghe về vụ án này. Đến bờ biển chúng tôi mở dây cho từng con cua đang bị trói chặt và niệm Phật cho chúng đưa chúng về nhà dưới biển. Trong quá trình bọn cua bị bắt, bị trói, chân càng bị gãy rơi xuống đáy giở. Trong khi chúng tôi cắt dây trói cho bọn cua, tôi hỏi chị bạn ấy: “chị xem, mấy con cua này bị bắt nhốt ở đây, chân càng bị gãy lia có giống cô Bạch Hiếu Yên đáng thương chẳng? Chị đọc báo thấy Bạch Băng Băng khóc lóc thảm thiết vì mất con, chị có biết mẹ của mấy con cua ở dưới biển cũng đang khóc lóc thảm thiết hay không?”

Chị bạn nghe thế thì mở to hai mắt, rất xúc động liền nói với tôi: “Tôi không còn dám làm kẻ ác nữa!” từ hôm đó trở đi chị không những giới sát, phóng sinh mà từ đó ăn chay. Chị vốn là người “không ăn thịt thì đầu choáng váng” nhưng từ hôm ấy, hễ ngửi thấy mùi thịt thì chị không nhẫn tâm mà trái lại chị bị choáng váng đầu. Chỉ trong chớp mắt chị hiểu được nỗi khổ của bọn cua, cũng giống như nỗi khổ của Hiếu Yên đáng thương. Chị không còn lặn xuống nước bắt cá nữa! Trái lại chị khuyên các bạn trong hội bơi lặn nên ăn chay, phóng sinh, thả xuống biển cá tôm bị bắt. Trong chớp mắt, đối với mẹ của bọn cá tôm, chị từ kẻ ác biến thành Bồ Tát cứu khổ, cứu nạn! Hằng năm chị vốn bị xuất huyết đường ruột, phải nằm viện để tiếp máu trị liệu, nhưng từ nay không phải thế nữa, chị đã được khỏe mạnh!

Rất nhiều người đã phí nhiều sức để thảo luận, để cho các động vật nào đó được sống thì đối với người, đối với sinh thái là có hại hay có lợi? Mặt khác, rất ít người dùng tâm kiểm điểm xem mình sống thì đối với loài người, xã hội và sinh thái là có hại hay có lợi? Mỗi bệnh nhân đến y viện đều mong muốn các bác sĩ dù thế nào cũng cứu mình, chữa lành mình; xưa nay không có người nào bảo bác sĩ: “nếu bác sĩ cho rằng tôi có ích cho xã hội thì hãy cứu tôi (để cho tôi được sống).” Lòng người là “ham sống sợ chết”, thì các động vật khác đâu có tâm nào ngoài tâm này? Bác sĩ đã không nên xét xem bệnh nhân là thiện ác, công tội, để rồi quyết định có cứu người ấy hay không, cũng không nên lấy sự thương ghét, vui giận chết hay sống. Cái tâm của người phóng sinh đâu khác gì tâm của bác sĩ? Chỉ là bác sĩ cứu người thì nên rành phương pháp chữa bệnh, vận dụng cả từ bi và trí tuệ; phóng sinh thì cũng rành về “đạo phóng sinh”. Đã không thể giao ước dự định mua, khiến người gây nghiệp kia cố ý đi bắt các động vật

mà tăng nguy cơ cho chúng, thì cũng nên chú ý tìm cách cho an toàn, cho chúng đủ dưỡng khí để thở; trước hết phải hiểu rõ sinh vật được phóng sinh và địa điểm phóng sinh, xem hoàn cảnh có phù hợp hay không, làm sao để cho chúng được sống thoải mái. Điều quý là toan tính chu đáo cho chúng được thể thì việc thiện tuy nhỏ mà từ tâm thì rộng lớn, tràn ngập cả thời không.

Chúng tôi có một số kinh nghiệm về phóng sinh. Bọn ếch khi được thả thì quay lại chấp tay. Bọn cá thì tụ thành bầy, bơi quanh thuyền mà gật đầu; thậm chí khi trì chú Đại bi thì cá trong thùng để trên bờ nhảy vọt lên mà phóng xuống nước. Cư sĩ Tô Thiệu Hưng khi phóng sinh cua thì thấy cua dùng hai càng chấp lại mà cảm ơn. Như thế đủ biết chúng sinh biết “được phóng sinh”, cũng biết mang ơn, biết cảm ơn; các chúng sinh ấy hẳn cũng biết “bị bắt”, biết oán hận. Chúng sinh đều có Phật tính, cho nên đối với chúng sinh mà có một niệm “tâm cứu sống” thì nhân duyên sẽ khác biệt vô cùng.

Một niệm “tâm sát hại”, hay một niệm “tâm cứu sống” thì nhân duyên sẽ khác biệt vô cùng, quả báo cũng khác biệt vô cùng.

Một niệm “tâm sát hại” biến thành “tâm thả cho đi”, “tâm từ bi phóng sinh, kẻ ác biến thành Bồ Tát. Kẻ ác và Bồ Tát chỉ khác nhau một niệm mà thôi”.

Phóng sinh, ngoại trừ việc phóng sinh các động vật nhỏ, còn có cái điều u quan trọng là phóng thả cho cái tâm từ bi của chúng ta được khởi sinh. Thế mà có nhiều người lại phản đối việc phóng sinh. Lý do của họ là “phóng thả các động vật kia thì sẽ có người tìm bắt chúng”. Thậm chí có người nói: “việc phóng sinh có ảnh hưởng tới sự cân bằng sinh thái.” Tôi chỉ muốn hỏi: nếu con của họ bị bắt cóc, có người phát hiện thì có nên đến cứu, giải thoát nó không? Hay là nghĩ rằng “giải thoát nó xong thì bọn xấu cũng bắt nó lại, vậy không nên giải thoát nó, cứ để cho nó bị giết”? hay là nên nghĩ: “số người trên thế giới đã quá nhiều, giải cứu một người bị bắt có thể ảnh hưởng đến quân bình sinh thái”? vạ nhất là người bị bắt cóc, bị giết là người nhà thân yêu của mình, thì sao? Nếu như con của chúng ta cần được cứu, cần được giải thoát thì tại sao các động vật khác không được cứu, không được giải thoát chứ? Chúng cũng biết đau, biết khổ, biết sợ chết vậy!

Trước đây có một người trẻ tuổi bị ung thư máu, một hôm, sau khi bạn anh đến thăm, anh khóc mà xám hỏi với tôi về một chuyện. Anh nói: “người bạn mập mập vừa đến, trước đây thường phóng sinh, tôi thường cười, bảo anh ta là khờ dại, khờ dại vì có cá mà không ăn, lại phóng sinh làm gì! Hơn nữa, khi anh phóng sinh thì tôi đi theo sau mà câu, tự nhiên tôi cảm thấy mình rất thông minh, rất khoái chí, đem cá câu được về nhà, bỏ vô thùng, lại câu nữa. Tôi thấy cá lại mắc câu nữa thì cười nhạo mấy con cá ngu ấy! Nay tôi phải trị liệu hóa học, miệng bị lở, thậm chí răng còn bị lung lay, tôi mới biết rằng miệng mồm bị rách, té ra là khổ như thế này, rồi ân hận vì sao tôi lại có lang tâm như thế, khiến cho mấy con cá kia, con nào cũng bị lủng rách mồm miệng hai lần! Bây giờ có đánh chết tôi, tôi cũng không câu cá nữa ... anh bạn khờ dại kia lại đến thăm tôi, bây giờ tôi mới biết anh không ngốc, mà chính tôi mới là ngốc ...” anh khóc đến rung cả thân, bảo tôi nên lấy những gì mà anh đã trải qua để khuyên răn mọi người, không nên để cho chúng sinh chịu khổ, hầu tránh quả báo cho chính thân mình ... anh cũng là người tu hạnh Bồ Tát, tự thân đã chui khổ đau kịch liệt như thế, nên khuyên chúng ta ...

HIỆM NẠN BIẾN THÀNH BÌNH AN

NIỆM PHẬT TRÁNH ĐƯỢC VỤ BOM NỔ

Giả như có người khuyên các vị: “Thế gian là vô thường, mạng người khó giữ, khi đi đường tốt nhất là các vị vừa đi vừa niệm Phật thì luôn được tai qua nạn khỏi.” Các vị nghe xong có thể trừng mắt nhìn người ấy, cho rằng điều người ấy nói là cũ rích. Ở đây tôi cũng không ngại kể lại một chuyện mà chính tôi đã trải qua, đó là chuyện tôi đã gặp và thoát khỏi sự nguy hiểm của một vụ nổ, để khuyến khích và thức tỉnh mọi người khi đi đường hoặc lái xe dùng quên niệm Phật.

Trước kia tôi có đến tham bái Đại lão Hòa thượng Quảng Khâm, ngài có khuyên tôi nên”niệm Phật, niệm Phật, không giây phút nào rời Phật”. Thật đáng hồ then, tâm tôi nhiều vọng tưởng nên không thực hiện được điều ngài dạy. Đang làm bác sĩ, công việc bận rộn, tôi cố gắng luyện tập, khi đi đường thì cứ mỗi bước niệm”A Di Đà Phật”. Sau khi đã nuôi dưỡng thành thói quen, cứ nhắc chân bước một bước thì trong lòng tôi tự động niệm một tiếng”A Di Đà Phật”. Đi đường theo cách như thế quả là đã cứu mạng tôi, khiến tôi tránh được một nạn lớn, tránh được quả bom tự chế nổ làm văng máu thịt!

Đó là một buổi tối thứ bảy, hồi tôi là bác sĩ nội khoa của y viện Nguyễn Tông Hợp ở Cao Hùng. Thứ bảy nói chung là ngày cuối tuần nhàn hạ, nhưng lại là ngày bận rộn cần học tập. Vì viện thường mời một số giáo sư tài năng đến hội chẩn, đồng thời chỉ dẫn cho chúng tôi về lâm sàng. Tôi phải bận rộn cho tới hơn bảy giờ tối mới xong, bèn thu thập các thứ chuẩn bị về nhà, lòng nghĩ đến mẹ tôi có thể đang đói bụng chờ tôi về để ăn cơm, nên tôi vừa niệm”A Di Đà Phật” vừa bước lên thang lầu. Khi tôi đến cổng y viện, bỗng nhiên hai chân khựng lại, tôi rùng mình và niệm”A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”. Sau đó tôi tự động quay lui, tôi cũng không hiểu vì sao, đã quên cái gì. Cũng không! Bỗng nhiên tôi đọc thấy tối nay giáo sư Lưu Trinh Huy có buổi chẩn bệnh tại viện, giáo sư Lưu không những có tài năng y thuật, lại rất từ bi và nhiệt tâm chỉ dạy cho hàng hậu học. Tôi chợt nghĩ cần phải đến xem giáo sư Lưu chẩn bệnh để học hỏi thêm, ngõ hầu giúp đỡ bệnh nhân.

Thật ra, đó là lần đầu tiên tôi nghĩ nên đến xem giáo sư Lưu chẩn bệnh buổi tối, do đó tôi vừa niệm”A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”, vừa đi đến nhà chẩn tế, đại khái đi chừng năm, sáu bước, hẵn chưa tới mười bước, bỗng tôi cảm thấy sau lưng có một ánh chớp rất mạnh, theo đó là một tiếng nổ dữ dội. Sự chấn động làm tôi đau trong ngực. Tôi tưởng rằng bình điện của trụ điện bên đường có vấn đề gì đó. Vì tôi không hiểu kỳ cho nên không quay đầu nhìn, cũng không để ý gì tới, cứ một mực niệm Phật mà đi đến nhà chẩn tế. Đột nhiên mọi người chấn động cả lên, có người la lớn: “Bom tự tạo nổ! Có người chết, có người bị thương!” đầu óc tôi rất đơn giản, thường chẳng có liên hệ gì với tạc đạn, vả lại bây giờ không có chiến tranh, làm sao có bom nổ được? Trong đầu óc tôi đại khái nghĩ rằng bọn trẻ làm thí nghiệm, dùng chất làm pháo mà gây nổ! Nhưng ngay lúc đó người tài xế taxi thường đậu xe chờ khách ở cổng y viện bị bom nổ bẻ bụng, ruột lòi ra ngoài. Anh rất đau đớn, ôm bụng xông vào y viện và ngã xuống, các y tá vội vàng cấp cứu cho anh. Rất nhiều bệnh nhân trên lầu y viện cũng chạy xuống. Họ không biết tại sao đất chấn động, đến cả vôi vữa trần nhà cũng bị chấn động rơi xuống! Ngày cuối tuần đang tốt đẹp như thế này, ai ngờ ngờ lại sinh ra sự việc thê thảm như thế.

Đức Phật dạy: “Thế gian vô thường, mạng người trong hơi thở”, quả không sai tí nào, vừa rồi nếu không vì niệm Phật mà được nhập vào ánh sáng của Phật, thì tất nhiên tôi phải theo nghiệp lực và nhân duyên vốn có của mình mà ra khỏi y viện, như thế thì không tránh khỏi bị vung vãi máu, thịt vì bom nổ! Vì quả bom nổ ở kế bên chỗ gửi xe bên cổng của y viện. Đây là vụ án Đài Phi” đã chấn động một thời. Tôi xưa nay vốn không có thói quen đọc báo, không biết

rõ nội dung, chỉ nghe các bác sĩ đồng sự nói rằng công ty Đài Phi có một người trước kia là công binh cho nên ông ta biết làm bom, ông có điều bất hòa với đồng sự, trong lòng giận dữ nên bất mãn làm mấy quả bom rồi nối dây nổ vào đèn xe hơi, khi mở máy và bật đèn thì bom nổ, sức mạnh đủ khiến người ta phải tan xương nát thịt.

Thế thì vì sao bom lại nổ ở công y viện của tôi? Vì lúc đầu đã có một nhân viên của Đài Phi bị thương ở một nơi khác đến nằm viện, người đồng sự bị oán thù kia đến y viện thăm người bị thương. Khi đến y viện, ông ta không ngờ xe của mình đã bị gài bom. Khi ông tới thì đang ban ngày, ông không mở đèn xe nên xe không bị nổ. Đến khi ông trở về thì trời đã tối ông mở máy và bật đèn xe, vừa mở đèn thì bom nổ, khiến đầu và thân ông văng đi hai nơi, đầu và tay chân đều bị vỡ nát.

Thân thể của chúng ta giống như bọt xà bông, lúc nào cũng có thể vỡ tan. Đòi người giả tạm và hư ảo như thế, sao lại kết oán cừu cho khổ? Người hủy diệt người khác cũng mau chóng bị pháp luật trừng trị, nhân quả chẳng sai chút nào, cũng là tự mình làm, tự mình phải chịu. Quả là cái sinh mạng mà người ta tiếc nuôi, quý trọng bị chôn vùi trong sự oán hận nhất thời.

Phật dạy: chúng ta có phiền não vì tham ái, phần nộ, ngu si, cũng như “ba thứ thuốc độc”. Đáng tiếc là chúng ta thường hoan hỷ tự chế tạo thuốc độc rồi uống thuốc độc mà chết. Phật và Bồ Tát đối với chúng sinh, dù thiện, dù ác đều thương yêu che chở như đứa con ruột của mình, gặp đứa con ngu dại, không chịu nghe lời khuyên dạy mà tự gây độc hại, Phật và Bồ Tát cũng chỉ chảy nước mắt, nỗ lực đến quên thân mà theo tìm nó, thậm chí đến địa ngục để cứu độ nó, mãi mãi không dứt bỏ sự khuyên dạy, cho đến khi nó muốn được giác ngộ, rồi khổ được vui. Lời Phật dạy khiến chúng ta cầu nguyện, chúc phước cho những đứa con như thế sớm được giác ngộ, rồi khổ được vui. rất nhiều người than trách Phật và Bồ Tát không linh ứng, không từ bi, không cứu khổ, cứu nạn. Lại có rất nhiều người tự trách mình không tốt lành, thậm chí còn gây ra rất nhiều khổ nạn, gây phiền cho Phật và Bồ Tát phải mãi hoài khuyên dạy và cứu độ. Nếu đem cái tâm oán trách Phật mà oán trách mình rồi cải tiến thì khổ nạn tự tiêu trừ.

Tuy chúng ta thường thấy kinh Phật nói: “mạng người vô thường hơn sông núi, nay tuy còn khỏe mạnh cũng khó giữ gìn”. Thế mà chúng ta rất ít dụng tâm để hiểu, rồi khi bất hạnh phát sinh, chúng ta mới ân hận. Khi hai chân tôi khựng lại, không đi tới trước mà lại chuyển về phía sau, tuy tôi cảm thấy được sự rùng mình kỳ lạ, nhưng không dù chỉ một lát sau thì xảy ra vụ nổ ấy! Tôi tính địa điểm và thời gian của vụ nổ thì biết rằng bây giờ tôi cứ đi ra ngoài thì nhất định sẽ bị bom nổ mà chết, lại chết không toàn thân. Tôi tin chắc rằng mình được Phật lực gia hộ, vì trong khi đi tôi cứ niệm Phật theo từng bước, nên mới tránh khỏi một lần bị tai nạn lớn, nếu không thì tôi phải y theo nghiệp lực, vọng niệm của mình mà chịu quả báo, khổ nạn. Hoàn cảnh thọ dụng của chúng ta cũng như hình ảnh trên tivi, chính là do tâm chúng ta chọn đài, niệm Phật chính là chúng ta chọn con đường của Phật, không chọn Phật tức là chúng ta chọn các tiết mục tạp niệm, gồm cả phần tai nạn, nếu chúng ta mê mờ trong việc chọn đài mà xem phải phần tai nạn, thì không thể trách”điện đài Phật” không từ bi.

Lòng từ bi của Đức Phật thì bình đẳng, giống như làn sóng điện từ đầy khắp trong không gian. Nhưng giả như chúng ta không mở tivi, không chọn tần số cho đúng, thì thu hình ảnh không được. Từ bi của Đức Phật cũng giống như ánh mặt trời chiếu khắp, nhưng trình độ mong muốn tiếp nhận và trình độ vận dụng của từng người không giống nhau. Nếu chúng ta dùng tấm vải đen của vọng tưởng và phiền não mà che đôi mắt thì không thấy được ánh sáng. Đầu óc chúng

ta không ngừng suy nghĩ bậy bạ thì giống như tấm vải đen che mắt. Niệm Phật thì gỡ tấm vải đen phiền não ra được, hưởng thụ ánh sáng mặt trời chiếu rọi.

MA QUỶ BIẾN THÀNH PHẬT QUANG NIỆM PHẬT THÌ KHÔNG SỢ MA QUỶ

Một hôm, vào một buổi niệm Phật, có một người đến. Bà ta tự xưng hiểu được phong thủy, âm dương, lại bảo mình có thể trông thấy quỷ. Trông thấy một số bồn kiếng cúng Phật đặt trong Phật đường, bà lấy giọng quyền uy mà nói với mọi người: “Nơi đây ít người ở, lại trông loại thực vật âm, người ta nhìn thấy thì bị phiền não, hơn nữa ma quỷ lại đến, tốt nhất là dời chúng đi.” Trong hội niệm Phật có người nhát gan và không có tín tâm, mới nghe mấy cây hoa cỏ ấy thuộc âm, lại có quỷ đến thì rất sợ hãi. Thì ra họ trông thấy mấy ngọn lá kia thì cảm thấy chúng rất xanh và mát, nhưng một khi có thêm tạp niệm về “thuộc âm” và “có quỷ”, thì biến thành sợ hãi! Tâm mọi người động loạn mà quên niệm Phật, chỉ muốn mau mau dời mấy cây ấy đi.

Trong đó có một vị sư phụ đề tỉnh mọi người rằng: “Các bồn kiếng này là do các cư sĩ phát tâm muốn cúng Phật, đã là cúng Phật tức là đồ vật thuộc về Đức Phật. Đức Phật là đáng quang minh nhất, cúng Phật là quang minh nhất, sao lại có thể thuộc âm được chứ? Tâm của chúng ta niệm Phật thì Phật sẽ đến. Hễ Phật đến thì ngay cả quỷ cũng có thể được siêu độ mà an lạc. Người niệm Phật đối với ma quỷ cũng có tâm từ bi, việc gì phải sợ chứ? Chúng ta học Phật thì nên có tri kiến chính xác, không nên nhân vì nghe và tin một số luận điệu kỳ quái về âm dương mà tự tiện vượt quyền xử lý các đồ vật cúng Phật, tự tiện “vượt quyền” xử lý là cái “tâm kiêu mạn” rất nghiêm trọng, chúng tỏ không coi Đức Phật và thí chủ ra gì. Vì các đồ vật mà các thí chủ mười phương cúng Phật được xem như là đồ vật chung của chư Phật mười phương. Nếu tự tiện vượt quyền, xử dụng bừa bãi thì cũng bị xem như tại cơ quan làm việc mà tùy tiện tham ô lấy của chung làm của riêng, như thế là đắc tội với đại chúng, thí chủ mười phương cũng là xâm phạm (trộm) đồ vật chung của chư Phật ở mười phương.” Tuy vị sư phụ ấy khuyên nhủ như vậy, nhưng đám cư sĩ sợ ma quỷ kia lại thừa cơ sư phụ không nhìn thấy, vội đem dời các bồn kiếng. Họ định giao cho người bán cây kiếng xử lý. Mọi người nghe nói mấy cây ấy “thuộc âm” nên không ai dám mua, rốt cuộc mấy bồn kiếng được chở đi vứt bỏ nơi hoang vắng. Các cư sĩ ấy cho rằng như thế là trừ bỏ được ma quỷ.

Không biết mọi người nghe câu chuyện này có cảm nghĩ gì. Tại sao phải kể câu chuyện này ra đây? Chính là để kiểm thảo tín tâm và tri kiến của chúng ta về việc niệm Phật. Rất nhiều người tuy miệng niệm Phật, nhưng thật ra hoàn toàn không có nhận thức chính xác, cũng không có lòng tin.

Kinh Phật nói: Đức Phật A Di Đà là “Vô lượng Quang Minh”, sáng suốt vô hạn, có thể chiếu rọi những hắc ám vô biên, cũng có thể cứu độ vô số ma quỷ. Sự quang minh vô lượng của Đức Phật A Di Đà chính là cái năng lượng và trí tuệ vô cùng, có thể giải quyết mọi khổ nạn. Chúng ta niệm Phật, trước hết phải có nhận thức và tín tâm vô lượng quang minh này thì mới tương ứng với Phật lực. Nếu miệng niệm Phật mà nghe mấy bồn hoa thuộc âm thì sợ mà không dám đối mặt như thế chúng tỏ người ấy cho rằng sự quang minh của Đức Phật không bằng cái âm khí của mấy bồn hoa kia. Chính người ấy đã quan niệm sai lầm, nhìn Phật bằng con mắt ngu dại thì niệm Phật làm gì chứ? Đến cả trẻ con còn chưa sợ mấy bồn hoa kiếng kia, còn biết cách xử lý;

nếu một người niệm Phật mà sợ thì trong lòng cho rằng Đức Phật A Di Đà không biết xử lý mấy bòn kiểng kia. Như thế là chứng tỏ người ấy cho rằng năng lực của Đức Phật không bằng năng lực của một đứa trẻ.

Nếu dùng quan niệm hoàn toàn sai lầm này và thái độ không tín tâm mà niệm Phật thì đương nhiên sẽ không tương ứng với chánh đạo của Đức Phật. Đây hoàn toàn không phải là Đức Phật A Di Đà không có sự quang minh và năng lực, mà chính là bạn không hướng về sự quang minh mà tin tưởng Phật lực, trái lại cam chịu để cho mấy chuyện hù dọa mình. Không chịu tin Phật, lại cam tâm tin vào mấy truyền thuyết vu vơ! Đây là chính mình tương ứng với hắc ám, không tương ứng với quang minh.

Phật dạy: “Tất cả đều do tâm tạo.” Mấy bòn kiểng này thì: Người đang có tâm tình vui vẻ nhìn thì mỗi ngọn lá đều đang mỉm cười; Người trong lòng đang có Phật nhìn thì, mỗi ngọn lá đều là niệm Phật, nói pháp; Chỉ có người trong lòng có tư tưởng đen tối, thì mới nhìn lá thành”âm”! người vô tri nghe tin câu nói quỷ hắc ám, thì cũng như bị trúng độc nghiêm trọng, nhìn thấy mấy bòn kiểng thì sợ, đó là dùng tâm mình mà tạo ra thế giới đáng sợ!

Thật ra”âm” và”dương” chỉ là một thứ quan niệm tương đối trong lòng kẻ phàm phu chúng ta. Nếu bảo lửa là thuộc dương, thế thì nước thuộc âm. Giả như bạn sợ những gì thuộc âm, thế thì đừng nên uống nước!

Người ta thường nói nam tính thuộc dương, nữ tính thuộc âm. Giả như những gì thuộc âm thì nên vứt bỏ đi, phải chăng cũng nên vứt bỏ phụ nữ đi?

Điện, cũng có điện dương, điện âm. Các loại pin, đồ điện đều có hai cực âm dương, nếu phải bỏ thứ thuộc âm đi, thì đồ điện mất đi một nửa.

Xưa người ta thường bảo trời thuộc dương, đất thuộc âm, thế nhưng hàng ngày chúng ta đạp trên đất thuộc âm mà cũng không sợ gì!

Theo lý luận của y học Trung Quốc, ngũ tạng, lục phủ của chúng ta thì lục phủ thuộc dương, ngũ tạng thuộc âm. Nếu thuộc âm là không may mắn, đáng sợ, nên bỏ đi, thế thì phải chăng ngũ tạng cũng nên vứt bỏ?

Quan niệm phàm phu cho rằng sống thuộc dương, chết thuộc âm, vì sợ chết nên người ta cũng sợ âm. Nhưng kỳ lạ hàng ngày chúng ta đem rất nhiều xác chết của gà, vịt, heo”thuộc âm mà chôn trong bụng lại không sợ ma quỷ quấy, cũng không cảm thấy âm khí quá nặng. Thế không phải là mâu thuẫn ư?

Thật ra mọi thứ trên thế gian, bất luận là thuộc âm hay thuộc dương, mỗi thứ đều có chỗ dùng, chỉ cần an tâm mà dùng cho khéo, âm dương hòa hợp thì không có gì trở ngại, hà tất phải sợ hãi. Có rất nhiều người quả thật là không hiểu ý nghĩa, chỉ mù quáng hùa theo người khác mà nói âm dương loạn cả lên, cứ bảo rằng thuộc âm thì xấu, thế chẳng là chúng ta tự tìm lấy phiền não ư? Chỉ cần quan niệm chính xác, rõ ràng khéo dùng, thì âm dương đều có thể thành tựu công đức, cần nhất là đừng hư vọng phân biệt mà sinh ra sợ hãi.

Thật ra, loại quan niệm sai lầm và tư tưởng sợ hãi đang ở trong tâm mình mới chính là”thuộc âm, đen tối”, cần phải triệt để loại bỏ! Cái phải loại bỏ không phải là cây kiểng, mà là cái quan niệm sai lầm, và cái tâm đen tối.

Chúng ta niệm Phật, tâm phải tương ứng với sự quang minh, phải hiểu rõ rằng dù thuộc âm, thuộc dương, niệm Phật thì đó là một vầng quang minh, đều có thể cùng nhận Phật quang phổ chiếu, đều có thể sinh hoạt tại thế giới thanh tịnh quang minh của Đức Phật, thế thì có gì đáng sợ chứ?

Kinh Phật có nói: một người tín tâm niệm Phật, mong muốn được sinh vào thế giới Cực Lạc ở Tây Phương thì chung quanh luôn luôn có 25 vị Bồ tát giống như Bồ Tát Quán Thế Âm đêm ngày hộ trì, chẳng những được bình an mà còn rất may mắn. Một vị Đại Bồ Tát có thể cứu độ vô số ma quỷ, hưởng chi 25 vị Đại Bồ Tát!

Kinh A Di Đà cũng nói: nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh A Di Đà mà có thể thọ trì, cho đến người nghe danh hiệu của chư Phật, thì chư Phật trong vũ trụ đều hộ trì cho người ấy. Cho nên nói, người niệm Phật thì được chư Phật, Bồ Tát lớp lớp vây quanh để hộ trì, được Phật quang chiếu rọi không ngừng.

Chư Phật ở mười phương đều bảo hộ người niệm Phật, đó là có đầy đủ quang minh và uy lực! Niệm Phật thì được nhiều Đức Phật và Bồ Tát hộ trì như thế, việc gì mà sợ mấy bòn kiếng, âm quỷ chứ? Nếu như người niệm Phật xem Phật và Bồ Tát không bằng cây kiếng, không bằng quỷ, thì đó chẳng là kỳ quái lắm sao?

Thật ra, quỷ cũng là một đường trong sáu nẻo luân hồi. Người không học Phật có thể không biết rằng sinh mạng của chúng ta luân chuyển trong sáu đường không giống nhau, sáu đường này có hình dáng, tướng mạo và phương thức tồn tại không giống nhau, cũng giống như màn hình của tivi có thể hiển lộ các tiết mục của các kênh không giống nhau, "sáu nẻo" tuy ở cùng một không gian, nhưng mỗi nẻo đều có không gian hoạt động của nó (độ số không gian không giống nhau), mỗi nẻo có kênh của nó. Mỗi nẻo đều do "sóng điện của tâm niệm" cảm ứng nên, các hình ảnh khổ vui được hiện ra không giống nhau. Sóng điện của tâm niệm càng thiện lương cao thượng thì hình ảnh của kênh cảm ứng càng an vui; sóng điện của tâm niệm càng xấu ác, tự tư thì hình ảnh của kênh cảm ứng càng đen tối, càng khổ đau.

Sáu nẻo là theo thứ tự "khổ, vui" mà nói. An vui, hưởng phước nhất là "thiên" đạo, kế đến là "nhân" đạo, thứ ba là "A tu la" đạo, thứ tư là "súc sinh" đạo, "quỷ" đạo được xếp hàng thứ năm, "địa ngục" là nẻo đau khổ nhất, giống như nỗi khổ của người tù vô thời hạn, chỉ toàn là khổ, không có vui.

Như trên đã nói, "quỷ" khổ hơn người, sinh sống khó khăn hơn người, thế giới của quỷ thì đen tối, quỷ thường chịu cái khổ đói khát, cho nên gọi là "ngạ quỷ đạo" (đường quỷ đói).

Đương nhiên trong "quỷ" đạo cũng có phần phước báo (đời trước cũng có tu phước), như Thổ địa, Thành hoàng ... được người ta gọi là "thần", thật ra là "quỷ thần", cũng chính là quỷ có phần phước đức. Các chúng sinh này có một số thần thông nhỏ, nhưng thật ra họ so với người thì khổ hơn, cần được từ bi cứu giúp hơn. Cho nên, nhiều người cúng bái, cầu phước nơi quỷ thần, quả là điên đảo vậy. Phần lớn đó là phát xuất từ một thứ "tâm lý hồi lộ", "tâm thái ham tiện nghi". Họ lấy bánh, gà vịt mà tống lễ, hy vọng quỷ thần ban tiền, ban phước.

Một ngôi miếu cổ ở Đài Nam có câu đối rất hay: "Thần linh há hồi lộ được? Cầu tha tội nào ở việc đốt vàng bạc?" Nếu quỷ thần linh nghiệm, chính trực, thì làm sao hồi lộ được chứ!

Nếu chúng ta đã tạo nghiệp tội lỗi, thì nên từ trong tâm mà cải đổi, sám hối cải lỗi thì tiêu nghiệp, cần chi phải phí tiền mua giấy mà đốt. Cứ tiếp tục làm ác mà không hồi cải thì tội lỗi có thể nào tiêu được chứ! Nếu quỷ có năng lực ban tiền, ban phước cho người, thì tự quỷ đã không bị luân lạc làm ngạ quỷ. Người cầu xin ở quỷ thần thì cũng giống như ông nhà giàu xin xin cơm áo nơi người bị nạn. Người sợ quỷ cũng giống như ông nhà giàu sợ người bị nạn đói khát khốn cùng, thật là không phải chút nào. Người bị nạn cũng không muốn người ta nhìn mình bằng ánh mắt sợ hãi và ghét bỏ, người bị nạn cũng chỉ muốn chúng ta lấy tâm so tâm mà tôn trọng họ, lấy tâm từ bi bình đẳng mà đối đãi họ, giúp đỡ họ, lấy chân lý Phật pháp mà dẫn

dắt họ, vĩnh viễn thoát khỏi cái khổ luân hồi. Quý cũng như vậy, chỉ mong chúng ta chân thành tôn trọng, giúp đỡ. Họ cũng có tâm linh, có cảm thọ. Họ cũng rất sợ bị làm hại, bị bạc đãi. Họ không muốn chúng ta hời hợt, cúng lễ, họ cần chúng ta dùng sự niệm Phật chân thành, dùng công đức tu hành hồi hướng cho họ thoát khỏi đường quỷ, vãng sinh Tây Phương. Cho nên bình thường chúng ta đi ngang qua miếu quỷ thần, chúng ta chỉ cần chấp tay niệm A Di Đà Phật, khuyên nhau cùng niệm Phật, cầu Đức Phật A Di Đà cầu bi độ hóa họ, cùng tất cả chúng sinh khổ nạn, cùng sinh vào nước Phật, mãi mãi hưởng an lạc.

Nên hiểu, chúng sinh trong sáu nẻo (lục đạo) tâm luân hồi phải chịu sinh, già, bệnh, chết đau khổ vô cùng, là điều mà Phật không nỡ. Cho nên quý cũng là chúng sinh mà Đức Phật từ bi muốn cứu độ. Quý và chúng ta đều là "con Phật" (Phật tử), tất cả đều cùng sống tại không gian này, gặp gỡ nhau cũng là chuyện rất bình thường. Chúng ta gặp rất nhiều người lạ trên đường, há chẳng là bình thường sao? Hàng ngày chúng ta gặp rất nhiều kiến, gián, gà, vịt ... thuộc đường súc sinh (súc sinh đạo) há chẳng là rất bình thường sao? Thật ra, gặp quỷ và gặp chó là chuyện bình thường như nhau, việc gì phải sợ hãi! Chỉ cần tâm giữ từ bi, niệm Phật, dùng lễ mà đối đãi, đó là kết thiện duyên, kết Phật duyên. Dứt khoát không nên sinh khởi cái tâm niệm không tốt, như gây hại, ghét sợ để kết ác duyên. Quý cũng là "Phật tương lai", có Phật tính, chúng ta nên dùng cái tâm "lễ kính chư Phật" mà tôn trọng họ, nhưng không cần phải hời hợt, cầu xin họ, cũng không cần phải đóng cửa tuyệt giao với họ. Lấy công đức chân thực mà hồi hướng cho họ rời khổ được vui mới là điều tốt nhất.

Chúng ta nên hiểu thêm một bước, do đâu mà đầu sinh làm "quỷ"? nếu hiểu rằng, chọn lựa một nẻo đường đầu sinh là do "sóng điện tâm niệm" bình thường của chúng ta quyết định, nếu chúng ta thường có nhiều tâm niệm thuộc loại nào đó, sóng điện của các tâm niệm ấy mạnh, thì đương nhiên cảm ứng đến một nẻo đường nào đó.

"Sóng điện của tâm tham" thì cảm ứng con đường "quỷ". Người có tâm tham nặng, vào lúc lâm chung lại tham luyến thì sẽ đầu sinh vào đường quỷ mà làm quỷ. Làm quỷ thì khổ hơn làm người, làm súc sinh. Người không muốn làm quỷ thì bình thường nên chú ý không phóng chiếu tâm niệm của "tâm tham", tham ăn, tham ngủ, tham danh, tham lợi, tham tiện nghi, tham được khen, tham sắc đẹp ... đều là phóng chiếu sóng điện "tham" (chuẩn bị cho sự làm quỷ). Chỉ cần chúng ta khởi lên một tâm niệm "tham", thì bất kể là tham thứ gì, thì đó là đang phóng chiếu sóng điện đến con đường quỷ. Các sóng điện này tích lũy nhiều, lúc lâm chung lại theo thói quen mà phóng chiếu loại sóng điện này, tự nhiên cảm ứng mà nhập vào đường quỷ. Cho nên chúng ta khởi tâm tham, thì cần phải biết rõ mà hồi tâm niệm Phật, cải biến nẻo đường đầu sinh.

Chúng ta nói đến một phương diện khác. Giả như trên các cây kiềng kia có âm quỷ, thì quỷ cũng biết hành động; chẳng lẽ vứt bỏ các cây kiềng ấy là vứt bỏ được quỷ ư? Nếu chúng ta không phát tâm từ bi đối với quỷ, mà chie muốn tống khứ họ thật xa, thì quỷ cũng sẽ ghét bỏ chúng ta. Điều này chúng ta lấy tâm so tâm thì hiểu rõ, nếu có người muốn tống khứ chúng ta, thì chúng ta cũng chẳng vui thích gì.

Lại nữa, nếu vì chính bạn sợ quỷ, không dám giữ mấy cây kiềng kia mà đem cho người khác, thì như thế không phải là "muốn đem quỷ cho người" sao, khiến người ta phải sợ hay sao? Như thế phải chẳng là không có tâm từ bi? Trong lòng không có ánh sáng từ bi tức là hắc ám, như thế cũng như biến tâm của mình thành quỷ hắc ám. Khởi lên một niệm tâm không tốt, thì chính mình "thuộc âm" rồi!

Nếu chúng ta dùng tâm từ bi mà niệm Phật thì dù chung quanh có quỷ, quỷ cũng được Phật quang chiếu rọi, rồi khổ được vui. nên biết rằng quỷ cũng có Phật tính, họ cũng có thể niệm Phật, chúng ta nên lấy lòng thành mà mong muốn quỷ cũng được thấm nhuần Phật pháp, qui y Tam Bảo, phát tâm Bồ Đề, thọ nhân sự cứu độ của Đức Phật A Di Đà nương vào sức từ bi của Đức Phật mà vãng sinh thế giới Cực Lạc ở Tây Phương, vĩnh viễn an lạc, không còn chịu khổ nữa, rồi cứ thế tu hành cho đến khi thành Phật. Lại nữa, quỷ cũng tôn kính, hộ trì cho người niệm Phật. Chúng ta niệm Phật, hồi hướng cho tất cả chúng sinh, quỷ cũng được lợi ích, phát thiện tâm bảo hộ chúng ta.

Cho nên dù có quỷ hay không có quỷ, bất kể gặp âm hay gặp dương, đều nên lấy tín tâm niệm Phật, không nên đem tín tâm quý báu của chúng ta mà tin vào mị số quan niệm bất hợp lý và hắc ám, như thế là rất lãng phí cuộc đời, vô cơ mà tin vào chuyện âm dương kỳ quái rồi chịu sự trói buộc phiền toái, lại tự sinh ra sợ hãi, tự dột mộng quỷ, há không oan uổng sao?

Trong sách sử ký có ghi một bài về Tổng Cảnh Công như ba câu nói thiện (tam đại thiện niệm) mà kéo dài tuổi thọ thêm 21 năm. Năm ấy "Ty tinh" (quan xem tướng sao, nghiên cứu thiên văn) của nước Tống xem tướng sao thấy bất lợi cho nhà vua, có điềm báo nhà vua sẽ mất, cho nên Tổng Cảnh Công rất ưu sầu. Quan Ty tinh là Tử Vi kiến nghị rằng, có thể "làm phép" khiến tai ương chuyển sang tể tướng. Nhưng Tổng Cảnh Công nghe xong thì không có chút tâm niệm tự tư nào, trái lại ông bảo: tể tướng cũng như tay chân của ta vậy, sao có thể làm hại ông ta chứ? Ông muốn tự mình chịu vận nguy. Quan Ty tinh lại kiến nghị rằng có thể làm phép chuyển tai ương đến nhân dân. Tổng Cảnh Công tuy tử nạn trước mắt, vẫn giữ lòng nhân từ, ông liền nói: "Vua vì nhân dân mà tồn tại, trách nhiệm là bảo hộ nhân dân, sao lại có thể gieo họa cho nhân dân chứ?" Ông nguyện một mình chịu nạn, Quan Ty tinh lại kiến nghị rằng có thể chuyển tai họa sang mùa màng. Tổng Cảnh Công vẫn một lòng nhân từ nói: "Nhân dân như mùa màng mà sống, nếu nhà nông không được mùa thì nhân dân sẽ khốn khổ". Ông không đành lòng để nhân dân khốn khổ, ông quyết định một mình chịu nạn. Tổng Cảnh Công đối mặt với vận chết của mình mà vẫn một lòng từ bi kiên định như thế, sóng điện của sức tâm này rất lớn mạnh. Quan Ty tinh nghe xong rất cảm động, phán đoán rằng: "Trời cao nghe đất thấp, nhà vua có thể có lời vua tôi như thế, thì tướng sao sẽ chiếu cảm mà xê dịch đi" (sóng điện của tâm niệm có thể cải biến ảnh tướng). Chẳng bao lâu sau, quả nhiên tướng tinh di động ba độ, theo phép tướng tinh, thì như thế là thọ thêm 21 năm. Chuyện này có ghi trong sách Lã Thị Xuân Thu và Tân Tự.

Có thể thấy được "vận mạng" thao túng tâm niệm của người ta. Sóng điện của một niệm lớn mạnh thì từ trường ắt cải biến lớn, ảnh tướng cũng sẽ sắp xếp, hiển hiện theo cách mới.

Nếu tổng Cảnh Công lấy tâm tự tư mà giá họa cho người khác thì cho dù có thể làm phép chuyển họa, sóng điện của tâm niệm tự tư hại người của ông sẽ phản chiếu trở lại trên thân ông, là cho tai họa của ông càng mạnh hơn, càng nhanh hơn! Cho nên mọi người chớ xem thường công năng của ba ý niệm, ba câu nói, "tâm niệm" mới thật là nguồn gốc của "pháp thuật"! "tâm vương" có thể khiến vật đổi sao dời. Cho nên "cải vận", không cần chi phải cầu người, chính tâm thành ý thì có thể cải vận. Niệm Phật, mỗi niệm đều là cải tạo vận mạng, cứ việc thành tâm mà niệm thì tự nhiên được quang minh cát tường.

* Kiểm thảo lại mấy truyền thuyết và quan niệm của thế tục

1. Vì sao phải mang lá cỏ để tránh tà?

Rất nhiều người niệm Phật thường không lấy tín tâm của mình mà tin Phật, tin chánh pháp, lại rất dễ tin mấy truyền thuyết thế tục, lại còn tin thâm can cố để khó cải biến, lay chuyển.

Ví như: rất nhiều người tin rằng”cỏ” có thể trị tà, cho nên khi đến thăm người bệnh, đi trợ niệm giúp tang sự đều phải lén lút mang mấy ngọn lá trong túi, để phòng ... phòng cái gì chính họ cũng không biết. Đại khái, điều này biểu thị cái sợ của người ấy, ”những thứ thuộc âm”, sự tồn tại thuộc âm. Chúng ta hãy kiểm thảo xem.”Định đem mấy lá cỏ”, tâm lý là:

a) Chúng tỏ trong lòng có điều sợ hãi, sợ đi thăm bệnh, trợ niệm cho người chết, thì mình có điều gì đó bất lợi; sợ người bệnh, người chết có tà khí gì đó có thể gây hại cho mình.

Điều này hiển nhiên là thái độ”bảo hộ tự ngã”, “ngã ái chấp”, không chân chính phát khởi lòng từ bi”lợi tha” (làm lợi ích cho người khác), tín tâm này thật yếu kém.

b) Chúng tỏ mình đối với”Phật”, đối với”công hiệu của việc niệm Phật” là không có tín tâm chân thực, tuy niệm Phật, nhưng thật ra lại sợ Phật”không chống nổi tà khí”. Trong tâm người ấy, ”Phật” so với một ngọn lá cỏ thì nhỏ hơn, ít năng lực hơn, ít đáng tin cậy hơn. Cho nên người ấy mới cần lá cỏ để có cảm giác an toàn.

c) Chúng tỏ uy lực của sự tin vào”lá cỏ”, tất cả đều trông cậy vào mấy ngọn lá (thực ra một con chó con cũng có thể nuốt hết lá ấy!)

d) Chúng tỏ người ấy rất sợ quỷ, không phát khởi tâm từ bi cứu độ cho quỷ. Chỉ mù quáng cho rằng”quỷ rất hung dữ, rất tà vạy, có thể hại ta”, như thế là thiếu mất sự hiểu biết và khoan lượng đối với quỷ.

Chúng ta không nên coi thường”ý định mang lá cỏ theo để hộ thân”. Quan niệm và động tác nhỏ này, chúng tỏ vấn đề nghiêm trọng là”không tin Phật, cũng biểu lộ sự chưa phát tâm Bồ Đề”, lại không tin vào công hiệu của sức mạnh niệm Phật của chính mình, cho nên mới cần truy, cần sự bảo hộ của thứ khác, của người khác ở bên ngoài. Như thế là không biết rằng”tà do tâm sinh, quỷ do tâm tạo”, một niệm tự tư, không từ bi trong tâm sức là tà. Sóng điện tâm niệm về sợ hãi, tham cầu sẽ cảm ứng mà hiện ra hình tướng quỷ. Sự tin tưởng mù quáng và không có lý trí cũng là tà. Nếu tín tâm niệm Phật, an trụ ở từ bi thì đâu có rảnh rỗi mà sinh tà, tạo quỷ. Chúng ta có thể hiểu, trong sự quang minh mà mong tìm quỷ thì không thể được, chỉ có tại chỗ âm ám của tâm mà động niệm ảo tưởng thì mới thấy hình bóng quỷ chập chờn. Chỉ cần có quang minh thì không có hắc ám. Chính niệm mà niệm Phật thì không có ảo tưởng bậy bạ, quỷ cũng không sinh khởi được.

Chúng ta nên hiểu, thân của Đức Phật thì lớn cả hư không, cả pháp giới, năng lượng lan rộng khắp mọi nơi, đến không gian vô hạn. Tâm của chúng ta cũng lớn vô hạn, năng lượng vô cùng, rộng khắp thời không vô biên. Tín tâm của người học Phật phải nhằm tin rằng tự tâm mình có tiềm năng vô hạn, lại tin rằng Đức Phật khai mở tiềm năng vô hạn; tự tin mình và tin Đức Phật, lấy tín tâm lớn mạnh để phát khởi niệm lực. Một niệm này là sức mạnh vô hạn, chỉ tiếc rằng chúng ta thường hạn chế tâm mình vào trong một khối thịt nhỏ, giam trừ sức tâm thành một cục nho nhỏ, sợ đông, sợ tây, tưởng như mọi sự trên đời đều gây hại cho mình sợ người, sợ khó, sợ kiến, sợ tối, sợ quỷ, sợ chết ... lại lo được, lo mất. Cuộc đời chúng ta từ trước đến nay chưa “đạt được” cái gì một cách chân chính, hoặc “mất đi” cái gì, mà chỉ có một số quan niệm hư vọng tác quái mà thôi. Một đời sợ đông, sợ tây, cứ lo bảo hộ mình cũng không đạt được gì!

2. Có cần phải chọn ngày tốt, giờ tốt không?

Thường có rất nhiều người chọn ngày tốt, giờ tốt. Khai trương thì xem ngày tốt, giờ tốt, kết hôn thì chọn ngày tốt, giờ tốt, lại có người sinh đẻ cũng chọn ngày tốt, giờ tốt, không biết họ uống nước, tiểu tiện có cần chọn ngày tốt, giờ tốt không? Người có biện pháp thì cả đến khi chết cũng có thể chọn đúng ngày tốt, giờ tốt, phút tốt, giây tốt!

Ngạn ngữ Đài Loan có câu: “Người tốt không có giờ xấu, người xấu không có ngày tốt”. Người tốt khéo dụng tâm, gặp xấu cũng hóa tốt, hòn đá ngăn chân cũng có thể được dùng làm hòn đá lót chân, cho nên người tốt không có giờ xấu. Người xấu thì không khéo dụng tâm, người khởi niệm ác thì nhân ác tự có quả ác, sóng điện phát ra không tốt thì hình ảnh đương nhiên không tốt được; cho nên người xấu không có ngày tốt. Cho nên chỉ cần chính tâm, thành ý mà làm điều tốt, không cần phải chọn ngày, giờ, ngày nào cũng là ngày tốt, giờ nào cũng là giờ tốt. Nếu tự tư buông thả ác tâm mà làm người xấu, thì dù có xem sách lịch, tốn tiền nhờ người chọn, cũng không thể chọn được giờ tốt. Vì “giờ” không phải là cái gì được ấn định, chỉ do người xem dùng như thế nào thôi. Khéo dùng”giờ”, để có thể tích lũy công đức, thì tạo ra giờ tốt; không khéo dùng”giờ”, tức là làm sai, làm xấu, đương nhiên tự tạo”giờ xấu”.

Rất nhiều người học Phật không tin”tâm pháp”, cứ theo quan niệm thế tục, cả đến niệm Phật cũng chọn ngày tốt, giờ tốt, mà không biết rằng một niệm lay Phật tức là đại thiện, đại cát, cho dù gặp việc xấu, khởi tâm lay Phật, tâm chuyển thì cảnh chuyển, xấu cũng biến thành tốt.”Giờ tốt” nên lay Phật tự nhiên là đúng;”giờ xấu” không lay Phật, có thay đổi được gì? Cho nên bất kể giờ nào, lay Phật thì tốt.

3. Sự hỏi đáp kỳ dị về thuật phong thủy.

Gần đây có một vị chủ quản một đạo tràng đến hỏi một người tự xưng là biết xem phong thủy: “Mấy ngày nay có người chôn gần đạo tràng, không biết như thế có ảnh hưởng gì đến phong thủy đạo tràng không?” Theo ý câu hỏi thì cũng khá thì là bất an, lo lắng. Người kia đáp: “Chôn gần đạo tràng thì đạo tràng chống đỡ không nổi đâu!” Lại hỏi: “Vì sao thế?” Người kia đáp: “Vì các thần hộ pháp của đạo tràng chỉ lo hộ Phật pháp mà thôi!” Lời đáp như thế mà cũng khiến nhiều người tin là thật, không biết chúng ta nghĩ thế nào?

a) Kiểm thảo vì sao lại hỏi

Trước hết, chúng ta thử kiểm thảo, vì sao lại sinh ra vấn đề như thế? Phải chăng cho rằng người chết chôn ở gần đó sẽ ảnh hưởng đến phong thủy của đạo tràng mình? Phải chăng cho rằng sức của Phật, Bồ Tát và người sống không bằng người chết? Nếu một người chết đi mà có ảnh hưởng không tốt đến đạo tràng của Phật, thì như thế Đức Phật không có năng lực, làm sao

có thể độ cho vô số chúng sinh? (Không phải là Đức Phật không có năng lực, mà chính là tín tâm của mình không có năng lực) không hiểu về Phật lại không có tín tâm, quả là phải cần kiểm thảo lại tất cả, kiểm thảo mình vì sao lại có thể tin là Đức Phật không có năng lực như thế. (Thật ra không phải là Phật không có năng lực, mà chính là”tín tâm” và”tri kiến” của mình có vấn đề!)

b) Kiểm thảo lời đáp

Các thần hộ pháp bên cạnh đạo tràng rất nhiều, ánh sáng tốt lành tất nhiên chiếu rọi đến vong hồn các cư dân trong đó, vì sao lại có thể khiến người ta chịu không nổi, chống đỡ không được?

Phải biết rằng đạo tràng là rất quang minh, tốt lành nhất, Phật và Bồ Tát từ bi trí tuệ nhất; càng gần gũi học tập thì càng tiến đến sự thiện hảo tốt lành thì mới phải, chứ sao lại bảo, gần gũi đạo tràng là lại chịu không nổi? Nếu không phải là học sinh phạm quy thì việc gì phải sợ các giáo sư hiền lành và trường học tốt đẹp chứ? Nếu có người dân chính đáng, thì tại sao lại sợ cảnh sát là những người giúp dân chứ? Chúng ta nghe người ta bảo gì thì nên có lý trí, chớ vì nghe giọng điệu hùng hồn mà tin bừa”lời nói điên đảo”.

4. Niệm Phật có cần tin cả tướng số và phong thủy không?

Rất nhiều người niệm Phật thường tin cả tướng số, phong thủy, địa lý, thậm chí tin luôn cả những lời phịa đặt ngoài đường, rồi theo đó mà truyền bá. Loại”tin thêm” như vậy thật ra là niềm tin không chính đáng. Chúng ta không phủ nhận số mạng có thể tính toán được, nhưng tính toán như thế nào? Vì có”phép tắc nhân quả”, cho nên từ”nhân” trong quá khứ, có thể dự tính”quả” trong tương lai, cũng như người nông dân do sự gieo trồng, thời tiết mà dự tính việc thu hoạch. Nhưng cũng vì phép tắc nhân quả, cho nên số mạng có thể cải biến, cải biến nhân duyên thì có thể cải biến kết quả. Chúng ta niệm Phật tức là đang cải biến nguyên nhân; nguyên nhân chủ yếu nhất của vận mạng tức là”tâm niệm”, cải biến tâm niệm tức là cải biến ngôn ngữ, thái độ. Chúng ta chớ xem thường cải biến một câu trả lời và một thái độ thì vận mạng sẽ cải biến. Nếu không tin chúng ta có thể thí nghiệm. Khi cấp trên phê phán bạn, bằng thái độ thành khẩn, bạn nói: “Xin lỗi, vậy là tôi sai, cảm ơn ông đã chỉ bảo, tôi sẽ nỗ lực cải tiến.” Hoặc ngẩng đầu chu mồm bực bội mà nói: “Tôi đã làm hết sức, nếu không ông cứ tự làm thử xem, ông làm cũng không tốt gì đâu!” Hai loại tâm niệm, ngôn ngữ không giống nhau, chỉ trong chớp mắt có thể quyết định hai vận mạng không giống nhau. Cho nên nói, mạng do tâm tạo, tướng theo tâm mà chuyển, cũng chính là vì có thể tạo, có thể chuyển, tu hành niệm Phật thì mới có ý nghĩa, nếu không thì tất cả đều là định số, không có chỗ nào để cải biến, thế thì tu hành thật là vô ích. Một nơi có hoàn cảnh đẹp đẽ, phong tốt, thủy tốt, nếu người không có tâm công đức ở, vứt rác bừa bãi, làm ô nhiễm không khí, nguồn nước lạm dụng phân bón, thuốc trừ sâu... thì chẳng bao lâu, phong thủy tốt đẹp sẽ bị phá hoại hết.

Trái lại, một nơi có phong thủy bình thường, nếu người có tâm công đức ở, hiểu biết cách giữ gìn bảo quản đất đai, chỗ nào cũng hành thiện tích đức, cảm hóa bốn bề lân cận, lâu ngày từ trường tất nhiên sẽ được cải biến, phong thủy cũng trở nên tốt. Cho nên nói, đất phước thì người phước ở, người phước thì ở đất phước.

Một căn nhà trống dùng làm quán rượu, vũ trường và dùng để làm đạo tràng, do tâm cảnh ý niệm của người tham gia không giống nhau, nên sóng điện phát ra không giống nhau, đương nhiên từ trường không giống nhau, đó gọi là”phong thủy” có khác nhau. Còn truy cứu nguyên nhân của phong thủy thì chính là ý niệm của tâm người (sóng điện, từ trường). Cho nên không cần nhờ người xem phong thủy, tâm niệm mà tốt đẹp, thì từ trường phong thủy cảm ứng tốt đẹp. Tâm niệm không tốt thì dù phong thủy có tốt, cũng rất mau bị phá hoại.

Thật ra, rất nhiều chùa chiền được xây dựng ở nơi phong thủy tốt nhất, nhưng nhiều người ở không được, họ muốn đến vui chơi ở những nơi bãi bạc có phong thủy xấu nhất, có sắc tình đen tối, hoặc nơi không khí bị ô nhiễm nhất; họ không quen với phong thủy tốt.

Người đời phần lớn tin vào các thầy phong thủy, hễ”mai táng” thì nhất định phải chọn phong thủy, con cháu thì ích kỷ, mong các bậc tôn trưởng được chôn ở nơi phong thủy có lợi nhất cho mình, mà không quan tâm vong hồn rốt ráo có được an lạc giải thoát hay không. Mọi người đều tin rằng phong thủy của tổ tiên ảnh hưởng đến mình, rất ít người phản tỉnh kiểm thảo xem sự vận hành của tâm mình có ảnh hưởng đến tổ tiên hay không? Có khiến tổ tiên bị hổ thẹn hay không? Có khiến phong thủy trở thành hư hoại không? Mọi người chịu phí tiền mời người xem phong thủy mà lại không chịu”tu tâm” để cải biến phong thủy (không phải tốn tiền!) có khi chúng ta nói đùa: nếu phong thủy có ảnh hưởng quyết định và các thầy phong thủy có thể tìm được”phong thủy tốt” thì như thế các thầy phong thủy có thể theo ước muốn của mình mà làm vua, tổng thống hoặc đời đời đều có trạng nguyên giàu sang, phú quý, đức độ, tài năng thì mới đúng. Nhưng sự việc lại không như vậy! Điều này đáng được suy nghĩ kỹ.

Có lần, tôi có hỏi những người quá coi trọng phong thủy: “Khi phải mai táng di thể, các vị thường chú ý đến phong thủy, thời gian hạ huyệt, phương hướng mồ mả... Lại còn muốn xem có xung, sát hay không? Tôi xin hỏi: khi các vị ăn thịt, các vị có xem phong thủy không? Vì thịt tức là xác chết, chôn xác chết có sức ảnh hưởng lớn như thế thì khi chôn thịt trong bao tử cũng

phải xem phong thủy có thỏa đáng hay không, nếu không thì lỡ ra giờ khắc không đúng, há chẳng phải bị xung sát hay sao?”

Tủ lạnh ở siêu thị, chợ bán thức ăn có nhiều”xác chết” như thế, người qua lại rộn rịp, sao lại không xung sát? Cũng chẳng có ai quan tâm đến cái phong thủy ấy có ảnh hưởng gì đến mình. Quả là xem trọng cái ăn thì quên đo phong thủy.

Hai vợ chồng cư sĩ họ Lâm nói với chúng tôi rằng có một thầy tướng số bảo họ rằng vào năm ấy, tháng ấy, ngày ấy, giờ ấy, hãy mua 12 cây chổi về nhà quét đất, quét xong thì để chổi tại hướng ấy, sau đó vứt chổi xuống biển thì tiền bạc sẽ dồi dào như nước biển, và họ sẽ trở thành”người giàu nhất khu phố”. Họ nghe xong liền cười mà đáp: “Chúng tôi đã là kẻ giàu nhất khu phố, vì chúng tôi đã có Phật pháp.” Chúng tôi nói: “Tốt đấy các vị không chịu mua chổi quét như lời ông ta, nếu không thì nghe Phật pháp cũng vô ích!”

Hãy nghĩ xem nếu như phương pháp ấy có hiệu quả, thì há chẳng phải ông ta sẽ sớm trở thành người giàu nhất thế giới sao? Sự hữu hiệu duy nhất của phương pháp ấy đại khái là xúc tiến việc tiêu thụ chổi!

Ông thầy tướng số còn bảo vào giờ ấy, đi theo hướng ấy, đeo ở ngón thứ tư của bàn tay trái một chiếc nhẫn vàng ròng, mặt nhẫn là đá quý màu đen tuyền, như thế mới có thể tránh được xe cộ. Cũng may là cư sĩ họ Lâm có niềm tin chân chính: “Tôi niệm A Di Đà Phật thì hữu hiệu hơn đeo nhẫn.” Vì tai nạn xe và”giác tỉnh” hiện nay rất có quan hệ, nếu tâm niệm Phật rõ ràng minh bạch, quang minh, thanh tịnh thì hiển nhiên có thể xa rời tai họa. Nếu đeo nhẫn mà ngủ gật thì không thể an toàn! Nếu không giữ luật đi đường thì lại càng nguy hiểm!

Nhưng chúng tôi hỏi rất nhiều vị cư sĩ thì phần lớn họ không có niềm tin giống như cư sĩ họ Lâm, họ nghe thầy tướng số nói như vậy, sợ tai nạn xe cộ nên chịu tin mà đeo loại nhẫn ấy. Sự tin tưởng này của họ càng biểu lộ họ thiếu niềm tin chân chính đối với Phật pháp, cũng không hiểu ý nghĩa của vạn pháp chỉ do tâm tạo, lại càng chứng tỏ tâm họ cho rằng sức mạnh của việc niệm Phật không bằng sức mạnh của một chiếc nhẫn, uy lực của Đức Phật A Di Đà không bằng uy lực của thầy tướng số. Quả là xem thường Phật pháp!

Trên đây có vẻ chỉ một số chuyện nhỏ: đeo nhẫn, vớt mấy bông hoa kiểng, xem phong thủy phải chọn ngày tốt, nếu xét cái tâm lý nội tại thì thiếu tín tâm đối với Phật lại là một việc lớn ảnh hưởng đến vãng sanh, hãy cẩn thận kiểm thảo, phản tỉnh về”tín” và”nguyện”.

BẠN THÍCH TƯƠNG ỨNG VỚI AI?

Có một loại chim không ưa thích những trái cây ngọt ngào, nhưng dòng nước thơm tho trên thế gian này, chúng chỉ thích ăn chuột chết hôi thối, mùi vị hôi thối này mới là thứ chúng mong muốn. Có một loài côn trùng là con thiêu thân, khoảng trời mênh mông, rừng cây đẹp đẽ chúng đều không ưa, chúng chỉ ưa xông vào trong lửa tự thiêu mà chết. Bạn có thấy không, cho dù phạm hôi hám, đồ ăn hư thối, cá thịt ôi thiu, rác rưởi dơ bẩn, vẫn có nhiều trùng bọ sinh trưởng, lưu luyến hưởng thụ tại đó mà không chịu rời, đó là sở thích của chúng nó.

Giả như bạn bỏ một nắm đường vào trong vách tường, nhất định sẽ hấp dẫn rất nhiều kiến; giả như bạn bỏ một nắm muối thì không hấp dẫn chúng, vì kiến tương ứng với chất ngọt, cho nên đường hấp dẫn sự chú ý của lũ kiến, khiến chúng dán toàn thân trên bề mặt của nắm đường mà không chịu rời bỏ. Loại chim mà chúng ta vừa nói tới bị sự hấp dẫn của chuột chết thì tương ứng với chuột chết. Loại tương ứng ấy quyết định sự hành động, nơi đến và tương lai của chúng, còn loại thiêu thân kia thì bị sự hấp dẫn của lửa, chúng tương ứng với lửa, cho nên sẽ bay vào lửa mà bị thiêu chết.

Chúng ta có từng kiểm thảo xem sở thích của mình mà nghĩ xem chúng ta thường bị sự hấp dẫn nào chăng? Tức là chúng ta thường tương ứng với cái gì. Trong Phật giáo thường có câu: “Một niệm tương ứng với một niệm Phật”, tức là suốt ngày chúng ta có bao nhiêu ý nghĩ thực sự tương ứng với Phật, thực sự chịu sự hấp dẫn của Phật, hướng về Đức Phật A Di Đà?

Có lần, một người bạn tôi kể cho tôi nghe một câu chuyện rất oan uổng, hoàn toàn không phù hợp với thực tế. Tôi nghe xong thì rất ngạc nhiên, phản ứng đầu tiên của tôi là muốn nói rõ sự thực cho người bạn ấy biết. Nhưng tôi nghĩ lại người ta đã cố ý nói như thế thì lòng anh ấy đã ghi khắc, nếu tôi nói sự thật để chứng minh rằng tôi đúng thì nhất định sẽ làm cho anh bạn ấy không vui, lại khiến anh ghi khắc thêm một điều nữa, cho nên tôi rất cố bảo mình im lặng, không nói. Sau khi anh bạn ra về, tôi liên tục lạy Phật, niệm Phật, nhưng thật lạ nước trong mắt cứ trào ra, vì lòng cảm thấy xốn xang! Thậm chí còn muốn lớn tiếng khóc, trong lòng vốn không chân chính niệm Phật, nhưng lại có âm thanh của tiếng khóc, trong lòng vốn không chân chính niệm Phật, lại có vẻ như cứ đi tìm người mà lý luận, mong đem sự việc giải thích cho rõ ràng. Bỗng nhiên tôi tự hỏi mình: “vì sao lo ại sự việc không đâu như thế này (giả tưởng) lại có thể hấp dẫn ta chứ? Sao không hấp dẫn ta đến bên Phật? Chẳng lẽ ta cam tâm làm một con chim ăn chuột chết sao? Loại tình trạng oan uổng này mà quay thành phim thì hẳn là một phim dở rất khó coi; chẳng lẽ loại phim này ta cũng phí tiền mua vé đến xem ư? Ta đâu cần phí sinh mạng mà nghĩ đến mấy thứ giả tưởng ảo ảnh ấy! Tại sao ta niệm Phật mà không chịu tương ứng với Phật, tương ứng với thế giới cực lạc? Sao không đến Tây Phương để hưởng thọ phong cảnh đẹp đẽ, mà lại lếch lếch nội tâm, lén lút chạy đi”tương ứng” với phàm phu? (Theo ngôn ngữ Đài Loan, chữ”tương ứng” có hai cách đọc và hai ý nghĩa không giống nhau; một là hỗ tương cảm ứng, tương thông, tương hợp; hai là tương tranh đối đáp, thường gọi là cãi cọ). Rốt lại ta thích tương ứng với Phật hay thích”tương ứng” (cãi cọ) với phàm phu. Nếu ta

đua tranh cãi cọ với phàm phu, thế thì ta đã ưa thích, ta đã mang khẩu khí của thế giới Ta Bà, bị ảo tưởng mê hoặc! Ta sẽ không đến được thế giới Tây Phương mát mẻ! Và như thế, ta vẫn ở lại thế giới Ta Bà mà tranh cãi thì tốt hơn. Đây là lý do khiến ta từ vô thủy đến nay không đến được thế giới Tây Phương, vì ta ưa thích ăn chuột chết hơn là ăn trái cây ngọt!”

Sự ưa thích của bạn đương nhiên sẽ quyết định chỗ đến của bạn. Nếu bạn ưa thích trái đào ngon ngọt, thì tự nhiên bạn sẽ chuyên ăn trái cây ngọt; và như thế, một con chuột chết làm sao lôi kéo sự chú ý của bạn, khiến bạn phải đôn đáo này nọ chứ? Chuột chết đâu có thể khiến bạn thương tâm? Hỏi mình như thế thì sẽ rất buồn cười, mới rồi là sự việc thương tâm, nay trở thành chẳng có chút giá trị gì.

Nếu có vật gì đó mà bạn không thích, bạn đem cho người khác thì có quan trọng gì đâu? Nhất định bạn sẽ không tiếc nuối. Nếu trong lòng còn chút gì không xả bỏ được, thì như thế vẫn còn ”ái” và ”tham chấp”. Cái gọi là ”thanh danh trong sạch”, giả như bạn không muốn bạn đem cho người khác thì quan hệ gì đâu. Nếu bạn còn có chút thương tiếc mà lo rằng người ta sẽ trách móc bạn thì bạn cảm thấy âm ức, sợ người ta không biết sự thật. Sự thật thì phàm phu có thể không biết, chứ không lẽ Phật và Bồ Tát lại không biết? Nếu quả thực bạn tin rằng Đức Phật biết tất cả thì trong thế gian này làm gì có sự oan uổng chứ?

LỬA RỰC HÓA THÀNH SEN HỒNG

CÂU CHUYỆN PHÂN ĐẤU CỦA CHỊ VƯƠNG

Tâm lòng và cách nghĩ của chúng ta có thể cải biến cuộc đời, cải biến sinh mạng, cũng có thể khiến chúng ta từ một kẻ phàm phu thống khổ, oán hận biến thành một vị Bồ Tát an vui hoan hỷ.

Giờ đây, tôi muốn giới thiệu với mọi người một chị bạn tên là Vương Tuyết Cầm. Năm 30 tuổi chị u xương phải chịu cưa mất hết một chân, hơn nữa bệnh này của chị thì y học xếp vào loại bệnh ác tính, bác sĩ cho rằng chị khó sống quá một năm nữa, nhưng trong mười năm nay chị vẫn có thể niệm Phật, vẫn có thể khuyến khích mọi người niệm Phật. Trước sau chị vẫn chịu 22 lần giải phẫu, không những chỉ cắt đi một chân mà còn phải cắt đi một lá phổi. Nhưng điều khiến tôi hết sức cảm động là sau khi cưa hết một chân, chị nói với tôi: “Tôi rất may mắn, vì bị mất đi một chân tôi mới có cơ hội nghe Phật pháp. Giả như không nghe được Phật pháp thì tôi không biết phải tạo thêm bao nhiêu nghiệp, sau này sẽ chịu bao nhiêu khổ.”

Hồi xưa, trong Thiên tông có một vị tổ là Đại sư Huệ Khả. Vì muốn cầu Phật pháp với Tổ sư Đạt Ma, ngài không tiếc chặt đứt một cánh tay của mình. Nay tôi nghe có người bị cưa một chân mới được nghe Phật pháp, tôi rất cảm ơn, thậm chí còn thấy mình gặp may, khiến tôi hổ thẹn vì mình được học Phật, được nghe Phật pháp mà không thể phát được cái tâm giống như chị ấy.

Chị ấy nói với tôi, chị là một người có cá tính mạnh mẽ, thậm chí có thể nói là ”rất hung hãn”. Nếu nổi giận có thể chị ném đá vào người ta. Khi chị chưa bị bệnh, ngày nào chị cũng bận bịu kiếm tiền. Nếu có khuyên chị niệm Phật thì chị trả lời: “Có ngu mới niệm Phật, không có tiền thì niệm Phật gì chứ?” Đến khi sinh bệnh chị mới biết rằng dù có tiền cũng không đủ dùng, không những thế, có thể nói tiền không thể giảm bớt nỗi khổ vì bệnh, dù có nhiều tiền cũng không giúp người ta nghĩ ra cách gì để ngủ một giấc cho ngon, dù có nhiều tiền cũng không có cách gì để giải tỏa ý niệm tự tử.

Khi chị vừa mới biết mình bị ung thư xương, bác sĩ hỏi chị: “chị có biết chị bị ung thư xương chẳng?” chị nói: “tôi biết, nhưng từ trước đến nay, tôi chưa hề nghĩ rằng tôi bị bệnh ung thư xương này!” ai mà biết được cảnh khổ như thế này lại đến với thân mình chứ? Chị không nghĩ ra, trong khi phòng bệnh không có ai, chị cầm con dao cắt trái cây định tự sát, thì lúc ấy cô y tá mở cửa bước vào, thấy thế liền hỏi: “cô định làm gì đó?” chị không biết làm sao, chị nói: “Có gì đâu tôi muốn cắt trái cây”. Nhưng cô y tá cũng biết chị muốn làm gì, vì bệnh nhân quá đau đớn, muốn tự sát cho xong, điều này khó tránh khỏi. Chị chưa từng nghe Phật pháp, cho nên tư tưởng chỉ dừng lại ở một cách nghĩ, chị nghĩ: “Bị bệnh nằm trên giường, một xu cũng không kiếm được, thân thể không thể hoạt động tự do được thì có sống cũng không có ý nghĩa gì!” Sau đó chị ra khỏi y viện ấy, nhưng lại bị đưa vào một y viện khác, trong khoảng mấy tháng vì quá buồn khổ, cho nên khối u phát triển rất nhanh, chị lại phải giải phẫu lần nữa.

Lần nọ, đại động mạch của chân chị bị vỡ, máu chảy thật nhiều, tuôn tràn không cầm lại được, người ta phải bắt đết dĩ cưa chân chị! Quý vị nghĩ xem: một phụ nữ vừa trẻ vừa đẹp thì thử hỏi có ai có đủ bình tĩnh để tiếp nhận một sự thật tàn nhẫn và phải làm người thiếu mất một chân? Nỗi khổ trong lòng chị chúng ta có thể hiểu được.

May thay bên cạnh chị có một cô y tá có học Phật ở Lâm Úc Phân biết được bệnh tình của chị, nên từ bi khuyến khích chị học Phật. Khi chị đi trị liệu cho khỏe trở lại thì gặp Lão Hòa Thượng Quảng Hóa cũng đang được điều trị tại y viện. Chị thấy lão Pháp sư đi đứng cũng khó khăn, phải chống gậy. Tuy vậy mà lão Pháp sư vẫn đầy đủ phong thái trang nghiêm của bậc tu hành, hoàn toàn không phải vì đi khập khiễng mà sinh phiền não. Chị bỗng nghĩ: “Hoàn toàn không phải chỉ mình ta bị què chân! Lão Pháp sư tu hành như thế cũng phải chống gậy”, cho nên chỉ thỉnh giáo Lão Pháp sư. Lão Pháp sư kể chuyện của chính ngài cho chị nghe: hồi chưa xuất gia, ngài phục vụ trong quân đội, ngài rất thích ăn thịt, đến đâu ngài cũng tìm gà vịt để ăn. Về sau, có lần ngài nhìn thấy bọn gà vịt, thậm chí cả chó ngựa đến đòi mạng, sắp hàng từ trên núi đến trạm xe dưới núi. Ngài biết rằng trước đây mình đã sai lầm, vì ham ăn ngon mà không nghĩ đến nỗi khổ của các động vật bị chết, vì vị ngon của chiếc lưỡi dài chưa đến ba tấc của ngài mà ngài chẳng tiếc gây sợ hãi chết chóc cho các động vật. Lão Pháp sư bảo rằng ngày nào ngài chịu khổ là do báo ứng nhân quả. Biết đó là nhân quả thì phải hoan hỷ mà trả nợ, sám hối, sửa đổi lỗi lầm mà chịu khổ, chịu khổ đến khi trả xong nợ gọi là “chịu khổ cho hết khổ”. Một lần chịu khổ thì có thể mất đi một phần cái khổ do mình gây ra. Lão Pháp sư còn bảo chị niệm Phật, tụng kinh để chuyển biến nghiệp lực, dùng sức công đức của việc niệm Phật tụng kinh để giải hóa mọi tội nghiệp. Sức niệm Phật giống như hơi nóng của mặt trời, tội nghiệp giống như băng tuyết. Mặt trời có thể chiếu và làm băng tuyết chảy mà biến thành “nước còn g đứ”. Tâm niệm Phật càng chân thành thì giống như nhiệt độ của ánh sáng càng tăng, băng tuyết càng mau tan thành băng tuyết, các tội lỗi nặng nề, khổ ải vốn có, nhờ sức của “tâm” niệm Phật và sức của “Phật” mà tiêu tan rất nhanh chóng, rất dễ dàng! Nếu ta càng hoan hỷ cam tâm trả nợ, người đòi nợ thấy thế sẽ an tâm vui vẻ; nếu ta càng không bằng lòng, không vui vẻ trả nợ, người đòi nợ thấy thế càng giận càng nóng nảy! Chúng ta có thể tự hiểu, nếu người ta thiếu tiền chúng ta, đáng lẽ là phải trả cho chúng ta thì người ta lại bảo trả nợ thật cay đắng và không muốn trả, như vậy chúng ta nghĩ thế nào? Có thể chúng ta cảm thấy người ấy thật vô lý và quyết đòi người ấy phải trả đủ vốn lại thêm cả tiền lời. Trái lại, nếu người ấy rất nỗ lực, rất vui vẻ muốn sớm trả nợ cho chúng ta, thì phải chẳng chúng ta phải tìm cách bức bách người ấy? Trong lối suy nghĩ của chúng sinh tức là “tâm chuyển động tâm”, cũng chính là tâm niệm của

chúng ta ảnh hưởng đến người khác, làm chuyển động tâm niệm của người khác, tâm của người khác cũng có thể chuyển động tâm của chúng ta. Cho nên chúng ta nên dùng tâm tốt, tâm hoan hỷ từ bi mà làm sinh khởi tâm từ bi hoan hỷ của mọi người.

Trong thời gian cùng với Lão Pháp sư chữa trị phục hồi sức khỏe, chị Vương Tuyết Cầm được Lão sư khai thị, lại thấy Lão Pháp sư trong lúc đang khổ vì bệnh mà vẫn ”không nỡ nhìn chúng sinh khổ, không nỡ nhìn thanh giáo bị suy tàn”, luôn luôn nỗ lực, hoàng pháp. Lòng từ bi, sự tín nguyện của Pháp sư là hành động thực tế hơn bất cứ ngôn ngữ nào, đã có sức làm chị cảm động chị mới làm lắng xuống nỗi bất bình, bức bối vì cái chân què của chị.

Chị nỗ lực phấn đấu để rời giường bệnh, ngồi trên xe lăn, lại phấn đấu rời khỏi xe lăn, tự mình chống gậy đứng lên, bước ra cửa, lại bắt đầu làm mọi công việc của gia đình, thậm chí có thể giúp đỡ chăm sóc bà và mẹ đã già lại đang bệnh. Lần đầu chị cố gắng đi chợ mua thức ăn, bị người ta cười nhạo cái chân què của chị, chị không chịu được, phải khóc mà trở về nhà! Nhưng điều đáng quý là chị không dừng lại ở chỗ bị thương khóc lóc, chị lại dũng cảm đứng lên mà ra đi! Khi chị bị người ta dùng lời châm chọc, chị quyết tâm trồng một đóa sen, không vì thế mà khổ sở, trí tuệ của chị lại phát sinh, chị nắm lấy từng cảnh ngộ mà người khó chịu đựng được để tự mình sám hối nghiệp chướng, đồng thời khuyên người ta hành thiện, niệm Phật.

Có lần, chị gặp một em nhỏ trong chợ, em hỏi chị: “Di Oi, sao di thiếu mất một chân?” chị nhân cơ hội đó mà khuyến hóa em: “vì di làm quá nhiều điều không tốt, cho nên bị báo ứng mà thiếu mất một chân. Vậy em chớ làm điều không tốt, nên hiếu thuận với cha mẹ, cố gắng học hành.” Chị còn khuyên em nên niệm ”A Di Đà Phật”.

Trước kia có người nghe nói ăn rết thì có thể trị được bệnh ung thư, bèn có hảo ý khuyên chị ăn rết, hy vọng chị dễ lành bệnh. Chúng ta đều biết, dùng rết làm thuốc thì trước hết phải cắt hết chân rết. Một hôm chị nhìn thấy con rết bị cắt chân thì rất cảm động.”Đây há chẳng giống ta sao? Một chân bị mổ mười mấy lần, kết quả là phải bị cưa!” Nỗi đau của con rết cũng giống nỗi đau của chị, nỗi đau của chị cũng giống nỗi đau của con rết. Chúng ta không nên xem tính mạng của chúng sinh khác là nhỏ bé mà không xem trọng, chúng cũng có xương thịt, da như chúng ta. Người xưa có bài thơ:

Chớ bảo quần sinh tánh mạng nhỏ
Cũng là xương thịt, cũng là da
Khuyên ai chớ hại chim trên ngọn
Trong tổ chim con gọi mẹ về.

Khuyên mọi người không nên hại chim nhỏ trên cành, vì chim nhỏ cũng có con ở trong tổ đang chờ mẹ về ... chị Vương hiểu được điều ấy, nên chị không dùng loại thuốc rết kia, chị quyết trả nợ nghiệp mà không chịu bệnh khổ, chớ không đành làm hại rết, vì quả báo rết cuộc rồi cũng sẽ đến với chính chị. Thật ra, dù có ăn rết hoặc ăn các loại cá thịt khác cũng không thể bảo đảm chị không bị bệnh khổ mà sống thọ trăm tuổi, cần gì phải gia hại nhau trên đường luân hồi chứ!

Chị đã trải qua trăm ngàn khổ đau, rồi bỗng sinh khởi tâm bi mẫn, khiến chị chống gậy chịu đựng những cơn đau ngực, khó thở, tim đập nhanh sau khi phẫu thuật phổi, tinh thần vẫn vững vàng, đến thăm những bệnh nhân bị ung thư như chị, đem những kinh nghiệm của chính mình

mà khích lệ họ. Thậm chí chị còn tự mình nấu trái táo đỏ, mang thức ăn điễm tâm đến y viện cho các đồng bệnh, khuyên mọi người hãy nêu cao lòng tin, dũng khí mà niệm Phật, phá bỏ mọi khó khăn. Có lúc nhân viên y tá trong y viện gặp phải những người bệnh quá sa sút tinh thần, sợ hãi không thể hợp tác với họ, họ cũng nhờ chị giúp đỡ. Có lần họ nhờ chị khuyên một người bệnh sau khi mổ sợ đau mà không chịu bước xuống giường để đi đứng hoạt động, chị liền chống gậy đến, người bệnh ấy thấy chị đến thì nói: “tội nghiệp, què chân mà cũng đi!” chị nghe xong bèn khéo léo đáp: “Tội nghiệp có chân mà không đi được!” sau đó chị kiên nhẫn khuyên khích người bệnh đi đứng hoạt động. Người bệnh thấy có người khổ hơn mình mà như thế, lại từ bi đến khuyên mình, hồ thẹn mà phấn chấn lên. So với chị, trên thế giới này quả không ít người” tuy có chân mà không đi theo con đường tốt”, cũng có rất nhiều người đáng thương” tuy có chân mà không chịu đi”!

Không những chị chống gậy đến giúp đỡ người khác, chị còn cố gắng chống gậy đi nghe Kinh, nghe Pháp, ở nhà với một chân chị làm việc để kiếm tiền, sang băng Phật pháp gởi cho người khác. Điều đáng quý là chị nghĩ: “chẳng lẽ ta chỉ có một chân mà không lạy Phật được ư? Ta không tin thế! Nhất định ta sẽ luyện tập!” mới đầu, chị nhân lúc đêm khuya vắng người, chị bò đến và dùng một chân mà cố gắng lạy Phật. Lúc đầu vì quá yếu sức sau cuộc giải phẫu và trị liệu hoá học, mới lạy có ba lạy chị đã thở dốc, đầu choáng váng cơ hồ đứng không nổi, nhưng ngày nào chị cũng cố gắng như thế. Sau đó chồng chị rất từ bi, ngày nào cũng giúp chị luyện tập, dần dần chị kéo dài được thời gian và số lần lạy Phật. Khi tôi thấy chị bỏ gậy, dùng một chân mà đứng vững vàng, chấp tay và quỳ xuống, đầu mặt chạm chân mà lễ Phật, thì quả thực tôi không ngăn được những giọt lệ vui mừng, kính phục tán thán.

Vì để cảm tạ lòng từ bi của Đức Phật A Di Đà, cảm tạ ân huệ mà chúng tôi từ thuở nhỏ đã thọ nhận, chúng tôi mong muốn được bái sơn. Do đó chị càng cố gắng luyện tập. Không dùng gậy làm sao mà bái sơn được? Đó là đánh lễ lạy xuống, sau khi đứng lên, dùng một chân nhảy tới trước một bước, rồi lại lạy xuống. Chúng tôi cười mà nói: “hai người chúng ta tuy có thể ngã nghiêng nhưng lại hưởng được lạc thú ngã nghiêng trong lòng Đức Phật Di Đà, ngã trên mặt đất bầy bấu mịn màng của thế giới Cực Lạc, đó cũng là một điều hạnh phúc; bái sơn mà bị té ngã, cũng là ngã nơi cõi tịnh của Đức Phật A Di Đà, cũng như đứa bé tuột trước ngực, nằm trong lòng mẹ. Chỉ cần đầy đủ lòng tin và cảm ân, thì đường đi có gập ghềnh khó khăn cũng sẽ biến thành ngọt ngào đẹp đẽ.” Nói xong chúng tôi cùng nhau bái sơn. Chị không cầm gậy, dùng một chân mà lạy, chí thành đánh lễ một lạy, dùng một chân mà đứng lên, nhảy tới trước mặt một bước, rồi lại lạy xuống. Chị lạy rất thích thú, nhưng vì đường núi càng lúc càng lên cao, có đoạn gập ghềnh hiểm trở, chị phải dùng một chân nhảy tới trước thật là khó khăn, phải té ngã! Các vị lạy phía sau thấy chị lạy cố gắng, chân thành như vậy thì cảm động đến phát khóc! Pháp sư đạo trường thấy chị ngã, không chịu được liền chạy tới đỡ chị đứng lên. Chị vẫn rất kiên cường, rất vui vẻ mà tiếp tục lạy cho đến đỉnh núi, đem công đức bái sơn mà hồi hướng cho tất cả chúng sinh rời khổ được vui, đồng thời hồi hướng cho tất cả các bệnh nhân mắc chứng bệnh ung thư có được sức mạnh dũng cảm, kiên cường, an lạc!

Chị Vương có hai đứa con, một trai một gái, đang học tiểu học. Một hôm chị đến trường để tham gia hội phụ huynh, bạn đồng học của đứa bé cười chế nhạo chị, đồng thời cũng cười nhạo con chị: “Hà hà Hà, mẹ bạn què chân!” Đứa bé bị cười nhạo ấy lấy làm khổ sở, về nhà thì buồn bã chuyển sang giận dữ, bảo chị lần sau đừng đến trường khiến cho nó bị mất mặt! Nỗi khổ này chị cũng có thể niệm Phật, an tâm mà qua được. Sau đó tôi biết được mới khuyên con chị:

“Mẹ của cháu là Bồ Tát (cư sĩ Phật tử), tuy bị thiếu một chân, nhưng mẹ cháu lại dũng cảm bước ra giúp đỡ người khác, mẹ cháu còn vĩ đại hơn những người có đầy đủ hai chân mà không biết vận dụng cho tốt. Cháu nên trân quý người mẹ vĩ đại của cháu. Mẹ cháu phải chống gậy mà vẫn có thể chăm sóc cháu, đến trường lo lắng cho cháu. Mẹ cháu đáng tôn kính hơn rất nhiều người mẹ không làm tròn trách nhiệm. Sau này mẹ cháu đến trường, cháu có thể tự hào giới thiệu với các bạn đồng học: “Đây là người mẹ dũng cảm, vĩ đại, từ bi của tôi!”, cháu chớ vì mẹ cháu què chân mà có ý nghĩ không tốt!”

Có người cười nhạo chị: “Đức Phật của các chị vốn không bảo hộ chị, nếu không như thế thì sao chị bị què chân?” Chị đáp: “Đức Phật rất từ bi, dù tôi đã tạo nghiệp mà bị què chân, ngài cũng vẫn tiếp nhận tôi, hoan nghinh tôi, hộ trì tôi.”

Chị còn bảo tôi, chị rất cảm tạ mẹ và chồng, không bài xích người phụ nữ cụt chân như chị, mà lại càng chăm sóc chị nhiều hơn. Tôi đã từng thấy nhiều gia đình, vì chăm sóc người bệnh quá lâu mà sinh lòng buồn chán, cho nên tôi rất tôn kính gia đình chị, đã có đức tính tốt đẹp, sẵn sàng chăm sóc chị trải qua 22 lần mổ mà vẫn thành khẩn, từ ái, kiên trì. Giả như bạn đã từng đứng ngoài phòng mổ chờ người thân đang được mổ thì bạn mới có thể hiểu được cái cảm giác của con kiến trong nồi nóng, sự sốt ruột chờ bác sĩ tuyên bố và nổi bần hoàng sợ hãi của lúc sinh ly tử biệt, tâm linh bị ray rứt biết đường nào!

Người chồng đáng kính của chị trải qua hai mươi lần chị bị mổ cũng không oán trời, trách người, mà chỉ nói với chị: “có lẽ đời trước chúng ta đều làm việc xấu, em là chủ mưu, anh là trợ thủ, cho nên đời này em phải chịu đau đớn vì bị mổ, anh cũng phải chịu khổ sở, lao đao.”

Tuy đó là một câu nói ngắn, nhưng là lời nói tin chắc nhân quả, cũng hàm chứa sự sám hối nghiệp chướng và thừa nhận”từ đời trước đến nay tất nhiên có nhiều sai trái”, không giống như nhiều người khác, hễ gặp hoàn cảnh khó khăn thì đều cảm thấy”mình rất lương thiện sao lại khổ thế này? Quả là trời không có mắt, Phật tổ không bảo hộ” đi đâu cũng oán trời, trách người, suốt ngày sầu khổ không dứt”. Thật ra nếu muốn biết đời trước thì hãy xem những gì mình phải chịu nhận trong đời này; nếu muốn biết tương lai của chúng ta, thì hãy xem những gì mình làm trong hiện tại. Chồng chị đã có suy nghĩ như thế, chính là hoan hỷ tiếp nhận, bình tĩnh cam tâm tiếp nhận, đó chính là có trí tuệ.

Sau khi họ tin Phật, cứ mỗi lần gặp lúc chị bị mổ, họ lại khẩn thiết niệm Phật, có lẽ là lúc bị vùi dập giữa biển lớn sinh tử, bốn bề mê mông họ mới thể nghiệm được: Trong lúc không có nơi tựa thì chỉ có Đức Phật A Di Đà là chỗ nương tựa của chúng ta, ánh sáng của cái tâm thành khẩn, tha thiết mới toả sáng lên. Chồng của chị đầy vẻ thành khẩn mà nói cho tôi biết: Tất cả đều là sự gia bị của Đức Phật và Bồ Tát. Anh đã hai lần đứng ngoài phòng phẫu thuật mà niệm Phật, anh đều cảm thấy sự cảm ứng không thể nghĩ bàn.

Trải qua bấy nhiêu lần phẫu thuật tinh thần chị vẫn phấn chấn. Thay vì dùng thời gian để làm việc cho mình, chị lại đi khuyến khích những bệnh nhân khác, khuyên bảo họ niệm Phật, không nên sát sinh. Những người lớn tuổi và những người thân không nhẫn tâm để chị phải mệt nhọc như thế, nên không muốn cho chị đi. Chị nói với tôi: “Tôi rất sám hối vì đã khiến cho các bậc trưởng bối phải nhọc lòng”, nhưng chị lại dũng cảm, quyết tâm nói: “Thực ra không có người mắc bệnh chăm sóc người bệnh, thì rất khó hiểu được sự cảm thọ thực tế của người bệnh. Tôi bị bệnh đã lâu, tự thân đã trải qua bao nhiêu thống khổ, có lẽ kinh nghiệm này có thể an ủi, giúp đỡ một số người! Tôi rất may được học Phật, chỉ mong đem Phật pháp đã nghe được đến cho các đồng bệnh. Tuy trong đau khổ, tôi cũng có lòng buồn phiền rối loạn, niệm Phật cũng

không niệm được, nhưng dù tôi chịu lắm khổ, lắm sầu như thế, tôi cũng quyết tu học”. Tôi tự bảo: “Đến nay mình vẫn chưa tu tập để hồi hướng cho sư phụ đã dẫn đạo Phật học. Do đó tôi bèn dần tâm phiền não, cố gắng tu tập niệm Phật, tụng kinh. do nỗ lực như thế, tự nhiên tâm tôi trở nên bình tĩnh, không phiền, không khổ!” chị vốn muốn hồi hướng cảm tạ báo đáp sư trưởng, thiên tâm sinh khởi lại thêm niệm Phật, nên tự chị được bình tĩnh an lạc. Chị lại nói: “giờ đây tôi không cầu mong Phật, Bồ Tát bảo hộ cho tôi được khỏi bệnh, chỉ mong được Phật lực gia bị khiến tôi có dũng khí, trí tuệ phá tan những khó khăn và giúp người khác phá tan những khó khăn.”

Thánh hiệu A Di Đà Phật tuy chỉ có bốn chữ, đâu có khó niệm, người người đều niệm được. Điều khó khăn là dù gặp phải những thử thách trong đời, vẫn đủ kiên trì mà niệm, hiểu được tâm đại bi của Đức Phật A Di Đà mà liên tục niệm! Từ trước đến nay chỉ có chúng ta là cô phụ bàn tay đuôi ra của Đức Phật A Di Đà, chứ Đức Phật A Di Đà không hề cô phụ chúng ta!

Cảnh nhà của vợ chồng chị không giàu có gì, sau khi chị bị cưa chân, chồng chị tìm cách dành một khoản tiền làm chân giả cho chị. Chị lại nói: “Giả như anh có đủ mười vạn thì hãy cho tôi tiền để tôi tự dùng.” Chị nói với tôi: “Giả có mười vạn thì tôi muốn bỏ thí hết, vì một chân kia cũng rất hữu dụng, tôi muốn đem cái chân kia để bỏ thí!” chị chỉ vào hai cây nến mà nói: “Tôi không hề thiếu một chân, trái lại tôi còn có thêm một chân, tôi có thêm một chân Phật pháp!” Chị nói như thế sau khi khỏi u lan tới phổi chị và phải mổ, phải trị liệu hoá học. Nét mặt hồng hào và tươi cười của chị khiến cho người khỏe mạnh cũng không bì được chị. Một vị Hoa kiều tại Mỹ Quốc (cũng là một bệnh nhân ung bướu) nghe câu nói ấy của chị Vương thì rất cảm động, liền rơi nước mắt mà nói: “Tôi muốn gửi cho chị ấy một chân (chân giả)”, nhưng chị Vương vẫn bằng lòng với một chân, chị muốn đem tiền làm chân giả để bỏ thí.

Bỏ thí tiền bạc đã không dễ, bỏ thí một cái chân lại càng khó hơn! Phần lớn người đời vì muốn béo bở cho mình mà chặt chân của chúng sinh để ăn, chỉ muốn chúng sinh bỏ thí chân cho mình, chứ đâu muốn bỏ thí chân mình cho chúng sinh?

Chị nói: “Tuy không có tiền, nhưng sau khi tôi bị cưa một chân, gia đình tôi trở nên ảm áp hơn”. Ngoài niệm Phật thì ngay ở đời này cũng có thể sống trong không khí của thế giới tịnh độ cực lạc.

Để khuyến khích chị đọc kinh A Di Đà, tôi giao ước với chị: “Khi nào chị thuộc kinh A Di Đà, chúng tôi sẽ cùng chị đi bái sơn, hồi hướng cho những người bị bệnh ung bướu”. Do đó cả nhà chị đều giúp chị học thuộc kinh A Di Đà. Đứa con gái của chị đang học tiểu học khuyến khích chị: “Má, nếu má đọc thuộc kinh A di Đà không sai một chữ thì con sẽ thưởng cho má năm trăm đồng”. Thế là chị tay vừa làm, đồng thời học kinh hoặc niệm Phật, đến tối khi cả nhà trở về, chị đọc kinh cho mọi người nghe. Đến hôm chị đọc thuộc không sai chữ nào, chị nói: “cả nhà ta vui vẻ biết dường nào!” Trong khi chị đọc kinh, tay vẫn làm việc, kể cả tiền thưởng cộng được bốn nghìn, đem cúng dường Tam Bảo.

Trong khi chị mắc bệnh ung thư quan trọng như thế, cả nhà chị cùng hướng đến quang minh, vui vẻ sinh hoạt, quả không đơn giản. Chị nói: “Giả như ngày ngày tôi nằm trên giường rên la kêu khổ, người chăm sóc cũng rất bức xúc và khổ đau, dù đi học cũng không thể an tâm, sau đó cũng sẽ buồn phiền, cho nên tôi phải kiên cường, vui vẻ mà tự săn sóc mình để mọi người yên tâm mà có lòng tin!” Thật vậy, tự mình kiên cường vui vẻ chính là từ bi đối với người.

Hầu như không một bệnh nhân ung bướu nào tránh được áp lực kinh tế. Có người biết tình trạng của chị, nên đề nghị chị cùng mở điểm trò chơi điện tử (nghe nói thu nhập rất cao). Chị

bảo tôi: Chị muốn biết chồng chị nghĩ thế nào, bèn cố ý hỏi ý kiến của anh ấy, kết quả khiến mọi người an tâm, chồng chị nghiêm nghị nói với chị: “Chúng ta là người niệm Phật, chính mình còn sợ trò chơi điện tử hấp dẫn, sao lại có thể làm hại con cái người khác!” Tôi nghe xong liền không khỏi muốn chấp tay đánh lễ họ, vì họ đang trong lúc chịu khổ nạn mà tâm địa vẫn an tịnh như thế, vẫn đi con đường cao khiết thơm tho như thế! Nhiều gia đình bị ung bướu mà lâm vào cảnh tăm tối, còn cả nhà chị thì nhân bệnh ung bướu mà hướng tới Phật, học Phật, biến lửa rục thành sen hồng thơm ngát, đáng làm tiêu bản cho mọi người đang chịu khổ.

Có một bác sĩ đã hiểu rõ bệnh tình mười năm của chị, nên cảm khái nói: “Đây quả là hạng quốc bảo!” Lại có một bác sĩ nói với chị: “Đáng lẽ chị đã chết từ lâu, vì sao đến nay vẫn còn sống chứ?” Hơn nữa thể trọng của chị từ 34 kg tăng lên thành 50 kg, lại còn sống rất khỏe mạnh. Bác sĩ hỏi chị: “Rốt cuộc chị uống thuốc gì?” Chị nói: “Tôi chẳng uống thuốc gì cả, tôi chỉ niệm A Di Đà Phật.”

Có người thấy chị chóng hai cái nạng mà đi chợ, bèn nói với chị: “chị thiếu một chân mà còn đi mua thức ăn à?” Chị nói: “tôi có thêm một chân chứ không phải thiếu đi một chân!” Lại có người hỏi chị: “Vì sao chị có thể ra khỏi cửa?” Chị đáp: “Đại khái là do Đức Phật A Di Đà và sự phụ cho tôi sức lực!”

Trông thấy hình ảnh hai vợ chồng chị khắc phục mọi thứ gian nan, bất tiện, lại còn thương xót muốn cùng nhau giúp đỡ những người bệnh, tôi nghĩ đến tinh thần Bồ Tát” chỉ muốn chúng sinh được rời khổ, không mong cầu an lạc cho mình”.

Chúng ta rất muốn cùng với mọi người đang gặp khó khăn cùng thương thức hai bài thơ nhỏ này:

“Khi bạn đang khóc
Hãy biết tôi cũng đang nhỏ lệ
Khi bạn đang vui
Hãy biết tôi cũng đang hoan hỷ,
Bất kể lúc nào và ở đâu,
Trong tín tâm niệm Phật,
Chúng ta mãi bên nhau
Và bên Đức Phật, Bồ Tát.”

“Khi bạn đang một mình,
Chớ nghĩ mình cô đơn,
Hãy nghĩ có hai người;
Khi hai người chúng ta bên nhau
Hãy nghĩ có ba người,
Vị kia chính là Đức A Di Đà Phật,
Bạn đi đến đâu
Phật theo bạn đến đó ...”

Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật Tịnh độ

Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ
Nhược hữu kiến văn giả
Tức phát Bồ Đề tâm
Tận thử nhất báo thân
Đồng sanh Cực Lạc quốc

- ¹. Bồ Tát: Ở đây chỉ người cư sĩ Phật tử tu theo hạnh Bồ Tát
- ². Đông Ki Sốt là nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết mang cùng tên của Cervantes, khờ khạo, yếu đuối, mộng tưởng nhưng chân thành, quyết làm theo lí tưởng tốt đẹp của mình để giúp đời.
- ³. Sư Thụ có nghĩa là chị em trong môn phái, trong đạo
- ⁴. Như đã chú thích trước đây, Bồ Tát ở đây chỉ cho vị cư sĩ Phật tử
- ⁵. Xin nhắc lại, từ “Bồ Tát” ở đây cũng như ở một số nơi khác, là nhằm chỉ cho người Phật tử tại gia, mang thế nguyện của vị Bồ Tát.